

# NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

## ĐẢNG XÃ-HỘI Ở NƯỚC PHÁP

Từ khi được tin quan Toàn-quyền Đông-Pháp mới ALEXANDRE VARENNE là một tay lĩnh-tụ trong đảng Xã-hội nước Pháp, các bạn đọc báo nhiều người viết thư hỏi về chủ-nghĩa, chương-trình, cách sắp-đặt, cách hành-động của đảng xã-hội ở nước Pháp thế nào. Sự ham biết đó rất là chánh-dáng ; bản-chí xin vui lòng kê-cứu trong các sách mà soạn ra bài lược-khảo về đảng xã-hội ở nước Pháp như sau này, để cống-hiến các độc-giả.

Trước khi xét về các đảng xã-hội, cần phải giải rõ về chủ-nghĩa xã-hội thế nào.

Chủ-nghĩa xã-hội (*socialisme*) có thể giải nghĩa như sau này : là một chủ-nghĩa muốn cải-cách cái chế-độ tài-sản để cho nhất-thiết người ta trong xã-hội đều được hưởng sự công-bằng.

Như thế thời chủ-nghĩa xã-hội trái với các phép kinh-tế tự-do cũ cho cái chế-độ tài-sản ngày nay là bất-di bất-dịch, cho những phương-pháp sinh-sản và giao-dịch trong trường kinh-tế bây giờ là những luật-pháp thiên-nhiên, không thể thay đổi.

Chủ-nghĩa xã-hội thời lại tuyên-bố rằng cần phải biến cái cá-nhân-tài-sản ra công-cộng-tài-sản, cần phải tổ-chức, phải qui-định các phép sinh-sản giao-dịch để thế vào sự tự-do-kinh-tế như

bây giờ, sự tự-do này các nhà lý-thuyết về chủ-nghĩa xã-hội cho là một cái tình-trạng nhiễu-loạn không gì bằng.

Câu giải nghĩa rất rộng đó có thể cai-quát được hết cả các lý-thuyết khác nhau trong chủ-nghĩa xã-hội. Cá-nhân-tài-sản nên biến làm xã-hội-tài-sản (*socialisation*) đến trình-độ nào và thuộc về phạm vi nào ? Cái chế-độ kinh-tế mới nên tổ-chức theo những phương-pháp gì ? Cái chế-độ kinh-tế cũ nên phá-hoại theo những kế-hoạch gì ? Đó là những vấn-đề mà các nhà làm sách về chủ-nghĩa xã-hội thường không đồng-ý nhau, thành ra muốn nói cho đúng thì thực ra có nhiều chủ-nghĩa xã-hội, chứ không phải có một mà thôi.

Tuy vậy, trước khi chiến-tranh, ở nước Pháp cũng như ở các nước khác, phàm những người công-nhiên theo về chủ-nghĩa xã-hội đã tổ-chức thành một cái đoàn-thể có kỷ-cương, có thế-lực, kết mối đồng-tâm về mấy cái chủ-kiến, mấy cách hành-động chung, cho nên ngày nay chủ-nghĩa xã-hội đã dời cội lý-thuyết mà ra trường chính-trị, và trong các chính-đảng ở các nước bây giờ đều có một đảng xã-hội, thế-lực càng ngày càng mạnh vậy.

Ở nước Pháp thời trước khi chiến-tranh các người theo về chủ-nghĩa xã-hội, tổ-chức thành một đảng gọi là « Hợp-nhất Xã-hội-đảng » (*Parti soci-*

*aliste unifié*), Chủ-nghĩa của đảng này là uyên-nguyên tự hai cái phong-trào tư-tưởng mà ra : 1<sup>o</sup> phong-trào cải-cách xã-hội của các nhà tư-tưởng Pháp về tiền-bán thế-kỷ thứ 19 ; 2<sup>o</sup> phong-trào của chủ-nghĩa Mã-khắc-tư (KARL MARX) nước Đức.

Cái lịch-sử xã-hội-chủ-nghĩa ở nước Pháp đã lâu lắm. Không suy-nguyên đến tận các nhà làm sách về chủ-nghĩa cộng-sản về thế-kỷ thứ 18, ngay năm 1797 đã có một người tên là BABEUF muốn thực-hành chủ-nghĩa xã-hội mà gây lên một cuộc âm-mưu cách-mệnh.

Đến đầu thế-kỷ thứ 19, nhân cái cơ-giới chủ-nghĩa cùng các đại-công-nghệ càng ngày càng phát - đạt, lại nhân xuất-hiện ra một bọn bình-dân lao-động, làm ăn khổ-sở, càng ngày càng nhiều, nên cái tư-tưởng xã-hội lại bành-trướng lên mạnh lắm : chính tiếng « xã-hội-chủ-nghĩa » (*socialisme*) cũng bấy giờ mới xuất-hiện ra. Mãi cho đến giữa thế-kỷ thứ 19, cái tư-tưởng xã-hội ở nước Pháp phát ra phong-phủ vô-cùng, sản ra vô-số những nhà trước-thuật chủ-trương cái tư-tưởng cải-cách, tư-tưởng cách-mệnh, mỗi người theo một phương-diện khác nhau, mà ảnh-hưởng trong xã-hội cũng không giống nhau.

Như những học - thuyết của SAINT-SIMON, của LOUIS BLANC, của PROUD'HON, của BLANQUI, mỗi người khuynh - hướng về một đảng, khó mà liên-lạc cho nhất-trí được. Song xét kỹ thời trong lịch-sử xã-hội-chủ-nghĩa nước Pháp cũng có thể phân-biệt được ba cái tư-tưởng tràn qua chủ-nghĩa Mã-khắc-tư nước Đức mà diên-man mãi tới ngày nay, ba cái tư-trào ấy có ba người tiêu - biểu, là : PROUD'HON, BLANQUI và LOUIS BLANC.

PROUD'HON là người trước nhất muốn tìm cách dạy cho bọn thợ có cái « quan-niệm về giai-cấp » (*la conscience de classe*). Ông hết sức chỉ bảo cho các

giai-cấp lao-động trong xã-hội biết rằng mình có một cái lý-tưởng phải thực-hành, lý-tưởng ấy khác với lý-tưởng của cấp trung-lưu theo về chủ-nghĩa cộng-hòa, và lý-tưởng ấy chuyên-chủ về đường kinh-tế, không chuyên-chủ về đường chính-trị. Ông dạy cho kẻ thợ-thuyền không nên tin ở chính-phủ giữ quyền độc-đoán mà phải tự-lực mình tìm phương giải-thoát lấy mình. Ông phản-đối cái chủ-nghĩa cộng-sản cách-mệnh, cho rằng kẻ lao-động cần phải lập thành đoàn-thể hiệp-lực cộng-tác thời mới giải-quyết được cái vấn-đề xã-hội. Ảnh-hưởng của học-thuyết PROUD'HON nay còn mạnh, đối với cái chủ-nghĩa xã-hội về chính-trị ít mà đối với cái phương-pháp tổ-chức về kinh-tế của bọn lao-động nhiều (như chủ-nghĩa đồng-nghiệp-liên-hợp, chủ-nghĩa hiệp-lực cộng-tác). Ảnh-hưởng ấy từ sau khi chiến-tranh đến giờ, xem chừng lại tăng-tiến hơn trước, có ý phản-kháng với chủ-nghĩa Mã-khắc-tư.

BLANQUI thời là đại-biểu cái lịch-sử cộng-sản-chủ-nghĩa, cách-mệnh-chủ-nghĩa, khởi-nguyên tự BABEUF. Trái với PROUD'HON, lại chú - trọng về vấn-đề chính-trị : muốn cách-mệnh về xã-hội, phải cách-mệnh về chính-trị trước, chủ-nghĩa cộng-sản là kết-quả tự-nhiên của chủ-nghĩa dân-chủ. Cấp lao-động phải tổ-chức thành chính-đảng để hết sức chiến-đấu với cấp trung-lưu (*bourgeoisie*). Xã-hội cách-mệnh phải làm bằng cách bạo-động, cấp lao-động phải nổi loạn lên, đánh cho thủng các cấp cầm quyền, rồi tự mình ra thế lấy chân tạm đặt cái chính-thể « lao-động-chuyên-chế » (*dictature du prolétariat*) để dần dần đem cái chế-độ mới thay vào chế-độ cũ. Học-thuyết BLANQUI còn di-truyền mãi tới nay, có mấy tay hoạt-động lão-luyện trong « xã-hội-đảng » (*Parti socialiste*) như EDOUARD VAILLANT làm đại-biểu. Nhưng mà những phương-pháp của học-thuyết ấy chủ-trương nay đã

thành ra trần-hủ rồi, thuyết ấy hiện đã hỗn-hợp với chủ-nghĩa Mã-khắc-tư, vì thuộc về các điều cốt-yếu thì hai bên cũng không khác gì nhau.

LOUIS BLANC cũng như BLANQUI cho chủ-nghĩa xã-hội cùng với chính-thể cộng-hòa và chủ-nghĩa dân-chủ là mật-thiết-quan-hệ với nhau, không thể phân-lia ra được. Nhưng ông không muốn cho các giai-cấp xung-đột nhau, tránh sự « giai-cấp chiến-tranh » (*la lutte des classes*), muốn lấy quyền chính-phủ can-thiệp vào, đặt ra luật-lệ bảo-hộ cho kẻ lao-động, trợ-cấp cho các công-đoàn, để giải-quyết cái vấn-đề xã-hội một cách hòa-bình ổn-thỏa. Trong chủ-nghĩa xã-hội ngày nay không mấy người công-nhiên theo học-thuyết của LOUIS BLANC nữa. Song cái khuynh-hướng của học-thuyết này vẫn chưa mất hẳn: khuynh-hướng này là khuynh-hướng của các nhà xã-hội ôn-hòa muốn dùng sự vận-động ở Nghị-viện để dần dần bãi bỏ cái « chế-độ làm thuê » (*salariat*). Chủ-nghĩa xã-hội của LOUIS BLANC có giống với chủ-nghĩa cấp-tiến (*radicalisme*), và có cái tính-cách tiến-bộ cải-cách.

Xem như thế thì biết cái chủ-nghĩa xã-hội ở nước Pháp về năm-mươi hay sáu-mươi năm đầu thế-kỷ thứ 19, đã khuynh-hướng ra lắm đường khác nhau. Tự cái thuyết « vô-chính-phủ » (*anarchisme*) của PROUD'HON đến cái thuyết « duy-chính-phủ » (*étatisme*) của LOUIS BLANC, lại tự cái khuynh-hướng tiến-bộ cải-cách của hai phái ấy, đến cái khuynh-hướng phá-hoại cách-mệnh của phái BLANQUI, đường đất kẻ cũng cách xa nhau lắm. Tuy vậy, dầu các thuyết ấy khác nhau, có khi trái nhau nữa, nhưng đều có một tính-cách chung: là thuyết nào cũng có cái khuynh-hướng duy-tâm (*idéalistes*), thuyết nào cũng lấy điều đạo-lý làm gốc. Các nhà xã-hội nước Pháp yêu-cầu cho kẻ lao-

động được giải-phóng, là tin-rằng sự giải-phóng ấy là hợp với lẽ công-bằng. Muốn cho đạt tới mục-dịch, thời cổ truyền-bá cái lòng tin-tưởng ấy vào trong bình-dân công-chúng. Nói tóm lại thời cái tinh-cách chung của chủ-nghĩa xã-hội nước Pháp là tinh-cách duy-tâm.

Đến hậu-bán thế-kỷ thứ 19 thời chủ-nghĩa xã-hội ở nước Pháp không có nhà tư-tưởng nào đặc-sắc nữa. Cái đước xã-hội chuyển sang tay người Đức và học-giả nước Đức Mã-khắc-tư (MARX) một mình đứng tiêu-biểu cho cả thời-kỳ này. Không phải là cái học-thuyết của họ Mã là hoàn-toàn mới-mẻ đầu; phần nhiều các ý-kiến của ông diễn-giải ra, đã phôi-thai trong sách-vở của các học-giả Pháp trước rồi. Nhưng ông có tài phát-biểu những ý-kiến ấy một cách rõ-rệt, kết-cấu lại thành thống-hệ, có mạch-lạc rõ-ràng, có lý-luận xác-dáng, khiến cho các nhà theo về chủ-nghĩa xã-hội, không thể không chịu phục mà thừa-nhận vậy.

Trái lại với các nhà xã-hội nước Pháp, họ Mã muốn bỏ cả cái khuynh-hướng duy-tâm và dựng ra một cái chủ-nghĩa xã-hội theo phép cách-tri (*soci-alisme scientifique*), chỉ căn-cứ ở sự kinh-nghiệm, sự thực-tế mà thôi. Họ Mã dựng ra cái học-thuyết của mình là khởi tự một cách kiến-giải riêng về lịch-sử gọi là « duy-vật-chủ-nghĩa về lịch-sử » (*matérialisme historique*). Theo cách kiến-giải đó thời trong lịch-sử loài người nhất-thiết là thuộc về những nguyên-nhân kinh-tế cả, và nói riêng về các hình-trạng chính-trị cũng chẳng qua là vang-bóng của các hiện-tượng kinh-tế mà thôi. Cách sinh-sản và tiêu-dùng các tài-sản, đó là cái nguyên-động-lực của sự tiến-hóa các xã-hội trong loài người.

Vậy thời việc cốt-yếu trong lịch-sử là sự « giai-cấp-cạnh-tranh », tức là các đảng có của với đảng không có của,

đảng phải làm-lụng khó-nhọc với đảng được hưởng sự làm-lụng của người ta: chúa nhà với đầy-tớ, chủ ruộng với nông-nô, tư-bản với lao-động, hai bên tranh-danh nhau. Phàm những cuộc cách-mệnh về chính-trị đời xưa, kỳ-thực là cách-mệnh về xã-hội cả. Vì là do đảng bị áp-chế trước nổi lên chiếm lấy quyền-bính và thế-chân đảng áp-chế cũ để chủ-trương sự sinh-sản tài-sản trong xã-hội. Như về cuối đời Phong-kiến, bọn trung-lưu có tư-bản nổi lên chiếm lấy quyền của bọn quý-phái đã suy-sút, cũng bởi một lẽ đó.

Ngày nay, nhân vì đại-công-nghệ mỗi ngày một bành-trướng, kết-quả đến tập-hợp tư-bản vào tay một số ít người, và gây thành ra một đảng lao-động càng ngày càng nhiều; kẻ tư-bản lũng-đoạn cả các cơ-quan sinh-sản tài-sản, thành ra một bọn quý-phái mới như đời Phong-kiến, bắt kẻ lao-động phải làm-lụng không những để tự-cung cho mình mà lại để cung-cấp cho kẻ có của nữa. Vậy thời người thợ làm-lụng ngày nay là phải làm lạt ra một phần (*un surtravail*) để làm lợi cho kẻ tư-bản. Cách làm ăn như thế thời thường sinh ra « sản-xuất quá-da » (*surproduction*), nhân đó kẻ thợ-thuyền lắm khi phải đình-công và chịu cơ-hàn khổ-sở.

Nhưng mà cái chế-độ tư-bản đó, tự nó đã mang cái nguyên-nhân diệt-vong ở trong rồi. Bọn tư-bản vốn là bọn trung-đẳng giai-cấp (*bourgeoisie*), nhưng tư-bản càng ngày càng tập-hợp vào tay một số ít người, thời bọn trung-đẳng càng ngày càng sa-sút đi, đến như bọn lao-động thời lại càng ngày càng nhiều ra và càng biết giữ-gìn quyền-lợi của mình, như thế là « bọn trung-đẳng tự đào mồ để chôn mình » (*la bourgeoisie produit ses propres fossoyeurs*). Bọn lao-động dần dần hiểu rõ rằng trong xã-hội ngày nay cái công sinh-sản tài-sản là công chung mà cái quyền

chiếm-hữu tài-sản là quyền riêng, như thế là trái lẽ phải, là không công-bằng. Đến ngày bọn lao-động biết tổ-chức thành đoàn-thể có thế-lực, thời sẽ chiếm lấy chủ-quyền, bỏ cái quyền sở-hữu riêng đi mà đặt ra những phương-pháp sinh-sản và giao-dịch chung, để giải-quyết cái tình-trạng bất-công bất-chính đó. Tự bấy giờ thời sự sinh-sản tài-sản không phải chỉ lợi riêng cho số ít người nữa, mà là lợi chung cho hết thảy.

Xem như thế thời cái lý-thuyết đó không có một cái quan-niệm duy-tâm gì cả. Lý-thuyết đó chủ-trương rằng có ngày chủ-nghĩa xã-hội sẽ toàn-thắng, không phải là tin rằng chủ-nghĩa ấy thực-hành được một cái lý-trưởng công-ly công-nghĩa gì đâu, nhưng là cho rằng bởi phép-tắc của lịch-sử cũng nghiêm-khắc như luật-pháp thiên-nhiên khiến cho không thể không đắc-thắng được.

Chức-trách của các nhà xã-hội là phải giảng dạy cho bọn lao-động biết rõ cái lẽ tiến-hóa tất-nhiên đó, và tổ-chức cho bọn lao-động thành một đảng chiến-đấu (*parti de classe*) để sẵn-sàng mà ra tranh cướp lấy chủ-quyền ở tay bọn cầm quyền.

Nay cứ thực-tế mà xét thì chủ-nghĩa Mã-khắc-tư có hai tính-cách đặc-biệt như sau này:

1<sup>o</sup>) Tính-cách cách-mệnh. — Vì chủ-trương nên phá-hoại hẳn cái chế-độ tài-sản ngày nay, lấy công-cộng-tài-sản thay vào cá-nhân-tài-sản, và cho rằng muốn cải-cách xã hội cần phải cải-cách chính-trị trước, và muốn cải-cách chính-trị cần phải dùng cách bạo-động, nói rằng: « Sự bạo-hành, ấy là cái đại-động-lực của các xã-hội. » Phàm những sự cải-cách nho-nhỏ tiêm-tiêm, không có ích-lợi gì, trừ khi dự-bị được cho cuộc đại-cải-cách ít nhiều thời mới gọi là có chút giá-trị mà thôi.

2<sup>o</sup>) Tính-cách quốc-tế. — Phàm các nước có đại-công-nghệ là có tư-bản, có lao-động, bọn lao-động chống với bọn

tu-bản ở đâu cũng thế, cho nên đảng lao-dộng ở các nước phải hiệp-lực nhau lại mà phá cái thành tu-bản vạn-quốc. Bài « Quốc-tế lao-dộng ca » bắt đầu có câu rằng : « Hỡi hỡi kẻ lao-dộng trong các nước, anh em nên đồng-tâm mà hiệp-lực ! » Các nước sở-dĩ thường bất-bình với nhau và gây ra cuộc binh-đao ấy là chính cái mưu của bọn tu-bản muốn củng-cố thế-lực của mình và làm cho đảng lao-dộng nhặng sự giai-cấp-chiến-tranh.

Ấy cái chủ-nghĩa Mã-khắc-tư đại-khái tóm-lược như thế. Đảng xã-hội nước Pháp, tuy cũng tùy-nghĩ châm-chước với cái tinh-thể chính-trị trong nước, nhưng đại-đề là tổ-thuật cái chủ-nghĩa ấy, lấy làm phương-châm, làm tôn-chỉ vậy.

Nay đã biết chủ-nghĩa xã-hội uyên-nguyên uyên-cách thế nào, vậy nên xét xem đảng xã-hội ở nước Pháp thành-lập ra làm sao.

Các đoàn-thể về xã-hội-chủ-nghĩa mới bắt đầu lập lên ở nước Pháp tự năm 1880. Năm ấy JULES GUESDE và PAUL LAFARGUE hai người là đồ-đề của KARL MARX ở nước Pháp dựng lên « Công-nhân - đảng » (*Parti ouvrier*) tuyên-bố ra một cái chương-trình những điều cần phải yêu-cầu ngay, gọi là « tối-thiểu-chương-trình » (*programme minimum*), Chủ-nghĩa xã-hội ở Pháp có thế-lực về đường chính-trị là bắt đầu từ đó, vì từ đó mới ra ngoài cõi lý-thuyết mà vào trong trường hành-động.

Tuy vậy, mãi đến năm 1905, ở nước Pháp chia ra nhiều đảng xã-hội, chứ không phải chỉ có một đảng mà thôi, bởi thế nên trong lâu năm chủ-nghĩa xã-hội ở Pháp bị chia-rẽ ra mà yếu thế đi nhiều. Những sự chia-rẽ ấy cũng là lẽ tự-nhiên, bởi vì chủ-nghĩa xã-hội ở nước Pháp đã chịu nhiều ảnh-hưởng khác nhau, như trên kia đã kể qua rồi. Trong các ảnh-hưởng ấy, tuy ảnh

hưởng của học-thuyết Mã-khắc-tư là mạnh nhất, nhưng ảnh-hưởng của các học-giả Pháp trước cũng vẫn còn ngấm-ngấm chứ chưa phải hết hẳn. Bởi thế nên, các đảng, các phái có nhiều điều trái ý, có lắm nỗi phân-tranh nhau.

Nói tóm-tắt thời trong các đảng xã-hội ở nước Pháp hồi đầu nhận ra có ba cái khuynh-hướng như sau này :

10/ Khuynh-hướng về học-thuyết Mã-khắc-tư, JULES GUESDE làm đại-biêu.

20/ Khuynh-hướng về học-thuyết BLANQUI, ÉDOUARD VAILLANT làm đại-biêu.

3/ Một cái khuynh-hướng thứ ba, trước có BENOÎT MALON, sau có JEAN JAURÈS làm đại-biêu, thời muốn đem cái học-thuyết của Mã-khắc-tư mà châm-chước cho thích-hợp với tình-hình nước Pháp, lại muốn đem cái lý-trưởng duy-tâm, cái lý-trưởng đạo-nghĩa của các học-giả Pháp trước mà bổ-trợ cho cái lý-thuyết thuần kinh-tế của học-giả Đức. Đồ-đề của JAURÈS và MALON, vừa đề-xướng chủ-nghĩa xã-hội, lại vừa trung-thành với chính-thể dân-quốc, cho nên sẵn lòng tùy-cơ-hội-đề-huê với các đảng trung-cấp để thi-hành cho được việc ngay, điều đó có khác với đảng JULES GUESDE. Lại chú-trọng sự vận-động ở Nghị-viện, và tuy vẫn tự-xưng là một đảng cách-mệnh, nhưng gặp được dịp nào có thể cải-cách được điều gì ích-lợi ngay cho bọn lao-dộng, thời cũng thừa-cơ làm ngay, không có từ-chối.

Trước khi hợp-nhất, các đảng xã-hội ở nước Pháp chia ra làm hai đoàn-thể lớn :

Một đoàn-thể gọi là : *Parti socialiste de France*, gồm những tay thuần-túy, không chịu châm-chước, như phái Mã-khắc-tư, như phái BLANQUI ; một đoàn-thể gọi là : *Parti socialiste français*, JAURÈS làm lĩnh-tụ.

Năm 1905, họp hội-nghị ở Paris, ba phái JAURÈS, VAILLANT, và GUESDE hiệp làm một đảng lớn, đặt tên là *Parti socialiste*, nghĩa là Xã-hội-đảng, nhất-danh

là : *Section française de l'Internationale ouvrière* (viết tắt S.F.I.O, nghĩa là Ban Pháp của hội thợ vạn-quốc), lại nhất-danh là : *Parti socialiste unifié*, nghĩa là « Hợp-nhất Xã-hội-đảng ».

Các đảng hợp-nhất như thế là cùng nhau công-nhận mấy điều cốt-yếu trong chủ-nghĩa Mã-khắc-tư.

Các đảng ấy có ký một tờ hiệp-ước gọi là « hợp-nhất hiệp - ước » (*pacte d'unité*) tuyên-bố rằng sẽ lấy sự « giai-cấp-chiến-tranh » làm phương pháp hành động, và thề-nguyện không tham-dự vào chính-phủ của các đảng trung-cấp.

Lời tuyên-bố ấy có nói rõ về cái chức-trách của đảng xã-hội như sau này:

1<sup>o</sup>/Đảng xã-hội là một « đảng giai-cấp », mục-dịch là thu cả các cơ quan sinh-sản và giao-dịch tài-sản làm của chung cả xã hội, nghĩa là biến cái xã hội tư-bản ra một xã-hội tập-sản hay là cộng-sản, và cho được đạt cái mục-dịch đó thì phải tổ chức bọn lao-động cho thành đoàn thể, có thế-lực về kinh-tế và về chính trị. Đảng xã-hội tuy cũng thừa cơ thi hành những sự cải-cách có ích-lợi ngay cho kẻ làm ăn, nhưng không chủ-ý ở sự cải-cách mà chủ-ý ở sự cạnh-tranh, sự cách-mệnh.

2<sup>o</sup>/Các đảng-nhân được bầu vào Nghị-viện phải hợp thành đoàn-thể đề đối với các chính-đảng trung-cấp khác. Phạm chính-phủ yêu-cầu sự gì để củng-cố cái thế-lực của các đảng trung-cấp và khiến cho được cầm quyền lâu-dài, thì phải nhất-thiết phản-đối hết, như là các khoản quân-phí, các khoản kinh-phí về việc đi lấy thuộc-địa, các khoản kinh-phí bí-mật, và đại-đề cả các khoản dự-toán của chính-phủ. Đảng xã-hội ở Nghị-viện lại phải hết sức bênh-vực và tìm phương mở rộng các quyền tự do về chính-trị cùng những quyền-lợi khác cho các kẻ lao-động làm ăn, lại phải hết sức tìm phương thực hành những điều cải-cách có ích-lợi cho cái thân-phận,

đường sinh-hoạt và sự cạnh-tranh của bọn thợ-thuyền.

Cái chương-trình đó coi ra có ý nghiêm-khắc, vậy đến năm 1908 họp hội-nghị ở *Toulouse* có sửa-sang chương-cước đi ít nhiều, và định rõ rằng cần phải chú-ý thi-hành những sự cải-cách có ích-lợi ngay cho bọn công-nhân.

Xem như thế thời sự hành-động của đảng Xã-hội nước Pháp có hai phần cốt-yếu như sau này : 1<sup>o</sup> Một cái chủ-nghĩa thuần túy, khuynh-hướng về đường xã-hội-cách-mệnh, và căn-cứ ở sự giai-cấp-chiến-tranh ; 2<sup>o</sup> Một cái chiến-lược uyển-chuyển khiến cho có thể lâm-thời đề-huê với các đảng trung-cấp để thực-hành những sự cải-cách về xã-hội, và bênh-vực những quyền-lợi tự-do bị các đảng phản-kháng ngăn-trở.

Cái chương-trình ra ứng-cử nghị-viện của đảng Xã-hội có nhiều khoản giống với đảng Cấp-tiến. Tuy vậy mà các nghị-viện của đảng Xã-hội có khác các nghị-viện ở đảng Cấp-tiến, vì phải theo đảng-qui rất nghiêm-nhất, phải bị kiểm-chế giám-đốc luôn luôn, và thuộc về các vấn-đề quan-trọng, phải cùng nhau theo mệnh-lệnh của đảng mình, không được tự-do hành-động.

Từ năm 1905 cho đến việc chiến-tranh năm 1914, đảng Xã-hội nước Pháp vẫn giữ được cái nền-nếp nhất-thống.

Đến khi chiến-tranh thì trước hết cả đảng Xã-hội đều thuận-nhận cái ước « thần-thánh đồng-tâm » (*union sacrée*). Trái với lời tuyên-ngôn năm 1905, các nghị-viên đảng Xã-hội đều quyết-Nghị sớ dự-toán và các khoản quân-phí về việc chiến-tranh. Lại trái với thề-lệ trong đảng, nhiều tay lĩnh-tự xã hội ở Nghị-viện đều tham-dự Nội các, như bọn JULES GUESDE, ALBERT THOMAS, MARCEL SEMBAT.

Nhưng bắt đầu từ năm 1915 trong đảng có một phần ít người khởi lên phản-đối sự chiến-tranh, như bọn ALEXANDRE BLANC, BRIZON et RAFFIN

DUGENS. a người nghị-viên này đương khi chiến-tranh sang Thụy-sĩ tham-dự các quốc-tế-hội-nghị ở Zimmerwald và Kienthal, quyết-nghị nên dùng hết cách để ngăn-ngừa sự chiến-tranh.

Thành ra trong đảng Xã-hội chia ra một phe đa-số chịu giúp sự chiến-tranh, một phe thiểu-số (gọi là phái *Kienthaliens*) phản-đối sự chiến-tranh, lại một phe trung-lập, không công-nhiên phản-đối mà cũng không công-nhiên phụ-trợ.

Cái ngòi phân-tranh ấy, nhân việc cách-mệnh của đảng quá-khích Nga lại càng thêm kịch-liệt, Đảng Xã-hội nước Pháp từ trước đến bây giờ vẫn thống-thuộc về cái đoàn-thể xã-hội vạn-quốc gọi là « Đệ-nhi Quốc-tế đảng » (*la Deuxième Internationale*) lập lên từ năm 1900 để gồm hết cả các đảng xã-hội trong thế-giới. — « Đệ-nhất Quốc-tế đảng » (*la Première Internationale*) thì chính Mã-khắc-tu lập lên năm 1864. — Sau khi chiến-tranh thời phần nhiều người trong đảng Xã-hội Pháp cho « Đệ-nhi Quốc-tế đảng » là nhu-nhược không đủ sức cách-mệnh, bèn bỏ mà xin ra cả. Bấy giờ mới khởi lên cái vấn-đề có nên sáp-nhập vào « Đệ-tam Quốc-tế đảng » (*Troisième Internationale*) không ; « Đệ-tam Quốc-tế đảng » này là một đoàn-thể của đảng cộng-sản « đa-số » (*bolchevik*) ở nước Nga lập lên năm 1917, sau khi chiếm được chính-quyền ở tay đảng « thiểu-số » (*menchevik*).

Nhân việc đó lại thành một dịp tranh-danh nhau ở trong đảng Xã-hội Pháp, một phần thời hoàn-toàn theo về đảng quá-khích Nga, cho cuộc cách-mệnh Nga là tiên-phong cho cuộc cách-mệnh thế-giới ; một phần thời phản-đối chủ-nghĩa cộng-sản cho là trái với tinh-thần của chủ-nghĩa xã-hội chân-chính. Giữa hai phe ấy, lại có một phe trung-lập, chủ-ý giữ lấy cái nền thống-nhất trong đảng Xã-hội, nên nhất-diện thời hoan-nghênh cuộc cách-mệnh Nga, nhất-

diện thời ngăn-ngừa cho những cách bạo-động ở Nga không truyền-bá sang Pháp được.

Đảng Xã-hội bắt đầu phân-lia lần thứ nhất hồi bầu-cử Nghị-viên năm 1919. Phe hữu-dục trong đảng có ba người đại-biểu ở Nghị-viên là AUBRIOT, LEVASSEUR và ROZIER, nhân ý-kiến bất-đồng, dời với các phe khác và biệt-lập thành một đảng mới gọi là ; *Parti socialiste français*.

Năm 1920 nhân vì sự phân-lia đó, ngày 24 và 25 tháng 12 họp hội-nghị ở Tours. Phần nhiều các đại-biểu đến họp thời quyết-nghị theo về « Đệ-tam Quốc-tế đảng », còn phần ít thời không muốn chịu mệnh-lệnh của đảng quá-khích nước Nga bèn tuyên-bố phân-lia với phe đa-số.

Bọn phân-lia đó thời vẫn giữ tên đảng cũ là *Parti Socialiste* (S. F. I. O.), và tuyên-bố cứ theo chủ-nghĩa xã-hội cũ, tức là chủ-nghĩa của JAURÈS, GUESDE và VAILLANT, Còn phần đa-số theo về đảng quá-khích nước Nga kia thời phải chịu mệnh-lệnh của Moscou mà đổi tên là « Cộng-sản-đảng » (*Parti communiste*), nhất-danh là « Ban Pháp của Cộng-sản Quốc-tế-đảng » (*Section française de l'Internationale communiste*.)

Lại trong đảng cộng-sản có mấy người bị trục-xuất vì không theo kỷ-luật, năm 1923 bèn họp nhau lại lập ra một đảng mới đặt tên là « Xã-hội Cộng-sản hợp-đảng » (*Union socialiste-communiste*).

Nói tóm lại, ở nước Pháp ngày nay có bốn đảng xã-hội, kể từ hữu đến tả là : 1<sup>o</sup> Đảng Xã-hội Pháp (*Parti Socialiste français*, lĩnh-tụ là : AUBRIOT, LEVASSEUR, BRUNET ; — 2<sup>o</sup> Đảng Xã-hội (*Parti socialiste, S. F. I. O.*), lĩnh-tụ là PAUL-BONCOUR, RENAUEDEL, LÉON BLUM, LONGUET, AURIOL, BRACKE ; — 3<sup>o</sup> Xã-hội Cộng-sản hợp-đảng (*l'Union socialiste-communiste*), lĩnh-tụ là : GEORGES PIOCH, FROSSARD, VERFEUIL ; — 4<sup>o</sup> Đảng Cộng-sản (*Parti communiste*), lĩnh-tụ là ;

BORIS - SOUVARINE, RAPPOPORT, MARCEL CACHIN, VAILLANT - COUTURIER, AMÉDÉE-DUNOIS.

Trong bốn đảng đó thời duy có hai đảng Xã-hội và Cộng-sản là có thể-lực hơn nhất.

Quan Toàn-quyền ALEXANDRE VARENNE chính là một tay cự-phách trong đảng-Xã-hội (S. F. I. O.). Ta nên xét qua về chương-trình và cách tổ-chức của đảng ấy thế nào.

Đảng Xã-hội S. F. I. O. là trực-tiếp kế-nghiệp đảng xã-hội hợp-nhất lập ra năm 1905 do ba phái JAURÈS, GUESDE và VAILLANT hỗn-hợp lại mà thành ra, và vẫn còn giữ tên cũ.

Vậy thời chủ-nghĩa của đảng Xã-hội ngày nay cũng là gốc ở chủ-nghĩa đảng hợp-nhất cũ, nghĩa là căn-cứ ở lời quyết-nghị tại hội-nghị Amsterdam năm 1904, ở ước hợp-nhất năm 1905 và ở lời quyết-nghị tại hội-nghị Toulouse năm 1908.

Đầu năm 1921, nhân vì một phần nhiều người khuynh-hướng theo về «Đệ-tam Quốc-tế đảng», mới phân-liã ra hai đảng Xã-hội và Cộng-sản, sự phân-liã đó duyên-do ở ba điều cốt-yếu như sau này:

1<sup>o</sup> Đảng Xã-hội Pháp nhất-định không chịu phục-tòng đảng Quốc-tế ở Moscow.

2<sup>o</sup> Đảng Cộng-sản Nga bắt phải phản-đối sự quốc-phòng trong khi quốc-gia bị nguy-hiểm, đảng Xã-hội Pháp không nghe.

3<sup>o</sup> Đảng Cộng-sản Nga muốn bắt các nghiệp-đoàn (*syndicats*) phải biến thành chính-đảng, đảng Xã-hội Pháp không chịu, tuyên-bố cho các nghiệp-đoàn được hoàn-toàn độc-lập.

Tuy hai đảng Xã-hội và Cộng-sản có nhiều điều phản-trái nhau như thế, nhưng mà cái gốc lý-thuyết cũng là một, vì cùng là uyên-nguyên ở cái học-thuyết của Mã-khắc-tư cả, mà học-thuyết này thời lấy sự «giai-cấp-chiến-tranh» làm tôn-chỉ.

Cứ lý-thuyết thì chủ-nghĩa xã-hội và chủ-nghĩa cộng-sản, đại-đề cũng là giống nhau, duy có khác là phái Cộng-sản cho rằng tất phải dùng cách bạo-động mới cải-cách xã-hội được, mà phái Xã-hội thời không ưng những cách bạo-động.

Đã không ưng những cách bạo-động, lại chú-trọng những sự cải-cách nhỏ, có thực-hiệu thực-ích ngay. Nói tóm lại, thời trong chủ-nghĩa của đảng Xã-hội có một phần lý-thuyết thuần-túy, không khác với chủ-nghĩa cộng-sản mấy tí, lại có một phần cấp-tốc thực-hành, muốn chầm-chước tinh-thể xã-hội mà sửa-sang thay-đổi dần dần, phần này trong đảng gọi là cái «tối-thiểu-chương-trình» nghĩa là cái chương-trình rất ít, cần phải thi-hành ngay.

Đem cái chương-trình ấy mà so-sánh với chương-trình của đảng Cấp-tiến (*Parti Radical*) thì thấy đại-dồng tiều-dị, không khác mấy tí. Duy cái thái-độ của hai đảng thì thật khác nhau: đảng Cấp-tiến là đảng tham-chính, đảng Xã-hội là đảng phản-đối.

Về vấn-đề nội-chính thì đảng xã-hội yêu-cầu sửa-đổi lại hiến-pháp và bãi bỏ Thượng Nghị-viện. — Về vấn-đề giáo-dục thì chủ-trương sự «thông-tục giáo-dục» (*école laïque*), hết sức phản-đối Gia-tô-giáo-hội, xướng lên cải-cách các bậc học, khiến cho hết thầy con trẻ trong nước, bất-cứ kẻ sang người hèn, đều có thể tùy tài tùy sức, tuần-tự mà tiến lên bậc học rất cao, không phải cứ mất tiền, cứ nhà giàu mới được hưởng cái hoàn-toàn-giáo-dục. — Về vấn-đề tài-chính thời đảng Xã-hội, xin giảm các thuế gián-tiếp, tăng các thuế trực-tiếp, bớt những khoản kinh-phí không cần lắm, thứ nhất là về quân-bị, lại xin đặt một thứ thuế đặc-biệt về tư-bản, khiến cho kẻ có của phải gánh vác thêm với xã-hội thay cho những người lao-động làm ăn. — Về vấn-đề quốc-tế thì đảng Xã-hội

hết sức vận-dộng cho các nước giảm-binh, và cổ-dộng cho hội Vạn-quốc có thể-lực để giải-quyết mọi sự phân-tranh trong các nước, và bảo-toàn cuộc hòa-bình trong thế-giới. — Về vấn-đề xã-hội và vấn-đề kinh-tế thì đảng Xã-hội hết sức bênh-vực cho kẻ lao-dộng làm ăn, định cái thời-hạn làm việc của công-nhân mỗi ngày là 8 giờ, đòi cái quyền không nhữn cho công-nhân mà cho cả những quan-lại nhà nước được tự-do lập hội đồng-nghiệp, để giữ quyền-lợi mình. Lại bàn phàm các công-cuộc lớn của nhà nước, như Bru-chính, Công chính, Thương-chính phàm các công-ti lớn về các nghề, như Công-ti Hỏa-xa, Công-ti Vận-tải, Công-ti Chế-tạo, nên sửa-đổi lại cách quản-lý, để cho vừa quan vừa dân đều có quyền giám-đốc vào đấy, theo như lối gọi là « quan-tư-kiêm-quản » (*nationalisation industrialisée*) là lối của « Lao-dộng Tổng-liên-hội » (*Confédération générale du Travail, C. G. T.*) đã đề-xướng lên mà đảng Xã-hội thuận theo, nghĩa là quyền quản-lý sẽ do hội-đồng gồm đại-biểu của nhà nước, đại-biểu của người làm và đại-biểu của tư-nhân họp lại mà chủ-trưng. — Về vấn-đề thuộc-địa thì đảng Xã-hội hết sức phản-đối sự chinh-phục các thổ-dân và kinh-lý các thuộc-địa, cho đó là cái chính-sách cùng-bình-độc-võ, chỉ lợi cho bọn quân-nhân, bọn tư-bản mà thôi, không ích gì cho nhất-ban quốc-dân cả, mà lại gây ra cái mầm họa-loạn cho sau này,

Ấy là lược-kê cái chương-trình của đảng Xã-hội ở nước Pháp. Còn cách tổ-chức trong đảng thì đại-khái như sau này.

Gồm các đảng-nhân trong một xã lập thành một « tiểu-hội » (*section*). Gồm các tiểu-hội trong một quận thời lập thành ra một « liên-hội » (*fédération*), mỗi liên-hội có quyền tự-trị và mỗi năm họp hội-nghị một lần. Các liên-hội cử đại-biểu mỗi năm họp thành « quốc-hội » (*congrès national*), quốc-hội mới có quyền giám-đốc cả toàn-đảng. Quốc-hội lại bầu một « hội-nghị bản-quốc » (*Conseil national*) để thi-hành những lời quyết-nghị của quốc-hội, và mỗi năm phải họp ít ra là hai lần. Sau nữa lại có một cái cơ-quan thường-trực gọi là « hội-đồng quản-trị thường-trực » (*Commission administrative permanente*, viết tắt là C. A. P.), có 24 người cũng do quốc-hội bầu để hằng ngày quản-lý công việc trong hội-đảng. Các đảng-viên do liên-hội quận mình cử ra để ứng-cử nghị-viên, nếu được bầu thời khi vào Nghị-viên phải cùng nhau lập thành một đảng riêng để đối với các chính-đảng khác. Các nghị-viên có chân đảng Xã-hội mỗi tháng phải góp 250 quan. Lại phàm hành-động ở Nghị-viện, nhất-thiết phải theo mệnh-lệnh của đảng mình, nếu mà trái thời liên-hội hàng quận đã cử mình ra có thể bắt phải từ chức nghị-viên hay là trực xuất đảng-ngoại được. (1)

Phụ-thuộc vào đảng xã-hội lại còn có một đoàn-thể thanh-niên nữa, gọi

(1) Những tay nghị-viên có danh-giá của đảng Xã-hội thì có mấy ông như sau này: Ông LÉON BLUM, chuyên-trị việc tài-chính và việc ngoại-giao; ông VINCENTAURIOL, chuyên việc tài-chính; ông PAUL BONCOUR chuyên việc quân-sự và việc chính-trị chung; ông BRACKE chuyên việc giáo-đục, v. v.. Trong những tay cán-sự trong đảng mà không có chân Nghị-viện thì có ba ông: RENAUDEL, LONGUET, PAUL FAURE là người có tiếng hơn nhất. — Đảng xã-hội có một tờ báo cơ-quan ra mỗi ngày một lần, tên là: *Le Populaire* (Dân-báo), báo-quán ở Paris, khu thứ 2 đường Feydeau số 12, chủ-nhiệm là hai ông BLUM và LONGUET chủ-bút là ông PAUL FAURE. Lại có một cái tạp-chi ra hàng tháng, tên là *L'Avenir* (Trương-lai nguyệt-báo); và xuất-bản một bộ tùng thư, gồm các sách nghị-luận khảo-cứu về chủ-nghĩa xã-hội. Lại ở các quận các tỉnh, còn nhiều những nhật-báo tuần-báo khác nữa riêng của từng địa-phương.

là « Xã-hội Thanh-niên-đoàn » (*Jeunes socialistes*) để truyền-bá chủ-nghĩa xã-hội trong bọn thanh-niên: lại có « Xã-hội học sinh-đoàn » (*Groupe des Étudiants socialistes*) để truyền-bá chủ-nghĩa xã-hội trong bọn học-sinh các trường Cao-đẳng, truyền-bá phần nhiều bằng cá h diễn-thuyết.

Đảng Xã-hội hường-lai vẫn độc-lập, không kết-liên với đảng nào, cũng không tham-dự quyền chính-trị. Kỳ tổng-tuyển - cử ngày 11 tháng 5 năm 1924, vì tình-thế bách-xúc, phải kết-ước đồng-minh với đảng Cấp-tiến, để hợp thành một liên-đảng bên tả đối với liên-đảng bên hữu. Khi ra tuyển-cử thì liên-đảng tả được toàn thắng, chiếm đại-đa-số ở Nghị viện. Theo lệ thường, phần đa-số phải ra nhận trách-cầm quyền. Trong phần đa-số chia ba thì hai phần đảng Cấp-tiến, và một phần đảng Xã-hội. Đảng Cấp-tiến mời đảng Xã-hội ra tham Các, đảng Xã-hội khăng-khăng giữ chủ-nghĩa cũ, nhất-định không chịu, chỉ xin đứng ngoài phù-trợ cho chính-phủ mà không muốn tự mình ra cầm quyền. Trong khi lĩnh-tụ đảng Cấp-tiến là ông EDOUARD HERRIOT làm thủ-tướng từ tháng sáu năm ngoái đến tháng năm năm nay, thì đảng Xã-hội vẫn hết sức ám-trợ, khiến có người đã nói rằng: đảng Xã-hội tuy không cầm quyền mà chính-quyền thật thu cả trong tay vậy. Kịp đến khi Nội-các HERRIOT bị đổ, ông PAINLEVÉ lên làm thủ-tướng, ông này cũng là người về đảng tả, nhưng chính-kiến có ý ôn-hòa hơn. Khi ra tổ-chức Nội-các, ông lại mời đảng Xã-hội tham-dự, Nội-các nhưng đảng Xã-hội vẫn không chịu. Lại tình-thế nước Pháp năm nay không giống như năm ngoái, ông PAINLEVÉ không thể không đề-huê với các phái ôn-hòa, đảng Xã-hội bèn trách ông là sai cái chủ-nghĩa của tả-đảng, nên đối với ông càng ngày càng lạnh-nhạt;

thậm-chí ra Nghị-viện không phù-trợ cho Chính-phủ nữa. Từ đó Nội-các PAINLEVÉ đối với đảng Xã-hội hai bên có ý bất-bình nhau. Nhưng chính ngay trong đảng Xã-hội cũng không được thuận-hòa như trước nữa, chỉ vì một cái vấn-đề tham Các đó. Phần nhiều trong đảng thì quyết không muốn ra tham-dự cầm quyền, nhưng có một số ít người như ông PAUL-BONCOUR, ông ALEXANDRE VARENNE, v. v. thời nghĩ rằng đảng Xã-hội muốn cho thi-hành được cái chủ-nghĩa của mình, thì thừa được cơ-hội tốt cũng nên ra mà tham-dự chính-sự, nếu cứ giữ cái thái-độ phản-đối hoài, thì chẳng là uổng công vô-ích dư? Phần số nhiều với phần số ít trong đảng Xã-hội vẫn không đồng ý nhau về một khoản đó. Nhân chức Toàn-quyền Đông-Pháp khuyết, Nội-các bèn ngó ý cử ông ALEXANDRE VARENNE sung vào chức ấy. Ông VARENNE nhận. Đảng Xã-hội liền họp hội-nghị xét về việc ông, bắt ông muốn nhận chức Toàn-quyền thì phải từ chức nghị-viên. Ông VARENNE không chịu. Hội-nghị liền quyết-nghị trục-xuất ông ra ngoài đảng. Việc này các báo Tây nghị-luận phân-ván lắm. Kể sành-sỏi về việc chính-trị bên Pháp thì nói rằng đó là cái mưu sâu của Chính-phủ, muốn gây sự bất-bình trong đảng Xã-hội, lại thu-phục lấy những kẻ có thế-lực trong đảng ấy về với mình. Lời phán-đoán ấy, không biết thực hư thế nào. Về phần ông ALEXANDRE VARENNE thì ông đã từng tuyên-bố rằng tuy nay ra ngoài đảng Xã-hội mà vẫn một lòng trung-thành với chủ-nghĩa Xã-hội: là chủ-nghĩa ông phụng-sự đã 30 năm trời nay. Điều đó ta cũng chưa dám phán-đoán vội, xin để đợi quan Toàn-quyền mới ra hành-sự, thế nào sau này sẽ biết vậy.

## LỊCH-SỬ ĐỜI TÂY-SƠN

Nước ta về đời Tây-sơn dẫu hưởng nước không được dài lâu, nhưng sự nghiệp hiển-hách một thời nay vẫn còn ở tai mắt người ta, thực là một thời đại rất có giá-trị trong lịch-sử. Thế mà các nhà sử-học thường thường bênh-vực riêng vì một nhà một họ, làm diên-đảo cả thị-phi, thậm chí cho Tây-sơn là *ngụy* là *nhuận*, phạm những thịnh-sự đời ấy đều ản đi mà không chép đến cả, khiến cho sự thực trong một thời-dại đều mập mờ mà không rõ, người thức giả ai cũng lấy làm bất-mãn.

Nguyên các nhà sử-học vẫn có cái thuyết phân ra *chính* với *ngụy*, xưa nay vẫn cãi nhau mãi. Đến ông Chu Hi 朱熹 bắt chước sách *Xuân-thu* làm ra sử *Cương-mục* thì cái giới-hạn *chính* với *ngụy* lại càng nghiêm lắm, các nhà bàn luận về sử-học từ đó cứ theo thế làm khuôn phép. Nhưng xét đương cái buổi giao-thời, thống-hệ đứt nối, bõ-côi phân chia, sinh ra nhiều sự biến, nếu muốn trở hẳn một nhà nào là *chính* thống cũng khó viện một nghĩa gì cho dich-dáng được. Ông Tư-Mã Ôn-công có nói rằng : « Nếu cứ bảo nhà nào chịu tự người trên trao nhường cho là *chính* thống, thời họ Trần 陳, họ Thác-bạt 拓拔 ai truyền-thụ cho? Mà chẳng phải là một triều *chính*-thống hay sao? Nếu cứ kể nhà nào ở trong đất giữa trung-nguyên là *chính*-thống, thời họ Lưu Thạch 劉石, họ Mộ Dung 慕容, họ Diêu Bô 姚苻, họ Hách-Liên 赫連, những họ ấy cũng vào chiếm được cả đất cố-dô của đời ngũ-đế tam-vương khi trước, lại chẳng phải là *chính*-thống hay sao? Nếu cứ kể nhà nào có đạo đức mới là *chính*-thống chẳng?

Nhưng cái nước nhỏ mọn kia há lại không có vua hiền, cái đời Tam-dại nọ há lại không có chúa bạo? Xem thế thì cái thuyết phân biệt ra *chính*-thống với *ngụy*-triều không có cái nghĩa gì dich-xác cả. » Lời bàn họ Tư-Mã như thế thực là lời thông-luận. Ôi! Thiên-hạ chỉ có một chữ «*thế*» mà thôi, thành ra thì là vua, thua ra thì là giặc, nếu đã thành-công thời dẫu kẻ thiên-gian vạn-ác cũng tăng-bốc lên làm thánh làm trời, nếu mà bại-trận thời dẫu đấng hào-khiet thánh-hiền cũng bài-bác cho là *ngụy* là *ngịch*. Cái thuyết đó là bởi những kẻ làm thần-bộ theo về một họ, theo ý riêng mà nghị-luận thất-dáng, thì cũng chẳng quái lạ gì. Còn như những nhà sử-học thì phải lấy cái nhỡn-quang mà phán-doán, không kể chi *chính* với *ngụy*, chỉ cứ theo sự thực mà chép thẳng mới đủ truyền làm tin-sử được! Nay lại không thế, thì có chán không. Xem như đời Tây-sơn cách đây mới độ một trăm năm nay, mà hỏi đến lịch-sử đều mờ-mịt cả, cũng chỉ vì cái thuyết phân ra *chính* với *ngụy* nó làm cho hối mất cả sử-học đi. Vậy nay xin bác bỏ cái thuyết bất-kinh ấy đi, để tỏ sự bất-bình cho cò-nhân, nhân thảo ra bài sử-luận về đời Tây-sơn như sau.

Đời Tây-sơn phát-tích trước nhất là vua Trung-ương hoàng-đế, mà Trung-ương hoàng-đế ta vẫn thường gọi là Ngụy Nhạc 僞岳 đó. Tổ-tiên khi trước người huyện Hưng-nguyên tỉnh Ngộ-an. Năm thịnh-đức đời nhà Lê mới thiên-cư vào ở ấp Tây-sơn phủ Quỳnh-nhân (nay là phủ Hoài-nhân, Bình-định). Cha tên là Nguyễn Phúc, sinh ra ba trai : Trưởng là Nhạc 岳, thứ là Lữ 呂, thứ ba là Huệ 惠. Huệ tức là Thái-tổ

Võ-hoàng-đế, mà ta vẫn thường gọi là Ngụy Huệ 僞 惠 đó. Xưa kia Nhạc còn làm biện-tuần ở Vân-dồn, thấy khi ấy trong đất Thuận Quảng, phải Trương Phúc-Loan chuyên-quyền chiếm-cứ, cả gan làm càn, dân-tình oán giận. Nhạc muốn nhân thời ấy nổi lên, mới thu lấy món tiền công khoản vào thủ-hiêm trong núi, hiệu-triệu đảng-khỏa được đến và nghìn người, tự xưng là đệ-nhất trại-chủ. Trong đảng ấy lại có Nguyễn Xuân 孫 椿 xưng làm đệ-nhị trại-chủ, Huyền-Khê 玄 溪 xưng làm đệ-tam trại-chủ, chia nhau chiếm-cứ các mặt thượng-đạo Tây-sơn. Huyền-Khê nhà giàu cự-vạn, thường bỏ của ra giúp Nhạc, chiêu- nạp những người vong-mệnh, kẻ hạn-nghịch họp thành đảng lớn, oai-phong lừng-lẫy các nơi thôn-ấp, quan địa-phương không thể chống lại được, mới rao truyền rằng ai bắt sống được Biện Nhạc thì có thưởng. Một hôm, Nhạc tự mình vào ngồi trong cái cối, sai đồ-đảng bốn người khiêng vào nộp cho quan Tuần-phủ. Quan Tuần-phủ Qui-nhân là Nguyễn Khắc-Tuyên 阮 克 宣 sai mở cửa thành ra cho vào nộp. Còn đồ-đảng thì ngấm phục cả ở ngoài thành, đến đêm Nhạc phá cối trở ra, cướp lấy đồ binh-khí, giết phẳng kẻ ngục-lại, liền mở toang cửa thành cho đồ-đảng kéo ùa vào. Khắc-Tuyên bỏ thành chạy trốn. Nhạc chiếm giữ lấy thành Qui-nhân, nổi ngay cờ hiệu Tây-sơn lên, đồ-đảng theo về càng ngày càng nhiều. Nhạc phân ra làm 4 đồn : Tiền, Hậu, Tả, Hữu, khi ấy là năm quý-mão thứ 34 niên-hiệu Cảnh-hưng đời nhà Lê. Nguyễn-chúa sai quan-quân đi tiến-tiểu phải thua luôn mãi, nên thanh-thế Tây-sơn lại càng lừng-lẫy. Bọn khách chú ở phố Hội-an tên là Tập-Đình 集 亭 và Lý Tài 李 才 đều ứng theo cả. Tập-Đình hiệu là Trung-nghĩa-quân, Lý Tài hiệu là Hòa-nghĩa-quân. Khi vào trận thì uống rượu say cối trần ra mình đeo tiền giấy vàng

giấy liều chết lẫn vào trận, không ai dám đương cả. Mùa đông năm ấy quan Tiết-chế Nam-quan là Nguyễn Phúc-Hương kéo quân đến núi Bích-kê tỉnh Qui-nhân, phải quan Lý Tài giết sạch. Nhạc lại tiến vào chiếm lấy phủ Tur-nghĩa, Diên-khánh, Bình-khang, Bình-thuận. Thế là từ Tur-nghĩa trở vào Nam đến Bình-thuận, đều thuộc về Nhạc cả.

Mùa hè năm giáp-ngọ niên-hiệu Cảnh-hưng, quan Lưu-thủ dinh Long-hồ (nay là Vĩnh-long) là Tống Phúc-Hợp, Nguyễn Khoa-Thuyên đem năm dinh tướng-sĩ tiến vào đánh lấy Diên-khánh, Bình-thuận, Bình-khang, đóng quân chống nhau ở Yên-cương. Nhạc lại trở quân ra đánh Quảng-nam, tiến bực đến Hải-vân-quan. Gặp khi ấy Trịnh-chúa Xâm sai tướng là Hoàng Ngũ-Phúc đem quân vào đánh lấy Thuận-hóa. Mùa đông năm ấy chúa Nguyễn phải chạy đến Cầu-dê thuộc Quảng-nam, lập cháu là Dương làm thế-tử, hiệu là Đông-cung. Mùa xuân năm ất-mùi, chúa Nguyễn lại chạy vào Gia-dịnh, lưu Đông-cung Dương đóng ở Cầu-dê. Nhạc sai người đón đến phố Hội-an, muốn hiệp lấy Đông-cung để hiệu lệnh quân-chúng. Khi ấy Hoàng Ngũ-Phúc đã đánh lấy được Thuận-hóa rồi, đem quân qua núi Hải-vân, Nhạc đón đánh quân Ngũ-Phúc ở Cầm-sa. Quân của Tập-Đình tan thua chạy trước. Nhạc và Lý Tài chạy đến Bản-tân, muốn cùng nhau định mưu giết Tập-Đình. Tập-Đình sợ, chạy về Quảng-đông. Nhạc bèn đón Đông-cung Dương về Qui-nhân. Mùa hạ, Phúc-Hợp lại tiến đến đánh Phú-an, bộ-binh thì đóng ở Xuân-dài, thủy-binh thì đóng ở Tâm-úc, sai người báo Nhạc rằng : « Trả lại Đông-cung ta không thì đại-binh kéo đến nơi, không trốn đàng nào được nữa ! »

Nhạc sợ, đem hết của báu chứa ở trên núi Tây-sơn, đem ông Dương chạy đến Hà-liêu, An-thái để lánh nạn, lại sai thuộc-hạ đến Ngũ-Phúc nói xin

đầu-hàng. Ngũ-Phúc cho Nhạc làm Tây-sơn trưởng hiệu Tráng-tiết tướng-quân. Sau Nhạc lại đón Đông-cung Dương đem đến Bông-giang, gả con gái là Thọ-Hương cho, và xin Dương lên chính vương-vị, Dương không nghe. Nhạc mới đuổi những kẻ tung-thần của Dương là Nguyễn-Phúc Tĩnh, Nguyễn-Phúc Chí ra ở ngoài, sai người giả-cách sang xin đầu-hàng với Phúc-Hợp. Phúc-Hợp tưởng là thực, lấy làm tin không phòng-bị gì cả. Nhạc đem quân chọt đến đánh phá tan. Phúc-Hợp phải lui binh đến Yên-cương, Nhạc lưu Lý Tài đóng giữ Phú-an, rồi Tài theo hàng về quân Phúc-Hợp. Khi ấy tướng Trịnh là Hoàng Ngũ-Phúc tiến quân vào đóng ở Châu-ồ phủ Tư-nghĩa, sau Ngũ-Phúc mắc bệnh phải dẫn quân về bắc. Tướng Nguyễn là Nguyễn Phúc-Quyên khởi binh lên đánh tỉnh Quảng-nam, Nhạc đánh vỡ tan, sai tướng là Nguyễn Văn-Duyệt đóng giữ phủ Thăng - điện. Năm giáp-thân, Cảnh-hưng thứ 38, Nhạc sai tịch-biên lấy hết cả dân ba huyện: Phù-ly, Tuy-viên, Bông sơn thuộc phủ Qui-nhân đem đi sung-binh, sai em là Lữ đem thủy-binh vào đánh Gia-định. Chúa Nguyễn phải chạy đến Biên-hòa. Lữ chiếm giữ thành Sài-gòn. Gặp khi ấy quân đạo Đông-sơn là Đỗ Thanh-Nhân khởi lên đánh Sài-gòn. Lữ thua chạy ra Qui-nhân. Nhạc mới sai đắp thêm rộng thành Đồ-bàn ra, tự-xưng là Thiên-vương, đúc ấn vàng, thiên ông Dương ra ở chùa Thập-tháp. Dương cất lên lầu trốn vào Gia-định. Khi ấy Lý Tài chiếm giữ núi Chiêu-thái để làm phản, nghe thấy Dương mới về, bèn đem binh hạ thành Sài-gòn, lập Dương làm Tân-chính-vương, tôn Chúa Nguyễn lên làm Thái-thượng-hoàng.

Năm dinh-dậu, Nhạc sai bày tội Đỗ Phú-Tuấn ra sứ nói với chúa Trịnh xin làm trấn-thủ tỉnh Quảng-nam. Trịnh Xâm khi ấy cũng đã chán sự binh-đạo, bèn cho

Nhạc làm Quảng-nam Trấn-thủ Tuyên-úy đại-sứ, phong làm Cung-quốc-công. Trước kia năm ất-mùi niên-hiệu Cảnh-hưng, Nhạc có dâng công của em tên là Huệ cho Trịnh-tướng là Hoàng Ngũ-Phúc biết, Ngũ-Phúc cho Huệ làm Tây-sơn-tiền-phong tướng-quân. Đến nay Nhạc xung-đế, cho Huệ làm Lo-g-nhương tướng-quân, sai Huệ và Lữ đem quân thủy bộ vào đánh Gia-định. Huệ tiếng nói như chuông mắt sáng quắc như điện, khôn-ngoan, kiệt-hiệt, tài giỏi chiến-đấu, ai cũng phải sợ. Khi Huệ ra trận đem thân đi trước, quân lính hiệu-lệnh nghiêm-minh, các bộ-hạ đều dốc lòng theo. Lý Tài chống nhau với quân Huệ, bị thua, ông Dương phải chạy đến Thủ-tân (thuộc tỉnh Định-tương), lại chạy đến Ba-việt (thuộc Vĩnh-long), phải quân Huệ đuổi theo kịp quá bị hại. Chúa Nguyễn chạy đến Long-xuyên, Nhạc sai tướng là Chương-cơ Thành đến đánh Long-xuyên. Chúa Nguyễn và Nguyễn Phúc-Đồng đều bị hại. Huệ, Lữ lại kéo quân trở ra Qui-nhân, lưu Tổng-đốc Chu. Hồ-tướng Hãn, Tư-khẩu Uy, Điều-khiển Hòa, Cai-cơ Trấn ở lại giữ Gia-định. Mùa đông năm ấy Nguyễn Thế-tổ khởi binh ở Long-xuyên, tiến quân đến đánh Sài-gòn, Tổng-đốc Chu bại trận thua chạy. Năm mậu-tuất niên-hiệu Cảnh-hưng, Nhạc tự lập làm hoàng-đế, kỷ-nguyên là Thái-đức, lấy năm ấy làm Thái-đức nguyên-niên 泰德元年, đổi tên thành Đồ-bàn làm Hoàng-đế-thành, cho em Lữ làm Tiết-chế, em Huệ làm Long-nhương tướng-quân. Lại sai Tổng-đốc Chu, Tư-khẩu Uy, Hộ-giá Phạm Ngạn đem thủy-quân đánh thành Trấn-biên (nay thuộc Bình thuận) và các nơi duyên-hải. Nguyễn Thế-tổ tự làm tướng-quân ra đánh Đỗ Thanh-Nhân đánh bắt được Tư-khẩu Uy ở bến Nguu-trử giết chết. Tổng-binh Nguyễn Văn-Hoảng tiến quân đến Lộc-dã, đánh giết được tướng của Nhạc là Lữ Liêm Lãng, Phạm Ngạn thua chạy, Thế-tổ

hạ được thành Bình-thuận rồi tiến quân vây phủ Diên-khánh.

Năm canh-ti, Nguyễn Thế-tổ lên ngôi vua ở Sài-gòn. Năm nhâm-dần, Đỗ Thanh-Nhân vì có tội bị giết. Nhạc nghe tin ấy mừng nói rằng: « Hữu-Phương (tên riêng của Thanh-Nhân) bị giết đi rồi, còn các tướng khác thì không đủ sợ nữa ». Nhạc lại cùng với em Huệ đem và trăm chiến-thuyền vào cửa bể Cần-giờ, đánh nhau một trận ở sông Thất-kỳ, Thế-tổ thua chạy, lui đến giữ Tam-phụ Thành Sài-gòn lại về Nhạc chiếm lấy được. Mùa hè tháng tư năm ấy, tướng chúa Nguyễn là Tiết-chế Nguyễn-Phúc Dụ đem đạo quân Hòa-nghĩa của Lý Tài vào cứu viện đánh giết Phạm Ngạn ở cầu Tham-lang. Nhạc nghe tin lấy làm tiếc như mất đi một cánh tay, lại tức bọn quân Hòa-nghĩa là người Tàu cả, mới bắt hết bọn khách-chủ ở thành Gia-định hơn vạn người, không kỳ binh hay dân hoặc người buôn bán đều giết sạch cả, ném thây xuống dầy sông. Thế-tổ phải chạy đến gò Lũ, tướng Nhạc là Đồ-dốc Học đuổi theo sau, bị phải Nguyễn-tướng là Nguyễn Kim-Phẩm đánh úp cho một trận thua chạy. Chợt đầu Huệ kéo quân đến dàn trận trên mặt sông. Thế-tổ bị thua phải chạy ra Phú-quốc. Nhạc đem quân trở về, lưu hàng-tướng bọn quân Đông-sơn là Đỗ Nhân-Chập và Hộ-bộ Bá giữ thành Gia-định. Mua thu tháng 8, Nguyễn-tướng là Chu Văn-Tiếp tự Phú-an trở vào cứu viện, lữ Chập bị thua lại bỏ thành mà chạy. Thế-tổ lại trở về Gia-định. Năm quý-mão Cảnh-hưng, Huệ, Lũ lại kéo quân vào đánh cửa bể Cần-giờ, kéo ngược dòng nước đánh xông vào, quân của Chu Văn-Tiếp tan vỡ, Thế-tổ lại chạy đến Tam-phụ. Nguyễn Hoàng-Đức di đoạn-hậu, Huệ thúc quân lên đánh uả vào bắt được Nguyễn Hoàng-Đức và bộ thuộc hơn 500 người. Thế-tổ chạy ra Côn-lôn.

Quan Phò-mã của Nhạc là Trương Văn-Đa đem thủy quân chọt kéo đến bờ vây đến và trùng, thế rất nguy-cấp, may gặp khi ấy đương ban ngày nổi cơn gió lớn, mưa xuống như trút, thuyền của quân Tây-sơn bị trôi giạt chìm đắm rất nhiều. Gió đưa thuyền vua Thế-tổ ra mãi ngoài bể, sau Thế-tổ lại tìm về đến cù-lao Phú-quốc. Huệ trở ra ngoài Bắc, sai Đa đóng giữ Gia-định.

Năm Cảnh-hưng giáp-thìn, Thế-tổ sang cầu-viện bên nước Xiêm, Chúa Xiêm sai hai châu là Chiêu-Tăng, Chiêu-Sương đem 2 vạn thủy-quân 300 chiến-thuyền kéo ra cửa bể Bắc-năm, thẳng kéo đến Ba-thắc, Trà-ôn, Mán-thiết, Sa-déc, đi đến đâu đều tan rã chạy hết. Đa phải chạy đến Long-hồ, sai người ra cáo-cấp với Huệ. Huệ lại đem quân trở vào, đánh mấy trận không được lợi, muốn lui quân về. Gặp khi ấy có Nguyễn-tướng là Lê Xuân-Giác xui Huệ lấy quân kinh-binh phục ở mé sông Sầm-giang, Xuy-miệt-giang (thuộc Định-tướng), lừa cho quân Xiêm kéo lại mà đánh. Lữ Chiêu-Tăng quen mui mấy trận tiểu-thắng, lại không thuộc đường lối hiểm đẽ thế nào, kéo thẳng đến Mĩ-tho, Huệ chọt khởi phục-binh lên đánh, cả hai mặt thủy-bộ giáp-công, quân Xiêm đại-bại, chỉ còn vài nghìn tàn-quân do đường thượng-lộ chạy về. Năm ất-tị, Thế-tổ lại sang Xiêm, Huệ lưu lữ Đặng Văn-Chân ở giữ Gia-định, Huệ lại đem quân trở về.

Năm binh-ngọ, Huệ muốn đánh lấy Phú-xuân, Nhạc trước còn ngần-ngại, sau nghe lời Nguyễn Hữu-Chỉnh nói lấy làm phải, sai Huệ làm tiết-chế cả thủy-bộ chư-quân, cho Chỉnh làm Hữu-quân đô-dốc và cho con rể là Võ Văn-Nhằm làm Tả-quân đô-dốc, em là Lữ thì đem thủy-quân tiến đi sau. Tháng năm, Huệ đánh được Phú-xuân, sai Lữ đóng giữ ở đó, Huệ lại kéo quân luôn ra đánh lấy Bắc-hà, đưa thư về báo cho

Nhạc biết, Nhạc không bằng lòng, sai người đi ngăn lại, song đến nơi thời Huệ đã kéo quân đi rồi. Kịp đến khi nghe Huệ đánh được Thăng-long, Nhạc liền đem thân-binh kéo thẳng ra Thăng-long, ở đó vài tuần rồi đem Huệ trở về Nam, cho Huệ làm Bắc-binh-vương trấn-thủ Thuận hóa; Lữ làm Đông-dịnh-vương trấn-thủ Gia-dịnh; Nhạc thì tự xưng là Trung-ương hoàng-đế.

Trận ra đánh ngoài Bắc, bao nhiêu của báu kho tàng của họ Trịnh đều vào tay Huệ cả, Nhạc cho đòi, Huệ không chịu bỏ ra. Huệ muốn gồm giữ cả đất Quảng-nam, Nhạc cũng không cho, vì thế anh em mới sinh hiềm-khích, sắp quân để chực đánh nhau. Huệ cậy mình thế-lực to, đem quân kéo thẳng đến vây thành Qui-nhân và tháng. Nhạc cứ kiên-thành cố thủ. Huệ sai đắp gò đất xe súng đại bác lên trên bãi vào trong thành, đạn rơi xuống như cái dậu. Nhạc sai người nhặt lấy, khóc cáo nhà miếu. Tướng Nhạc là Đặng Văn Chân tự Gia-dịnh kéo quân ra cứu-viện, mới đến Phúc-an phải Huệ đánh bắt được. Nhạc mới trèo lên mặt thành gọi Huệ bảo rằng: « Nồi da sao nỡ đem nấu thịt, em sao nhẫn tâm thế được ! » Nói rồi, trông nhau khóc thảm-thiết hồi lâu, rồi cùng giảng-hòa giải binh đi, lấy bến Bản-tân làm giới-hạn, từ Tư-nghĩa trở vào Nam thì về phần Nhạc, từ Thăng-Điện trở ra bắc thì về phần Huệ, đó là Huệ nghe cái kế của người bày tội Trần Văn-Kỷ.

Từ khi Nhạc Huệ sinh hiềm-khích với nhau, thì mỗi người một bụng, không rời tinh đến việc trong Nam nữa. Năm ấy, Thế-tổ sai Bá-da-lộc hộ-vệ Hoàng-tử Cảnh sang Tây cầu viện. Năm đinh-mùi (Chiêu-thống nguyên-niên), Nguyễn Thế-tổ lại tự Xiêm kéo quân trở về, tiến vào cửa bể Cần-giờ. Lữ lui binh đóng giữ Lạng-phụ (thuộc Biên-hòa)

sai Thái-bảo Phạm Văn-Tham giữ Sài-gòn. Thế-tổ sai quan quân đánh mãi không được, mới giả làm tờ mật-thư kể tội Tham kiêu-hoạnh, ngầm sai Lữ lập mẹo giết đi, thư ấy đưa lạc đến Tham bắt được, Tham cả kinh. Thế-tổ liền sắp một toán quân khởi ngọn cờ trắng kéo thẳng đến Lạng-phụ, Lữ ngờ rằng Tham đã đầu-hàng Thế-tổ rồi, bèn chạy ra Qui-nhân, rồi chết. Chỉ còn một mình Tham giữ thành Sài-gòn, sau lực cùng kiệt quá phải đầu-hàng, đến sau lại mưu-phản, phải Thế-tổ giết chết. Năm mậu-thân, Huệ nghe tin Tôn Sĩ-Nghị đem quân sang cứu-viện cho Lê Chiêu-Thống, Huệ bèn lên ngôi Hoàng-đế ở Phú-xuân, đặt niên hiệu Quang-trung 光中, rồi cử binh kéo ra Bắc-hà, đánh cho Sĩ-Nghị đại-bại chạy qua sông về Tàu. Vua Chiêu-Thống cũng theo Sĩ-Nghị chạy sang Tàu, Huệ sai tướng đuổi theo đến cửa Nam-quan, dân Tàu gần ải Nam-quan đã xao-xuyến cả lên. Năm kỷ-dậu, vua Tàu phải sai Phúc Khang-An ra thay Sĩ-Nghị làm Tổng-đốc Lương-Quảng, sắp đem 50 vạn binh-mã chín tỉnh ra tới cửa Nam-quan để kinh-lý việc nước Nam.

Trước kia vua Tàu sai Sĩ-Nghị đem quân sang đã có mật-dụ bảo nên tiến quân đi thông-thả chứ không nên vội, và nên truyền hịch đi trước để làm thanh-thế. Lại bảo các cố-thần nhà Lê đi về trước tìm vua Chiêu-Thống ra để đối-dịch với Nguyễn Huệ, nếu Huệ chịu lui thì bảo vua Lê đuổi theo mà đánh, quân Tàu chỉ đem đại-binh đi cách xa, tiếp theo sau, làm thế thì không khó nhọc gì mà được thành-công, đó là kế đệ-nhất. Nếu người trong nước nửa phần theo về Huệ, nửa phần theo về vua Lê mà Huệ không chịu lui quân, thời phải đợi thủy-quân của Phúc-kiến, Quảng-dông vượt bể sang đánh Thuận Quảng trước, rồi sẽ đem bộ-binh

tiến sang Nam-quan mà đánh, để cho sau lưng trước mặt Nguyễn Huệ đều phải thụ-dịch cả, thời nó phải qui-phục, bấy giờ ta lưỡng-tồn cả hai đảng, chia tự Thuận Quảng trở vào nam phong cho Huệ, còn tự Hoan Ái trở ra bắc lại phong cho Lê, mà đóng đại-binh ở nước Nam để chống-chế giữ đó, rồi sau sẽ có mưu xử-trị. Đến nay Tôn Sĩ-Nghị hất-hải thua chạy về, những tờ sắc-thư của vua Tàu dặn bảo như trên đó đều bỏ rơi ra ở đường, Huệ bắt được cả, bảo Ngô Thời-Nhiệm rằng : « Ta xem những tờ sắc-thư của vua Tàu, chẳng qua chỉ chờ xem bên nào mạnh bên nào yếu mà xử-trị do thôi. Chứ còn như khôi phục cho họ Lê thời không phải là bản-tâm họ, họ chỉ mượn cái tiếng ấy để dò lợi-riêng mà thôi. Nay bị thua một trận này họ tất lấy làm xấu-hổ, thì họ chắc không chịu thôi nào. Nhưng hai nước mà gây sự đánh nhau mãi không phải là phúc cho sinh-dân, nay chỉ có dùng lời từ-lệnh đưa sang mà nói khéo, mới có thể bãi được việc binh, vậy ta giao cho người chủ-trương việc ấy. » Huệ mới sai đem những người Tàu bắt được, an-sáp ở các nơi, đều cấp cho khẩu lương tử-tế. Chợt khi ấy quan binh-bị đất Giang-tả là Thang Hồng-Nghiệp đưa tờ sang bảo rằng : « Vua Lê là Lê Duy-Kỳ đã bỏ nước trốn đi, thì triều Thanh quyết không cho giữ nước Nam nữa, nên nhân dịp bây giờ chữa ban dụ-chỉ ra làm sao, phải kíp sai người sang thỉnh cầu, họa là được nhờ ơn phong cho chẳng. » Huệ được tờ thư ấy biết rằng nhà Thanh muốn giảng-hòa, mới dâng tờ biểu lên nói rằng : « Thần vốn là kẻ bổ-y ấp Tây-sơn thừa dịp nổi lên, năm binh-ngọ đem quân ra diệt họ Trịnh rồi giao trả nước cho vua Lê, vua Lê trước tạ-thể đi rồi tôi lại lập tự-quân là Duy-Kỳ lên nối ngôi, song Kỳ là người dâm-bạo, kẻ thần-dân trong nước lại chạy vào kêu với tôi, đều một lời xin tôi đem quân ra trừ loạn. Năm

đinh-mùi, tôi mới sai một viên tiểu-tướng ra hỏi tội kẻ bày tôi nào giúp vua làm càn, Duy-Kỳ mới nghe hơi đã trốn chạy, đó là tự mình làm hại cho mình ; năm mậu-thân, tôi mới tiến quân đến thành nhà Lê, lại ủy cho con vua Lê trước là Duy-Cần làm giám-quốc, đã có sai sứ-thần sang qua cửa quan để tâu bày sự-tình, nhưng khi ấy mẹ Duy-Kỳ lại qua ải sang tâu bày xin viện-binh, chẳng ngờ Tôn Sĩ-Nghị là bậc phong-cương đại-thần lại vì cơ tham-tài hiếu-sắc đem xé tờ biểu của tôi đi ném xuống đất, mắng nhục kẻ sứ-thần, ý muốn sinh sự động-binh, chẳng biết việc ấy có phải là tự đại-hoàng-đế sai khến, hay là chỉ tại Sĩ-Nghị bị một người đàn bà nó xui khiến mà muốn yêu công để cầu lợi. Vả lấy giáp-binh dân-chúng một dải đất hải-tân này chẳng đủ đương nổi một phần trong muôn phần của Trung quốc, chỉ vì đảng trước thì vực sâu, đảng sau thì cạp dữ, quân-tình ai cũng phải liều chết mà hăng-hái lên. Tôi khi ấy cũng chẳng tị-hiền gì cả, tự đem năm ba tên dân-dinh đi theo, mừng 5 tháng giêng năm ấy tiến đến thành nhà Lê, mong vào yết-kiến với Tôn Sĩ Nghị, họa may ra lấy ngọc-bạch mà thay can-qua, đổi việc binh-đạo ra làm hội y-thường. Nhưng khi đến nơi thời quân Sĩ-Nghị kéo ra đánh, mới giao-chiến đã vỡ tan mà chạy, những kẻ chạy trốn ra các làng xóm ngoài thành, lại phải dân-chúng quanh thành họ giết đi. Khi tôi vào thành truyền cấm-chỉ ngay không cho được giết càn ; liền hộ-tổng đưa cả vào thành ước đến hơn 800 người, tôi đã cấp cho lương ăn cả. Trộm nghĩ nước tôi từ đời Đinh, đời Lê, đời Lý, đời Trần đến nay, các đời thay đời không phải là một họ, hễ ai hay làm phen-rào ở cõi Nam được, thời tài bồi cho, xưa nay vẫn nhờ lòng chi-nhân chi-công như vậy. Cúi mong thế trời hành-hóa, thuận đạo tự-nhiên, tha cái tôi tôi đón đánh Sĩ-Nghị, mà lượng cái

lòng thành của tôi đã mấy phen đến cửa khuyết tâu bày, cho tôi làm An-Nam quốc-vương để cho có thống-nhất. Tôi xin sai sứ-thần đến cửa khuyết giữ lễ cống-hiến, và xin đem nộp trả những người quý-quốc hiện còn đó, để tỏ lòng chí-thành. Đường-đường thiên-triều, có lẽ nào lại so hơn kém với người rợ mọi, thánh-tâm sao lại nở thế. Nếu vạn-nhất mà việc binh liên-khiên mãi không thôi, là bởi sự-thế nó đến thế, chớ như tôi thực không muốn thế vậy.» Thang Hồng-Nghiệp tiếp thấy tờ thư ấy cả kinh, bảo sứ-giả là Hao-hồ-hầu rằng : «Bây giờ không phải là lúc hai quân giao-chiến, sao lại cứ nhất-vị nói hăng-hái thế, nói như thế thì muốn được phong tước chẳng? hay lại muốn sinh sự giao-binh chẳng?» Thang Hồng-Nghiệp giấu bỏ cái tờ biểu ấy đi, không tâu lên nữa. Khi bấy giờ Huệ đã định được Bắc-hà rồi, nhưng trong bụng vẫn lo về đảng trong, mới lưu lữ Ngô Văn-Sở ở lại giữ thành Thăng-long, dặn bảo rằng : « Phàm những từ-mệnh đối-đáp với trung-triều, chuyên-ủy cho Ngô Thời-Nhiệm, và Phan Huy-Ích, tư-bảo đi lại đều cho tiện-nghi-xử-trí, không có việc gì quan-hệ thì bất-tất phải bẩm-báo làm gì nữa. » Huệ mới dẫn quân trở vào Nam. Được ít lâu Phúc Khang-An ra đến Quảng-tây chuyên-ý giảng-hòa, đưa thư sang dụ bảo lấy lễ lợi-hại. Huệ cũng đem vàng lụa hậu-lễ cho Khang-An, nhờ tán-thành hộ cho. Huệ mới đổi tên là Quang-Binh, sai người cháu tên là Nguyễn Quang-Hiền và sứ-thần là Võ Huy-Tấn đem đồ cống-phẩm sang cửa quan xin vào châu dâng nộp. Tờ biểu đại ước nói rằng : « Thần, vốn là kẻ bổ-y ở ấp Tây-sơn, trước vẫn giữ đất Quảng-nam, vốn không có phận vua tôi thượng hạ gì với nhà Lê. Năm trước tôi đã có sai người sang cửa quan tâu bày cái duyên-do cấu-khích với họ Lê. Nhưng vì quan tỉnh ngoài biên bác bỏ cái thư ấy không đệ tấu lên cho.

Đến khi quan binh ra cửa ải đề-tiến-tiểu giúp hộ, thì ngày tháng giêng năm ấy tôi có đến kinh-thành họ Lê, ý muốn hỏi Lê Duy-Kỳ về cái cơ cầu-viện thiên-binh. Không ngờ quan-binh trông thấy hăng lên đánh giết, quân thù-hạ tôi không lẽ bó tay chịu chết. Gặp khi ấy cầu sông Cái gãy đổ, quan-binh cũng có tổn-hại, tôi lấy làm sợ-hãi lắm, đã mấy lần sai người sang cửa quan xin chịu tội, và đưa trả các quan-binh hiện còn lưu lại. Còn cái dứa nó giết hại quan Đề-trấn, thì chúng tôi đã sai đem chính-pháp chém đi rồi. Lẽ ra chúng tôi phải thân-hành đến cửa bắc-khuyết, để trần-tình chịu tội. Nhưng vì trong nước mới bị việc binh-cách, nhân-tình xao-xuyến chưa yên. Cần sai thân-diệt Nguyễn Quang-Hiền đem dâng tờ biểu vào châu, v. v. » Lòng tờ biểu ấy đều là theo ý Phúc Khang-An bảo làm cả. Vua Tàu xem tờ biểu rồi chuẩn cho Quang-Hiền tiến vào kinh dụ bảo rằng : « Quang-Binh tuy biết sợ cái lỗi kháng-cự quan-binh, giết hại quan Đề-lĩnh, nhưng lỗi ấy cũng khó tha được. Nếu không thân đến cửa khuyết xin chịu tội mà đã ban cho phong-hiệu ngay, thời thiên-triều không có thể-chế ấy bao giờ. Nhà ngươi đã chưa theo về hàng phiên-phục, thời những đồ cống-phẩm lễ nào lại thu-nhận vội, nếu muốn thân-thành nạp-khoản, thời đến sang năm gặp khánh-tiết bát-tuần vạn-thọ của trẫm, thì nhà ngươi phải thân đến kinh kêu cầu. Còn những quan Đề-lĩnh bị tử-trận thời phải lập đền thờ ở trong đất nước An-Nam; như thế thời trẫm mới đặc-cách gia-ân, hoặc phong cho tước vương, để cho con cháu đời đời dài giữ nước An-Nam. Đến như Lê Duy-Kỳ là người nhút-nhát vô-tài bỏ ấn trốn đi, ta cũng không nở giết, chỉ cho an-sáp ở tại tỉnh-thành Quảng-tây chớ không khi nào lại nhân lúc nhà ngươi vào châu, lại đưa Duy-Kỳ về làm chủ nước An-Nam, nhà ngươi cũng đừng lo sợ điều

ấy. Nay đặc-án ban cho một chuỗi chân-châu, nhà người phải kính vàng ân-mệnh. Nay dụ. » Huệ lại dâng tờ biểu tạ ân, hẹn đến sang năm xin vào châu. Vua Tàu tướng là thực, lập-tức phong cho Huệ làm An-Nam quốc-vương, sai quan hậu-bồ Quảng-tây là Thành Lâm sang tuyên-dụ, khi đến cửa quan, Huệ nói thác rằng vương-khi đất Thăng-long đã tồi-tàn cả, xin mời sứ Tàu đi vào kinh-thành Phú-xuân. Nhưng Thành Lâm bảo là phi-lệ không chịu đi, Huệ lại thác bệnh dùng-dặng mãi mới lấy người châu gọi bằng cậu tên là Phạm Công-Trị giả-mạo thay mình đem đồ phẩm-vật sang Tàu tạ-ân, và nói rằng nhà có mẹ già muốn xin vị thuốc nhân-sâm để dưỡng-thọ. Vua Tàu liền ban cho một cân sâm Cao-ly là đồ ngự-dụng, sai chạy trạm đưa cho. Huệ dâng tờ biểu tạ-ân có câu rằng : « Tôi có mẹ già, báo-đáp toàn nhờ trời giáng phúc ; vua là sư phụ, sinh-thành mong được đôi ân sâu. » Tờ biểu cầu phong có câu rằng : « Đương buổi kinh-hoàng sợ chết, không đất lánh thân ; nhân khi thăng-thối cầu sinh, sợ trời bắt tội. » Vua Tàu phê vào câu ấy rằng : « Lời nói ấy đáng khen, trẫm cũng không nỡ coi người như con vậy ».

Mùa xuân năm canh-tuất niên-hiệu Quang-trung thứ ba, Khang-An giục Huệ vào châu, Huệ lại nói thác rằng có mẹ chết, xin cho con là Quang-Thùy thay mình vào châu. Khang-An bảo rằng không nên, mặt sai người đến cửa ải Nam-quan ủy-khúc dẫn-dụ, bảo rằng nếu bất-đắc-dĩ thời phải kén lấy một

người trạng-mạo giống mình đi sang thay. Huệ mới cho Phạm Công-Trị mạo nhận tên mình, và sai các sứ-thần là Ngô Văn-Sở, Đặng Văn-Chân, Phan Huy-Tấn, Võ Danh-Tiêu, Nguyễn Tấn-Lộc, Đỗ Văn-Công cùng đem đồ cống-phẩm sang Tàu, và ngoại-lệ lại cống thêm một cặp voi đực. Vua Tàu truyền cho quan Tổng-đốc Lương-Quảng Phúc Khang-An, quan Tuần-phủ Quảng-tây Tôn Vĩnh-Thanh phải đi hộ-tống đến kinh. Khi đi đến hành-cung sông Nhiệt-hà, vào châu vua Tàu, vua cho làm lễ biao-tất, vua lại ngự-thư cho bốn chữ, *Củng cực qui thành 拱極歸誠* (1) và một câu đối rằng : « Chúc hồ hiệu tôn-thân, vinh thỉ đan thâm tri phát thể, 祝嘏効尊親。永矢丹忱知弗替。 (2) *Cận quang ung sủng tích, tài kê thanh-sử vị tiền vãn 觀光膺寵錫。載稽青史未前聞。 (3) »*. Lại ban cho một bài ngự-thi rằng :

瀛 瀛 入 祝 值 辰 巡。 (4)  
Doanh phiến nhập chúc trị thời tuần.  
初 見 渾 如 舊 識 親。 (5)  
Sơ kiến hồn như cựu thức thân.  
伊 古 未 聞 來 象 闕。 (6)  
Y cổ vị văn lai tượng khuyết,  
勝 朝 往 事 鄙 金 人。 (7)  
Thắng triều vãng sự bỉ kim nhân.  
九 經 柔 遠 祇 重 譯。 (8)  
Cửu kinh nhu viễn chỉ trùng dịch,  
嘉 會 於 今 勉 體 仁。 (9)  
Gia hội ư kim miên thể nhân.  
武 假 文 修 順 天 道。 (10)  
Võ yểm văn tu thuận thiên đạo,  
大 清 祚 永 萬 千 春。 (11)  
Đại-Thanh tộ vĩnh vạn thiên xuân.

(1) Bụng thành triều-củng về Bắc-cực.

(2) Sang chúc hồ đề tở lòng tôn thân, thể với niềm đan không khi nào trễ bỏ.

(3) Vào châu bóng sáng lại được nhờ ân-sủng ban cho, xét trong sử xanh chưa thấy có bao giờ

(4) Nước phiến-thuộc vào chúc hồ lại gặp khi vua đi tuần thú.

(5) Mới trông thấy mà hình như người biết cũ thân-thiết.

(6) Từ xưa đến nay chưa thấy đời vua nào vào châu cửa khuyết.

(7) Các triều trước cứ bắt cống người vàng để thay thì là việc khả-bi lắm.

(8) Theo như chín đạo thường thì nên yên-ủi kẻ xa cho cung-kính thông-dịch đến châu.

(9) Nay gặp hội tốt phải nên thể lòng nhân.

(10) Đẹp việc võ sửa việc văn là thuận đạo trời.

(11) Ngồi nhà Đại-Thanh lâu dài đến nghìn muôn năm.

Lại ban thưởng cho sống-áo đồ-đạc cùng ví như vị thân-vương, gia-thưởng ngoài một vạn lạng bạc. Đến khi vào bệ-từ xin về nước, vua Tàu lại cho tuyên-triệu đến gần sắp ngự dụ bảo ôn-tồn, lại sai thợ vẽ họa hình ban cho. Đến khi ra về lại còn ruồi theo ban cho chữ Phúc, và các đồ châu-báu ngoạn-hảo của vua, sứ-giả đi lại phục-dịch suốt dọc đường, người Tàu ai cũng ngỡ là vua An-Nam giả, thế mà vua Kiên-long vẫn tin là thực mà không biết, chỉ có ông đệ-thập-nhất hoàng-tử trong bụng lấy làm ghét lắm.

Trước kia vua Lê Chiêu-thống chạy sang Tàu, còn người em là Duy-Chi vẫn chiếm giữ đất Tuyên-quang Bảo-lạc, nương tựa vào với người thổ-tù là Nùng Phúc-Iấn, Hoàng Văn-Đông, liên-kết cả với các xứ Vạn-tượng, Trấn-ninh, Trịnh-cao, Qui-hợp, Tiêm-la, mưu phá thành Nghệ-an. Huệ sai quan Đốc-trấn Nghệ-an Nguyễn Quang-Điệu làm Đại-tổng-quản đò-đốc, Lê Văn-Trung làm Đại-tư-lệ, đem hết binh Nghệ-an đi đánh. Tháng sáu, đánh được Trấn-ninh, bắt được tên đầu-mục là Chiêu-Nan. Tháng tám, đánh phá Trịnh-cao, Qui-hợp. Tháng mười, vua nước Vạn-tượng bỏ thành chạy trốn, bắt được cả voi ngựa chiêng trống, rồi đuổi tràn đến bờ cõi Tiêm-la, chém được tướng Xiêm là Tả Phiến-Dung, Hữu Phiến-Siêu, quân Xiêm thua chạy. Diệu lại kéo quân về Bảo-lạc. Duy-Chi và Phúc-Tấn, Văn-Đông, vì thế-lực yếu quá không chống lại được, đều bị hại. Huệ lại sai sứ-thần là Võ Vĩnh-Thành, Trần Ngọc-Thị sang Tàu hiến-tiếp, mượn tiếng là tỏ ý cung-thuận, nhưng kỳ-thực là khoe-khoang. Lại xin với vua nhà Thanh cho mở chợ thông-thương ở cửa ải Bình-thủy tỉnh Cao-bình và ải Du-thôn tỉnh Lạng-sơn mà miễn cho không phải nộp thuế, lại xin lập một nha-hàng ở phủ Nam-ninh bên Tàu, vua nhà Thanh đều

cho cả. Trước kia sáu châu thuộc Hưng-hóa là : Tung-lăng, Lê-toàn, Hoàng-nham, Tuy-phụ, Hợp-phi, Khiêm-châu, và ba đồng thuộc Tuyên-quang là : Ngưu, Dương và Hồ-diệp, khi cuối đời nhà Lê phải quan Thổ-ti nhà Thanh xâm-chiếm mất, đã trải mấy đời đưa thư sang cải biện mà không thể đòi lại được. Đến bây giờ Huệ lại đưa thư sang quan Tổng-đốc Lương-Quảng xin cải-chính lại bờ cõi. Quan Tổng-đốc bảo rằng bờ cõi đã định rồi, bác bỏ thư đi. Huệ bởi thế đem lòng bất-bình, tập quân lính, sửa thuyền bè, ngầm có cái chỉ dòm nom đất Lương-Quảng, thường bảo các tướng rằng : « Nếu trời để ta và năm nữa, đờng-uy sức-nhuệ, ta có sợ gì họ đâu ! » Huệ đã đắc-chí rồi, nghiêm-nhiên lấy chế-độ đế-quốc tự-tôn, lập bà Lê công-chúa làm Bắc cung hoàng-hậu, lập con đích là Quang-Thùy làm thái-tử, lấy đất Nghệ-an ở giữa nước Nam, là nơi tổ-quán, mới đắp thành đất ở dưới núi Kỳ-lân, khởi lập ra lâu-diện, gọi là Trung-đo, đổi tên thành Thăng-long gọi là Bắc-thành. Chia Sơn-nam làm Thượng-Hạ hai trấn : Hạ-trấn thì ly-sở đóng ở Vị-hoàng ; Thượng-trấn thì ly-sở đóng ở Châu-cầu, mỗi một trấn đặt ra quan Trấn thủ-quan Hiệp-trấn ; mỗi một huyện quan văn thì đặt chức Phân-tri, quan võ thì đặt chức Phân-suất, đổi định lại tên các chức quan ; lại sai sửa-sang làm sổ đình sở điền, đình chia làm ba hạng, điền phân làm ba bậc. Tự sòng Danh trở ra ngoài bắc, phần nhiều số hộ số khẩu hãy còn ần-lậu, không chịu khai thực, Huệ lại lập ra một cái thẻ-bài, phàm dân-dinh trong sổ đều cấp cho một bài, gọi là tin-bài 信牌, trong bài viết đủ cả họ tên quán-chỉ, diêm-chỉ làm tin, một mặt khắc 4 chữ : « 天下大信 Thiên-hạ đại-tin, » đó là theo Ngô Thời-Nhiệm bày kể ra vậy. Phàm dân-dinh người nào không có thẻ thì là lậu-dân, phải bắt sung phu-dịch mà bắt

phạt người hương-trưởng. Kể nhạ-  
 dịch nhân đó làm gian, đi bắt-bớ những-  
 nhiều, nhân-dân có kẻ phải chui vào  
 hang để trốn-tránh, rất là cực-khổ.  
 khi bấy giờ bọn giặc Tàu-ô ở bề Quảng-  
 đông phải nhà Thanh đánh đuổi, túng  
 thế quá phải chạy sang đầu hàng. Huệ  
 mới cho những kẻ đầu-mục làm chức  
 Tổng-binh; lại dung-nạp cả đảng Ô-  
 tặc về hội Thiên-địa ở Lữ-xuyên, cho  
 thừa-gián lần-lượt đi cướp phá, đường  
 bề vì thế không được yên. Các quan  
 ở các biên-tỉnh nước Tàu cũng  
 sợ thanh-thế Huệ mạnh, không dám  
 hỏi gì đến. Huệ cũng có ý coi khinh  
 nước Tàu. Năm nhâm-tí Quang-trung  
 thứ năm, Huệ lại sai làm tờ biểu đem  
 sang Tàu cầu-hôn, để dò ý vua Tàu,  
 muốn nhân thế gây ra sự giao-binh,  
 nhưng gặp phải yếu đau ngay, việc ấy  
 mới thôi. Huệ cho triệu quan Trấn-thủ  
 Nghệ-an là Nguyễn Quang-Diệu về  
 thương-nghị muốn thiên-dô đến Nghệ-  
 an, chữa định nghị mà Huệ đã đau  
 ngặt, triệu lữ Diệu dặn bảo rằng :  
 « Ta mở-mang bờ-cõi, mới có cõi  
 Nam này, nay ta đau chắc không khỏi  
 được nào. Thái-tử tư-chất cũng khá,  
 nhưng tuổi còn nhỏ, ở ngoài lại có quân  
 Đồng-nai là quốc-thù (1), mà Đức-thái  
 huynh-vương thì tuổi đã già, dật-lạc  
 tam yên, không biết lo xa. Sau khi ta  
 chết chừng độ một tháng phải tổng-táng  
 lạo-thảo cho xong, các người phải giúp  
 ngôi thái-tử, thiên-dô ra đóng ở Trung-  
 đô, để chế-ngự giữ lấy thiên-hạ, không  
 thì quân Đồng-nai kéo ra, lữ người  
 chết không có đất chôn chôn. » Lữ người  
 Diệu cùng khóc xin vâng mệnh, giết  
 con ngựa trắng để ăn thề Ngày 29 tháng

9, Huệ mất ở điện Trung-hòa, Nhạc  
 nghe Huệ chết đem các quan liêu-thuộc  
 hơn 300 người cùng với em gái đi đến  
 thăm, vừa đến đầu phủ Tư-nghĩa, quân  
 giữ đồn ấy không cho đi. Nhạc lại trở về  
 Qui-nhân. Huệ làm vua được 5 năm  
 thọ 40 tuổi, mộ táng ở phía nam sông  
 Tương, thụy-hiệu là Thái-tổ Võ hoàng  
 đế.

Thái-tử là Quang-Toản lên nối ngôi,  
 sai quan Thị-trung-dại-học-sĩ Ngô lờ-  
 Nhiệm, Hộ-bộ Tả-dồng-nghị Nguyễn  
 Viêt-Trực, Hộ-bộ Thị-lang Nguyễn Văn-  
 Thê cùng sang Tàu để cáo-phó, và nói  
 dối rằng có thừa di-chức táng mộ ở trên  
 Tây-hồ trấn Bắc-thành để cho được gần  
 nương cửa thiên-khuyết. Vua Tàu tin là  
 thực, cho tên thụy gọi là Trung-thuần,  
 lại ban cho một bài ngự-thi để viếng, và  
 lại cho một bộ tượng Phật, 3000 lạng bạc  
 để giúp cho việc táng. Sai quan Ân-sát  
 tỉnh Quảng-tây là Thành Lâm đưa sang  
 trên đằm Linh-đường (2) để dụ tế.  
 Bài văn dụ-tế có câu rằng : « Chúc lữ  
 Nam cực, hiện trung đặc tướng kỳ sự  
 triều 祝釐兩極。効忠特獎其趨朝。  
 (3) Thỏa phách Tây hồ, một thế vô vong  
 ư luyện khuyết 妥魄西湖。沒世無  
 忘於戀闕。(4) ». Bài thơ viếng có  
 khắc vào đá dựng bia ở bên tả mộ.  
 Quang-Toản trước kia tên là Trát, mẹ  
 là họ Phạm người phủ Qui-nhân, 30  
 tuổi được sách-phong làm hoàng-hậu,  
 sinh 3 con trai 2 con gái, Toản là con  
 cả. Trước kia giả-vương là Phạm Công-  
 Trị sang châu bên Tàu, vua Tàu lại  
 phong cho Quang-Thùy làm thế-tử, sau  
 biết Thùy là con thứ mới đổi phong  
 Quang-Toản làm thế-tử, ban cho ngọc  
 như-ý và áo hà-hoa cầm-bào. Đến đây

(1) Tức là trở quân vua Thế-tổ ở trong Sài-gòn.

(2) Chỗ xây mộ giả của Huệ thuộc về huyện Thanh-tri.

(3) Chúc phúc ngôi Nam-cực đáng khen cho lại châu để tỏ lòng trung.

(4) Yên phách trên Tây-hồ, suốt đời không quên luyện của khuyết.

Huê chết, Toản lên nối ngôi, lấy năm sau đời làm niên-hiệu Cảnh-thịnh nguyên-niên. Khi bấy giờ Toản mới lên 10 tuổi. Lữ Ngô Thời-Nhiệm lại sắp-sửa sang Tàu để xin phong, khi Nhiệm chưa ra đến cửa quan-ải, vua Tàu đã được tin quan Tuần-phủ Quảng-tây tâu lên, liền giáng chiếu-chỉ phong Toản làm An-Nam quốc-vương, sai quan Án-sát Quảng-tây sang Bắc-thành để tuyên-phong, Toản cũng mượn người khác đi thay để chịu phong, người Tàu cũng biết là giả-dối.

Toản đã được phong rồi mới phong cho em là Quang-Thùy làm Khang-công, thống-chế cả thủy-bộ chư-quân kiêm coi quân-dân chư sự-vụ; Quang-Hàn làm Tuyên-công, lĩnh chức đốc-chấn Thanh-hóa, tổng-lý quân-dân sự-vụ; cậu là Bùi Đắc-Tuyên(1) làm Thái-sur coi các việc cơ-mật trong ngoài; Hạ-sơn công-thần là Thái-úy Phạm Công-Hưng giữ về việc quân-quốc trọng-sự; quan Trung-thư phụng-chính Trần Văn-Kỷ coi về tòa Trung-thư cơ-mật, phàm các việc văn-thư đều ủy hết cho ông ấy; Thiếu-bảo Nguyễn Quang-Diệu, Hạ-sơn chiến-tướng đại-dò-dốc Nguyễn Văn-Thận đều trấn-thủ Nghệ-an; Đại-tư-khấu Võ Văn-Dũng, Đại-tư-cối Nguyễn Văn-Dụng, Thiếu-bảo Nguyễn Văn-Danh, Đại-tư-mã Ngô Văn-Sở, Hình-bộ thượng-thư Lê Xuân-Tài đều ra trấn-thủ Bắc-thành; bãi cái lệnh bắt thẻ tín-bài, không bắt những kẻ lậu-định nữa. Khi ấy Toản còn ít tuổi chỉ ham việc chơi đùa, phàm việc gì đều quyết-định ở tay Bùi Đắc-Tuyên cả, Tuyên cậy thế can-dỡ, làm uy làm phúc, trong ngoài đều oán cả. Năm qui-sửu, vua Thế-tổ đem quân đến vây thành Qui-nhân, Nhạc sai con là Bảo ra chống-cự,

quân thua chạy tan cả. Khi ấy Nhạc đã phải bệnh đau, đưa thư ra cáo-cấp thành Phú-xuân. Toản sai Thái-úy Phạm Công-Hưng, Hộ-giá Nguyễn Văn-Huấn, Đại-tư-lệ Lê Văn-Trung, Đại-tư-mã Ngô Văn-Sở đem 1 vạn 7 nghìn quân bộ 18 cặp voi đi vào cứu-viện; Đại-thống-lĩnh Đặng Văn-Chân đem thủy-quân hơn 30 chiếc thuyền chia năm đường vào cứu. Thế-tổ rút quân trở về. Lữ người Hưng vào thành Qui-nhân, Nhạc sai đem mâm vàng bạc ra khao quân. Hưng sai tịch biên các kho đụn và thu hết đồ giáp-binh giữ lấy thành Qui-nhân. Nhạc tức uất lên thổ máu ra mà chết. Toản phong con Nhạc là Bảo làm Hiếu-công, chia cho một huyện Phù-ly làm thực-ấp, hiệu là Tiểu-triều. Mẹ Bảo xỉ mắng Bảo rằng: «Cái công mở-mang bờ cõi đều là công cha mày, thế mà nay chỉ được thực-ấp một huyện, chịu nhục như thế thà rằng chết còn hơn!» Sau Công-Hưng mắc đau trở về Phú-xuân, Thị-trung tham-nghị Bùi Đắc-Trụ (con Đắc-Tuyên) và Nguyễn Văn-Huấn, Lê Văn-Trung cùng thay nhau lưu giữ thành Qui-nhân, giả danh là giúp cho Bảo mà kỳ-thực là có ý giám-chế ngầm.

Năm giáp-dần, Cảnh-thịnh thứ hai, Toản sai hộ-giá Nguyễn Văn-Huấn, Điem-kiểm Trần Tiết-Kết đem quân vào đánh thành Diên-khánh, quân thua chạy về. Toản lại sai Tổng-quản Nguyễn Văn-Diệu, Nội-hầu Nguyễn Văn-Tứ đem quân vào vây thành, giữ nhau đến vài tháng. Mùa đông năm ấy Đắc-Tuyên sai Ngô Văn-Sở ra thay cho Võ Văn-Dũng kinh-lý quân-vụ Bắc-thành mà đòi Dũng về, khi Dũng về đến trạm Hán-xuyên thì gặp quan Phụng-chính Trần Văn-Kỷ bị tội đầy ở trạm ấy. Kỷ

(1) Bùi Đắc-Tuyên với Bùi Văn-Việt đều là con cùng mẹ khác cha với bà Phạm Hoàng-hậu.

mật bảo Dũng rằng : « Quan Thái-sư ngồi đến cực phẩm nhân-thần, chuyên quyền làm uy phúc, ý muốn không lợi cho nhà xã-tắc, nếu không sớm liệu đi thời về sau này hối sao kịp được nữa ! » Dũng bèn cùng mật mưu với Phạm Công-Hưng, Nguyễn Văn-Huấn thanh-ngôn lên rằng sắp ra Nam-dã để tế cờ, rồi nhân lúc ấy đem đồ-dâng đến vây Đắc-Tuyên ở chùa Thiên-lâm (Đắc-Tuyên vẫn đóng ở chùa ấy). Không ngờ đêm hôm ấy Tuyên vì có việc lại ngủ ở trong phủ, Dũng vây quanh phủ đòi bắt ra, Toàn bất-đắc-dĩ phải đưa cho Dũng giam vào ngục. Ngô Văn-Sở là đảng của Đắc-Tuyên. Dũng cũng mạo tờ chiếu sai quan Tiết-chế Nguyễn Quang-Thùy bắt gông đem giải về kinh. Lại sai Nguyễn Văn-Huấn đem binh vây thành Qui-nhân bắt con Tuyên là Đắc-Trụ giải về, vu cho là phản-trang, rồi đều dầm xuống nước mà giết đi. Toàn cũng không hay ngăn chế được. Quang-Diệu đương vây thành Diên-khánh được tin cả sợ bảo kẻ đây tờ rằng : « Nay Đức vua không mạnh, để cho kẻ đại-thần giết lẫn nhau, là cái biến lớn vậy. Nếu không định xong nội-biến thì sao hay chống chế được người. » Lập-tức ngày hôm ấy giải vây kéo quân trở về. Dũng thấy Diệu là thông-gia với Đắc-Tuyên ngờ có sinh biến gì khác chẳng, liền sai Công-Hưng đem binh đi đón đề điều-đình. Khi bấy giờ Nguyễn Văn-Huấn giữ thành Qui-nhân nghe thấy Diệu kéo quân về liền đến trước tạ tội, Diệu cũng chẳng hỏi gì cả, liền đem quân đến An-cự, đóng đồn ở phía nam-ngạn sông Hương. Dũng và quan Nội-hầu Tử thì đóng quân ở phía bắc sông Hương, cây cỏ mệnh vua đề chống lại. Toàn thấy thế lo sợ, mới sai người đi lại cả đôi bên đề hỏi thăm và hòa-giải. Diệu mới đem kẻ tả-hữu vào yết-kiến, cùng với Dũng giảng-hòa, và xin cho Văn-Trung thay Huấn giữ thành Qui-nhân mà triệu người Huấn về.

Từ bấy giờ Quang-Toản ra thân-chính, cứ năm ngày một buổi châu. Năm ấy Thái-úy Phạm Công-Hưng bị đau chết, mới lấy Diệu làm Thiếu-phó, Huấn làm Thiếu-bảo, Dũng làm Đại-từ-dồ, Nguyễn Văn-Tứ làm Đại-từ-mã, gọi là Tứ-trụ đại-thần. Có người nói gièm Diệu uy-quyền trọng quá sợ có di-chi gì chẳng. Toàn lấy làm ngờ, thu lấy binh-quyền của Diệu, chỉ cho Diệu lấy bản-chức vào châu chức, từ đấy Diệu mang lòng nghi sợ, thác bệnh không vào châu nữa, đem quân thủ-hạ và trăm người ngày đêm cầm đồ binh-khi để tự giữ mình. Toàn thường sai quan Trung-úy ra hiệu-dụ.

Năm đinh-tị, Cảnh-thịnh thứ năm, vua Thế-tổ đem binh thuyền vào đánh cửa bể Thi-nại, đánh mãi không hạ được, mới tiến quân đến cửa Đà-nẵng và Cầu-đê, Hải-vân đề đánh. Toàn sai Văn-Huấn đem hết quân ra chống cự. Lại khởi-phục cho Quang-Diệu đem quân ra án-ngũ cửa bể Thi-nại. Thế-tổ thấy Bảo phải Toàn lẩn cướp mất cả, lại phải Lê-Trung hiệp-chế, Bảo có lòng bất-bình, Thế-tổ mới mật sai người đến dụ Bảo rằng : « Nay quân ta tiến đến đánh lấy Quảng-nam, thứ-đệ rồi lấy đến Qui-nhân, nhà người muốn rửa cái thù cho cha nhà người, thì người nên chiêu-tập bọn cựu-binh, đợi khi quân ta đóng sát đến dưới thành thì người giết ngay Lê-Trung đi ra đón quân nhà vua, đời-tội lập-công là ở chuyển này đó, ta không lấy có cha mắc tội mà ngờ đến con, ta không khi nào giết kẻ đã về hàng, người phải nên liệu đấy. » Mùa thu, Thế-tổ đem quân về Gia-định. Bảo từ khi được tờ mật-dụ, ngầm có chí muốn về hàng. Năm mậu-ngọ, Cảnh-thịnh thứ sáu, Trung nghe tin quan Thiếu-phó cùng với chư-tướng bất-hòa, Trung mới tự đem quân về Phú-xuân, lưu hầu Uyên-thanh ở lại giúp cho Bảo, Bảo liền giam hầu Uyên-thanh lại mà giữ lấy thành, lại sai quan Đô-đốc Đoàn

Văn-Cát, Nguyễn Văn-Thiệu đóng giữ đồn Phú-xuân, và dâng biểu xin hàng với vua Thế-tổ, ý nói rằng xưa kia Vitử hàng nhà Chu, Trương Lương về nhà Hán, vì là mệnh trời ở đó vậy, kíp xin đại-binh chóng tới, tự nguyện xin làm tiền-khu. Thế-tổ nhận lời, sai Nguyễn Văn-Thành, đem quân tiếp-ứng, Thành chữa đem quân đến nơi thì Toàn đã đem quân vây thành Qui-nhân, bắt Bảo đem về đánh thuốc độc chết. Sai Đại-tổng-quản là Lê Văn-Thanh giữ thành Qui-nhân. Quan Thái-phủ là Lê Văn-Ứng nói với Toàn rằng : « Sự biến Tiều-triều là tự Lê Trung gây lên. » Toàn đòi Trung đến sai trảng-sĩ trói lại mà giết. Toàn lại tin lời gièm của Thượng-thư Hồ Công-Diệu giết chết quan Thiếu-bảo Nguyễn Văn-Huấn. Từ bấy giờ các tướng-tá đều li-tâm mà đem lòng nghi sợ cả. Quan Đại-dô-đốc Lê Chất là cháu Lê Trung đã từng lập được chiến-công, sợ và kíp đến mình, cũng về hàng vua Thế-tổ. Năm kỷ-mùi Cảnh-thịnh thứ bảy, vua Thế-tổ lại đem quân đến đánh thành Qui-nhân, Lê Văn-Thanh đóng cửa thành lại liều chết mà giữ. Quang-Diệu, Văn-Dũng nghe tin đem binh-thuyền vào cứu-viện, khi kéo đến Tư-nghĩa nghe tin Thế-tổ đã đem quân lên bộ đóng thủ-hiêm rồi, Diệu mới đóng quân ở ngoài núi Thạch-tân, Dũng thì đem quân lên qua đường tắt Trung-sá chực để đánh úp đằng sau quân vua Thế-tổ, đương đem kéo quân đi, toán tiền-binh gặp con hươu chạy, kêu to lên rằng : « Nai ! nai ! », toán hậu-quân tưởng là quân Đồng-nai kéo đến, liền kinh sợ tan vỡ. Thế-tổ đem quân đuổi đánh, quân lính của Dũng tự giầy séo lẫn nhau mà chết rất nhiều. Văn-Thanh tuyệt mất viện-binh mới cùng với Thượng-thư Trương Văn-Phác, Thiếu-úy Trương Tiến-Thủy đem thành ra đầu hàng. Thế-tổ lấy được thành Qui-nhân rồi đổi tên là thành Bình-định, lư quan Hậu-quân Võ Tinh, quan Lê-bộ

Ngô Tùng-Chu đóng lại giữ thành Qui-nhân. Toàn nghe tin thành Qui-nhân thất-thủ, liền đại-cử binh kéo đến Trà-phúc, thúc giục chư-tướng đem quân ra trận, Trần Viết-Kết nói rằng : « Nay đương mùa không tiện gió, xin hãy đem quân về, » Toàn mới lưu Diệu, Dũng giữ Quảng-nam, Nguyễn Văn-Giáp giữ Trà-khúc, mà tự đem quân về.

Trước kia cái trận đánh ở bến Đà, quân của Dũng chữa đánh mà đã tan, Dũng sợ phải tội nói với Diệu giấu việc ấy đi cho. Từ bấy giờ hai người kết thân với nhau thề làm tử-hữu. Trần Viết-Kết, Hồ Công-Diệu, Trần Văn-Kỷ vốn ghét Diệu, kể tội Diệu khi thành Qui-nhân thất-thủ, Diệu đóng quân không có công-trạng gì cả, mạo tồ chiếu sai Dũng bắt Diệu giết đi. Dũng được tờ thư đưa cho Diệu xem, Diệu cả kinh, mới dẫn quân trở về Phú-xuân, đóng đồn ở phía nam-ngạn sông Hương, thanh-ngôn rằng về giết những quân giặc ở bên cạnh vua. Toàn sai người triệu Diệu vào hỏi, Diệu không chịu thụ-mệnh. Kỷ đồ tội cho Viết-Kết với Công-Diệu. Kết lần trốn đi mất. Toàn mới bắt Công-Diệu đưa cho Quang-Diệu. Quang-Diệu mới chịu giải binh vào châu. Toàn dụ bảo rằng : « Lũ người đều làm trụ-thạch nhà nước, nên vì nhà nước đồng-tâm hiệp-lực để trừ tai-nạn ở ngoài, chớ không nên cứ hoài-nghi nhau mãi. » Quang-Diệu khóc mà cảm tạ, lại xin đem quân vào đánh thành Qui-nhân. Năm giáp-thân, Cảnh-thịnh thứ 8, Diệu đem bộ-binh đóng xát vào thành để khiêu-chiến. Nguyễn-tướng là Võ Tinh kiên-thành cố-thủ. Diệu mới sai đắp một lũy dài chung quanh bốn mặt để bõ vây. Dũng thì đem hai chiếc thuyền lớn hiệu Định-quốc với và trăm chiếc chiến-thuyền đóng chặn ngang ngoài cửa bể Thi-nại. Lại thiết-lập hai cái đồn ở trên bãi Nhạn núi Tam-tòa về phía bên hữu cửa bể, đặt súng đại-bác để ở trên cao bắn vào,

phòng-thủ rất là nghiêm-mật. Mùa hè, Thế-tổ đem quân ra cứu-viện, quân bộ thì đóng ở Thi-dã, quân thủy thì đóng ở ngoài cửa bể Thi-nại. Khi ấy thủy-quân chữa thông vào được, lính cố thủ ở trong thành để đợi viện-binh, đôi bên giữ nhau đã lâu. Khi ấy cánh quân Thượng-đạo của vua Thế-tổ là Lưu Phúc-Lương liên-kết với quân Vạn-tượng, Trấn-ninh đánh thành Nghệ-an. Từ Thanh-hóa trở ra ngoài chư-trấn thờ-ti đều khởi-binh ứng theo vua Thế-tổ. Các đạo-trưởng Tây-dương cũng đều phiến-dự bọn đạo-đồ ở trong nước nổi lên như ong. Quang-Toản thấy thế-lực càng ngày càng cùng-súc, sai người lấy hậu-lễ với người xử-sĩ là Nguyễn Thiếp ra hỏi-han việc nước. Thiếp thưa rằng: «Việc nước không thể làm sao được nữa.» Thiếp chỉ bảo Toản lui ra giữ lấy Trung-kinh, họa may ra có thể hoãn được. Toản dùng-dăng mãi không quyết. Năm tân-dậu Cảnh-thịnh thứ 9, Thế-tổ đem thủy-quân kéo thẳng đến cửa bể Thi-nại, sai Tổng Phúc-Lương, Nguyễn Văn-Trương đem cánh quân tiên-đạo vào đánh đốt thủy-đồn. Lê Văn-Duyệt, Võ Di-Nguy tiến vào theo sau. Dừng đốc thúc chư-quân cự-chiến, súng đạn bay xuống như mưa. Di-Nguy bị đạn ngã lăn xuống nước chết, quân lính bị chết đẫm cũng nhiều. Văn-Duyệt cứ đốc-thúc chư-quân vào đánh, thừa ngọn gió tung lửa đốt hết thuyền của Tây-sơn, khói lửa rục trời. Dừng chỉ lần trốn thoát được một mình. Diêu đã mất đồn thủy-quân rồi, lại sai đắp thêm thành đất để trở bắn ra ngoài, trong thành lại rào thêm đồn-lũy để làm kế giữ lâu bền. Thế-tổ thúc quân đánh mãi đến mấy tuần không vỡ, mới lưu bộ-tướng là Nguyễn Văn-Thành đóng ở Thi-dã để chống giữ, mà Thế-tổ thì tự đem binh-thuyền ra Phú-xuân. Mồng một tháng năm, kéo quân vào cửa bể Tư-khách. Phò-mã Nguyễn Văn-Trị giữ núi Qui-son lập ra đồn-lũy để chống giữ. Tiền-

quân của Thế-tổ đánh mãi không được. Lê Văn-Duyệt, Lê Chất đem và mười chiếc chiến-thuyền qua bãi cát vào phá Hà-trung, đánh úp bắt được Văn-Trị và Phan Văn-Sách, hàng được hơn 500 quân, liền tiến vào cửa Nhi-hải. Toản đem hết quân ra để chống-cự. Thế-tổ thừa-thắng đánh xông lên, quân Toản thua chạy, Toản đem đồ bán chạy ra ngoài Bắc, bỏ cả những tờ sắc ấn của triều nhà Thanh phong cho. Khi Toản chạy ra đến cầu Phú-xuân và dậm đường, thì quân lính trốn đi hết. Toản chỉ cùng với em là Thái-tử Quang-Thiệu, Nguyên-súy Quang-Khanh, Đại-tư-mã Từ, Đô-đốc Trù di truyền từng trạm chạy ra đến Đông-hải, đi suốt cả ngày cả đêm, đến ngày doan-ngộ qua sang dò sông Gianh, chạy ra đến Nghệ-an, lưu ở và ngày, lại truyền trạm chạy ra đến trấn Thanh-hoa, đưa tờ ra phi-báo cho em là Quang-Thù đem quân vào đón. Thế-tổ đã thu-phục được Phú-xuân rồi, liền sai Lê Văn-Duyệt, Lê Chất, Tổng Phúc-Lương đem quân vào cứu-viện cho thành Qui-nhân, khi quân chưa đi đến nơi, thì trong thành hết cả lương, quan Trấn-thủ là Võ Tinh, quan Hiệp-chấn là Ngô Tông-Chu đều chết cả rồi. Diêu, Dững lại giữ thành Qui-nhân, sai Đại-đô-đốc Trương Phúc-Phượng, Tư-khẩu Định đem quân do đường thượng-đạo kéo ra cứu-viện cho thành Phú-xuân. Phượng đi đến nửa đường hết lương phải đầu-hàng. Định kéo đến đất Cao-đôi bị đánh thua, chạy lẫn vào trong rừng mán rồi chết. Hạ-tuần tháng năm, Toản ra đến Bắc-thành lưu ở phủ-thự của Quang-Thù, khi bấy giờ mưa dầm ròng-rã mấy tuần, trước sân phủ nước sâu đến hơn một thước, chột nước cạn xuống, đất hầm thụt xuống sâu rộng đến vài thước. Lâu ba từng ở thành Nghệ-an vô-cố cũng tự đổ úp xuống, người ta đều cho là cái chung-triệu bất-trông. Tháng ấy mới

đôi năm thứ chín gọi niên-hiệu là Bảo-hưng nguyên-niên, xuống tờ chiếu tự trách mình để ủy-dụ quân dân các chốn, cho quan Thị-rung học-sĩ Ngô Thời-Nhiệm làm Binh-bộ Thượng-thư, Hiệp-biện đại-học-sĩ Nguyễn Huy-Lịch làm Lại-bộ Thượng-thư, Thị-trung ngự-sử Phan Huy-Ích làm Lễ-bộ Thượng-thư, còn các người khác đều được phong chức có thứ-tự cả. Đắp đân Viên-khuu ở ngoài cửa ô chợ Dừa, xây đân Phương trạch ở trên Tây-hồ, lấy ngày Đông-chi Hạ-chi cáo tế trời đất. Toàn lại thân đến nhà Quốc-tử-giám khảo-khóa học trò, người nào ưu-hạng thì được thưởng tiền, lại sai Nguyễn Đăng-Sở sang dâng tuế-cống cho nhà Thanh và xin quân cứu-viện. Khi bấy giờ sứ-bộ của Thế-tổ là Trịnh Hoài-Đức đã vượt bể đi sang đến Yên-kinh để xin phòg, vua Gia-khánh đã nhận lời mà từ khước lũ Đăng-Sở cho trở về. Tháng tám, Toàn sai em là Quang-Thùy sắp sửa binh-mã đem vào trước để đóng đồn ở Nghệ-an. Tháng mười một, Toàn lưu Quang-Thiệu, Quang-Khanh đóng giữ Bắc-thành, tự thân đốc binh-mã bốn trấn và binh Thanh Nghệ ba vạn quân vào trong Nam, vợ Quang Diệu là Bùi Thị-Xuân cũng đem 5 nghìn quân thủ-hạ để đi theo. Tiếp-chế Thủy, Tổng-quản Siêu thì vào đánh lũy Trấn-ninh; Tư-lệ Tuyết, Đô-đốc Nguyễn Văn-Kiên thì đánh lũy Đâu-mâu (thuộc Quảng-binh); Thiếu-úy Đặng Văn-Đặng, Đô-đốc Lục thì liên-kết với quân giặc Tàu-ô hơn trăm chiếc thuyền bày hàng cả ngoài cửa sông Gianh, binh-thế rất thịnh. Thế-tổ lui quân giữ Đông-hải. Ngày 30 tháng chạp, Toàn đem hết quân qua sang sông Gianh. Thế-tổ thân đốc binh-mã đóng ở Đông-hải, sai Phạm Văn-Nhân, Đặng Trần-Thường thì đem cánh bộ-binh, Nguyễn Văn-Trương đem cánh thủy-binh, chia đường ra chống giữ. Tháng giêng năm nhâm-tuất Bảo-hưng thứ hai, Quang-Thùy đem quân

tiến vào vây lũy Trấn-ninh. Thế-tổ sai mở cửa thành ra đánh, quân Quang-Thùy phải lui, Toàn lại đem hết quân vào đánh lũy Đâu-mâu, bò leo lên như kiến, Thế-tổ sai bắn súng đại-bác và ném đá lăn xuống, quân Toàn chết hại rất nhiều, Toàn muốn đem quân tháo lui, Thị-Xuân nắm lấy khẩu ngựa giữ lại, xin thúc quân xông vào đánh lại đánh nhau từ sớm đến gần trưa, chợt nghe tin cánh thủy-quân đã phải Nguyễn Văn-Trương đánh thua rồi, quân Toàn tự vỡ tan mà chạy. Ngày mồng hai, loãn chạy đến Đổng-cao, vội-vàng sang dò sông Gianh, khi lên đến bờ phía bắc, quân theo hầu mười phần không còn được một hai. Mười lăm chiếc thuyền lương và những đồ quân-trang khí-giới đều phải Thế-tổ bắt được cả. Quang-Thùy chạy đến sông Gianh lại phải binh vua Thế-tổ đánh chặn không sang dò được, phải lên qua đường núi đi hơn một tuần mới trở ra đến Nghệ-an, mới gặp Quang Toàn lại cùng nhau chạy ra đến Bắc-thành. Trận này loãn thua bại-hoại hết cả, từ đấy tinh-thần buồn-bã, chỉ ở trong thành tập bắn vngâm thơ mà thôi. Diệu, Dũng ở thành Qui-nhân nghe tin Toàn đã thua chạy ra rồi, mới đem các bộ-tướng là Từ Văn-Chiều, Nguyễn Văn-Bán, Nguyễn Văn-Giáp, Nguyễn Văn-Điềm, Lê Công-Hưng và ba nghìn quân bộ, 8 nghìn quân chiến-tượng, theo đường rừng qua Ai-lao định trở về Nghệ-an. Khi bấy giờ binh vua Thế-tổ đã sang qua sông Gianh tiến đến đánh lũy đồn Tam-hiệu ở châu Bồ-chinh. Nguyễn Văn-rương thì đem thủy-quân đến cửa bể Đan-ngạn đánh phá đồn Quân-mộc; Lê Văn-Duyệt, Lê Chất thì đem bộ-quân đến sông Thanh-long đánh cướp được kho thóc Kỳ-lân. Quan trấn-thủ Nghệ-an là Nguyễn Văn-Thận, hiệp-trấn Nguyễn Chiêm, quan đốc-lĩnh thủy-quân tên là Đại, Thiếu-úy Đặng, đều bỏ thành chạy đến Tiên-

lý (tức là phủ-thành Diên-châu). Chiêm tự thất cổ mà chết, Thận thì chạy ra Thanh-hoa. Thế-tổ đã đánh được thành Nghệ-an rồi, đặt ra các quan lại để chia giữ. Quang-Diệu tự châu Qui-riệp ra đến Thanh-sơn nghe tin thành Nghệ-an đã vỡ mất rồi liền qua huyện Thanh-chương sang dò sông Thanh-long để đi ra, quân-linh theo hầu dần dần tan đi hết cả. Quang-Diệu và vợ là Bùi Thị-Xuân đều phải bình vua Thế-tổ bắt được cả. Văn-Dũng thờ bị thổ-dân bắt được đem giải nộp. Thế-tổ kéo binh đến Thanh-hoa, Đốc-Trần Quang-Bàn và Thận, Đẳng đều ra đầu-hàng. Ngày 16 tháng mười. Quang-loãn tự biết thế mình không thể chống được, cùng với em là Quang-Thùy, Quang-Thiệu và Tư-mã Nguyễn Văn-Dụng, Nguyễn Văn-Tử, Đò-đốc Tú cùng sang dò sông Nhi-hà chạy sang phía Bắc, khi đến trọ đêm ở Xương-giang, kẻ thôn-dân ở đấy mưu tính với nhau vào cướp, Quang-Thùy tự thất cổ chết, Tú và vợ đều tự-tử chết, Toàn thì phải dân huyện Phượng-nhãn bắt được đóng cũi đưa về Bắc-thành. Ngày 23, Thế-tổ kéo quân ra đến thành Thăng-long, các quan văn võ các trấn đều đến trước cửa quân đầu-hàng. Mùa đông năm ấy vua Thế-tổ ngự-giá về kinh-thành Phú-xuân làm lễ nhà Thái-miếu để hiến-phù, rồi đem giết sạch cả. Rồi sai đào má Nhạc, Huệ đem xương cốt tán bỏ đi, giam đầu Nhạc, Huệ vào trong nhà ngục. Thế-tổ lên ngôi đổi niên-hiệu là Gia-long nguyên-niên (1802). Đồi ấp Tây-sơn gọi là An-tây-ấp. Năm Minh-mệnh thứ 12 lại bắt được con Nhạc là Văn-Đức, Văn-Lương, con Đức là Văn-Đầu, đều đem chém ngang lưng cả, từ đấy nòi giống họ Nguyễn Tây-sơn không còn sót một người nào cả.

Ta chép sử Tây-sơn đến đây hoặc có người bảo ta rằng: «Tây-sơn là kẻ tiếm-ngụy, cái phép bút-tước về lịch-sử phải nên nghiêm mới được, thế mà nhà người cứ tự-sự như thường, lại xưng đế xưng vương, thế chẳng sai lẽ phải trái lắm ru? »

Ta bảo rằng không phải, người ta luận-sự không cứ việc gì, không nên có ý gì thiên-vị. Hưởng-chi chép vào sách sử để chung cho người đời xem, thời một chữ khen, một lời chê, nếu không giữ một mực đường-chính chí-công, thì sao đủ truyền làm tin-sử. Nay nhà người muốn ta bắt-chước cái bút-pháp các nhà làm tội-tờ chép sử có ý thiên-vị, mà bai-bác nhà Tây-sơn đi, thế chẳng sai-lầm lắm ru! (1) Ta với nhà Tây-sơn xưa nay chẳng có ân gì mà cả », cũng chẳng có hận gì mà thù, chỉ cứ tự-sự luận sự, lấy con mắt người bàng-quang mà luận-đoán sự-thực, khiến cho người đời sau đọc sử không đến nỗi sai-lầm điều phải điều trái, và phá bỏ cái thói xấu các nhà chép sử xưa nay cứ hay thiên-vị một nhà ấy đi, chứ có việc gì mà sai-lầm được. Và lại người bảo nhà Tây-sơn là tiếm-ngụy thì lấy về cái có gì mà nói? Xưa kia Thục Phán là người nước Ba-Thục, Triệu Đà là người huyện Chân-định, đều là lấy người Tàu mà vào làm vua nước ta, nếu cứ lấy bờ-cõi mà kể ra, thời nên cho là giặc là thù mới phải. Thế mà sách Việt-sử lại cứ đại-thư đặc-thư xưng là : « An-đương-vương 安陽王 », « Triệu Võ-đế 趙武帝. » Lê Hoàn, Lý Công-Uần là kẻ thần-tử đời Đinh đời Lê, Lê Hoàn thì giết vua Đinh, Công-Uần thì cướp ngôi nhà Lê mà chiếm lấy thiên-hạ, nếu lấy thân-tiết mà luận ra, thì nên kể là tiếm là ngụy mới phải. Thế mà sách Việt-sử

(1) Đinh Linh-Uy nói : Những người làm tội-tờ mà chép sử có ý thiên-vị cũng là phải. Nhưng không đủ truyền làm tin-sử mà thôi.

lại cứ đại-thư đặc-thư xưng là: « Lê Đại-Hành hoàng-đế 黎大行皇帝 », « Lý Thái-tổ hoàng-đế 李太祖皇帝 ». Nếu cứ so vào bút-pháp kinh Xuân-thu, thời những cách sử chép như thế, thực là làm sai-lầm cả sự trái sự phải, thế mà thiên-hạ không có ai làm sách ra biện-luận để cho tỏ cái nghĩa lớn vua tôi nhà nước, thế chẳng lạ lắm thay! Còn như họ Nguyễn Tây-sơn là người phủ Qui-nhân ở nước ta, lấy người nước ta làm vua nước ta, há chẳng phải là danh-chính ngôn-thuận đó hay sao? Huống-chi họ Nguyễn Tây-sơn lấy là kẻ bố-y chốn dân-dã, cùng với họ Lê vốn chưa có cái danh-phận trên dưới vua tôi gì cả, thế thời nhân lúc nhà Lê suy, ra mà thay giữ lấy thiên-hạ, chứ có phải tranh cướp gì đâu. Nay ta cứ sự thực mà chép thẳng, để thủ-tín với thiên-hạ đời sau đó. Và lại thiên-hạ là của chung cả thiên-hạ, chỉ người nào có sức khỏe mạnh thì người ấy tức là chủ-nhân-ông. Cứ nghĩa ấy mà suy ra, thời Thục Phán, Triệu Đà, Lê Hoàn, Lý Công-Uân đều là chủ-nhân-ông ở nước ta về các thời ấy, thời cứ thực chép thẳng xưng là đế là vương cũng là phải. Huống-chi họ Nguyễn Tây-sơn lại có nhiều sự hiển-hách không thể mai-một đi được, nên ta mới thuật lại sự-nghiệp của lịch-sử họ Nguyễn Tây-sơn.

Người chủ-yếu trong lịch-sử Tây-sơn có ba người là Trung-ương hoàng-đế, Thái-tổ Võ hoàng-đế, và Đông-định vương. Đông-định-vương mất sớm, chưa t ành sự - công gì thì không kể chi. Trung - ươ ng hoàng-đế khởi tự thừa hàn - vi, không đầy mấy năm mà lập ngay nên được đế-nghiệp, kẻ cũng giỏi thật. Nhưng lúc ấy rưng-ươ ng-đế làm vua chỉ hạn-định trong một góc từ Qui-nhân trở về nam mà thôi, chưa thấy có cái qui-mô gì rộng-rãi. Ta nay luận về lịch-sử Tây-sơn cũng chẳng qua chuyên nói sự-nghiệp

của Thái-tổ Võ hoàng-đế mà thôi. Đế nguyên là một kẻ sát-phu bột-khởi, vốn không có bằng-tạ vào đầu, mà sự-nghiệp hiển-hách, các vị đế-vương khác chưa hề mấy người đã bằng được. Xem như việc dụng-binh thì lâm-cơ ứng-biến, liêu-dịch như thần, hò hét phong-lôi, khí-diêm muôn trượng, mới kéo quân ra đánh Phú-xuân thì xoa tay một cái định xong ngay; hai lần đem quân ra đánh ngoài Bắc, thì đi đến đâu là tan ngay, lại khéo dùng cái thuyết tôn-phù, để mua chuộc lòng người, cho nên đánh trận nào là được trận ấy, đánh thần<sup>h</sup> nào là hạ thành ấy, định thiên-hạ như trở bàn tay, thực là một tay đại-anh-hùng. Đối với các nước ngoài, thời việc ngoại-giao nào cũng là thành-công cả, dẫu các nhà quân-học, chính-trị-học giỏi nhất ngày nay cũng chẳng qua như thế mà thôi. Đương khi nhà Thanh nhân vua Lê Chiêu - thống sang cầu-viện, sai Tổng-đốc Lương-Quảng là Tôn Sĩ-Nghị đem quân sang nước Nam ta, dẫu mượn tiếng là sang cứu-viện, mà kỳ-thực thì cái bụng dã-tâm chỉ muốn nhân cái cơ-hội đó mà chia nước ta ra làm quận-huyện đó thôi. Thử đọc qua bộ *Đông-hoa toàn - tập* mà xem, thời biết nước Tàu khi ấy xử-tâm tích-niệm thực là hiểm-giảo. Nếu không có Vũ-đế là tay hùng-tài đại-dũng làm nhụt cái mũi sắc-xảo của nó đi, thời vận-mệnh nước ta khi bấy giờ còn ra làm sao nữa. Thế mà Vũ đế nghe tin quân Tàu kéo sang không sợ chút nào, thung-dung bảo các tướng-sĩ rằng: « Nó kéo quân lại chẳng qua là nó tự đem mình vào chỗ chết đó mà thôi! » Vũ-đế mới lên ngay ngôi Hoàng-đế ở Phú-xuân, để giàng-giữ lấy nhân-tâm, xong lễ tức-vị rồi, lập-tức tuyên-thệ quân-chúng kéo thẳng ra ngoài Bắc không doái-hoài trở lại nữa, quả-nhiên trong và mười ngày, đánh tan vỡ quân Tàu, Sĩ-Nghị lật-dật ôm đầu mà chạy trốn. Vũ-đế đem quân đuổi tràn đi kéo thẳng đến cửa

Nam-quan, nhân-dân gần ở cửa quan-  
 ải bên Tàu đã xao-xuyến cả lên, cùng  
 nhau dấy giã công trẻ chạy đi lánh nạn.  
 Chính-phủ nhà Thanh sợ khiếp đi không  
 dám manh cái lòng thôn-tính nữa, cái tin  
 đồn rằng Phúc Khang An đem binh-mã  
 9 tỉnh sang đánh nước Nam, chẳng qua  
 là hư-trương thanh-thế, nhưng kỳ-thực  
 chỉ là phòng-ngữ Nam-binh cho khỏi  
 xâm sang đất Bắc sinh chuyện đó mà  
 thôi. Võ-đế khám-phá được ý ấy, mới  
 sai đem tờ-bồi đi lại thương-thuyết,  
 cùng với Phúc Khang-An giảng hòa,  
 chính-phủ Tàu may được vô-sự, mới  
 sai sứ sang tuyên-phong để kết lấy lòng.  
 Võ-đế cũng sai người thay mình vào  
 châu để tỏ lòng kính-thuận; nước ta  
 khi ấy khỏi được cái tai-nạn người Tàu  
 giầy séo cũng là nhờ cái công vua Võ-  
 đế đó. Song cái hùng-tâm vĩ-lược của  
 Võ-đế không phải chỉ cầu tạm yên mà  
 thôi. Lại sai sứ sang Tàu xin mở chợ  
 thông-thương ở các tỉnh Quảng-tây  
 và xin miễn cho thuế nhập-quan, những  
 cái chính-sách ấy không khác gì các  
 nước ngày nay chỉ cần đi thông-thương.  
 Vua Tàu cũng phải nghe theo Rồi lại  
 sai sứ sang Tàu đòi lại 6 châu Hưng-  
 hóa và 3 đông Tuyên-quang là những  
 đất người Tàu chiếm lấy của mình  
 ngày trước. Sáu châu là : Tung-lăng,  
 Lê-toàn, Hoàn-nham, Tuy-phu, Hợp-phì,  
 Khiêm-châu. Ba đông là : đông Ngưu-  
 dương, đông Hồ-diệp, đông Phò-viên.  
 Những đất ấy nguyên trước thuộc về  
 địa-đồ nước ta, khi cuối nhà Lê phải  
 quan thổ-ti nhà Thanh xâm-chiếm mất,  
 đã mấy đời sai sứ sang cải-cộ mãi không  
 lấy lại được. Đến đây Võ-đế cũng đưa  
 thư sang Lưỡng-Quang xin cải-chính  
 lại bờ cõi và đòi lại đất xâm. Quan Tổng-  
 đốc Lưỡng-Quảng bảo là việc bờ cõi ấy  
 đã định xong rồi bác bỏ cái thư ấy đi,  
 Võ-đế từ đấy đem lòng bất-bình, ngầm  
 có cái chí muốn dòm nom đất Lưỡng-  
 Quảng. Lại dâng biểu sang cầu-hôn, ý là

muốn gây chuyện. Xem đó thì biết cái  
 lòng hăng-hái muốn đánh, cũng còn đợi  
 thời đó, ta chắc rằng cái việc định lại  
 bờ cõi, Hợp-phố lại đem châu về cũng  
 chẳng khó gì vậy. Tiếc rằng trời chẳng  
 tựa nước Nam, khiến cho Võ-đế sáng-  
 nghiệp chưa được nửa chừng, mà giữa  
 đường chết ngay. Từ đấy về sau không  
 người nào dám hỏi người Tàu mà đòi  
 lại đất xâm, khiến cho dân 6 châu 3  
 đông dài chìm đắm trong bể khổ cho  
 đến ngày nay, ngánh lại việc đã qua, há  
 chẳng khá than lắm thay! Khi Võ-đế  
 mất, di-chức bảo chôn ở trên Tây-hồ  
 để cho gần cửa khuyết nhà trời, để  
 mua lấy cái hảo-tâm của vua Tàu, thủ-  
 đoạn giáo-quyết của các nhà ngoại-  
 giao bây giờ cũng chẳng qua như thế  
 mà thôi. Về việc nội-trị thời đình ra  
 quan-chế làm sổ đình điền, đình phân  
 ra 3 hạng, điền chia ra 3 đẳng, cấp tín-  
 bài để phòng những kẻ lậu-đình, phạm  
 những chính-sách ấy đều là lương-  
 pháp mỹ-ý cả, cũng không khác gì chính-  
 sự các nước văn-minh bây giờ. Chỉ  
 tiếc rằng khi ra đánh ngoài Bắc thì bỏ  
 ngay Nguyễn Hữu-Chỉnh để cắt đứt mất  
 vây cánh mình, khi đánh lấy được Bắc-  
 thành thì giết ngay Võ Văn-Nhâm để tự  
 yếu mất chân tay mình đi; k i lấy được  
 kinh-thành Phú-xuân thời dám xâm-  
 phạm đến lăng-tăm của các triều chúa  
 Nguyễn, để cho thất nhân-tâm; khi  
 nghiệp lớn đã gần xong thì anh em lại  
 tranh nhau, để cho đến thất-bại; ấy là  
 những điều sai lầm vậy. Ta sở dĩ thuật  
 lại sự-nghiệp của vua Võ-đế thường vì  
 người anh-hùng than tiếc cho ba điều  
 ấy. Nói sau là Cảnh-thịnh, vì là còn trẻ  
 tuổi lên nối ngôi, kẻ quyền-thần chuyên-  
 chính, đến nỗi đồ mất, tiếc thay!

*Nguyễn hán-văn của*  
 SỞ-CƯỜNG

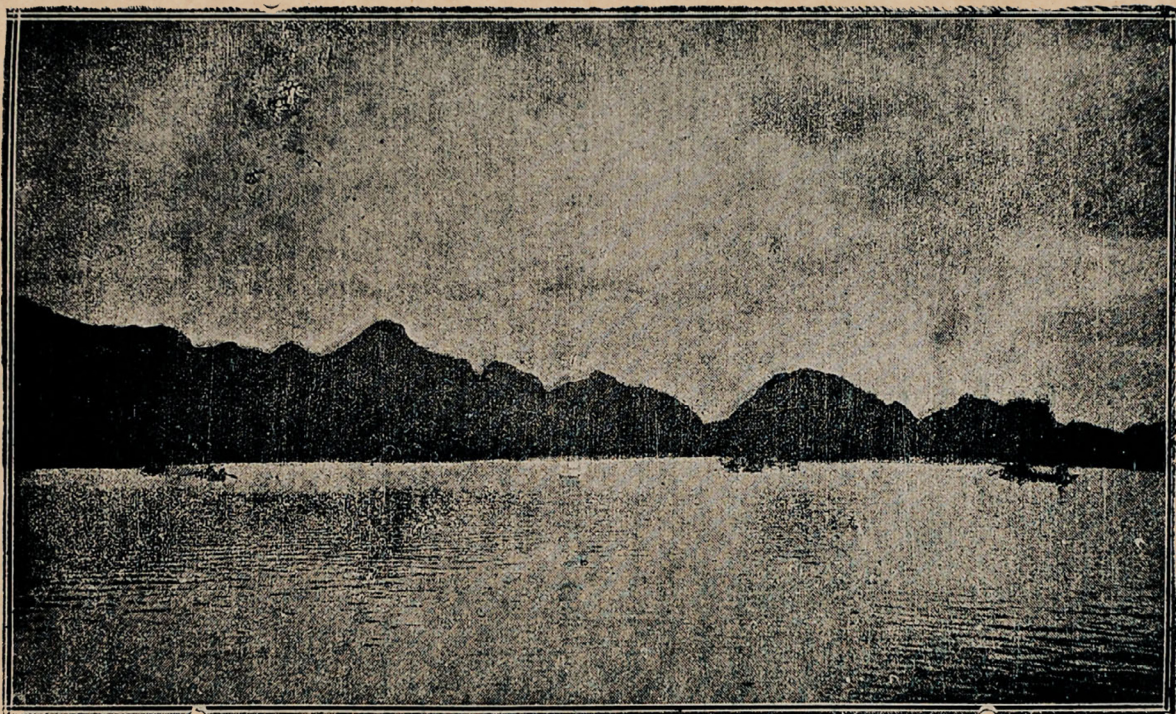
ĐÔNG-CHÂU dịch quốc-ngữ



Đền Lý Bát-dế ở làng Đình-bảng (Bắc-ninh)



Phương-đình ở trước đền Lý Bát-dế



Cảnh chiều hôm ở trên sông Hoàng-giang (Ninh-bình)

# LỊCH-SỬ NHẬT - BẢN

Một nhà sử-học Tây-phương đã nói rằng : « *Lịch-sử là tấm gương phản- chiếu cuộc di-vãng, là mặt trời soi tỏ cuộc tương-lai.* » Như thế thì học sử nước nhà là một điều tất-nhiên phải có, nhưng biết truyện nước ngoài không phải là một sự có cũng như không. Huống chi nước Nhật đối với ta có cái quan-hệ đồng-văn đồng-hóa, xưa kia cũng cùng một tình-cảnh như ta, thế mà chỉ trong nửa thế-kỷ đã tiến-bộ một cách nhanh chóng lạ thường, khiến cho thế-giới phải kinh-ngạc, và ngày nay thành một đại-cường-quốc, nghiêm-nhiên chiếm một cái địa-vị vẻ-vang trong cõi doanh-hoàn, như thế tưởng câu chuyện về lịch-sử nước Nhật cũng không phải là một câu chuyện vô-ích.

Cứ theo các nhà sử-học Âu-châu, thì lịch-sử Nhật-bản có thể chia ra làm bốn thời-đại :

1<sup>o</sup> *Thượng-cổ* thời-đại, kể từ hồi Nhật-bản lập-quốc (thế-kỷ thứ bảy trước Th.-Ch. giáng sinh) cho đến thế-kỷ thứ mười.

2<sup>o</sup> *Phong-kiến* thời-đại, từ thế-kỷ thứ 11 đến thế-kỷ thứ 19.

3<sup>o</sup> *Phục-hưng* thời-đại từ thế-kỷ thứ 16 đến giữa thế-kỷ thứ 19.

4<sup>o</sup> *Minh-trị* thời-đại, từ giữa thế-kỷ thứ 19 đến nay.

Trong bốn thời-đại ấy thì về thời-đại thứ nhất phần nhiều là những truyện huyền-hoặc hoang-đường, không có gì là bằng-cớ đích-xác có thể tin được. Về thời-đại Phong-kiến thì trong nước phân chia bè-dáng loạn-lạc lung-tung, dân-sự thường phải lâm-than khổ-sở.

Về thời-đại Phục-hưng thì là lúc Mạc-phủ chuyên-quyền, Thiên-hoàng chỉ ở trong cung thẳm, không biết gì đến việc nước việc dân, chẳng khác chi nước ta về thời vua Lê chúa Trịnh. Nhưng đến thời-đại Minh-trị thì Mạc-phủ mất quyền, Thiên-hoàng chấp-chính, giao-thông cùng Âu Mỹ, theo học với nước ngoài, làm cho nước Nhật được giàu mạnh như ngày nay, đó tức là thời-đại vẻ-vang can-hệ nhất trong Nhật-sử. Vậy những thời-đại trên ta nên biết đại-khái gọi là, còn thời-đại sau cùng tưởng ta nên biết rõ hơn một chút.

## I. — Thượng-cổ thời-đại

1<sup>o</sup> *Nhật-bản lập-quốc* — Nước Nhật là một cái quần-đảo ở Thái-bình-dương về phía đông châu Á, gần Cao-ly, Mãn-châu và Tây-bá-lợi-á thuộc Nga, chung quanh là bể *Okhotsk* về phía bắc, bể *Đông-hải* (Mer Orientale) về phía nam, bể *Nhật-bản* về phía tây, và *Thái-bình-dương* về phía đông. Quần-đảo ấy có đến 4000 đảo vừa lớn vừa bé, nhưng có bốn đảo lớn nhất là *Hondo*, *Yéso*, *Sikoku* và *Kiou Siou*.

Từ lúc sơ-nguyên cho đến thế-kỷ thứ bảy trước Thiên-chúa giáng-sinh thì các đảo ấy có giống người Ai-nô (Hạ-dĩ) là một giống cò-nhân mọi-rợ ở. Còn người Nhật là do giống Mông-cổ và giống Mã-lai hỗn-hợp mà làm nên — thì bấy giờ còn tản-mát hoặc ở những miền duyên-hải phía nam đảo *Hondo*, hoặc ở những đảo *Sikoku* và *Kiou-Siou* mà thôi.

Mãi đến năm 660 trước Thiên-chúa giáng-sinh, người Nhật mới nổi lên đánh đuổi người Ai-nô mà chiếm lấy các đảo, còn người Ai-nô thì phải lui lên phía bắc. Theo lịch-sử Nhật-bản

thì ông vua đứng đầu dựng nước đánh đuổi được người Ai-nô, tức là Thần-vũ Thiên-hoàng (*Jimmu Tenno*), dòng-dõi Thái-dương-thần *Amaterasu*, mà từ ấy đến nay, nghĩa là đã hơn 2500 năm, vẫn chỉ một họ ấy làm vua ở nước Nhật mà thôi. Theo như các nhà sử-học Thái-Tây thì hình như Thần-Vũ Thiên-hoàng ấy chẳng qua chỉ là một viên tù-trưởng một bộ-lạc thuộc giống Mã-lai ở đảo *Kiou-Siou*, đến chiếm-cư một địa-hạt ở phía nam đảo *Hondo* gọi là *Yamato* (Đại-Hòa), rồi sau vì đánh nhau với giống Ai-nô được đại-thắng, nên quân-sĩ tôn - vương ngay ở giữa chiến-trường gần tỉnh Kinh-đô bây giờ (*Kyoto*).

Nhưng bấy giờ tuy Thần-Vũ Thiên-hoàng đánh đuổi được người Ai-nô, song chưa thống-nhất được cả nước Nhật, vì trong các đảo hãy còn có nhiều bộ-lạc độc-lập chưa chịu ở dưới quyền phép Thiên-hoàng. Về đời Thần-Vũ và về đời mấy vị Thiên-hoàng nối sau, nước Nhật mới có một khoảng ở miền nam đảo *Hondo*, là cái địa-hạt *Nara*, *Kyoto* và *Osaka* thôi. Tất cả miền bắc đảo *Hondo* vẫn ở dưới quyền giống Ai-nô, mà ở các đảo về phía nam là *Sikoku* và *Kiou-Siou* thì vẫn có các bộ-lạc độc-lập tung-hoành.

Đến cuối thế-kỷ thứ nhất và đầu thế-kỷ thứ hai, một vị Thiên-hoàng, tên *Keiko* (71-130, Cảnh-hành) mới mở-mang thêm bờ cõi. Ở phía nam thì các bộ-lạc ở đảo *Kiou-Siou* phải nộp lễ xưng-thần. Về phía bắc thì Thiên-hoàng sai thái-tử là *Yamato Také* đem quân lên chiếm lấy phía bắc đảo *Hondo*. Thái-tử đánh nhau với người Ai-nô, được thắng-trận ở chân núi *Phú-sĩ* (*Foujiyama*) nên chiếm được cả miền *Tokyo* (Đông-kinh); còn người Ai-nô thì vì yếu thế cứ phải lui dần lên phía bắc, sau bị người Nhật dần dần lấn lên mà phải tránh sang đảo *Yéso* mới được yên thân.

Về đầu thế-kỷ thứ ba, có một vị nữ-hoàng là *Jingo* (Thần - công) ba lần sang đánh Cao-ly, chiếm được nước, nên tiếng-tâm lưng-lẫy, mãi đến ngày nay, người Nhật ai cũng biết truyền và sùng-bái nữ-hoàng ấy lắm.

Tuy vậy mãi đến đầu thế-kỷ thứ sáu, vị Thiên-hoàng *Kei tai* (Kế-thể) thu-phục được các bộ-lạc ở đảo *Kiou-Siou*, nên nước Nhật bấy giờ mới gọi là có vẻ thống-nhất.

2<sup>o</sup> Ảnh-hưởng Trung-quốc. - Từ khi lập-quốc đến thế-kỷ thứ nhất sau Thiên-chúa giáng-sinh, nghĩa là trong vòng sáu bảy trăm năm nước Nhật vì cách xa lục-địa, có bề bao-bọc chung quanh, nên hình như biệt lập hẳn một phương trời, không có giao-thiệp gì với các nước, không chịu ảnh-hưởng gì ở ngoài cả.

Nhưng từ thế-kỷ thứ nhất về sau, vì có người Trung-quốc và người Cao-ly sang ở nước Nhật, đem theo một nền văn-minh đẹp-đẽ hơn, người Nhật lấy làm thích lắm, nên từ đó mới chịu ảnh-hưởng của trung-quốc, cũng như ta chịu ảnh-hưởng của Tàu về đời Thục, Triệu và hồi Bắc-thuộc vậy. Người Nhật khi ấy ham chuộng văn-minh Trung-quốc quá, một li một tí gì cũng bắt-chước: từ các ăn mặc cho đến học-thuật công-nghề đều mô-phỏng theo cả. Vì chịu ảnh-hưởng ấy nên người Nhật biết cách làm thuốc súng làm giấy, in sách, làm lịch, biết số-học và y-học.

Cũng về đầu thế-kỷ thứ nhất, Khổng-giáo truyền sang Nhật-bản, và được các Thiên-hoàng hoan-ngheh lắm. Trước kia, tôn-giáo của người Nhật là Thần-giáo (*Shintoisme*), nhưng khi người Trung-quốc và người Cao-ly đem Khổng-giáo truyền sang Nhật-bản, các Thiên-hoàng thấy là một nền luân-lý, có lợi cho nhà vua, cho việc thống-nhất trong nước, nên không những không

cản-trở gì mà lại còn giúp cho sự truyền bá đi nữa, vì trong Khổng-giáo có dạy người ta phải có lòng tôn-quân thân-thượng, nhờ về cái luân-lý mới ấy mà quyền nhà vua một ngày một rộng, việc thống-nhất nước Nhật dễ thành.

Đến thế-kỷ thứ sáu thì có những nhà sư Cao-ly đem Phật-giáo truyền sang Nhật - bản, được Thiên - hoàng *Kimmei* (Khâm-minh) (540-570) tiếp-đãi trọng-thề lẫm. Tuy vậy Phật-giáo truyền sang Nhật-bản cũng gặp nhiều nỗi khó-khăn, vì có lắm người phản-đối. Như về đời Thiên-hoàng *Bitatsou* (Mãn-đạt) (572-585) ở thành *Osaka* (Đại-bản) các chùa-chiền bị thiêu-hủy mất cả, còn các nhà sư thì bị hành-hạ và đuổi đi. Song cũng có lắm người một lòng mộ-đạo, dùng quyền-hành thế-lực để bảo-hộ các tín-đồ, nên Phật-giáo càng ngày càng lan rộng mãi ra, và đến thế-kỷ thứ bảy được công-nhận là quốc-gia-tôn-giáo.

Vì có Khổng-giáo và Phật-giáo truyền sang, nên về đường luân-lý, học-thuật và mỹ nghệ, người Nhật hoán-cải rất nhiều. Từ thế-kỷ thứ bảy, nước Nhật thường thường giao-tiếp với Cao-ly, Trung-quốc và Ấn-độ, nên văn-học mỹ-thuật các nước ấy nhân đó mà truyền sang Nhật-bản. Nhưng người Nhật đều chịu ảnh-hưởng nước ngoài mà họ vẫn giữ được cái nguyên-chất của họ, chớ họ không vì quá ưa mới lạ mà bỏ hẳn căn-bản di-truyền của họ đi. Đó là một cái đặc-tính của dân-tộc Nhật bản, biết dung-hòa mới cũ, cho khỏi xung-đột nhau, dù khi họ chịu ảnh-hưởng Trung-quốc, hay khi họ mô-phỏng theo văn-minh Thái-Tây cũng vậy. Cái đặc-tính ấy tưởng ta rất nên bắt chước!

30 *Tình-hình chính-trị nước Nhật.*— Từ hồi lập-quốc cho đến lúc chịu ảnh-hưởng văn-minh Trung quốc thì ác vị Thiên-hoàng dùng binh-lực mà cai-trị và coi như một người tộc-trưởng phải quản-đốc lũ con em. Về hồi ấy không

có kinh-đô nhất-định: cứ mỗi khi có một ông vua nào mất mà ông khác lên thay thì lại bỏ hẳn nơi cung-điện cũ mà xây lập hoàng-thành ở một nơi khác, vì thế mỗi một thời vua lại đổi một triều-đình. Họ làm thế là vì trước họ tin rằng khi nhà nào có người chết thì nhà ấy tức là của người chết, người sống phải dời đi chỗ khác chớ không được ở đấy nữa. Họ lại còn tin rằng nhà vua mà ở chỗ có hơi-hám người chết thì bị ướ-tạp, nên mỗi khi lên ngôi thì lại phải xây cung-điện khác.

Sau này vì chịu ảnh-hưởng văn-minh Tàu, nên cách chính-trị có thay đổi ít nhiều. Các Thiên-hoàng nước Nhật cũng bắt-chước các vị Hoàng-đế Trung-hoa, làm hẳn một nơi cung-điện nhất-định để làm triều-đình, nên mới chọn tỉnh *Nara* (Nãi-lương) làm kinh-đô từ năm 710 đến 784. Lại lập một chính-phủ Trung-trong và cách cai-trị thì theo như lối cai-trị của nhà Đường bên Tàu. Cách cai-trị ấy tuy rằng làm cho quyền nhà vua lan rộng khắp trong nước, nhưng không phải là không có điều bất-tiện. Là vì dần dần các Thiên-hoàng hình như bị bó-buộc ở chốn Triều-đình và bị giam-hãm ở trong cung-cấm, đối với dân như một vị thần-thánh không ai dám lại gần, còn công việc trong nước đều vào tay lũ cận-thần cả. Vì thế nên không bao lâu có một họ có quyền-thế là họ *Foujiwara* (Đả-g-nguyên) thừa-ơ chiếm lấy chính-quyền, thay mặt Thiên-hoàng mà chấn dân trị nước.

Trong khi họ *Foujiwara* chuyên-quyền như thế, các Thiên-hoàng không phải là đành lòng giữ cái hư-vị mà làm bù-gìn đầu, cũng đã lắm phen nổi lên đánh kẻ quyền-thần để lấy lại đế-quyền, song đều bị thất-bại cả. Như về thế-kỷ thứ tám có Thiên-hoàng *Shomou* (Chính-vụ) chực nhờ thế-lực của họ *Tachibana* (Quất-thị) để đánh đổ họ *Foujiwara*, nhưng không xong, bị quyền-thần phế ngôi và bắt truyền-vị

cho con gái ; về cuối thế-kỷ thứ 9 lại có Thiên-hoàng Ouda cũng chức khôi-phục đế-quyền, nhưng việc không thành bị bắt giam vào một cái nhà tu kín.

Từ đó họ *Foujiwara* quyền-thế một ngày một mạnh, không ai dám chống-cự nữa, và cứ cha truyền con nối mà giữ lấy chính-quyền cai-trị trong nước. Họ *Foujiwara* khi ấy chẳng khác nào như các quan chưởng-cung (*Maires du Palais*) về đời *Merovingiens* bên Pháp, nghĩa là giữ cả quyền vua mà vua chỉ là bị-vị mà thôi. Song có một điều khác là các chưởng-cung đời *Merovingiens* bên Pháp sau chiếm-đoạt hẳn ngôi vua, còn họ *Foujiwara* bên Nhật thì chỉ giữ quyền cai-trị trong nước thay vua mà thôi, chớ không dám đả-dộng đến ngôi báu tí nào cả. Các Thiên-hoàng tuy giữ hư-vị ở trong cung-cấm, nhưng vẫn được quyền-thần kính-trọng coi như là một đấng thánh-thần.

Lúc các Thiên-hoàng còn giữ chính-quyền (thế-kỷ thứ tám thì đóng kinh-dô ở *Nara* ; nhưng về sau này họ *Foujiwara* chấp-chính, nên nhà vua mới dời đô sang *Kyoto* (Kinh-dô). Thời-đại trên là thời-đại *Nãi-luong* (ngót một thế kỷ), thời-đại dưới là thời đại *Kinh-dô*, từ đầu thế-kỷ thứ chín cho đến giữa thế-kỷ thứ mười-chín, vì mãi đến hồi Minh-trị Thiên-hoàng thu-phục lại được chính-quyền mới di đô sang *Tokyo* (Đông-kinh).

Trong khi họ *Foujiwara* giữ quyền thì mọi việc trong nước đều trông nom cả, vua không phải bận lòng về việc chăn dân, nên trong chốn triều đình thành một nơi «*cuộc vui đầy tháng, trận cười suốt đêm*», nay tiệc mai hội, thật là xa-xỉ vô-cùng. Trên từ Thiên-hoàng, dưới đến các quan chỉ hăng ngày uống rượu ngâm thơ, hoặc vẽ tranh, đàn địch, nên về thời ấy văn-chương mỹ-thuật có vẻ phát - đạt và

được rực-rỡ một hồi, song phong-hóa một ngày một đồi-bại, nơi triều-chính không còn ra thế-thống gì, thậm-chi trong bọn đại-thần có lắm người cao râu, đánh phấn, vẽ mặt, xoa dầu, ăn mặc và dáng điệu đều bất-chức phụ-nhân cả. Trong chốn triều-dình mà đã đến thế, tức là gần đến lúc suy-đời rồi vậy!

## II. — Thời-đại phong-kiến

Từ thế-kỷ thứ mười-một, tuy họ *Foujiwara* vẫn cầm quyền thay vua trị nước, song Chính - phủ trung-ương quyền thế một ngày một yếu, mà các địa-phương thì quyền-thế một ngày một mạnh, sau dần dần hẳn mất quyền Chính-phủ trung-ương đi. Đó tức là nước Nhật bắt đầu vào thời-đại phong-kiến, trong sáu thế-kỷ, từ thế-kỷ thứ 11 đến thế-kỷ thứ 16.

Về thời-đại này, nước Nhật tình-thế giống như nước Tàu về cuối đời nhà Chu, hồi Xuân-thu Chiến-quốc giống nước ta về hồi Thập-nhị-xứ quân và giống như nước Pháp về hồi Trung-cổ, nghĩa là đứng đầu trong nước tuy vẫn có vua, song vua chỉ có tiếng chớ không có quyền, chính-quyền đều về tay các phiên-trấn chư-hầu cả. Nước Nhật phải một hồi qua cái chế-độ phong-kiến như thế, không những là vì tình-thế chính-trị trong nước, lại còn vì địa-thế xui nên nữa. Phần vì nước Nhật núi-non hiểm-trở, phần vì các đảo có bề bọc chung quanh, nên sự giao-thông lắm điều khó-khăn phiền-phức, thành-thử các tỉnh-hạt địa-phương dễ vượt quyền Chính-phủ trung-ương mà gần như độc-lập vậy.

1<sup>o</sup> *Đại - danh và võ - sĩ* (*daimio samourai*) — Khi thấy quyền-thế Chính-phủ trung-ương đã suy yếu, thì các nhà quý-tộc các địa-phương, tuy ngoài mặt vẫn tôn-phục Thiên-hoàng, song ai nấy chiếm-cứ được chỗ nào thì làm chúa nơi ấy, như là một ông vua con

trong địa-hạt mình vậy. Những ông vua con ấy người Nhật gọi là đại-danh (*daimio*), ít khi tòng-phục mệnh-lệnh của Thiên-hoàng, cũng cha truyền con nối, cũng có triều-đình, có kho-tàng, có quân-đội, có cờ hiệu như Thiên-hoàng vậy. Trong nước chia ra có đến ngót trăm phiên-trấn như thế, phiên-trấn nào cũng có một nhà đại-danh đứng đầu, thường thường ghen-ghét khích-bác nhau, và lắm khi dùng binh-lực đối-đãi với nhau nữa. Các nhà đại-danh ấy đều có thành-trì bền vững (*shiro*), nên không biết kiêng sợ ai cả, thành-thử trong mấy trăm năm ròng-rã, trong nước loạn-lạc lung-tung, dân-sự thật là khổ-sở.

Đối với Thiên-hoàng thì các đại-danh là chư-hầu, song đại-danh nào cũng có nuôi nhiều tướng-tá làm chân tay, để dùng trong khi tranh-chiến. Những thuộc-tướng của các nhà đại-danh đó tức là những nhà Võ-sĩ (*Samourai*), có một nền luân-lý riêng gọi là Võ-sĩ-đạo (*bushido*), lấy danh-dự làm gốc, dù có vì danh-dự mà phải hi-sinh cả tính-mệnh cũng đành. Những nhà võ-sĩ phải tuyên-thệ một lòng trung-thành với chủ mình là đại-danh, lòng trung-thành ấy cha truyền con nối, đời đời phải giữ cho trọn, không được phản-phúc hai lòng. Các nhà đại-danh thì nghĩa-vụ là phải giúp-đỡ che-chở các võ-sĩ, phải nuôi-nấng họ như là người trong thân-thuộc vậy. Nói tóm lại các nhà võ-sĩ phải phục-tùng các nhà đại-danh như bầy-tôi thờ chúa, mà các nhà đại-danh phải trợ-cấp các nhà võ-sĩ như gia-chủ đối với người nhà, ai nấy đều có quyền-lợi, có nghĩa-vụ cả, mà những quyền-lợi cùng nghĩa-vụ ấy không phải chỉ một thời mà thôi, cứ cha truyền con nối, còn mãi đời đời. Các nhà võ-sĩ Nhật người nào cũng can-đảm lạ-lùng, coi chết như không, và trung-thành có một. Mỗi khi chủ có việc cần đến mình thì sống thác không cần, miễn là bảo-

tồn được danh-dự cho chủ mới nghe. Nếu chủ thất-bại mà không tìm cách báo-thù được thì chỉ còn một cách để tỏ lòng trung-nghĩa là mổ bụng quyên-sinh (*harakiri*). Hiện nay bên Nhật hãy còn truyền-tụng câu truyện 47 người nghĩa-sĩ vì báo-thù cho chủ mà phải quyên-sinh như thế (47 ronin).

Trong bọn võ-sĩ đó, cũng có lắm người vai đeo cung, tay cầm kiếm, đi khắp trong nước để cứu-khở phù-nguy, thấy kẻ nào thế có mà bị áp-chế thì ra tay cứu khỏi nạn nghèo, chẳng khác chi các nhà vũ-sĩ phiêu-lưu (*chevaliers errants*) bên Âu-châu về thời trung-cổ. Trong khi ấy nếu định làm việc gì mà không thành, hoặc ai làm nhục mà không thể trả thù được thì phải mổ bụng quyên-sinh để bảo-toàn danh-dự. Những nhà võ-sĩ ấy thật là những bậc anh-hùng đáng kính đáng trong lắm thay!

20 Mạc-phủ (*Bakoufou*).— Từ thế-kỷ thứ mười một đến thế-kỷ thứ mười sáu trước Nhật phải qua một hồi chiến tranh tàn-phá trong nước, vì các phiên-trấn đại-danh động có chút việc bất bình là dùng ngay binh-lực đối-phó cùng nhau.

Cuộc chiến-đấu to nhất là cuộc tranh-đấu của hai họ *Taira* (Bình-thị) và *Minamoto* (Nguyên-thị) là hai ngành thứ của hoàng-tộc. Họ *Taira* ở phía Nam thì hiệu cờ đỏ, họ *Minamoto* ở phía Bắc thì hiệu cờ trắng; hồi hai họ tranh nhau quyền chính, tức là hồi Nam-Bắc phân-tranh. Khi thì họ *Minamoto* ở phía Bắc thắng thế, khi thì họ *Taira* ở phía Nam được hơn, mỗi khi họ nào chiếm được chính-quyền thì lại mượn tiếng Thiên-hoàng đi dè-nén những họ khác, vì thế nên trong nước thường loạn-lạc lung-tung không mấy khi được yên-ôn. Thậm chí có khi mỗi họ lập một Thiên-hoàng, thành ra trong

nước có hai vua, ở phía bắc thì có họ *Minamoto* phù-tá, ở phía nam thì có họ *Taira* trợ-lực, trong nước chia ra hai đảng tranh-đấu cùng nhau, làm cho bách-tính phải lâm-than khổ-sở.

Mãi đến thế-kỷ thứ mười hai, họ *Minamoto* có một tay có tài thao-lược tên là *Yoritomo* (Lại-triều), diệt được họ *Taira*, thu cả chính-quyền vào tay, quyền-thế rất to, trong nước đều một lòng tôn-phục, nên Thiên hoàng phong cho chức *Tướng-quân* (*Shogoun*), tức là chức *Thống-tướng* coi cả các đạo binh trong nước và giữ quyền *Mạc-phủ* từ năm 1192. Khi *Yoritomo* đã được binh-quyền vào tay, liền tìm cách làm cho quyền-thế lan rộng khắp trong nước, nên ở tỉnh nào cũng sai một thuộc-tướng tâm-phúc đem binh đóng giữ để kèm-chế và lấn-áp các quan văn. Quyền-thế *Mạc-phủ* một ngày một mạnh, và có thể cha truyền con nối được, nên hồi bấy giờ Thiên hoàng chỉ ở trong cung làm bị-vị mà thôi, *Mạc-phủ* coi tất cả các việc trong nước như là *Phụ-chính* vậy.

Nhưng chẳng bao lâu *Mạc-phủ* quyền-thế một ngày một kém, nên chính-quyền lại vào tay ngoại-thích là họ *Hodjo* (Bắc-diều) chiếm mất. Tuy họ *Hodjo* chiếm quyền, nhưng không dám nhận chức *Tướng-quân*, vì sợ bè-đảng họ *Minamoto* nổi lên phản-đối, nên vẫn để họ *Minamoto* giữ chức ấy mà thực quyền thì ở tay mình, chẳng khác nào như chức *Phụ-chính* của một ông *Phụ-chính* vậy (*un régent de régent*). Họ *Hodjo* vì khôn-ngoan như thế, nên cầm quyền trị nước được 130 năm, trong khi ấy *Tướng-quân* chỉ ở trong cung hoặc uống rượu, hoặc ngâm thơ, không biết chi đến việc nước, chẳng khác chi Thiên hoàng làm bị-vị vậy. Họ *Hodjo* quyền-thế thật là hống-hách, nên dám mưu đến cả việc phế-lập nữa; hai phen có hai vị *Tướng-quân* vì không

muốn chịu ép một bề, đều bị họ *Hodjo* phế-xướng cả.

3<sup>o</sup> *Giặc Mông-cổ*. — Trong khi họ *Hodjo* chuyên-quyền như thế, đã làm nên một thủ đoạn rất vẻ-vang, đã có công cứu được nước Nhật khỏi điều nguy hiểm, là về thế kỷ thứ mười ba, đã đánh được người *Mông-cổ* tràn sang chực chiếm đoạt.

Về cuối thế-kỷ thứ mười ba, không những một nước Tàu bị người *Mông-cổ* chiếm-cứ, cả đến trung-bộ Á-châu Ba-tư và đông-bộ Âu-châu đều bị họ xâm-lấn tung-hoành, thế mà ở phía nam và phía đông Trung-quốc, có hai nước đất hẹp dân thưa, vì một lòng ái quốc, không chịu mất quyền tự-chủ, nên đã đánh đuổi được quân *Mông-cổ* là một đạo quân hùng-đũng bấy giờ ai cũng bảo là vô-dịch và khiếp-sợ vô-cùng. Hai nước nhỏ ấy là nước nào? Chính là nước Việt-Nam mình và nước Nhật bản vậy.

Về hồi ấy nước ta nhờ được đức Trần Hưng-đạo, vì việc nước quên việc nhà, quyết lòng chống-cự, không khứng đầu hàng, lại được quân tướng một bụng trung-thành, một lòng can-dảm, nên hai phen quân Nguyên tràn sang đều bị đánh thua liêng-xiêng, phải chạy về Tàu, nên tự-chủ nước Nam không phải lung-lay đổ-nát, công nghiệp đức Trần Hưng-đạo, người Việt-Nam ai là chẳng biết, tướng không cần thuật lại làm chi.

Nước Nhật hồi ấy cũng hai phen bị quân Nguyên xâm-lấn và cũng có một vị Trần Hưng-đạo là *Tokimoune* (Thái-tôn, họ *Hodio*) ra tài cứu nước yên dân.

Lần thứ nhất, vào năm 1268, vua Nguyên là Hốt-Tát-Liệt, sai sứ sang Nhật đòi vua Nhật phải chịu cống lễ thần-phục nhà Nguyên. Nhưng nước

Nhật, trên từ Thiên-hoàng, Mạc-phủ, dưới các phiên-trấn vũ-sĩ và dân-sự đều một lòng không chịu, cả quyết chống-cự, Tokimoune bèn đuổi Nguyên-sứ về Tàu. Vua Nguyên nổi giận sai 25.000 quân-tướng đi thuyền vượt bể sang chinh-phạt Nhật - bản. Vì quân Nguyên bấy giờ có súng ống nên khi mới đến người Nhật không ngờ, lấy làm lạ-lùng khủng-khiếp, mới giao-chiến đã bị thua. Tuy quân Nguyên thắng trận nhưng không kéo binh vào nước được, vì bị người Nhật hết sức ngăn-giữ, đến lúc cứu-binh đến, quân Nguyên thất-bại, chết mất 13.000, phải bỏ nước Nhật mà về.

Được ít lâu, vua Nguyên lại sai sứ sang bắt vua Nhật vào châu, nhưng Tokimoune cho thế là làm mất thể-diện nước Nhật, bèn sai bắt Nguyên-sứ chém đầu ở ngoài thành. Hốt-Tất-Liệt giận lắm, truyền đem 100.000 tinh-binh, dùng tất cả chiến-thuyền chở sang Nhật-bản quyết đánh được mới nghe. Chẳng ngờ chuyến này cũng như chuyến trước, quân Nguyên bị người Nhật hết lòng vì nước, đánh cho tan-nát, gia-dĩ chiến-thuyền lại bị một trận bão làm đắm gần hết, nên chủ-tướng Nguyên sợ hãi bỏ chạy về Tàu với một ít tàn-quân, còn bọn nào không có thuyền về được thì đều bị người Nhật bắt làm tù-binh hay giết chết cả.

Thế là cái đạo quân vô-dịch của Hốt-Tất-Liệt kia, đã làm rung động cả châu Á châu Âu, tưởng rằng nuốt sống được cả các nước láng-giềng, ai ngờ lại bị người Việt-Nam và người Nhật-bản đánh cho liềng-xiềng như thế! Thế mới biết muốn được hơn người, không cứ gì phải nước cho rộng quân cho nhiều, cốt nhất là phải làm sao cho trong nước từ trên chí dưới, ai nấy đều một lòng

một chí, thì việc khó đến đâu cũng làm nổi, nguy-hiểm đến đâu cũng vượt qua. Việc nước Nhật và việc nước ta chống-cự được quân Nguyên về thế-kỷ thứ mười - ba tức là một bài học cho chúng ta ngày nay đó, ta chớ cho là một sự khinh-thường mà chớ bỏ mắt bỏ qua.

40 Hoàng-tộc phục-quyền — Từ khi đuổi được quân Mông - cổ ra ngoài cõi rồi thì Tokimoune được cả nước hoan-ngênh, ái-mộ, coi như là một người đã cứu thoát nước Nhật khỏi vòng nô-lệ vậy. Vì thế nên không những lúc sinh-thời chính-quyền ở cả trong tay, mà đến khi chết bao nhiêu binh-quyền đều trao lại cho con cháu cả. Những con cháu Tokimoune trước còn đủ tài đủ sức để trông-nom việc trị nước chăn dân, nhưng đến năm 1319, một người trong họ ấy là Takatoki (Cao-thời) vì không có tài thao lược, nên quyền-thế một ngày một kém đi, không đủ thế-lực để làm cho người ta sợ như ông cha trước nữa.

Thành-thủ bấy giờ trong nước Nhật tuy có ba người có quyền chấp-chính là Thiên-hoàng, Tướng-quân và họ Hodjo, mà kỳ-thực thì không có ai đủ quyền chuyên-chính cả, vì Thiên-hoàng và Tướng-quân thì từ trước đến giờ vẫn giữ hư-vị, còn họ Hodjo thì nay yếu thế mất rồi, trong nước hình như vô-chủ vậy.

Bấy giờ Thiên-hoàng là Go-Daigo mới thừa cơ chực phục lại đế-quyền, định trực-tiếp trông nom việc nước chớ không để cho kẻ khác làm trung-gian nữa. Thiên-Hoàng được các nhà sư về Phật-giáo trợ-lực, nên sai Thái-tử là Morinaga (Thủ-trưởng) cầm quân đánh họ Hodjo, đuổi được toán quân của Hodjo, sai đóng ở Kyoto, và truyền hịch cho các nhà võ-sĩ ở phía nam nên hiệp sức mà phù-trợ hoàng-gia. Thế nhà vua bấy giờ cũng đã mạnh, giá

được cả nước một lòng hộ-vệ thì làm gì việc lớn chẳng thành. Nhưng khốn thay, các phiến-trấn đại-danh cùng các nhà võ-sĩ ở phía bắc sợ rằng nếu Hoàng-tộc phục-quyền thì tất họ không được tự-chủ như trước, nên họp binh với họ *Hodjo* kéo xuống *Kyoto* chống-cự lại Thiên - hoàng, thành lại có một hồi nam-bắc phân-tranh nữa. Lần này Bắc-phương lại thắng-thế, đảng Nam bị thất-bại, mà Thiên-hoàng *Go-Daigo* bị bắt rồi bị truất ngôi và đẩy sang một cái đảo con gần bờ biển Cao-ly.

Sau khi đó Thái-tử *Morinaga* và các đồ-đảng chạy vào trong núi ở chung quanh *Kyoto* và *Osaka* thủ-hiềm, quân-tướng của *Hodjo* đến đánh đều không lại cả. Được ít lâu, vì cái chi bảo-hoàng đã lan khắp nước, nên quân-dân hai đảo *Shikoku* và *Kiou-Siou* ở phía nam lại nổi lên để phủ-trợ Hoàng-gia. Thiên-hoàng *Go-Daigo* bị đẩy ở giữa biển nghe được tin ấy liền vượt ngục, trái lăm con nguy-hiềm mới về được đến nước nhà. Thái-tử sai quân đi đón và dân-sự được tin lấy làm một việc phi-thường, chắc có Phật Trời phù-hộ, nên đến đâu cũng được hoan-nghênh. Thiên-hoàng thừa dịp phá được quân của *Takatoki*, lên ngôi hoàng-đế, lấy lại chính-quyền và hạch tội họ *Hodjo* là loạn - thần tặc - tử. Bấy giờ lại có hai phiến-trấn phía bắc là họ *Nitta* (Tân-diễn) và họ *Ashikaga* (Túc-lợi) đem quân vào đảng Thiên - hoàng, nên không bao lâu phá được thành-trị của họ *Hodjo* ở *Kamakoura* và năm 1333 họ *Hodjo* bị tước hết binh-quyền, không còn chút thế-lực nào nữa. Thế là trong năm trăm năm Thiên-hoàng vì bị quyền-thần chấp-chính nên chỉ có hư-vị, nay lấy lại được chính-quyền, nhân - dân trong nước đều lấy làm thỏa - thích và chừa-chan hi-vọng, vì chắc từ nay chính-quyền về tay Hoàng - thống thì trong nước

không còn loạn-lạc, nhân-dân không phải chịu lầm-tham như xưa nữa.

50 *Họ Ashikaga chuyên - quyền.* — Lòng dân ao-ước như thế, giá được một ông vua khôn-khéo thì tất giữ được chính-quyền mãi-mãi. Nhưng Thiên-hoàng *Go-Daigo* tưởng rằng đánh được họ *Hodjo*, bỏ được Mạc-phủ rồi là đủ không trông nom đến quân-sự, không giữ vững lấy binh-quyền, chỉ cùng bọn Triều-thần hội-hè điện-yến mà thôi. Còn các tướng-sĩ có công thì tuy có cắt đất phong hầu, nhưng một ngày một xa cách, chớ không được thân-cận như trước. Trong bọn tướng-sĩ có công phù-tá ấy thì có họ *Ashikaga*, tuy lòng trung-thành không được chắc lắm, nhưng vì khôn-khéo, nên được Thiên-hoàng trọng-đãi hơn cả. Vì thế nên được Thiên-hoàng cất cho mấy tỉnh lớn ở quanh miền *Kyoto* là chỗ cung vua ở, và không bao lâu họ *Ashikaga* dần dần chiếm giữ được binh-quyền mà tự nhận là lĩnh-tự các phiến trấn cùng võ-sĩ Bắc-phương, thế mà Thiên-hoàng *Go-Daigo* cũng không ngờ vực gì cả.

Nhưng Thái-tử *Morinaga* có ý tình hơn, biết thế là nguy hiểm cho nhà vua, nên muốn phản-đối lại, dù mang tiếng là trái lệnh cha cũng đành. Thái-tử mới họp bè đảng mình, rồi tự nhận chức Tướng-quân để giữ lấy binh-quyền trong tay, và để các phái võ-biên theo mình mà phủ-trợ Hoàng-gia. Không ngờ Thiên-hoàng không hiểu ý con làm thế là lợi cho mình, quá nghe lời ton-hót của họ *Ashikaga*, quên cả tình cha con, truyền lệnh bắt Thái-tử bỏ ngục, được ít lâu Thái-tử chết một cách âm - muội, chắc là bị tay độc-thủ của đảng quyền-thần. Khi họ *Ashikaga* trừ được Thái-tử rồi, biết không còn ai dám phản-đối kháng-cự nữa, mới bỏ cái mặt nạ ra, chiếm giữ lấy các thành trì cũ của Mạc-phủ ở *Kamakoura*, tự nhận chức Tướng-quân và chiếm lấy binh-quyền như trước (1335).

Thiên-hoàng bấy giờ mới rõ, biết là trúng kế họ *Ashikaga*, lấy làm hối-hận vô-cùng, phần thương con đã bị thác oan, phần giận mình không nghe lời thẳng, mới truyền lệnh cho họ *Nitta* đề-binh đánh kẻ quyền thần. Nhưng chậm mất rồi, vì bấy giờ họ *Ashikaga* đã thu-phục được tất cả các nhà võ-sĩ Bắc-phương, thế-lực rất mạnh, nên kéo binh chiếm lấy kinh đô. Tuy Thiên-hoàng cũng có làm tay anh-hùng pu-tơ, nhưng thế cô không chống lại kẻ thù, nên Hoàn-thống lại mất hết cả binh quyền mà họ *Ashikaga* lại nổi lên chấp-chính. Tuy đang phải bảo-hoàng chiếm giữ được nhiều nơi ở các đảo *Shikoku* và *Kiou-siou*, song đến năm 1392 thì họ *Ashikaga* phá tan được đảng ấy, từ đó binh-quyền trong nước vào cả tay mà Thiên-hoàng thì lại chịu hãm mình ở nơi cung cấm mà làm bị vị như xưa.

Nhưng họ *Ashikaga* giữ chính-quyền không được bao lâu. Khi họ đó muốn đoạt lấy binh-quyền của Hoàng-thống thì dõ-dành các phiên-trấn làm vây-cánh cho mình, đến khi việc đã thành, vì chia lợi không đều, nên các trấn lại nổi lên chống-cự. Thành-thử từ thế-kỷ thứ 15 trở đi, tuy rằng Mạc-phủ giữ chính-quyền, song cứ phải nay ý vào trấn này để phá trấn kia, mai nhờ sức phiên này đi đánh đồ phiên khác, hề phiên nào giúp Mạc-phủ thành công hoặc thắng được Mạc-phủ thì lại chiếm được quyền-chính ít lâu; trong nước phải một hồi qua-phân như thế cho đến thế-kỷ thứ 16 thì Mạc-phủ chỉ giữ cái hư-vị như Thiên-hoàng mà nước Nhật thì chia ra làm nhiều nước nhỏ ghen-ghét, chống-cự nhau, cuộc tranh-chiến liên-miên chẳng khác chi hồi Xuân-thu Chiến-quốc bên Tàu vậy.

Tuy trong nước loạn-lạc như thế, tuy họ *Ashikaga* mất hẳn binh-quyền, không đủ sức giúp loạn-yên dân, nhưng

trong khi giữ cái hư-vị Tướng-quân cũng có công cùng nước Nhật, là đã biết dùng tài lực mà giúp cho văn-chương mĩ-thuật một ngày một thêm phát đạt, cho phong-tục một ngày một bớt thô-bỉ như xưa, tức là giúp cho nước Nhật bước vào cái thời-dại Phục-hung vậy.

### III — Phục-hung thời-dại

Về thế-kỷ thứ 16, tình-thế nước Nhật thật là bối-rối, tam-phân ngũ-liệt chẳng còn biết Thiên-hoàng là ai, Mạc-phủ là gì nữa, cứ mạnh ai nấy được mà thôi. Trong nước chia ra rất nhiều phiên-trấn, mà phiên-trấn nào cũng như một nước nhỏ đủ quyền tự-chủ, có vua-chúa, có quân-quan, có triều-dình, có cờ hiệu, lại có sai sứ đi lại giao-thiệp cùng nhau để giữ gìn quyền-lợi. Kể những các phiên-trấn anh-hùng nhất thì ở Bắc-phương có họ *Date*, ở Trung-ương có họ *Ouésougi*, họ *Hojo* và họ *Mori*. Còn ở Nam-phương về các đảo *Sikoku* và *Kiou-Siou*, vì có bề cách phân nên các đại-danh thường vẫn giữ được nền độc-lập đối với Bắc-phương, và khi Thiên-hoàng và Mạc-phủ bị mất binh-quyền thì các đại-danh Nam-phương tự hồ coi mình như là ở ngoài nước Nhật, sai sứ giao-thông cùng Cao-ly và Trung-quốc, có khi lại xin Triều-dình bắc-kinh phong-vương cho nữa.

10 *Việc xâm-chiếm của người Nhật.* — Nhưng trong khi các phiên-trấn Bắc-phương xâu-xé nhau để chiếm-đoạt chính-quyền thì ở Nam-phương được bình-yên, nên việc thương-mãi có phần phát đạt, và người Nhật đã biết xuất-dương đi chiếm đất các nơi.

Cái chính-sách xâm lược của Nhật-bản ngày nay, để đi chiếm thuộc-địa, bắt đầu manh-nha từ thế-kỷ thứ 16, đang khi trong nước phải loạn-lạc như đã nói ở trên. Về hồi ấy người Nhật ở Nam-phương đã giao thông với các

người Âu-châu, nên đã biết dùng súng ống và đã có các tàu to, có địa-bản để vượt bể đi đến các nước khác trong miền Cực-Đông.

Năm 1523, những giặc bể Nhật-bản kéo đến miền duyên-hải tỉnh Chiết-giang nước Tàu, đánh phá cửa bể *Ning-po* (Ninh-ba) Năm 1552 quân ấy lại đánh Nam-kinh và năm 1563 tràn vào Phúc-kiến, triều-dinh Trung-quốc phải sai quân đi dẹp mới xong. Cuối thế-kỷ thứ 16, người Nhật lại chực đến ở *Macao* (Áo-môn), nhưng hồi ấy có người Bồ-đào-nha cũng ở đó, tìm hết cách để khu-trục đi.

Năm 1608, một đại-danh Nam-phương chiếm lấy các đảo *Kiou-Siou*, chạy dài từ Bắc đến Nam hình như một cái cầu bắc từ Nhật-bản đến Đài-loan, và đảo Đài-loan không bao lâu cũng bị người Nhật đến chiếm lấy. Năm 1624, người Hà-lan muốn chiếm đảo Đài-loan, nhưng bị người Nhật ở đó chống-cự kịch-liệt, không thể lấy được, và năm 1637 người Hà-lan bị một tên tướng cướp ở *Nagasaki* (Trường-kỳ) tên là *Yamada Yahēi* đánh cho đại-bại, phải công-nhận chủ-quyền Nhật-bản ở khắp đảo Đài-loan.

Trong khi ấy người Nhật lại ngấp-nghé cả đảo Hải-nam và Phi-luật-tân nữa. Họ đến đánh đảo Hải-nam đến 20 bận, và họ sang Phi-luật-tân từ đầu thế-kỷ thứ 16. Khi người Y-pha-nho đến chiếm đảo Phi-luật-tân cũng bị người Nhật ở đấy chống-cự lại kịch-liệt, mãi mãi mới yên.

Người Nhật từ Phi-luật-tân lại vượt biển xuống phía nam đến Đông-dương và quần-đảo Mã-lai. Năm 1605, một toán giặc bể người Nhật phá được một đội hải-thuyền của người Anh trong eo bể *Malacca*. Người Nhật đến ở cả Trung-kỳ, Nam-kỳ, Cao-miên và Xiêm-la; vua Xiêm về hồi ấy mộ người Nhật vào toán quân hộ-vệ trong cung. Năm 1605, toán

quân Nhật ấy nổi loạn phá-phách kinh-thành, nhưng vua Xiêm vì cần đến họ nên không làm tội, và sau toán quân ấy giúp người Xiêm đánh đuổi được người Diến-diện và người Bồ-đào-nha chực vào xâm-chiếm nước Xiêm. Năm 1625 chủ-trưởng đạo quân ấy là *Yamada Jizaeimon*, được vua Xiêm phong cho tước vương và kén làm phò-mã nên binh-quyền nắm cả trong tay.

Xem như thế thì ta biết rằng người Nhật bấy giờ đã có cái chí xâm-lược nước ngoài và người Nhật ngày nay đi chiếm Cao-ly, Đài-loan, Mãn-châu, chẳng qua là noi theo cái chí của tổ-tiền về thế-kỷ thứ 16 đó mà thôi.

20 *Đạo Gia-tô truyền vào Nhật-bản.*— Chính trong hồi người Nhật vượt bể đi chiếm đất ngoài ấy, là hồi Gia-tô-giáo truyền sang Nhật-bản. Năm 1548 một người Nhật tên là *Anjiro Ansei* phiêu-giạt sang Ấn-độ, có gặp ông cố *François Xavier* ở thành *Goa*, mới nói chuyện bên nước Nhật cho cố nghe. Cố bèn nhất-quyết sang truyền-giáo bên Nhật, nên năm 1549 cố đi tàu sang đảo *Kiou-Siou*, được các đại-danh tiếp-dãi từ-lễ và cho phép đi truyền-giáo trong nước. Cố *François Xavier* ở đó ít lâu rồi sang *Kyoto* cũng được tiếp-dãi trọng-thề lắm. Ở nước Nhật hai năm thì cố định về Ấn-độ lấy thêm giáo-sĩ để sang truyền đạo cho chóng thành-hiệu, nhưng cố về đến gần *Macao* thì mất (năm 1552).

Xem công việc cố *François Xavier* sang truyền-giáo bên Nhật lúc ban đầu như thế, thì đủ biết người Nhật bấy giờ thật có lòng tôn-trọng sự tin-ngưỡng của người, chớ không có ý hành-ha những người theo tôn-giáo khác. Thế mà về hồi ấy thì ở Âu-châu, người cùng một nước ghen-ghét nhau, xâu-xé nhau, giết-tróc nhau về sự tin-ngưỡng, đã gây nên một tấn thảm-kịch trong bao nhiêu năm, đã dùng máu người mà viết lấp trang lịch-sử, nghĩ đến ghê mình!

Tuy người Nhật-bản lúc ban đầu hoan-nghênh các giáo-sĩ Gia-tô, nhưng việc truyền-giáo cũng khó-khăn lắm nổi, vì trong nước chia ra bè-đảng đánh nhau, hề đảng này có ý bảo hộ các giáo-sĩ thì đảng thù vì thế mà ghét lây, hành-hạ thật là tàn-nhân, thành-thủ trong một nước Nhật mà có nơi thì hoan-nghênh các giáo-sĩ, có nơi thì ra lệnh cấm đạo và trừng-phạt những người theo đạo Gia-tô. Nhưng những nổi khó-khăn ấy sau này các nhà giáo-sĩ không mắc phải vì nhờ có mấy bậc anh-hùng có tài thao-lược, dẹp yên được các phiến-trấn, thu lại được chính-quyền, làm cho trong nước được qua một hồi thịnh-trị.

30 Mạc-phủ phục-quyền — Những bậc anh-hùng ra tay dẹp loạn để khiến cho Nhật-bản lại hồi-phục được quyền trung-ương ấy có ba người là : *Nobunaga*, *Hideyoshi* và *Iyeyasu*.

*Nobunaga* (Tin-trường) (1534-1582) là dòng-dõi họ *Taira*, về thời Phong-kiến, tức là một chi-phái về họ nhà vua. Tuy là dòng-dõi Hoàng-gia, mà linh-thở không được rộng - rãi, song *Nobunaga* là người có chí lớn nên hết sức chiêu-hiến nạp-sĩ, bao nhiêu những tay vũ-sĩ có danh trong nước đều mời đến làm vây-cánh cho mình, và hết sức luyện-tập một đạo binh hùng để chờ dịp xuất-đầu lộ-diện. Trong đạo quân ấy có mấy tay tướng như *Hideyoshi*, và *Iyeyasu* sau này đều làm nên công to nghiệp lớn cả. Khi đã có binh hùng tướng mạnh rồi, *Nobunaga* dần dần đánh các phiến-trấn láng-giềng để mở-mang thêm bờ-cõi và thế-lực của mình. Bọn đại-danh khác trước không ngờ, sau rõ *Nobunaga* có chí lớn chực thôn-tính các lân-cận, thì đã chậm mất rồi, vì *Nobunaga* thế-lực đã to không sao chống lại được. Khi ấy *Nobunaga* mới ngấp-nghe đến quyền Mạc-phủ. Dịp đâu may mắn, khi ấy Trống-quân là *Ashibaga Yoshitêrou*

(Nghĩa-chiêu) bị đảng *Miyoshi* (Tam-hảo ám sát ở Kinh-đô (*Kyoto*), và đem em người là *Yoshiaki* (Nghĩa-minh) lên giữ quyền Mạc-phủ. Nhưng vì *Miyoshi* hoành-hành tàn-phá kinh-thành, quyền-thế rất là hống-hách, nên *Yoshiaki* mới chạy sang *Nobunaga* che-chở cho, *Nobunaga* thừa-cơ đem binh đến *Kyoto* trừ được đảng dữ, đưa *Yoshiaki* về cung, còn mình thì nhận chức Phó Trống-quân (*vice-Shogoun*) và giữ cả binh-quyền. *Yoshiaki* thấy thế lấy làm tức giận, hết bày mưu này lại bày kế khác để trừ tiết *Nobunaga* đi, song việc không thành bị *Nobunaga* tước hết quyền-chức, từ đó họ *Ashikaga* mất cả cái hư-vị mà *Nobunaga* thu hết quyền-chính vào tay, thay mặt Thiên-hoàng trị nước. Chẳng khác chi Mạc-phủ xưa kia vậy. Trong khi *Nobunaga* giữ chính-quyền phải chống-cự với các phiến-trấn không chịu tùng-phục, nhưng đánh đâu được đấy nên không bao lâu các phiến-trấn lại phải theo quyền chính-phủ trung-ương, nước Nhật lại bắt đầu có cơ thống-nhất vậy. Nhờ có cái tài thao-lược của *Nobunaga* mà trong nước được thái-bình, nhưng đến năm 1582, trong kinh-thành có một đạo quân nổi loạn, giết *Nobunaga*, làm cho nền thống-nhất nước Nhật lại lung-lay một đạo.

Nguyên *Nobunaga* bị một tên ti tướng ám-sát; tên ấy tưởng là giết được chủ-tướng rồi tất giữ được binh-quyền mà không ai làm gì nổi, mới vào ở trong cung chủ cũ. Nhưng trong bọn tướng tâm-phục *Nobunaga* có một người nổi lên đem binh vào kinh-thành bắt đưa phản-tặc, giết chết và đem phanh thây ngoài nội. Người ấy tên là *Hidêyoshi*.

*Hidêyoshi* (Úy - cát) (1536 - 1598) nguyên là dòng-dõi thường-dân, vào làm bộ-hạ *Nobunaga*, nhưng là một người trí-dũng kiêm-toàn, nên được *Nobunaga* tin cậy và trọng-đãi lắm. Khi đã giết được

phản-thần rồi, tuy rằng vẫn để cho con *Nobunaga* nối giữ chức cha, nhưng thực ra thì binh-quyền vào cả tay *Hideyoshi*. Trong khi *Hideyoshi* chấp-chính thì theo một cái chính-sách cương-ng nghị quả-quyết, đánh nam dẹp bắc, nổi tiếng o-dịch, nên các sử-gia Nhật đã ví với Nã-phá-luân hoàng-đế. Hồi *Nobunaga* chấp-chính tuy là đã làm cho nước Nhật được thống-nhất, song đó mới là thống nhất một phần trong đảo *Hondo*, chung quanh kinh-thành vua ở mà thôi. Chờ ở phía bắc đảo *Hondo* và đảo phía nam là *Sikoku* và *Kiou-siou* các đại-danh vẫn giữ quyền độc-lập, chờ không chịu tùng-phục chính - phủ trung-ương. Nay *Hideyoshi* lên cầm quyền muốn thống-nhất từ nam chí bắc, mới đem binh xuống thu-phục đảo phía nam, các phiên-trấn đều sợ oai mà qui-phục cả. Còn phía bắc đảo *Hondo* trước kia phản-đối nay biết sức không sao địch nổi cũng phải xưng thần. Thế là nhờ cái chí quả quyết, cái tài thao-lược của *Hideyoshi* mà mấy đảo *Hondo* *Sikoku*, *Kiou-Siou* nay không chia rẽ cách-biệt như trước nữa, đó là một cái công lớn đối với cuộc hợp-nhất của nước Nhật vậy.

Về hồi *Hideyoshi* cầm quyền, trong nước được yên ổn, nên các cố đạo đi truyền-giáo không gặp những sự khó-khăn như trước. Các giáo-sĩ trước vẫn được phép đi giảng đạo, không ai ngăn-cấm gì cả, nhưng sau vì người Bồ-đào-nha ở *Macao* và người I-pha-nho ở Phi luật-tân có ý dòm-hành nước Nhật, mà các cố-đạo lại phần nhiều là người hai nước ấy, nên *Hideyoshi* có ý nghi-ngờ mới truyền lệnh cấm đạo và trục-xuất các giáo-sĩ ra khỏi nước Nhật. Tuy có lệnh ấy, nhưng các cố đạo vẫn lẩn núp ở trong nước, nhất là các đảo ở phía nam để truyền-giáo, nên về hồi ấy trong nước Nhật có đến 200.000 người theo đạo Gia-tô mà 180.000 người ở đảo *Kiou-Siou*.

Khi việc thống-nhất nước Nhật đã thành rồi thì *Hideyoshi* định đem quân sang đánh nước Trung-hoa và nước Cao-ly, xem thế thì biết cái chí to thực! Việc đánh Cao-ly làm cho *Hideyoshi* được người Nhật ca-tụng lắm và được đề tiếng trong sử đến ngày nay.

Nguyên người Nhật vẫn coi nước Cao-ly như là một thuộc-địa của nước Nhật, là một nơi bến đò để người Nhật ghé vào lục-địa Á-châu. Kể từ hồi Nữ-hoàng *Jingô* sang chinh-phục Cao-ly, người Nhật đến hai-mươi bận sang đánh phá xâm-chiếm các miền duyên-hải nước ấy, và ở các cửa bể thường có người Nhật kiều-cư buôn-bán rất đông. Năm 1590, vua Cao-Ly truyền lệnh giết những kiều-dân Nhật ở cửa bể *Fou-san*. *Hideyoshi* liền hạch tội Cao-ly và bắt phải thần-phục nước Nhật. Nhưng Cao-ly bấy giờ là một nước chư-hầu của Trung-quốc, chắc thế nào nước Tàu cũng cứu-trợ nên không chịu thần-phục Nhật-bản. Năm 1592, *Hideyoshi* bèn sai tướng đem 200.000 quân sang đánh Cao-ly, binh Nhật chia làm hai đạo chiếm được kinh-đô Cao-ly và tiến lên đến phía đông-bắc, và tây-bắc, đến gần địa-giới Tàu và Nga. Nước Cao-ly khi ấy hình như đã vào tay người Nhật, nhưng may nước Tàu họp một đạo binh lớn ở Liêu-dông, rồi năm 1593 kéo sang đánh quân Nhật để cứu Cao-ly. Người Cao-ly được Trung-quốc sang cứu, nên trong nước đều nổi lên đánh lại quân Nhật, người Nhật yếu thế phải lùi xuống phía nam, chỉ giữ có mấy tỉnh ở miền bờ bể thôi. Vua Tàu — bấy giờ là đời nhà Minh — sai sứ sang điều-đinh với *Hideyoshi*, nói rằng nếu nước Nhật bằng lòng bãi binh giảng-hòa thì vua Tàu sẽ phong cho *Hideyoshi* làm vua Nhật-bản. Người Tàu có ý lấy lợi dụ *Hideyoshi*, nhưng việc không thành. *Hideyoshi* cho điều-đinh như thế là có thể làm

cho mất lòng tin cậy của đồng bào, mới đuổi sứ Tàu về rồi lại cử binh tục-chiến. Năm 1597, một đạo binh Nhật kéo sang chiếm được ba tỉnh phía nam Cao-ly, rồi kéo lên định chiếm Hán-thành (Séoul) kinh-dô Cao-ly, nhưng bị một toán quân vừa người Cao-ly và người Tàu chặn lại, đánh nhau một trận kịch-liệt. Tuy người Nhật đắc-thắng, nhưng thiệt hại cũng nhiều, vả lại có một đạo binh Tàu ở Liêu-dông kéo sang trợ-chiến, nên quân Nhật phải lui xuống phía đông-nam, vào thành Fousan thủ hiểm. Quân Tàu và Cao-ly kéo đến hãm thành, nhưng trong một năm trời (1597-1598) tuy người Nhật bị thiếu lương-thực, bị rét-mướt khổ-sở mà vẫn cố sức thủ-thành, chớ không chịu hàng. Sau có cứu-binh Nhật đến quân Nhật ra thành đánh rất hăng-hái, làm cho người Tàu và Cao-ly thiệt hại rất nhiều, đến nỗi người Tàu phải khen quân tướng Nhật là mạnh-bạo can-đảm lạ-lùng. Khi ấy người Nhật thắng-thế, sắp-sửa chiếm được Cao-ly thì chẳng may *Hideyoshi* chết, nên các binh tướng Nhật phải bỏ Cao-ly về nước (1598). Tuy *Hideyoshi* không đạt được chí mình, nhưng sau khi chết đi, hình như truyền lại cho người Nhật cái chí đánh Trung-quốc, đoạt Triều-tiên ấy, cho nên ba trăm năm về sau, nước Nhật lúc đã hùng-cường thì việc thứ nhất là thắng được Trung-hoa, chiếm được Cao-ly, tướng *Hideyoshi* dưới tuổi vàng cũng lấy làm há dạ!

*Hideyoshi* chết, để binh-quyền lại cho con bấy giờ mới có năm tuổi, nên các bộ-hạ lại nổi loạn để chiếm lấy chính-quyền. Người chiếm được cái quyền ấy là *Iyeyasu* (Gia-khang) về họ *Tokugawa* (Đức-xuyên), vì kẻ các bộ-hạ của *Hideyoshi* thì y là có binh nhiều tướng mạnh hơn cả, và không những có tài cầm quân đánh

giặc lại là một tay chính-trị khôn-khéo nữa. Vả lại khi *Hideyoshi* còn sống, biết y là một người có tài, nên trọng-đãi lắm, gả em gái cho, và có điều gì cũng bàn với y, nên bây giờ các phiên-trấn đại-danh đều chắc là y thế nào cũng chiếm-đoạt chính-quyền để thực-hành cái chính - sách của *Hideyoshi*. Các phiên-trấn bèn họp nhau lại để đánh y, nhưng bị thất - bại, người thì tử trận, kẻ thì bị bắt, kẻ thì xin hàng, nên *Iyeyasu* chiếm được binh-quyền, khắp nước đều tùng-phục. Bấy giờ *Iyeyasu* mới xin Thiên - hoàng phong cho chức tướng-quân và đóng ở *Yédo* (bây giờ là *Tokio*). Thế là họ *Tokugawa* nối nhau giữ chức Tướng-quân và cầm quyền-chính từ đó, hơn hai trăm năm mới mất (1603-1868).

Khi *Iyeyasu* thu được chính-quyền vào tay thì liền đàn-áp các nhà đại-danh qui-tộc, lột hết binh - quyền, chiếm lấy đất-cát làm của nhà vua, các qui-phái không được dự gì vào việc chính-trị cả. Đứng đầu trong nước là Thiên-hoàng, thay trời trị nước, nên được quyền chuyên-chế vô-hạn, nhưng Thiên-hoàng là dòng-dõi thần-minh, không phải tự mình trông nom việc nước, mới ủy cái quyền ấy cho Tướng-quân thì tướng-quân tức là chúa-tể trong nước vậy. Cái chính-thê ấy tức là cái chính thê quân-chủ chuyên-chế (*monarchie absolue*) là một chính-thê có quyền trung-ương rất mạnh, mà làm cho nước Nhật-bản thoát khỏi cái chế độ phong-kiến loạn-lạc lung-tung, và trở nên một nước quân-chủ chuyên-chế tức cái công của *Iyeyasu* và họ *Tokugawa* vậy. Vì thế nên các nhà sử-học thường ví *Iyeyasu* với *Richélieu* giáo-chủ là người đã lập nên chính-thê quân-chủ chuyên-chế ở nước Pháp về thế-kỷ thứ 17.

Trong khi họ *Tokugawa* cầm quyền Mạc-phủ thì đóng ở *Yédo* mà Thiên-hoàng thì vẫn ở *Kyoto*, trong nước

thành ra có hai kinh-đô. Nhưng vì Thiên-hoàng chỉ giữ hư-vị, dân trong nước coi như một vị thần-linh, không ai dám lại gần, nên *Kyoto* không được sầm-uất vui-vẻ bằng *Yédo*, vì các nhà quý-tộc bị mất binh-quyền cùng đất-đai đều về ở *Yédo* làm môn-hạ Mạc-phủ, chẳng khác nào các nhà quý-phái nước Pháp đều ở triều-đình vua *Louis XIV* vậy. Mạc-phủ làm như thế là có ý muốn cho các nhà đa-danh quý - phái bận về những hội-tiệc ở chốn Kinh - thành, không nghĩ gì đến sự khôi-phục chủ-quyền nữa. Vả lại những thành-trị ở các phiến-trấn đều bị phá sạch cả, như thế thì dù các đại-danh có muốn âm-mưu chống-cự cũng không có chỗ dụng-binh. Công việc trong nước thì tổ-chức cả lại, định quan-chế, luyện quân-sĩ, mở-mang sự giao-thông trong nước, nên việc thương-mại có phần thịnh-vượng hơn trước. Việc truyền-giáo xưa kia để các cố đạo được tự-do thì nay có lệnh cấm, đuổi các giáo-sĩ ra ngoài và cấm dân không được theo đạo Gia-tò, vì Mạc-phủ nghi ngờ các giáo-sĩ dùng thế-lực mình xui-giục Nam-phương (ở đảo *Kiou Siou*) nổi lên chống lại Mạc-phủ. Về việc ngoại-giao thì trước kia người Âu châu được tự-do đến buôn-bán, nhất là ở các đảo phía Nam, nhưng sau Mạc-phủ sợ có ý dòm-dỏ, mới dùng cái chính-sách bế-quan tỏa-cảng, không cho phép người ngoại-quốc vào buôn-bán trong nước Nhật, chỉ trừ có một ít người Hoa-lan là được phép đến thông-thương ở *Nagasaki* (Trường-kỳ) trong đảo *Kiou Siou* thôi.

Lúc ban đầu, họ *Tokugawa* giữ quyền Mạc-phủ, trong nước được bình-yên, nên canh-nông thương-mại được thịnh-vượng, và văn-học mỹ-nghệ cũng được tiên-bộ hơn xưa. không những thế, xưa kia thì chỉ có bọn quý-tộc là được hưởng những quyền-lợi về đường chính-trị học-thuật mà thôi, nay bọn

trung-lưu vì có tiền-của nên cũng được dự phần và dần dần cũng có thế-lực ảnh-hưởng đến việc nội-chính nữa. Như thế thì tuy Mạc-phủ có lấn quyền vua, song cũng biết làm nghĩa-vụ là dùng quyền-thế mình để làm cho trong nước được bình-yên thịnh-vượng, cho dân-sự thoát khỏi cái vòng nô-lệ khổ-sở như xưa, chẳng khác chi bên nước ta về hồi vua Lê chúa Trịnh.

Lúc đầu thì thế, nhưng về sau quyền Mạc-phủ vào tay những người không có tài thao lược, không đủ lòng cương-nghị, nên thế-lực một ngày một suy, binh-quyền hồ không còn nữa, mà lọt vào tay bọn quan-lại hầu cận. Bọn này phần nhiều bất-tài vô-lực, lại cậy quyền cậy thế, dùng cái chính-sách áp-chế, cũng có bụng tham, chỉ nghĩ đến cách hối-lộ lấy tiền, làm mất cả lòng tin cậy của dân, nên trong nước đều có lòng oán giận Mạc-phủ. Nhất là về đầu thế-kỷ thứ 19, tình-cảnh dân-sự rất là khổ-sở, phần vì mất mùa, phần vì thuế nặng, nên trong nước giặc-giã lung-tung, quyền Mạc-phủ lung-lay từ đấy, và trong nước gây lên cái phong-trào « khôi-phục đế-quyền », mở lối cho cái thời-dại Minh-trị ngày nay vậy.

#### IV - Minh-trị thời-dại (*Meiji*)

Thời-dại này gọi là thời-dại Minh-trị là vì Thiên-hoàng sau khi bỏ chức *Tướng-quân*, thu lại chính-quyền, lấy hiệu là Minh-trị, có ý rằng từ nay nền chính-trị trong nước cải-cách lại sẽ được công-minh và hợp lòng dân, lợi cho nước hơn là nền chính-trị cũ. Thời-dại ấy bắt đầu từ năm 1868 cho đến ngày nay, và do một cuộc cách-mệnh khởi lên từ năm 1862.

1<sup>o</sup> *Nguyên-nhân cuộc cách-mệnh Nhật-bản*. — Nguyên-nhân cuộc cách-mệnh này có thể chia làm hai hạng: một là về nội-tình, hai là về ngoại-chính.

a) *Về nội-tình* — Từ khi họ *Tokugawa* chiếm được chính-quyền, dùng cường-

quyền đàn-áp khắp các phiên-trấn đại-danh, nên trong nước được thống-nhất, được hưởng hòa-bình và có trật-tự. nhân-dân không phải chịu lầm-than hơn 200 năm. Nhưng đến thế-kỷ thứ 19, Mạc-phủ quyền-thế suy yếu, công việc trong nước đều vào tay bọn quan-lai tham-lam tàn-ác, dân-sự bị ức-hiếp trăm bề, nên lòng dân lấy làm oán-giận lắm. Gia-dĩ trong nước trộm cướp nổi lên tứ-tung, buôn-bán không được, mùa-màng thường mất, dân-sự rất là khổ-sở, và đều đổ tội cho Mạc-phủ cả. Vì thế nên đến giữa thế-kỷ thứ 19, dân trong nước đầu đầu cũng đều có lòng bất-bình, có bụng ác-cảm đối với Mạc-phủ.

Trong khi Mạc-phủ đã mất lòng dân như thế thì các nhà triết-học, sử-học Nhật-bản lại truyền - bá cái tư-tưởng rằng: Theo trong sử-sách và theo tục truyền thì chính-quyền trong nước phải ở tay Thiên-hoàng là dòng-dõi thần-minh, nay Thiên-hoàng ở trong thăm-cung chỉ giả cái hư-vị mà quyền-chính lại ở họ Tokugawa thì thật là không hợp mệnh trời. Họ Tokugawa chẳng qua là kẻ quyền-thần nên không nghĩ gì đến hậu-vận tổ-quốc, không nghĩ gì đến hạnh-phúc quốc-dân. Nay muốn cho nhân-dân được thái-bình, trong nước được thịnh-trị, tất phải lấy lại chính-quyền ở tay Mạc-phủ mà trao cho Thiên-hoàng mới được. — Vì có cái tư-tưởng ấy truyền bá mọi nơi mà trong nước nổi lên một cái phong-trào có hại cho Mạc-phủ, là cái phong-trào « khôi-phục đế-quyền » vậy.

Cái phong-trào « diệt Mạc-phủ, phục đế-quyền » ấy không những chỉ có các nhà triết-học sử-học gây nên, mà lại được hai hạng có quyền-lực tán-thành vào nữa. Một là hạng văn-thần quý-phái (Kougé) là hạng vẫn có lòng trung-thành với Thiên-hoàng và có ý ghét đảng Mạc-phủ là đảng quân-nhân. Hai là hạng vũ-sĩ, nhất là ở Nam-

phương, từ khi họ Tokugawa lên cầm quyền-chính thì thường bị bó-buộc đàn-áp rất lấy làm khó chịu, mà đảng Nam-phương từ trước đến giờ vẫn có ý không chịu tòng phục đảng Bắc - phương là đảng Mạc-phục, nay muốn nhân dịp có cái phong-trào « khôi-phục đế-quyền » nổi lên mà chống lại kẻ thù xưa.

Ngoài hạng bình-dân, hạng văn-thần và hạng võ-sĩ, trong nước lại còn một hạng nữa cũng có ý phản-đối Mạc-phủ. Hạng này tuy lúc đầu còn ít, nhưng dần dần một ngày một đông, nên cái ảnh-hưởng cũng to. Hạng đó tức là hạng đã thường giao-thiệp với người Âu, nhất là người Hòa-lan. biết văn-minh Âu - châu có lắm ưu - điểm, nếu nước Nhật muốn trở nên một nước cường-thịnh tất phải mượn một vài điều của cái văn-minh ấy mới được. Vì hạng này biết thế nên muốn cho nước Nhật được tự-do giao-thông cùng các nước Âu-châu để học lấy cái hay của người. Nhưng Mạc-phủ thì lại thực-hành cái chính-sách bế-quan tỏa-cảng, không muốn giao-thiệp với ngoại-nhân, nên khiến cho hạng đó sinh lòng phản-đối, muốn đập đổ Mạc-phủ, phù-trợ Thiên hoàng, để thực-hành cái chính-sách tự-do giao-thông, khiến cho nước Nhật được chóng văn-minh cường thịnh.

Ấy tình-hình trong nước như thế. Trừ đảng phái Mạc-phủ ra còn đâu đâu cũng có ý muốn khôi-phục đế-quyền, cái mầm cách-mệnh đã ngầm-ngầm, chẳng khác chi một khối than hồng ở giữa đồng rơm, chỉ một cơn gió mạnh thổi qua là ngọn lửa bốc lên ngùn-ngụt. Cơn gió mạnh ấy chính tay Mạc-phủ vì ngoại-giao thất-sách mà gây nên vậy.

b) Về ngoại-chính. — Nguyên trước kia, ở nước Nhật không những các cố đạo được tự-do truyền-giáo mà cả người ngoại quốc cũng được phép đến thông-thương, nhưng sau Mạc-phủ vì nghi-ngờ họ có ý dòm-hành mà làm hạn

đến chủ-quyền nước Nhật, mới ra lệnh bế-quan tòa-cảng, đuổi các giáo-sĩ và cấm việc thông-thương với người ngoài, chỉ trừ ở phía nam tỉnh-thoảng có người Hòa-lan đến các cửa bể buôn-bán mà thôi. Người Hòa-lan được thế là vì được các đại-danh Nam-phương có ý che-chở cho. Thành-thủ nước Nhật chỉ giao-thông với nước Trung-hoa và nước Hòa-lan, còn tịnh không giao-thông với nước ngoài nào nữa.

Nhưng năm 1853 ngày 8 *Juillet*, thủy-tướng Mỹ tên là PERRY đem một đạo chiến-thuyền đến đóng ở Đông-kinh-loan, yêu-cầu nước Nhật cho người Hoa-kỳ được quyền đến hải-cảng thông-thương. Năm sau (1854) thủy-tướng Mỹ lại đến để xem nước Nhật trả lời làm sao. Mạc-phủ trước còn không chịu, nhưng sau thủy-tướng Perry đưa tối-hậu - thư và dọa phóng-pháo lên thành, Mạc-phủ biết thế không chống-cự lại được, phải ký hòa-ước thuận cho người Mỹ được quyền đến thông-thương ở mấy hải-cảng Nhật.

Cũng năm ấy (1854) người Anh và mấy năm sau người Nga, người Hà-lan người Pháp đều theo gương người Mỹ đem chiến-thuyền đến thị-oai bắt Mạc-phủ phải ký hòa-ước cho được quyền vào thông-thương trong các cửa bể nước Nhật. Đến năm 1858 thì các nước có thủy-quân mạnh đều lục-tục bắt hiệp Nhật-bản phải nhượng những quyền-lợi thông-thương trong nước.

Người Nhật thấy Mạc-phủ ngoại-giao thất-bại như thế đều lấy làm tức-giận, cho là Mạc-phủ làm mất thể-diện nước Nhật, nên lòng công-phẫn càng ngày càng mạnh. Bấy giờ trong nước mới nổi lên một đảng công-nhiên tuyên-bố cái chủ-nghĩa « bảo hoàng », nhất-định phá đổ Mạc-phủ, thu lại chính-quyền cho Hoàng-thống. Đảng ấy gồm tất cả các sĩ-phu trong nước có ý tôn-quân và các nhà đại-danh vũ-sĩ Nam-

phương. Chính Thiên-hoàng bấy giờ là *Komei* (Hỗ-minh) cũng tỏ ý bất-bình về sự Mạc-phủ làm nhục quốc-thể, và muốn nhân dịp đó thu lại chính-quyền, và theo học các nước Âu-Mỹ để cho nước Nhật không phải yếu hèn và khỏi bị người ngoài bắt nạt.

Thế là khắp trong nước, trên từ Thiên-hoàng, dưới đến sĩ-phu, võ-sĩ và thường dân, đều hiểu rằng muốn cho nước Nhật được khỏi người ngoài đè nén, tất phải cải-lương nền chính-trị trong nước theo lối người Âu, mà muốn cải-lương chính-trị tất phải có một cuộc cách-mệnh phá đổ Mạc-phủ đi mới được.

2<sup>o</sup> *Cuộc cách-mệnh năm 1862.* — Cuộc cách-mệnh ấy ngầm-ngầm từ trước, đến năm 1862 thì nổi lên. Các thủ-lĩnh những phiên-trấn Nam-phương đến *Kyoto* hội-nghị với các cận-thần của Thiên-hoàng xong rồi, đến tháng bảy năm 1862, các phiên-trấn ấy họp nhau lại đưa hịch hạch tội Mạc-phủ đã làm nhục quốc thể, bán nước cho người ngoài, bắt phải trả quyền-chính lại cho Thiên-hoàng và phải để cho Nam-phương dự vào việc nước. Mạc-phủ biết mình có-thể không thể cự lại, nên phải đến *Kyoto* tạ tội với Thiên-hoàng. Thế là đảng Namp-hương đã thắng được Mạc-phủ. Nhưng khi thắng được Mạc-phủ thì các phiên-phương Nam lại chia-rẽ bất-bình cùng nhau. Nguyên có ba phiên về bề với Thiên-hoàng là : *Satsouma* (Tát-ma), *Tosa* (Thổ-tá) và *Choshou* (Tràng-xuyên). Khi ấy họ *Tokugawa* đã bằng lòng trả chính-quyền cho Hoàng-thống, chỉ giữ chức Tướng-quân, các phiên kia đều thuận, sona thủ-lĩnh phiên *Choshou* là *Mori Montari* chưa vừa ý, muốn bỏ hẳn chức Tướng-quân đi và muốn khai-chiến với ngoại-quốc nữa, bèn kéo binh đến chiếm lấy *Kyoto*, bắt Tướng-quân *Iemochi* (Gia-tri) bỏ ngục và tỏ ý muốn tuyên-chiến với người Âu Mỹ.

Nhưng Thiên-hoàng *Komei* hiền là nếu để *Monotari* làm thế tất có hại cho nước Nhật, vì người ngoài sẽ thừa dịp đó kéo binh vào chiếm lấy nước thì ngay, nên cự-tuyệt với *Monotari* và truyền-lệnh bắt *Monotari* phải rời *Kyoto* mà về ở phiên mình. *Monotari* phải bỏ *Kyoto* đi, thế là đảng ôn-hòa đắc-thắng, mà thủ-lĩnh đảng ấy tên là *Sabouro* chủ-tướng phiên *Satsouma* lên cầm quyền-chính, thay quyền vua và tướng-quân để trông coi việc nước.

Song *Monotari* không chịu, muốn rằng Thiên-hoàng tự mình giữ lấy chính-quyền, nên năm 1864 (20 Août) lại kéo quân lên chiếm lấy *Kyoto* và đánh phá Hoàng-cung, nhưng việc không thành lại phải tháo lui. Thiên-hoàng giận lắm truyền lệnh cho tướng-quân *Iemochi* đem quân tàn-sát đảng *Monotari*. Tướng-quân được dịp báo-thù, tha-hồ mà đánh phá. Song đảng ôn-hòa hiền rằng nếu để Tướng-quân phá hẳn được đảng *Monotari* thì sẽ nguy-hiểm cho mình, nên năm 1865, bắt Tướng-quân không được đánh nữa. Tướng-quân không nghe, cứ kéo quân tàn-phá đảng *Monotari*, nên đảng *Satsouma* phải đem binh đến cứu và phá được đạo binh của Tướng-quân hồi tháng bảy năm 1866. Đến tháng chín năm ấy, *Iemochi* chết, con là *Yoshinobu* (Cát-tin) lên thay và truyền-lệnh bãi binh. Thế là Mạc-phủ không còn quyền-lực như trước, mà cuộc cách-mệnh đến hồi kết-cục vậy.

30 Hoàng-thống phục-quyền. — Cuộc cách-mệnh năm 1862 tuy là làm cho Mạc-phủ mất cả chính-quyền, nhưng quyền ấy chưa hẳn vào tay Hoàng-thống. Thiên-hoàng *Komei* tuy có dự vào cuộc cách-mệnh ấy, nhưng chưa thu hẳn được chính-quyền vào tay, vì các phiên-trấn về phái « Bảo-hoàng » cứ chia rẽ đánh nhau mãi. Tháng giêng năm 1867, Thiên-hoàng *Komei* băng hà, thái-tử *Moutsouhito* (Mục-nhân) lên ngôi,

và tự mình đứng làm thủ-lĩnh đảng bảo-hoàng.

Thiên-hoàng *Moutsouhito* là một bậc thiên-tài, hiểu rõ tình-thế trong nước, lại có lòng cương-ng nghị quả-quyết, rất được lòng dân, nên khi đảm-nhận làm thủ-lĩnh đảng Bảo-hoàng, thì các đảng-phái trong nước đều một lòng qui-phục. Thiên-hoàng *Moutsouhito* là một người rất có công với nước Nhật vì đã biết thực-hành một cái chính-sách khôn khéo làm cho nước Nhật thành một nước văn-minh sánh ngang hàng với các cường-quốc Âu-Mĩ; vậy tưởng ta cũng nên biết rõ là người thế nào.

Thiên-hoàng sinh ngày 3 *Novembre* 1852, đến năm 1867 thì lên ngôi hoàng-đế, bấy giờ mới có 16 tuổi. Tuổi tuy còn trẻ, nhưng đã tỏ ra là một người có cái nghị-lực phi-thường, có tài chính-trị khôn khéo, biết làm trọn nghĩa-vụ một bậc đế-vương của một nước gặp phải lắm sự khó-khẩn như nước Nhật bấy giờ. Hoặc khi ở Nghị-viện, hoặc khi dự các lễ trọng trong nước, ở trước mặt công-chúng, Thiên-hoàng thường giữ một cái dáng-diệu nghiêm-ng nghị, không thể trông nét mặt mà đoán các tình-tình được. Những khi ấy mình mặc triều-phục rực-rỡ, trên đầu đội mũ có một cái ngù trắng bong, ngực đeo tràng-mạng hay bội-tinh lóng-la lóng-lánh, trông có vẻ rực-rỡ như một mảnh Thái-dương vậy. Nhưng những lúc ở trong cung thì trông người tươi-tỉnh vui-vẻ, chớ không có cái vẻ nghiêm-ng nghị, khiến cho người ta trông thấy phải sợ-hãi như những khi ở trước mặt công-chúng. Thiên-hoàng lại chăm làm việc lắm, nên việc trong nước việc gì cũng biết một cách rất rõ-ràng. Những khi rảnh việc thì cách giải-tri mà Thiên-hoàng ưa nhất là làm thơ. Một người Nhật đã tặng cho Thiên-hoàng cái danh-hiệu là một nhà « đại-thi-sĩ », và nói rằng mỗi ngày Thiên

hoàng làm bốn năm bài thơ ngắn, nên văn thơ của người nhiều lắm. Những thơ ấy thường tả cái chí cao-thượng, cái bụng từ-thiên, cái lòng ái-quốc của Thiên - hoàng, nhất là những thơ làm hồi Trung-Nhật và Nga-Nhật chiến-tranh. Đây xin phỏng dịch mấy bài thơ ngắn của Thiên-hoàng :

## I

Mỗi khi đọc sách cổ-nhân,  
Vất tay nằm nghĩ trăm phần lo toan.  
On trời ngồi giữ ngại vàng,  
Biết rằng việc nước liệu toàn được  
chăng !

## II

Bá kia mưa mãi cũng mòn.  
Việc đời dù khó dễ sờn lòng ta !

## III

Tưởng rằng bốn bề một nhà.  
Tuy là khác giống cũng là anh em !  
Nữ đầu đem dạ khích-hiềm,  
Đất bằng nổi sóng đảo-diên cuộc đời !

## IV

Dưới hiên đứng ngắm bóng Nga,  
Cảnh trời bình-linh lòng ta bàng-hoàng.  
Vân-vơ hồn đến sa - trường,  
Nghĩ người gối tuyết nằm sương xót  
thăm !

## V

Đã đành vì nước vì nhà.  
Gặp quân thù-nghịch dễ tha được nào !  
Nhưng mà trong cuộc binh-đao,  
Cái tình nhân-loại chớ sao-lãng lòng !

Ấy cái chí-khi, cái tâm-tĩnh của Thiên - hoàng *Moutsouhilo* như thế, nên khi lên cầm quyền-chính thì được lòng dân ái-mộ ngay. Khi ấy đảng bảo-hoàng bền nhất quyết phá đồ Mạc-phủ

họ *Tokugawa* biết tình-thế trong nước không sao trì-hoãn được nữa, phải từ chức tướng quân, mà tướng-quân hồi ấy là *Yoshinobon*. Tuy họ *Kokugawa* đã từ chức Tướng-quân, nhưng đảng phái Mạc-phủ vẫn còn, không chịu để mất quyền-chính, vẫn ở trong tay mấy thế-kỷ nay. Thiên-hoàng phải sai quân đi đánh dẹp chiếm lấy các thành-trị của Mạc-phủ như là *Yédo* và *Osaka* mãi đến năm 1868 mới yên. Còn *Yoshinobou* tuy đã từ chức tướng-quân, trả lại quyền-chính, nhưng sau nghe bè đảng xui-giục nổi loạn chống-cự Thiên-hoàng, bị đảng Bảo-hoàng đánh thua phải trốn xuống một chiếc tàu Mi rời lánh vào ở trong một cái chùa, mãi sau này được Thiên-hoàng xá tội cho mới dám ra mặt. Năm 1869, ở Bắc-phương đều bình định xong cả, phái Mạc-phủ thật tan-tành, không còn ai dám chống-cự nữa. Thế là Hoàng-thống lại phục được đế-quyền mà hồi này được lâu bền chớ không như hồi Thiên-hoàng *Go Daigo* về thế-kỷ thứ 14.

Khi Thiên-hoàng đánh đổ được Mạc-phủ rồi, quyết định tự mình giữ lấy quyền chính, chớ không để cho đảng nào mượn tiếng nhà vua mà cai-trị nước như xưa. Và hiền rằng ở *Kyoto* là nơi các Thiên-hoàng xưa kia chỉ ở không trong cung mà giữ cái hư-vị, tất không có lợi cho Thiên - hoàng *Moutsouhito*, vì từ xưa đến giờ những người giữ quyền chính vẫn ở *Yédo* thì *Yédo* mới chính thực là kinh-thành nước Nhật. Vì những lẽ đó, Thiên-hoàng *Moutsouhito* nhất quyết bỏ *Kyoto*, di dò lên *Yédo*, để tiện việc cầm quyền trị nước. Ngày 18 *Avril* 1869, Thiên-hoàng lên đóng đô ở *Yédo*, đổi tên lại *Tokio* (Đông kinh).

Khi ấy phiên *Satsouma* thấy mình có công to trong việc khôi phục đế quyền, mà nay Thiên-hoàng cũng coi mình như các phiên khác, không đối đãi một cách đặc-biệt thì có ý bất-bình, vì trước

kia tưởng rằng giúp Thiên-hoàng cũng mong khi thành-công thì sẽ được thế chân họ *Tokugawa* mà cầm quyền-chính, nay thành ra thất-vọng. Vì thế trong phiên ấy lại chia ra hai đảng: một đảng thì một lòng trung-thành với Thiên-hoàng, một đảng thì ra mặt phản-đối. Đảng phản-đối có thống-chế *Saigo* (Tây-hương) đứng đầu, năm 1877 nổi loạn ở đảo *Kiou Siou* chống cự với nhà vua, nhưng việc không thành, thống-chế *Saigo* liền mở bụng tự-tử (24 Septembre 1877). Thế là trong nước Nhật, không còn ai phản-đối Thiên-hoàng nữa, không còn chút vết tích gì về thời-dại phong-kiến nữa, suốt trong nước từ nam chí bắc đều chịu ở dưới quyền nhà vua, cuộc thống-nhất của nước Nhật thế là hoàn-toàn vậy.

40 *Nhật-bản duy-tân*. — Từ năm 1868, nhờ về cuộc cách-mệnh, Thiên-hoàng thu lại được chính-quyền, mà nước Nhật vào một cái thời-kỳ mới, tức là cái thời-kỳ duy-tân, phần thời bỏ những tục-lệ hư-bại trong nước, phần thời bắt chước những cái chính sách hay của nước ngoài, khiến cho nước Nhật được ngày thêm cường-thịnh, sánh ngang hàng với các nước văn-minh Âu Mỹ ngày nay.

Trong nước thì Thiên-hoàng trừ bỏ những thói-tục thuộc về thời-dại phong-kiến, các phiên-trấn không được tự-do hoành-hành như trước, và không có gì cách biệt nhau nữa. Những nhà quý-tộc vì lòng nhiệt-thành yêu nước đáng khen, tình-nguyện bỏ tất cả các quyền-lợi từ xưa đến giờ, cũng như các nhà quý-tộc Pháp hồi cách-mệnh tình-nguyện bỏ quyền-lợi mình đem hôm 4 *Août* 1789 vậy. Những dân-sự chốn thôn quê, trước kia tình-cảnh gần như nô-lệ, nay được giải-phóng và được quyền có tư-diện tự-thở. Về đường tôn-giáo thì lấy Thần-giáo làm quốc-gia-tôn-giáo và

bãi những chỉ-dụ cấm đạo Gia-tô, cho trong nước được quyền tự-do tín-ngưỡng.

Về đường nội-chính, có lắm cuộc cải-cách rất quan-hệ, xin lược-thuật ra đây:

a) *Chinh-thể*. — Từ xưa đến giờ, nước Nhật là một nước quân-chủ chuyên-chế, dù quyền-chính ở tay Hoàng-thống hay ở tay Mạc-phủ thay mặt nhà vua, bao giờ dân sự cũng phục-tùng vị chúa-tể trong nước mà vị chúa-tể ấy quyền-thế rất rộng, muốn làm chi thì làm, không ai dám trái-ý vi-lệnh cả. Sau cuộc cách-mệnh năm 1868, Thiên-hoàng *Moutsuhto* thu lại chính-quyền, thuận theo dư-luận, nên có hứa với thần-dân sẽ đổi lại chính-thể cho hợp với lòng dân và có lợi cho nước. Năm 1881, Thiên-hoàng có truyền-chỉ cho dân biết là sẽ đổi chính-thể chuyên-chế ra chính-thể lập hiến, và năm 1889 tuyên-bố Hiến-pháp hôm 11 *Février*. Hôm ấy cả nước mở hội hoan-nghehnh hiến-pháp, như một ngày quốc-hội vậy.

b) *Hiến-pháp*. — Hiến-pháp Nhật-bản làm phỏng theo hiến-pháp nước Phổ (*Prusse*) năm 1850. Theo hiến-pháp ấy thì đứng đầu trong nước là Thiên-hoàng, là dòng-dõi thần-minh, thay trời trị nước từ đời thượng-cổ đến giờ. Theo cái ý-kiến ấy thì cái quyền nhà vua tức « là thiên phó chi quyền », nhưng cái quyền ấy nhà vua có thể trao cho các đại-biêu quốc-dân một phần để trông coi việc nước. Những quyền ấy có ba thứ là: quyền lập-pháp, quyền hành-chính và quyền tư-pháp. Trên ba quyền lập-pháp, hành-chính và tư-pháp thì là Thiên-hoàng. Thiên-hoàng có quyền công-nhận các luật-pháp, truyền chỉ tuyên-bố và thi-hành các luật ấy, có quyền chiêu-tập Nghị-viện, có quyền khai-hội, bãi-hội, và giải-tán Chúng-nghị-viện. Lại có quyền định việc tổ-chức các công sở, cách chức các quan-lai, và điều-khiển thủy-

quân lực-quân, có quyền tuyên-chiến cùng nước khác hay giảng-hòa và định các điều-ước. Khi trong nước có chiến-sự hoặc nội-loạn thì vua được quyền thống-trị.

Vua đối với dân thì thế, mà dân đối với nước thì có lắm nghĩa-vụ phải tuân theo: như phải đầu binh, phải đóng thuế; và có lắm quyền-lợi được hưởng: như được quyền muốn ở đâu tùy-thích, không phải bắt buộc, tra hỏi trái với luật-pháp, nhà ở cùng thơ-từ không ai được khám-xét, quyền sở-hữu không được ai động đến, được quyền tự-do tín-ngưỡng, miễn là không làm mất trật-tự trong nước và không trái với đạo làm dân thì thôi, được quyền tự-do ngôn-luận để truyền-bá tư-tưởng của mình, và được quyền công-nhiên hội-nghị và lập-dăng nữa.

Quyền lập-pháp thì do Quốc-hội (*Diète impériale*). Quốc-hội chia ra làm Qui-tộc-viện (*Chambre des Paris*) và Chúng-nghị-viện (*Chambre des Représentants*). Các nghị-viên ở Qui-tộc-viện một phần là những người trong Hoàng-phái, một phần là qui-tộc, một phần là những người có công-trạng với nước được giữ chân nghị-viên suốt đời, và một phần là các đại-biểu của dân, do các thành-phố và các phủ công-cử lên mỗi chỗ một người trong một hạn bảy năm. Chúng-nghị-viện có 300 nghị-viên do dân đầu-phiếu công-cử lên. Theo hiến-pháp năm 1889 thì trong nước Nhật, muốn được quyền đầu-phiếu tức phải là dân Nhật, phải ít ra là 25 tuổi, phải trả thuế chính-ngạch là 15 viên và phải ở trong hạt ít ra đã được một năm. Còn muốn được quyền ứng-cử thì phải là dân Nhật, ít ra là 30 tuổi, và phải đóng thuế chính-ngạch là 15 viên. Theo luật bảo-cử năm 1889 ấy thì trong nước Nhật bấy giờ có 43 triệu dân mà chỉ được 500,000 người có quyền bầu-cử thôi.

Luật bảo-cử ấy đến năm 1900 lại đổi lại, rút số tiền thuế chính-ngạch xuống 10 viên cho những người có quyền dự-bảo, bỏ hẳn số tiền thuế cho người ứng-cử, nên số người có quyền bầu-cử được tăng lên gấp ba. Luật ấy lại tăng số nghị-viên lên 369 người. Đến năm 1919 số thuế lại rút xuống 3 viên, nên số người đi bầu được là 2 triệu rưỡi, so với số dân là 60 triệu, tưởng cũng hãy còn ít lắm! Vì thế nên mới đây bên nước Nhật có cái phong-trào muốn cho khắp cả quốc-dân được quyền đầu-phiếu (*suffrage universel*), đó là một cái tang-chứng rằng cái chủ-nghĩa dân-chủ càng ngày càng mạnh. Nghe đâu cái quyền phổ-thông-đầu-phiếu ấy đã được chính-phủ và quốc-hội Nhật-bản chuẩn y rồi.

Nói đến việc bầu-cử nghị-viên, ta nên biết rằng nước Nhật tuy là một nước văn-minh thật, song những khi có cuộc dự bảo cũng có lắm chuyện thú vị, lắm điều giống như những cuộc bầu-cử nghị-viên ở nước nhà, nhất là trong những khi bầu nghị-viên vào Chúng-nghị-viện thì nghe chừng Khổng-phương-huynh có thể-lực lắm. Lại thêm một điều nữa: là mỗi người ra ứng-cử đều có thuê một bọn thiếu-niên để hộ-vệ mình và để đánh những tay ứng-cử tranh mình. Những quân hộ-vệ ấy (gọi là *soshi*) thường dùng dùi đục tay thước, và có khi dùng đến cả gươm để đánh nhau, lắm khi rất là kịch-liệt. Xem như thế thì biết rằng ở bên nước Nhật, ra ứng-cử nghị-viên rất là nguy-hiểm và phải có can-dảm lắm mới được! Các ông hậu-bổ nghị-viên nước nhà tuy có lắm điều nên theo gương người Nhật, nhưng điều này thiết-tưởng chớ nên bắt-chước làm gì!

Các nghị-viên trong Quốc-hội Nhật-bản cũng thường chia ra lắm đảng phản-đối nhau, như các nghị-viên bên Âu-Mĩ. Cũng có đảng tự-do, đảng tiến-

bộ, đảng quốc-dân, đảng thống-nhất, đảng bảo-thủ, (hiện nay có hai đảng có thể-lực hơn cả là *Chính-hữu-đảng* và *Hiến-chính-hội*.) Tuy mỗi đảng có một danh-hiệu riêng, song chương-trình về chính-trị của họ cũng không được rõ - ràng lắm. Nhưng thường thường thì các đảng nghị-viên Nam-phương là đảng đã tán-thành cuộc duy tân Nhật-bản, bao giờ trong Nghị-viện cũng mạnh thế hơn.

Theo như hiến-pháp thì Quốc-hội Nhật-bản có quyền thu nhận các đơn khiếu nại của dân, có quyền hỏi các viên tổng-trưởng các bộ, được phép trình bày những điều thỉnh-cầu của quốc-dân với Thiên-hoàng, có quyền khám xét việc tài-chính trong nước và có quyền dự-thảo và định-quyết các luật mới nữa. Về việc dự-thảo các luật thì thường có những tiểu-hội-đồng quyết-định, khi đem ra quyết-nghị ở Quốc hội thì phần nhiều các nghị-viên cứ theo ý-kiến của tiểu-hội-đồng rồi bỏ phiếu theo. Vả những khi Nghị-viện họp thì các quan tổng-trưởng ít khi đến dự, chỉ có các ủy-viên của Chính-phủ thường là những nhà chuyên-môn đến hội nghị cùng các nghị-viên thôi.

Quyền hành-chính thì do Thiên-hoàng bổ-nhiệm các quan tổng-trưởng các bộ. Theo hiến-pháp năm 1889 thì các viên tổng-trưởng ấy chịu trách-nhiệm đối với Thiên-hoàng, đối với quốc-dân thì chỉ chịu trách-nhiệm một cách gián-tiếp, chứ không trực-tiếp như ở nước Anh nước Pháp, vì nghị-viện không có quyền chất-vấn chính-phủ và bỏ phiếu không tin để đánh đổ chính phủ được. Nghị-viện chỉ được phép hỏi các viên tổng-trưởng, nếu các viên tổng-trưởng không thể trả lời được, hoặc trả lời không đủ, thì nghị-viện được quyền khiển-trách chính-phủ. Nếu khiển-trách như thế không công-hiệu thì Nghị-viện đem việc bất-hòa ấy trình bày với Thiên-hoàng để Thiên-hoàng

xét định. Nếu Thiên-hoàng theo ý Nghị-viện thì bãi chức các viên tổng-trưởng, song nếu Thiên-hoàng cho chính-phủ là có lẽ thì có thể đồng-ý với Quý-tộc viện mà giải-tán Chung nghị-viện được.

Chính-phủ Nhật-bản gồm tất cả 10 bộ là: ngoại-vụ bộ, nội-vụ bộ, Tài-chính bộ, Lục-quân bộ, Hải-quân bộ, Tư-pháp bộ, Giáo-dục bộ, Nông-thương bộ, Giao-thông bộ và Hoàng-gia bộ là một bộ thuộc riêng của Thiên-hoàng. Mỗi khi có hội-đồng các quan tổng-trưởng thì chỉ có các tổng-trưởng chín bộ trên đến dự thôi, chứ quan tổng-trưởng bộ Hoàng-gia không đến. Gồm chín bộ trên ấy, là tòa Nội-các, thường có một quan Tổng-ly không giữ riêng bộ nào, nhưng coi hết mọi việc.

Đó là trung-ương chính-phủ. Dưới quyền trung-ương chính-phủ thì có các quan địa-phương đứng đầu các phủ, huyện, quận, thị, đình và thôn, Phủ huyện có đặt quan do chính-phủ mệnh-lệnh; quận, thị, đình, thôn, đều đặt trưởng do địa-phương công-cử. Phủ huyện chia ra làm quận, thị (thị nhỏ hơn quận mà đông dân-cư). Quận, thị chia ra làm đình (là chỗ ở những dân công-thương và thôn là chỗ ở những dân làm ruộng).

Còn quyền tư-pháp trước kia vẫn lẫn với quyền hành-chính, nay được độc-lập và thuộc về các quan Tư-pháp tức là các quan tòa. Pháp-luật nước Nhật trước kia mô-phỏng theo pháp-luật Trung quốc, nên không phân rõ thế nào là dân-luật, hình-luật, mà trong nước cũng ít người am-hiểu. Nhưng từ thời-dại Minh-trị, đã biết tham-dụng luật Thái-tây, và có đón người Pháp về dạy người Nhật - bản học luật. Ngày nay thì pháp-luật Nhật-bản đã làm theo luật-pháp các nước văn-minh, cũng có đủ dân pháp, thương pháp, dân-sự tố-tụng pháp, hình-sự tố-tụng pháp, hình-pháp, tài-phán pháp; và các tòa

án trong nước cũng có đủ các cấp không khác chi bên Âu Mỹ cả.

C) *Học-chế* — Người Nhật hiểu rằng muốn cho các cuộc cải - cách chóng thành-hiệu, muốn cho dân ham muốn cuộc dạy-tân là phải mở-mang sự quốc-dân-giáo-dục, vì thế nên Chính-phủ Nhật săn-sóc đến việc học trong nước lắm.

Nguyên trước thời-dại Minh-trị, việc học trong nước Nhật cũng đã mở-mang lắm, nhất là cho con-cái các bậc thượng-lưu. Khi ấy đã có những trường của các nhà đại-danh mở ra cho con cháu các quý-tộc và quan-lại, những trường lập ở các đình chùa (*terakoya*) cho con cháu các hạng thường-dân và các trường tư của các ông đồ mở ra ở những nơi thôn ấp. Ở các trường ấy, cốt nhất là học đọc và học viết chữ Hán. Các giáo-sư lại dạy thêm những điều cốt-yếu về phép tính, về luân-lý và lễ-phép. Các giáo - sư được tự-do dạy học, chính-phủ không trông nom khám xét gì đến.

Nhưng từ thời-dại Minh-trị, thì việc học trong nước chính-đốn lại rất có qui-củ, như các nước Âu-Mỹ, và phân ra có tiểu-học, trung-học, cao-đẳng học và chuyên-môn học.

*Tiểu-học* chia ra làm hai ban, mỗi ban học bốn năm, là ban tầm-thường cho trẻ con từ 6 đến 10 tuổi và ban Cao-đẳng từ 10 đến 14 tuổi. Ban tầm-thường thì theo phép cưỡng-bách giáo-dục, bao nhiêu con trai con gái trong nước từ 6 đến 10 tuổi đều phải vào học cả. Học ở bậc tiểu-học, trừ con nhà nghèo khó, còn thì cha mẹ phải trả học-phi : hoặc trả tiền, hoặc hiến những vật gì có ích cho nhà trường, hoặc lấy công thay của. Ở các trường tiểu-học thì dạy cho học-trò biết những điều thường-thức cần-dùng, dạy luân-lý, toán-pháp, địa-dư và lịch-sử nước Nhật, dạy vẽ, dạy hát, con trai thì dạy thủ-công, con gái

thì dạy thêu thùa may vá. Ngoài giờ học lại bắt học-trò tập [thể-thao nữa, nên trường nào cũng có một nơi cho học trò luyện về thể-dục. Các khoa-học ấy dạy bằng chữ Nhật, nhưng học-trò lại phải học cả Hán-tự nữa, và phải học đủ 1200 chữ thông-dụng thôi.

*Trung-học* thì những học-trò có bằng tiểu-học vào học, và khi học thường phải ăn ở trong trường. Học phải trả tiền, trừ một vài hạng thôi. Mục-dịch giáo-dục cũng như tiểu-học, chỉ để dưỡng-thành nhân cách cho học trò, tức là cao-đẳng phổ-thông giáo-dục. Ở các trường trung-học, vừa học chữ Nhật chữ Tàu, vừa học chữ ngoại-quốc, nên mất nhiều thì giờ lắm. Tiếng ngoại-quốc bắt phải học là tiếng Anh và tiếng Pháp hoặc tiếng Đức. Học-khóa độ 5. 6 năm, từ 12 đến 18 tuổi, khi tốt-nghiệp hoặc vào làm thư-ký các công-sở, hoặc vào học bậc cao-đẳng.

*Cao-đẳng học* hiện nay có hai trường là trường Cao - đẳng Đông-kinh và trường Cao-đẳng Kinh-dô. Vào học cao-đẳng, phải có bằng trung-học tốt-nghiệp và phải trả học-phi, trừ những người nào được nhà nước cấp học-bổng cho, nhưng những người có học-bổng đến khi đỗ ra đi làm phải hoàn lại cho chính-phủ. Cao-đẳng học chia ra nhiều ban : có ban học luật, có ban học thuốc, có ban văn-chương, có ban khoa-học, có ban canh-nông, có ban công-tác. Khi hết hạn học thì học-sinh được một cái bằng ngang với bằng cử-nhân, và trong những ông cử ấy nếu ông nào làm được việc gì đặc-biệt thì Chính-phủ ban cho bằng tiến-sĩ. Những ông cử ấy có ông được phép ở lại trường học thêm năm năm nữa, có ông được chính-phủ cử đi công-cán ngoại-quốc học thêm cho thật thành-tài.

*Chuyên-môn-học* thì có trường quý-tộc-viện dạy con nhà quý-tộc để sau chuyên việc ngoại-giao và chính-trị,

trường binh-vụ chuyên-môn, để luyện tập các bậc tướng-sĩ lục-quân, trường hải-quân để luyện các quan binh thủy, trường học tiếng ngoại-quốc chia làm nhiều ban : Trung-quốc, Triều-tiên, Anh, Pháp, Đức, Nga, Ý, Tây-ban-nha ; các trường kỹ-nghệ, thương-mại, canh-nông, mĩ-thuật, và các trường Sư-phạm và Cao-dẳng Sư-phạm dạy những giáo-sư các bậc học.

Ngoài các trường nói trên này, hoặc tiểu-học, hoặc trung-học, hoặc Cao-dẳng, hoặc chuyên-môn, ở nước Nhật lại có những *Ấu-tri-viên*, cho con trẻ ba bốn tuổi, cốt để dưỡng-thành tâm-ý trí-thức cho chúng, để làm cơ-sở cho việc giáo-dục về sau này. Những con trẻ vào đây không phải là để tập đọc, tập viết, nhưng chỉ chơi đùa cho chính-đáng, chạy, nhảy, hát xướng cho gân cốt nở-nang mà thôi.

Ngoài các học-đường là những cơ-quan cốt-yếu cho trường giáo-dục, bên nước Nhật lại còn mở ra rất nhiều thư-viện cho công-chúng nữa. Số thư-viện công-ấy có đến ngót trăm, mà chỉ độ một phần ba là có chính-phủ trông nom trợ-cấp cho thôi, còn là của tư-dân quản-trị lấy cả. Số sách ở các thư-viện ấy tất cả có đến hơn một triệu quyển mà phần nhiều là sách Nhật và sách Tàu, sách Tây có độ 4 vạn quyển thôi. Đó là không kể hai cái thư-viện của Hoàng-gia ở Đông-kinh và Kinh-dô, hai thư-viện ấy cũng có nhiều sách Tàu và sách Nhật lắm, ước hơn 50 vạn quyển.

Nhật-bản cũng có một tòa Hàn-lâm, lập nên từ năm 1879, cũng có 40 ông Hàn như tòa Hàn-lâm Pháp. Trong 40 ông ấy thì 15 ông do Thiên-hoàng tuyển vào, còn 26 ông thì do tòa Hàn-lâm bầu lấy, nhưng phải có chính-phủ chuẩn-y mới được.

Xem như thế thì học-chế Nhật-bản thật là có qui-cử hoàn-toàn, học đủ mọi bậc, trường có khắp nơi, nên

trong nước hầu khắp người nào cũng có ít nhiều học-vấn, số người không biết chữ thật là hiếm có. Đó cũng là một cái nguyên-nhân cốt-tử khiến cho nước Nhật được cường-thịnh đó.

d) *Binh-chế* — Binh-chế chia ra làm lục-quân và hải-quân. Người Nhật hiểu rằng muốn cho ngoại-quốc không dám khinh-miệt xâm-lấn mình, muốn cho nước được hoàn-toàn độc-lập, tất việc vũ-bị phải chỉnh-đốn lại, nên lục-quân hải-quân đều cải-cách theo các nước Âu Mĩ ngày nay.

Về lục-quân thì trước thời-đại Minh-trị, người Nhật nào khỏe mạnh cũng phải đi lính, chỉ trừ các qui-tộc đại-thần và những hạng mặt-lưu trong xã-hội thôi. Thời ấy nước Nhật không có một đạo quân chung cho cả nước, mà chỉ có những đạo quân của từng địa-phương một ở dưới quyền các đại-danh. Quân-sĩ khi ấy đầu đội mũ sắt, mình mặc giáp sắt hay bằng da bọc thép hoặc da sơn. Trên mặt có đeo mặt nạ và trên mũ có cắm lá cờ hiệu chỉ thuộc về đạo binh nào. Khi đi trận thì quân-sĩ đánh bộ, chỉ có các nhà qui-tộc là dùng ngựa thôi. Họ dùng cung tên và kiếm với mộc bằng da để đỡ tên. Đến thế-kỷ thứ 16 thì mới biết dùng súng ống.

Nhưng hồi họ Đức-xuyên cầm quyền, trong nước không chuyên việc vũ-bị, nên quân-sĩ binh-khí thật là đồi-bại. Đến năm 1853 người Mĩ và người Âu kéo quân vào cõi, dùng binh-lực bắt hiếp người Nhật phải mở cửa thông-thương, rồi đến năm 1863, vì có sự bài-ngoại mà người Anh bắn vào *Kagoshima* (Lộc nhi đảo), người Pháp bắn vào *Shimonoseki* (Hạ-quan), bấy giờ người Nhật giật mình biết rằng nếu trong nước không có binh cường tráng giỏi tất không bao lâu nước Nhật sẽ là cái mồi cho ngoại-quốc mà thôi. Muốn được tự-chủ, tất phải hùng-cường ; muốn trở

nên hùng-cường tất phải bắt - chước ngoại-quốc. Vì thế nên năm 1866, chính-phủ Nhật có nhờ một binh-vụ phái-bộ Pháp, đứng đầu là Nguyên-súy CHANOINE (hồi ấy còn là đại-úy) chỉnh-dốn lại lục-quân Nhật. Sau phái-bộ ấy lại có hai phái-bộ khác nữa cũng do người Pháp sang giúp người Nhật về đường quân-bị, một lần từ 1872 đến 1880, một lần từ 1884 đến 1888. Người Nhật lại nhờ cả người Đức, người Hà-lan và người Ý-đại-lợi sửa-sang binh-vụ giúp nữa.

Lục-quân Nhật ngày nay là một đạo quân thường-trực như lục-quân các cường-quốc Âu-châu. Người Nhật nào theo luật cũng phải tòng-binh hoặc tại-ngũ, hoặc trừ-bị, từ 17 đến 40 tuổi, trừ ra những kẻ yếu-đuối tàn-tật được miễn. Những dân chốn thôn quê được ra lính, được trở nên những bậc vũ-sĩ lấy làm vẻ-vang hân-hạnh lắm.

Lục-quân Nhật chia ra làm bộ-binh, kỵ-mã, pháo-thủ và công-binh, cộng tất cả chừng 250.000 người tại-ngũ, 750.000 người về hạng trừ-bị thứ nhất, và 750.000 về hạng trừ-bị thứ nhì (1909). Binh-phục cũng theo kiểu binh-phục Âu-châu, chỉ khác một điều là lính Nhật không đi giày da, họ đi giép rom nhẹ hơn và tiện hơn. Binh-khí thì họ dùng súng tự họ chế lấy theo kiểu các súng của người Âu và có thể bắn năm viên đạn một phát được. Súng lớn của pháo-thủ bắn nhanh và nhạy lắm, hoặc họ đúc lấy ở *Osaka*, hoặc họ mua của người Đức. Tóm lại nước Nhật ngày nay có một đạo lục-quân rất hùng-cường, không những binh-khí đủ các thứ, tướng-súy đều có tài thao-lược, mà quân-sĩ lại rất can-đảm, có kỷ-luật, khiến cho có người đã bảo rằng lục-quân Nhật mạnh nhất hoàn-cầu ngày nay.

Về hải-quân thì xưa kia các qui-tộc chỉ dùng những thuyền chày buồm hoặc bơi chèo. Tuy thế, chiến-thuyền

Nhật cũng đã lắm phen đến đánh phá các miền duyên-hải Trung-quốc và Cao-ly. Hồi họ Đức-xuyên cầm quyền, vì muốn dùng cái chính-sách bế-quan tỏa-cảng, không muốn giao-thông với ngoại-quốc, nên cấm không cho đóng thuyền. Nhưng đến giữa thế-kỷ thứ 19, vì có chiến - thuyền của ngoại - quốc đến phóng-pháo lên các hải-cảng Nhật, nên người Nhật hiểu ngay là phải có một đạo hải-quân mạnh mới yên. Bấy giờ mới cho người sang học Hà-lan, và đón người Anh và người Pháp để tạo-thành một đạo hải-quân Nhật-bản. Hiện nay nước Nhật có một đạo hải-quân có thể sánh với các hải-quân mạnh nhất hoàn-cầu. Theo như điều-ước *Washington* (Hoa-thịnh-đốn) vừa rồi thì hải-quân Nhật chỉ kém hải-quân Anh và Mỹ, nhưng ngang hàng với hải-quân Pháp và Ý. Hải-quân Nhật có đủ thiết-giáp-hạm, tuần-dương-hạm, phóng ngư-lôi-hạm, và cả tàu ngầm nữa. Thủy-binh Nhật luyện-tập rất giỏi và có chừng ba vạn quân.

Ngoài lục-quân hải - quân, người Nhật mới đây lại luyện-tập một đạo quân không-trung, tức là đạo quân tàu bay rất mạnh. Xem thế thì đủ hiểu rằng về đường quân-bị nước Nhật ngày nay tưởng không chịu kém nước nào trên hoàn-cầu này cả.

Trên này là thuật về mấy điều cải-cách lớn trong cuộc Nhật-bản duy-tân (chính trị, tư-pháp, học-chế, quân-chế). Những cuộc cải-cách lớn không những có lắm kết-quả hay về đường nội-chính, mà lại có ảnh-hưởng lớn về đường ngoại-giao nữa.

50 *Nước Nhật đối với các nước ngoài.* — Từ giữa thế-kỷ thứ 17 đến giữa thế-kỷ thứ 19, nước Nhật theo cái chính-sách bế-quan tỏa-cảng, không giao-thiệp với nước ngoài, chỉ trừ Trung-quốc và Cao-ly, nên người ngoại-quốc cũng không được phép vào thông-thương

trong nước Nhật. Nhưng từ khi người Mĩ và người Âu dùng binh-lực bắt nước Nhật phải mở cửa thông-thương thì người Nhật hiểu ngay rằng cái thế không thể đứng riêng một mình một vũ-trụ như xưa nữa. Bấy giờ mới học theo các nước Âu-Mĩ, cải-cách mọi việc chính-trị, giáo-dục, quân-bị trong nước để đủ sức đối-dãi với người ngoài. Khi nước Nhật đã duy-tân, mọi việc cải-cách trong nước đã thành-hiệu, không những chỉ trông nom về nội-tình cho được chóng thịnh-vượng mà cũng có một cái chính-sách ngoại giao như liệt-cường Âu-Mĩ nữa. Cái chính-sách ngoại-giao ấy có hai mục-dịch cốt-tử: một là làm cho nước Nhật được hoàn-toàn tự-chủ, đứng ngang hàng với các nước mạnh ở hoàn-cầu; hai là mở-mang cái thế-lực nước Nhật ở các nước láng giềng (Trung-quốc Cao-ly) và ở trong bể Thái-bình. Ta cứ xem các việc sau này thì biết rằng hai cái mục-dịch ấy người Nhật đã đạt được vậy.

a) *Việc xét lại các điều-ước* — Hồi họ Đức-xuyên còn cầm quyền-chính, nước Nhật bị ức-hiếp phải ký với nước Mĩ, nước Anh, nước Nga, nước Hà, nước Pháp, (từ năm 1854 đến năm 1858 những điều-ước có tổn-hại đến chủ-quyền nước Nhật. Vì các nước Âu-Mĩ khi ấy coi người Nhật là một dân-tộc còn dã-man hủ-bại nên trong các điều-ước ấy bắt nước Nhật phải chịu mấy điều sau này: một là ở mấy hải-cảng lớn phải cắt đất cho người các nước ở riêng hẳn một khu; những khu ấy gọi là tô-giới, không còn coi như là đất nước Nhật nữa, mà phải ở dưới quyền cai-trị các nước ngoài; — hai là quyền lĩnh-sự tài-phán, nghĩa là những người ngoại-quốc ở nước Nhật mà có phạm lỗi gì thì thuộc quyền các lĩnh-sự xét-xử chứ các quan Nhật không có quyền gì cả; không những thế, khi người ngoại-quốc có điều gì tranh-tụng với người Nhật thì cũng do lĩnh-sự nước mình xử mà theo luật nước mình,

chứ tòa án nước Nhật không được can-thiệp đến; — ba là thuế thương-chính nước Nhật phải theo ý các nước mà đánh rất nhẹ, nên các hàng ngoại-quốc đem vào nước Nhật chỉ trả thuế nhập-cảng đến năm phần trăm giá hàng mà thôi; — bốn là các nước được quyền đặt những sở bưu-diện ở nước Nhật để trông nom về việc thông-tin với nhau.

Cứ xem mấy điều thì thật là thiệt-thòi cho nước Nhật quá, vừa thiệt về đường vật-chất, vừa thiệt về đường tinh-thần nữa. Vì thế nên người Nhật chỉ ước-ao làm thế nào cho được hoàn-toàn tự-chủ mới nghe, khắp trong nước ai cũng nói một câu: “Nước Nhật phải là của người Nhật.”

Năm 1872 hoàng thân *Iwakura* sang sứ Hoa-kỳ xin xét lại những điều-ước, xin trả lại các tô-giới, xin bỏ quyền lĩnh-sự tài-phán, xin để nước Nhật được quyền định lại thuế thương-chính theo ý mình, nếu được thế thì xin để cho các nước được tự-do vào buôn bán khắp trong nước. Nhưng Liệt-cường khi ấy cứ lờ đi; mãi đến năm 1875 nước Mĩ mới chịu bãi những sở bưu-diện của mình đi và để việc truyền-giao thư-tin cho người Nhật trông nom.

Trong ba mươi năm trời, mãi đến cuối thế-kỷ thứ 19, trong việc ngoại-giao nước Nhật cứ một mực yêu-cầu các nước xét lại các điều-ước cũ, nhưng Liệt-cường không nghe, vì có lẽ đâu cái anh bé lùn da vàng kia lại được đứng ngang hàng với mình được! Mãi đến tháng tám năm 1894 nước Anh mới chịu theo du-luận quốc-dân Nhật mà xét lại điều-ước Anh-Nhật. Sau cuộc Trung-Nhật chiến-tranh, vì Nhật thắng, nên nước Mĩ, nước Nga, nước Đức cũng theo gương nước Anh mà xét lại các điều-ước cũ. Còn nước Pháp thì dùng-dằng mãi đến tháng bảy năm 1899 mới chịu ký điều-ước mới với nước Nhật.

Thế là từ đó nước Nhật được quyền xử án khắp trong nước, bất-luận là người nước nào, được quyền định lại thuế thương-chính và để cho người ngoại-quốc được tự-do thông-thương khắp trong nước. Thế là nước Nhật trước kia bị ngoại-quốc coi là hèn kém mà khinh-khí, nay vì ngoại-giao có tài mà lấy lại được quyền tự-chủ hoàn-toàn, sánh ngang vai với liệt-cường Âu-Mĩ rồi đó !

b) *Đối với Trung-quốc.* — Trong khi người Nhật hết sức vận-động để được quyền tự-chủ hoàn-toàn, thì một mặt lại tìm cách chiếm lấy một vài miền chung quanh để tả g thế lực đối với nước ngoài, vì có thế thì các nước Âu-Mĩ mới chịu coi là bình-đẳng. Mà chung quanh Nhật-bản thì chỉ có Cao-ly và Mãn-châu là nơi tiện cho người Nhật mở-mang thế lực hơn cả. Song nước Cao-ly xưa nay vẫn chịu thần-phục nước Tàu, mà đất Mãn-châu là nơi chôn rau cắt rốn của nhà Thanh, người Tàu khi nào chịu để yên cho người Nhật thực-hành cái chính-sách xâm-lược ở đó ! Vả lại hai chỗ ấy nước Nga từ giữa thế-kỷ thứ 19 cũng đã có ý dòm-hành, vậy người Nhật muốn mở-mang thế-lực ở đây không những bị người Tàu chống-cự mà còn bị người Nga phản-đối nữa.

Tuy có những sự khó-khăn như thế mà người Nhật cũng không sờn lòng, vì có nhiều lẽ thiết-yếu : một là nước Cao-ly là một nơi thổ-địa phì-nhiều, lâm-sản khoáng-sản rất nhiều mà người Cao-ly lại hèn yếu, nếu Nhật-bản chiếm được tất có lắm điều lợi to về đường kinh-tế ; hai là nước Cao-ly ở ngay đối-diện Nhật-bản, nếu người Nhật không chiếm lấy mà để lọt vào tay nước khác, tất là một sự nguy-hiểm cho cuộc bảo-an và cho sự mở-mang thế-lực của Nhật-bản, vì không có đường mà tràn vào lục-địa Á-châu nữa ; ba là muốn nhân dịp này mà thử xem sức mình thế nào, vì tuy

từ đầu thời-đại Minh-trị nước Nhật đã duy-tân đã theo các nước Âu-Mĩ mà cải-lương chính-trị học-thuật, luyện-tập thủy-quân lục-quân, song chưa được các nước công-nhận là một văn-minh-cường-quốc ; nếu có tỏ là một nước hùng-cường thì mới mong thu lại cái quyền tự-chủ hoàn-toàn được.

Vì những lẽ ấy nên nước Nhật chỉ chực xem có dịp là thi hành cái ý định của mình. Nước Nhật hiểu rằng muốn cho Cao-ly vào tay mình thì trước hết phải làm cho Cao-ly thoát-ly cái chủ-quyền Trung-quốc đã, vì từ trước đến giờ Cao-ly vẫn thần-phục triều-cống nước Tàu. Nên từ năm 1876, nước Nhật đã tìm cách ký một điều-ước với Cao-ly, theo điều-ước ấy thì Cao-ly bằng lòng cho người Nhật được quyền vào thông-thương trong mấy hải cảng Cao-ly, mà nước Nhật thì coi Cao-ly là một nước hoàn toàn độc-lập, chứ không biết chủ-quyền Trung quốc nữa ; Trung-quốc thấy thế khi nào lại chịu, nên tuy Cao-ly có ký ước với Nhật mà vẫn coi Cao-ly như là một nước ở dưới quyền mình. Vì thế nên Trung-quốc và Nhật-bản sinh ra bất-bình với nhau, xảy ra lắm chuyện lời-thôi, song chưa đến nổi quyết-liệt. Nhưng đến năm 1894, vì Cao-ly có nội-loạn, vua Cao-ly một mặt cầu-cứu Trung-quốc, một mặt cầu-cứu Nhật-bản cử binh sang dẹp loạn họ. Nhật-bản nhân dịp ấy kéo binh sang. Nhưng khi quân Nhật sang đến Cao-ly thì loạn đã dẹp yên rồi. Tuy vậy người Nhật cho là tình-thế vẫn còn nguy-hiểm, nên kéo binh thẳng lên Hán-thành là kinh-đô Cao-ly rồi ngày 28 tháng sáu năm 1894, đưa tối-hậu-thư cho vua Cao-ly, yêu-cầu rằng từ rày nước Cao-ly không được tự coi mình là ở dưới quyền Trung-quốc nữa, nếu Cao-ly, bằng lòng theo ý Nhật-bản thì Nhật-bản sẽ hết sức giúp đỡ mọi bề. Vua Cao-ly chậm trả lời, người Nhật bèn phẫn-xúong, lập Phụ-chính và bắt phải tuyên-chiến với

nước Tàu và nhờ người Nhật đuổi người Tàu ra khỏi nước (23-27 *Juillet* 1894). Đạo quân Tàu kéo sang giúp Cao-ly dẹp loạn bị người Nhật đánh thua phải lui lên phía bắc (29 *Juillet* 1894), thế là hai nước Trung-hoa và Nhật-bản công-nhiên tuyên-chiến cùng nhau hôm 1er *Août* 1894.

Bên Âu-châu được tin này, ai cũng lấy làm ngạc-nhiên lắm ! Nước Nhật bé nhỏ thế kia mà lại dám đánh nhau với nước Tàu là một lão-đại đế-quốc ở Á-châu à ! Nghe đến danh-hiệu nước Tàu, nghe đến diện-tích nước Tàu, nghe đến dân-số nước Tàu, ai cũng phải lắc đầu lè lưỡi, thế mà nước Nhật dám chống-cự lại thì thật là bất-tự-lượng quá ! Thật là châu-chấu đá voi ! Chỉ mấy hôm là nước Nhật bị bẹp chứ không ! Thế nhưng không rõ nước Nhật tuy bé mà bé hạt tiêu, nước Tàu tuy to mà to bị thịt, cái lão-đại-đế-quốc kia tuy đất rộng người nhiều mà sức yếu không bằng cái nước bé con Nhật-bản !

Mà thực lúc mới bắt đầu khai-chiến, đã thấy người Nhật thắng-thế ngay rồi, còn người Tàu thì chỉ giữ thế thủ mà thôi. Khi người Nhật đuổi được người Tàu ra khỏi Cao-ly kéo quân tràn vào Liêu-dông (*Leao-tong*), chiếm được Đại-liên (*Ta-lien*), Lữ-thuận (*Port Arthur*), Liêu-dương (*Leao-yang*), thế là có thể thẳng đường kéo vào Bắc-kinh được. Một phía thì quân Nhật kéo lên phía Bắc bán-đảo Sơn-dông, chiếm lấy Uy-hải-vệ. Tinh-thế người Nhật rất lợi, chiếm được Cao-ly, Liêu-dông, Sơn-dông, đường thủy đường bộ vào Bắc-kinh đều ở trong tay cả. Ngay từ tháng một năm 1894, nước Tàu đã núng thế lắm rồi, biết mình không thể chống-cự lại được nữa, nên cuối tháng-giêng năm 1895 xin giảng hòa cùng nước Nhật. Các nước Anh, Pháp, Nga, cũng ra sức điều đình cho Nhật

chịu giảng-hòa. Các đại-biêu Trung Nhật điều-đinh cùng nhau, có lắm sự khó-khăn, nhưng kết-cục đến hôm 17 *Avril* 1895 thì hai nước ký hòa-ước ở *Simonoseki*.

Cứ như hòa-ước ấy thì nước Nhật thật là được sở-cầu như ý, đạt được mục-đích, vì nước Tàu chịu công-nhận nước Cao-ly được hoàn-toàn độc-lập, không phải thần-phúc cống-lễ Trung-hoa nữa, lại nhường cho Nhật-bản đảo Liêu-dông, quần-đảo *Pescadores* (Bành hồ-đảo) và Đài-loan, trả tiền bồi-thường cho nước Nhật là 200 triệu lạng-mở nhiều tỉnh trong nước cho các nước thông-thương, và nhận cho nước Nhật được quyền tự-do vận-tải ở sông Dương-lử, và con sông đào từ Thượng-hải đến Hàng-châu.

Khi hòa-ước đã ký, người Nga thấy người Nhật được bán-đảo Liêu-dông lấy làm trái ý, vì nếu người Nhật ở đấy thì có điều thiệt-hại cho người Nga, một là ngăn mất lối người Nga ở Mãn-châu không thể mở-mang thế-lực xuống miền nam được, hai là người Nhật lại có thể nhân đấy mà tràn vào Mãn-châu tranh lợi với người Nga nữa. Vì thế nên người Nga liền kéo cánh với Pháp và Đức yêu-cầu nước Nhật phải trả lại Liêu-dông cho Tàu, lấy lẽ rằng nếu người Nhật giữ Liêu-dông thì có hại cho cuộc hòa-bình ở Viễn-dông sau này. Pa nước lại cho tàu chiến thị-oai, nếu nước Nhật không nghe thì sinh-sự, người Nhật biết sức mình không thể địch lại được, vì vừa đánh nhau với Tàu xong, nên phải ngậm hờn trả lại Liêu-dông cho Tàu, nhưng Tàu phải trả 50 triệu lạng để đền bù cho Nhật. Thế là cuộc Trung-Nhật chiến-tranh liêu-kết, lợi cho Nhật bao nhiêu thì thiệt cho Tàu bấy nhiêu.

Nhưng sau cuộc chiến-tranh ấy, nước Tàu không những phải chịu thiệt với Nhật, lại còn các nước khác cũng nhân

nước Trung-hoa yếu thế mà đòi nhiều quyền-lợi khác nữa. Thế là anh em khinh trước làng nước khinh sau! Sau khi ký hòa-ước *Shimonoseki*, nước Nhật lại ký với Tàu một điều-ước thương-mại hôm 21 *Juillet* 1896. Theo hòa-ước này thì nước Nhật được đãi là tối-huệ-quốc trong việc lấy thuế thương-chính, được hưởng quyền liêh-sự-tài-phần ở khắp nước Tàu. Cũng năm ấy người Nga vì đã bênh-vực người Tàu, bắt Nhật phải trả Liêu-dông lại và cho Tàu vay tiền để trả Nhật, nên được phép làm nối đường xe-hỏa vào địa-hạt Trung-hoa bắc bộ. Ngày 14 *novembre* 1897, người Đức được nhượng-địa Giao-châu; tháng ba năm 1898, người Nga được Lữ-thuận và Đại-liên, và mấy hạt ở Liêu-dông mà người Nhật trả lại; ngày 2 *Avril* 1898 người Anh được Uy-hải-vệ, và năm 1899 thì người Pháp được Quảng-châu-loan. Ấy cũng vì Trung-hoa kém về nên phải cắt đất nhượng cho Liệt-cường như vậy, mà phải thế một phần cũng tại người Nhật nên lấy làm căm-tức lắm.

Còn người Nhật từ khi đánh được Tàu rồi thì dương-dương tự-đắc, dè nên đủ đường, hết đòi quyền nọ, lại đòi lợi kia, muốn thu cả Trung-quốc vào trong vòng thế-lực của mình; nào hồi Âu-chiến năm 1915 nước Nhật đưa tối-hậu-thư bắt nước Tàu phải chịu 21 khoản, nếu thành-công thì nước Tàu sẽ thành ra một nước chịu quyền bảo hộ của Nhật; nào sau cuộc chiến-tranh lại có cái vấn-đề Sơn-dông; những việc đó tỏ ra rằng Nhật bản thật có cái bụng tham-lam vô-độ, nếu không e lệ một chút với Liệt-cường Âu-Mĩ thì nước Tàu có lẽ đã ở trong tay người Nhật từ lâu rồi. Nghĩ đến cái tình-cảnh anh Tàu thật đáng thương, mà nghĩ đến cái cách anh Nhật cư-xử với người đồng-chủng mà đáng ngán! Người Nhật người Tàu tuy rằng khác nước, nhưng cùng một giống da vàng, sao không hiểu

môi hở răng lạnh mà dùm bọc lấy nhau, nở nào như thế! Khôn-ngoan đã đáp người ngoài. . .

c) *Đối với nước Nga.* — Sau khi đánh bại được anh Tàu, người Nhật bèn mở-mang thế-lực ở Cao-ly, tưởng không còn sợ ai cản-trở nữa. Và dần dần người Nhật lại lấn sang Mãn-châu là một xứ thổ-địa phi-nhiều, khoáng-sản lâm-sản đầy-rẫy, vì người Nhật một ngày một đông, mấy cái đảo nước Nhật không đủ chỗ sinh-hoạt, nên phải di-dân ra ngoài mới được. Mà đi ra ngoài thì gần đó chỉ có Cao-ly và Mãn-châu là thủy-thổ khí hậu ưa cho người Nhật hơn cả mà thôi. Nhưng bấy giờ người Nhật lại gặp tay đối-thủ mạnh hơn người Tàu khi trước là người Nga, vì người Nga khi ấy cũng đang thực-hành cái chính-sách xâm-lược, mở-mang thế-lực ở cõi Viễn-dông. Trước người Nhật đã bị người Nga làm cho phải nhả Liêu-dông vẫn có lòng căm-tức, nay lại cùng nhau xung đột vì quyền-lợi, vì thế-lực ở Cao-ly và Mãn-châu, tất phải có ngày quyết-liệt. Nhưng người Nhật đã tham lại khôn, tuy rằng thắng được Tàu, song hiểu rằng người Nga không thể vì như nước Tàu được, nên tìm hết âm-mưu mật kế để phòng đối-địch với Nga.

Vừa ưa cái chủ-nghĩa đế-quốc của Nga bấy giờ làm cho nước Nhật được một tay đồng-chí rất có thế-lực là nước Anh. Nguyên nước Nga không những muốn mở-mang thế-lực ở Viễn-dông để tìm đường ra bể Thái-bình, lại còn chực mở mang thế-lực ở trung bộ Á-châu để tràn xuống phía nam tìm đường ra Ấn-độ-dương nữa. Muốn có đường ra bể Thái-bình tất phải có một hải-cảng ở Tây-bá-lợi-á hay, ở Cao-ly. Nhưng hải-cảng *Vladivostock* (Hải-sâm uy) ở Tây-bá-lợi-á thường bị nước đồng-bộ tắc, không tiện giao-thông, nên nước Nga định đặt một hải-cảng ở Cao-ly cho tiện, mới hết sức vận-động với chính-

phủ Cao-ly cho được việc. Vì thế nên Nhật Nga xung-đột ở Viễn-dông. Còn muốn có đường ra biển Ấn-độ thì phải qua Trung-bộ Á-châu và qua Ấn-độ là thuộc-địa của Anh, tất nước Anh không chịu, nên hai nước Anh Nga thành ra ghen-ghét cùng nhau. Nhật biết Anh không ưa Nga, mới vận-động kết-thân với Anh để chống lại Nga. Anh biết Nhật căm Nga mới định lợi-dụng Nhật để giảm thế-lực của Nga. Vì thế mới có cuộc đồng-minh Anh-Nhật theo như điều-ước ngày 30 *janvier* 1902. Thế là bây giờ có hai đảng phản-đối nhau ở Viễn-dông: một đảng Anh-Nhật và một đảng Pháp - Nga, vì bây giờ Pháp là đồng-minh của Nga.

Cái ước đồng - minh Anh - Nhật, người Nhật lấy làm hoan nghênh lắm, vì không những là Nhật được thêm vây cánh trong việc chống-cự lại Nga, lại được một nước lớn Âu-châu đối-đãi một cách ngang hàng mà kết đồng-minh với mình, đó là một việc từ xưa chưa có bao giờ.

Bấy giờ nước Nhật đã dự-bị sẵn-sàng rồi, bèn yêu-cầu Nga phải cam-đoan không vận-động gì ở Cao-ly có thể thiệt hại đến quyền-lợi Nhật. Nga khinh Nhật nhỏ bé, không để tai những lời Nhật yêu-cầu, nên ngày 8 *Février* 1904. Nhật khai-chiến cùng Nga. Hồi đó ai thấy Nhật dám cả gan đánh nhau với Nga cũng lấy làm lo cho Nhật, vì Nga như con hổ-nóng, Nhật như con chim chích, chống sao cho lại! Pháp và Anh đứng trung-lập, nhưng Pháp có ý ám-trợ cho Nga mà Anh thì ra ý bênh-vực cho Nhật. Nhật mà dám khai-chiến cùng Nga là vì đã chắc thế nào cũng thắng, vì Nhật được cái lợi đánh gần nhà, quân-nhu vận-tải dễ-dàng hơn là Nga. Mà quả thế! Ngày 1er *Mai*, quân Nhật đánh được quân Nga ở *Kiou-lien-tchang*, ngày mồng năm tràn lên đất Liêu-dông, ngày 6,7 vây Lữ-thuận, ngày 10

*Aout* phá được hải-quân Nga ở Lữ-thuận chực xông ra, ngày 14 đánh được đạo chiến-thuyền ở *Vladivostock*, ngày 30 *novembre* hạ được Lữ-thuận. Về năm 1905 thì người Nhật chiếm được *Moukden* (Phụng-thiên) hôm 14 *Mars*, và hôm 27, 28 *Mai*, thủy-sư *Togo* (Đông-hương) phá được đạo hải-quân Nga ở biển *Baltique* đem lại. Tháng bảy người Nhật chiếm được đảo *Sakhaline*, lấy làm hải-dạ-lắm. Tuy người Nhật thắng-trận luôn, nhưng quân đã cạn, không muốn kéo dài mà muốn giảng-hòa cho yên truyên. Thời may khi ấy Pháp và Anh đã có ý thân-thiện cùng nhau, cũng muốn cho hai bên thôi việc chiến-tranh, bèn đứng lên làm trung-gian điều-đinh cho Nga-Nhật giảng-hòa. Vả người Anh cũng không muốn cho Nga bị bẹp hẳn, vì thế thì Nhật sẽ được thế mặc sức tung-hoành, sẽ hại đến quyền-lợi Anh ở Viễn - đông. Cả người Mĩ cũng sợ Nhật thừa-cơ mở-mang thế-lực thêm lên thì sẽ thiệt-hại cho mình, nên cũng vào hòa với Pháp Anh khuyên hai nước bãi-binh. Nhật thấy vờ ý mình, thì thuận ngay, còn Nga thì không chắc đánh mãi có được gì không, nên cũng bằng lòng. Hai bên ký hòa - ước ở *Portsmouth* ngày 5 *Septembre* 1905. Theo điều-ước này thì nước Nga công-nhận là nước Nhật có quyền-lợi đặc-biệt ở Cao-ly về đường chính-trị, binh-vụ, kinh-tế, và cam-đoan sẽ không phản-đối Nhật, không làm điều gì thiệt-hại đến quyền-lợi Nhật ở Cao-ly. Người Nga lại nhường cho Nhật các cửa biển Lữ-thuận, Đại-liên ở Liêu-dông, và phía nam đảo *Sakhaline*. Hai nước đều tình-nguyện rút quân ra khỏi Mãn-châu, trả lại cho Trung-quốc cai-trị lấy.

Tóm lại Nga tuy thua nhưng không mất gì của mình, chỉ thiệt Trung-hoa và Cao-ly thôi, về sau cuộc chiến tranh thì Nhật đặt quyền bảo-hộ ở Cao-

ly từ năm 1905, cho đến năm 1910 thì phế bản Quốc-vương mà sáp-nhập Cao-ly và Nhật-bản.

Còn nước Nhật tuy không được tiền bồi-thường như hồi Trung-Nhật, song cũng được thêm nhiều quyền-lợi quan-trọng, và thứ nhất là từ đó nổi danh một nước hùng-cường, có thể chen vai thích cánh cùng Âu-Mĩ được. Thật là vẻ vang cho Nhật; một anh lùn da vàng vạt ngã được một ông Hộ-pháp da trắng! Thế là trong vòng 10 năm, nước Nhật thắng được hai nước lớn nhất trong hoàn-cầu là Tàu và Nga, khiến cho thiên-hạ phải ngạc nhiên mà không dám coi thường như trước nữa!

Sau cuộc chiến-tranh ấy, nhờ có Pháp và Anh giảng-giải điều-đinh — nhất là từ khi có cuộc Pháp Anh Nga tam-quốc liên-minh — nên không bao lâu Nhật và Nga cũng quên hiềm cũ, cùng nhau tìm cách cho bớt những sự xung-đột di, và chia đất Mãn-châu ra làm hai phần, bắc-bộ thì ở trong vòng thế-lực nước Nga, mà nam-bộ thì ở trong vòng thế-lực nước Nhật.

d) *Đối với nước Anh.* — Kể các nước Âu-châu thì chỉ nước Anh là được lòng người Nhật hơn cả, vì ngay từ hồi Nhật-bản mới bắt đầu duy-tân đã nhờ người Anh giúp đỡ nhiều điều, nhất là về việc luyện-tập hải-quân. Khi nước Nhật xin xét lại các điều-ước thì nước Anh ưng trước tất cả, nên người Nhật lấy làm cảm-phục lắm. Lại hồi Trung-Nhật giảng-hòa thì Anh cũng có ý giúp cho Nhật được lắm quyền-lợi quan-trọng.

Năm 1902 nước Anh lại kết đồng-minh cùng Nhật, coi người Nhật một cách bình-dẳng, người Nhật lấy thế làm vinh-hạnh lắm, vì từ xưa đến giờ chưa có nước nào ở Âu-châu lại kết-trúc đồng-minh với một nước ở Á-châu như thế. Gia-đĩ vì có điều-

ước đồng-minh ấy nên Nhật mới đánh được Nga, mà mở-mang thêm thế-lực ở cõi Viễn-dông và được nổi tiếng khắp hoàn-cầu. Song ta nên biết rằng điều-ước đồng-minh không lợi riêng một mình nước Nhật mà cũng lợi cho Anh nữa. Xem như hồi Âu-chiến vừa rồi, không có điều-ước ấy bắt nước Nhật phải bảo-hộ quyền-lợi cho Anh ở Viễn-dông, và đánh lấy Giao-châu của Đức, thì cũng rầy cho Anh và Đồng-minh lắm!

Nhưng vừa rồi, nước Anh muốn lấy lòng nước Mỹ và theo ý các thuộc-địa tự-trị *Canada, Australie*, nên tuyên bố điều-ước đồng-minh cùng Nhật, làm cho Nhật thế cô, nên phải làm thân cùng Nga để phòng-bị những điều rắc-trở sau này. Nếu Nga và Nhật kết-liên với nhau thì Anh cũng có điều áy-náy, vì hiện nay Anh và Nga có ý công-kích nhau lắm.

e) *Đối với Pháp.* — Đối với Pháp, người Nhật có chút ơn riêng, nên dù có qua một hồi lãnh-đạm, nhưng không có điều gì ác-cảm cùng nhau, và ngày nay hai bên lại có ý cầu thân nữa.

Nguyên hồi Nhật-bản bắt đầu duy-tân, có nhờ người Pháp bảo-ban giúp đỡ hoặc về đường luật-pháp, hoặc về đường quân-bị: một phái-bộ Pháp có nguyên-soái *Chanoine* đứng đầu sửa-sang hộ-lực-quân nước Nhật, một nhà kỹ-sư Pháp tên là *Berlin* cùng nhiều kỹ-sư khác dựng cho nước Nhật xưởng đóng tàu thứ nhất, và một nhà luật-học Pháp tên là *Boissonnade de Fontarabie* soạn các bộ luật hiện nay đang thi-hành ở Nhật. Vì những ơn ấy nên ban đầu hai nước giao-thiếp cùng nhau rất là thân-ái.

Nhưng hồi Nga Nhật đánh nhau, vì Pháp là đồng-minh của Nga nên có ý ám-trợ (như để chiến-thuyền Nga vào trú trong vịnh Cam-ranh), nên hai nước đối với nhau có ý lạt-lẽo.

Tuy vậy sau cuộc chiến-tranh ấy, hai nước lại thân-mật tử-tế cùng nhau, vì Pháp và Nhật đều là bạn của Anh cả, năm 1907 Pháp và Nhật có ký ước tương-trợ, cam-đoan giữ quyền-lợi cho nhau ở nước Tàu, và năm 1911, lại ký điều-ước thương-mại, dãi nhau là tối-huệ-quốc. Hồi Âu-chiến thì Nhật là đồng-minh của Pháp, cam-đoan giữ hộ các thuộc-địa Pháp ở cõi Viễn-đông. Khi giảng-hòa, nước Nhật có xưng cái chủ-nghĩa chủng-tộc bình-đẳng, tuy Anh Mĩ không theo nhưng được nước Pháp biểu đồng-tình, nên người Nhật lại càng có cảm-tình với Pháp lắm. Vừa rồi sau khi quan Toàn-quyền Đông-Pháp sang Nhật, có một phái-bộ Nhật sang xú-ta để định định-ước thương-mại cùng Đông-Pháp, được chính-phủ ở đây tiếp-đãi long-trọng lắm, đó là một điều chứng-rằng Pháp Nhật hiện nay đối với nhau rất là thân-ái.

f) *Đối với Đức.* — Nước Đức đối với Nhật, trước kia không có điều gì quan-trọng. Nhưng từ khi Đức có Giao-châu và chiếm được mấy quần-đảo ở Thái-bình-dương thì cũng có chút ãnh-xung-đột cùng nước Nhật. Khi Pháp-Anh-Nga ba nước kết-liên với nhau thì Nhật là đồng-minh của Anh có ý vào bẻ với ba nước ấy. Nước Đức thấy vậy muốn chia rẽ ra và định vận-động kết-thân cùng Nhật để làm bót thế-lực của Anh đi.

Nhưng năm 1914, xảy ra cuộc Âu-chiến, nước Đức là thủ-nghịch của nước Anh. Nước Nhật liền viện lẽ là đồng-minh của Anh, bèn gửi tối-hậu-thư bắt Đức phải bỏ Thanh-đảo và trả lại Giao-châu cho Tàu. Đức không nghe, Nhật khai-chiến cùng Đức hôm 23 *AOÛT* 1914. Nhật đánh nhau với Đức ở Viễn-đông từ hôm 37 *AOÛT* đến hôm 7 *NOVEMBRE* 1914 mới xong, hải-quân Nhật có các chiến-thuyền Anh, Pháp và Úc-đại-lợi (*Australie*) giúp sức, nên lấy

được Giao-châu và các thuộc-địa Đức ở Thái-bình-dương là những quần-đảo *Bismarck*, *Samoa*, *Mariannes*, *Carolines*, *Marshall* và các đảo *Yap* với *Nouvelle Guinée*. Đến khi giảng-hòa thì theo hòa-ước *Versailles*, nước Nhật được giữ các đảo của Đức trước ở trên đường Xích-đạo là *Mariannes*, *Carolines* và *Marshall*. còn các đảo khác thì giao cho Mĩ và Úc. Còn Giao-châu và Thanh-đảo thì người Nhật giữ ít lâu sau phải trả lại Trung-hoa.

g) *Đối với Mĩ.* — Cứ bình-tình mà xét thì nước Nhật duy-tân được và trở nên cường-thịnh, nước Mĩ cũng có một phần công to vào đó, vì có việc thủy-tướng Mĩ *Perry* đem chiến-thuyền đến thị-oai ở cửa bể Nhật, bắt Nhật phải bỏ cái chính-sách bế-quan tỏa-cảng, thì Nhật mới biết mình sức kém tài hèn mà gia-công học-tập. Có lẽ vì cái ơn tình - cò ấy, nên lúc ban đầu Mĩ và Nhật giao thiệp với nhau có ý thân-thiện lắm.

Nhưng sau vì có nhiều sự khó-khăn xảy ra làm cho hai nước có lòng hiềm-khích bất-bình. Những sự khó-khăn ấy một là do việc di-dân Nhật-bản thuộc *Californie*, ở tây-bộ Hoa-kỳ, hai là do lợi-quyền hai nước xung - đột ở Viễn-đông, ba là do cái chủ-nghĩa đế-quốc của Nhật chực chiếm bá-quyền ở Thái-bình-dương.

Về việc di-dân thì về đầu thế-kỷ thứ 20, ở Hoa-kỳ có đến 80.000 người Nhật sang ở, mà độ 50.000 ở *Californie*. Lại ở quần-đảo *Hawaii* thuộc Mĩ có đến 70.000 người. Người Nhật sang Mĩ đông như thế là vì dân Nhật sinh-sản rất chóng, nên dân-số một ngày một đông, mà nước Nhật thì vừa nhỏ hẹp vừa lắm núi, nên đường sinh-hoạt rất khó-khăn, thế tất phải đi tha-phương cầu-thực. Tuy Nhật đã có Cao-ly và Mãn-châu, song cũng chưa đủ, nên một số đông người Nhật phải vượt bể mà sang cỉ âu

Mỹ kiếm ăn. Trong cái số di-dân ấy thì phần nhiều là thuyền-thợ phu-phen. Vì người Nhật chịu khó làm-lụng và không đòi nhiều lương, nên các nhà máy Mỹ dùng nhiều lắm, khiến cho thợ Mỹ phải chịu thiệt thòi. Đảng thợ-thuyền Mỹ không thể cạnh tranh cùng người Nhật được mới vận-động cùng chính-phủ Mỹ để tìm cách ngăn-ngừa người Nhật, không cho kéo sang đông như trước nữa. Vì thế mà năm 1904 đảng Lao-tộng-liên-hiệp Mỹ yêu-cầu chính phủ bắt Nhật phải theo cái luật hạn chế di-dân như người Tàu. Hồi ấy hai bên đã xảy ra lắm sự xung-đột, nhưng sau đều điều-đinh ổn-thỏa, kết-cục người Nhật phải nhượng-bộ và hạn-chế việc di-dân. Tuy vậy số người Nhật ở Mỹ vẫn đông, cái mầm xung-đột vẫn còn, nên vừa đây Chính-phủ Mỹ lại tuyên-bố một đạo luật khác hạn-chế việc di-dân một cách nghiệt hơn, làm cho người Nhật chịu lắm sự khó-khăn, và khiến cho dư-luận Nhật-bản đã có một hồi nao-đông, tưởng rằng hai bên đến quyết-liệt cùng nhau, nhưng sau cũng dần-dần yên lặng.

Về đường quyền-lợi ở Viễn-đông thì tuy năm 1908, hai nước Mỹ-Nhật có ký điều-trước cùng cam-doan không phạm đến thuộc-địa của nhau, không phạm đến quyền tự chủ của Tàu, giữ cho Tàu được hoàn-toàn linh-thở, và giữ cho các nước được hưởng quyền lợi bằng nhau ở nước Tàu, nhưng vì Nhật ở bên cạnh Trung-hoa, nên ý muốn giữ phần hơn và thế-lực có bề mạnh lắm. Mỹ thấy thế có ý ghen-ghét, không được ăn thì đập đổ, nên tìm hết cách làm cho giảm thế-lực của Nhật đi. Vì thế nên mỗi khi Trung-hoa Nhật-bản có điều gì xung-đột nhau thì Mỹ thường ra mặt bên-hạ Tàu để đàn-áp Nhật, như hồi Trung-Nhật tranh nhau Giao-châu, về vấn-đề Sơn-đông, và những khi người Tàu đề-chế các hàng Nhật cũng là vì có Mỹ xui-siêu, mong rằng Nhật bị trục

đi thì Mỹ thay chân vào đó. Đó là hại lẽ, khiến cho Mỹ-Nhật có ý hiềm-khích nhau, và là một cái nguyên-nhân của cuộc tranh-đấu hai nước sau này.

Ngoài những cái quyền-lợi về đường kinh-tế ấy, lại còn những quyền-lợi về đường chính-trị làm cho hai nước Mỹ Nhật xung-đột nhau nữa. Cái vấn-đề mà ngày nay các nước Iru-tam chú-ý đến luôn là cái vấn-đề Thái-bình-dương. Một đảng thì Nhật muốn chiếm cái bá-quyền ở Thái-bình-dương phía Tây và phía Nam để mở-mang thêm cái thế-lực của mình về nam-bộ, một đảng thì người Mỹ người Anh (*Anglo-Saxons*) muốn giữ lấy cái địa vị đặc-biệt ở cõi Viễn-đông, chắc một ngày kia sẽ vì thế mà hai nước Mỹ-Nhật đều quyết-liệt cùng nhau, làm cho nước bề Thái-bình phải đổ ngầu thành ra huyết-lệ bất-bình, đó là một điều lo ngại cho cuộc hòa-bình ở cõi Viễn-đông sau này vậy. Khi ấy nếu Nhật đấu với Mỹ thì lại là một cuộc vật-lộn của anh-lùn da vàng với ông Hộ-pháp da trắng ở Tân-thế-giới! Trước đây anh-lùn ấy đã vật ngã được hai ông Hộ-pháp ở Cựu-thế-giới rồi, không biết có đủ sức vật nổi ông Hộ-pháp ở Tân-thế-giới chẳng! Cõi Đông-Pháp ta là một cái cửa sổ trông ra bề Thái-bình, vậy khi nào có keo vật ghé-gõm ấy, ta sẽ mở hé cánh cửa ra xem cái kết-cục thế nào; song ta cũng phải tìm cách dự-phòng kẻ vì hòn đạn vô-tình mà thiệt đến thân ruidi muỗi!

### Kết-luận

Ta lược xem Nhật-sử thấy nước Nhật là một nước lúc đầu đất hẹp dân thưa, trải hai nghìn năm, trăm năm, có hồi thịnh, có hồi suy, có lúc hưng, có lúc bại, nhưng lúc nào cũng vẫn giữ cái khí-tượng anh-hùng, lúc nào cũng giữ vững được cái nền độc-lập.

cho đến khi có người Âu-Mĩ tràn sang đến cõi Cúc-đông. Nhật trước kia, lúc chiếm Cao-ly, lúc đuổi Mông-cổ, kẻ cũng là một nước hùng-cường; nhưng sau sánh với các nước văn-minh Âu-Mĩ thì cái sự yếu hèn trông thấy hiển-nhiên. Người Nhật thông-hiểu thời-vụ, biết mình biết người, không có cái lòng tự-cao tự-đại coi kẻ khác là man-di, mới nhất-quyết theo học ngoại-nhân, chỉ trong vòng nửa thế-kỷ mà đang yếu-đuối hóa nên cường-thịnh, đang bị người khinh-thị mà được người suy-tôn, trong lịch-sử nhân-loại thật không có cuộc tiến-bộ nào nhanh như thế. Cuộc tiến-bộ ấy khiến cho hoàn-cầu phải lấy làm ngạc-nhiên mà cho là một sự phi-thường, dù người yêu kẻ ghét ai xem truyện nước Nhật cũng phải đem lòng cảm-phục khen thắm!

Nay xem người lại ngẫm đến ta, thì thấy người mười ta chưa được một! Mà nào ta có phải là một giống man-di

mọi-roy như ở châu Phi châu Úc đâu! Ta có phải là một giống dê-mạt kém-hèn gì! Đem so lịch-sử Việt-Nam với lịch-sử Nhật-bản, tưởng cũng không có điều gì làm cho ta phải thẹn. Người Nhật từ phía nam tràn lên phía bắc đánh đuổi giống Ai-nô mà lập thành nước, thì ta cũng từ phía Bắc tràn xuống phía nam đánh đuổi Chiêm-thành mà mở-mang bờ-cõi. Người Nhật đánh Cao-ly đuổi Mông-cổ, thì ta đây cũng chiếm Thủy-Chân-lạp, đuổi giặc Nguyên chớ có kém gì! Thế mà từ khi có cái phong-trào Âu-Mĩ tràn sang, người Nhật tự mình tìm thầy học lấy, chỉ trong vòng ba bốn chục năm, mà trở nên như thế! Còn ta đây, thầy liền kẻ-nách mà mấy mươi năm vẫn thấy ù-li thì cái lỗi ấy vì đâu? Tại thầy không tận-tâm, hay tại trò không tận-lực? Đó lại thuộc về một vấn-đề khác, xin đề các bậc cao-minh giải-quyết!

NGUYỄN VĂN-HIỆU

## CÂU TRUYỆN HỌC Ở ĐỜI NAY

Có một họ kia, có bốn người anh em, gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung, không phú-quí gì, nhưng cũng không bần-tiện gì cho lắm. Thủ thiếu-niên, người thì canh-nông cần-kiệm ở thôn-dã, người thì buôn-bán nhỏ-mọn ở thị-thành, người thì đi làm nghề-nghiệp, thuyên-thợ ở mọi nơi. Đến thủ trung-niên, anh em người nào người nấy đều cũng đã hơi có máu mặt một chút, mới cùng về làng, tậu ruộng tậu đất, làm cửa làm nhà, vui anh vui em. Bấy giờ làng có việc làm đình, đóng-giả bán nhiều, anh em mới bỏ tiền ra ít nhiều giúp làng để mua lấy suất

nhieu. Cũng là chuyện « bán gia-tài mua danh-diện », để mua lấy một chiếu ăn chiếu ngồi ở góc đình. Đó cũng là một sự danh-dự thông-thường ở các chốn thôn-quê. Từ đó mới thành-danh là ông nhiều Cả, ông nhiều Hai, ông nhiều Ba, và ông nhiều Tư. Bốn anh em có bốn người con trai, trạc tuổi đều xuyết-xoát nhau, phỏng độ lên tám lên chín, mà cũng đều kháu-khỉnh cả, gọi là anh cu Cả, anh cu Hai, anh cu Ba, anh cu Tư.

Một hôm bốn ông nhiều cùng bàn với nhau rằng: « Anh em ta bây giờ nhờ trời đã có bát ăn, mà con cũng đã đến tuổi đi học. Hừ! bây giờ thì

biết học chữ gì được? Thôi thì cho con đi học chữ tây, quách! Người ta nao-nao đi học chữ tây, chả biết chữ tây thì mai sau ra thế nào; nhưng mà cũng theo thời-thế một chút là phải».

Mời cùng nhau đi đón một ông giáo, gọi là ông giáo Biết, về dạy học. Ông giáo ấy chữ nho cũng hiểu, mà chữ tây cũng thông. Đến khi dạy học, thì thấy dạy những món luân-lý, địa-dư, cách-trí, lịch-sử, toán-pháp, vệ-sinh như phép thường, mà lại dạy bằng chữ quốc-ngữ, và xé-nét uốn-nắn cho học-trò về tiếng quốc-âm lại kỹ-càng lắm. Các ông nhiều thấy thầy dạy khác với màu thời-thế, một hôm đến chơi hỏi thầy rằng: «Sao không thấy thầy dạy chúng nó học chữ tây?»

Ông giáo bấy giờ tan học đã lâu, thuộc về thì-giờ thông-thả, đương ngồi xem sách ở một cái ghế, mà còn đề đầu trần. Chợt thấy các người hỏi, liền đứng ngay lên, lấy một cái khăn xếp đội lên đầu, làm ra biểu-hiệu một cái tinh-thần người Việt-Nam, và có ý trịnh-trọng lắm. Rồi diễn-giải cho các người nghe rằng:

«Thưa các ông. nay tôi được cái danh-dự dạy học cho con các ông, thật là có phần vẻ-vang cho tôi lắm. Nhưng các ông phải biết cho tôi rằng một cái vấn-đề dạy học cho trẻ con ngày nay, thật đã từng khổ-tâm cho tôi lắm vậy. Mà cũng chẳng những gì một mình tôi, chắc những người Việt-Nam ta, người nào đã có tư-tưởng về sự giáo-dục một đôi chút, trông cũng là khổ-tâm cả đó.

«Này, ngan-ngôn có câu rằng: «Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống.» Các ông có hiểu cho là nghĩa làm sao không? Ôi! ở cái thi-buổi cạnh-tranh này, thấy nói văn-minh hay là văn-minh, thấy nói tiến-bộ hay là t-ên-bộ, mà không hề xét đến cái nguyên-lý của mọi sự chi cả,

chỉ muốn bước một bước mà lên ngay được đến tận tit-mù-xanh, thế là khôn đấy. Ở cái thi-buổi chọi nhau bằng tư-tưởng, tranh nhau bằng trí-thức này, mà không cần đến học-vấn chi cả, chỉ đen như mực, tối như đêm, dày như đất, đút-nút ở trong một cái xó nhà, mà ngõ trời bằng vung, thế là dại đấy. Biết là thế nào? là hiểu lấy cái nguyên-lý của sự tiến-bộ, mà thực-nghiệm ra sự hành-vi, thế là biết.

«Tôi hằng xin nói ngay như sự tôi dạy con các ông bây giờ, là dạy về đường sơ-học, về lối phổ-thông. Phổ-thông là thế nào? là kể về số trẻ-con rất nhiều trong một nước. Dạy cho trẻ-con, khiến cho trẻ-con chúng nó đưa nào đưa nấy đều có cái đạo-đức giản-đơn, cái trí-thức thông-thường, cho chúng nó biết qua-qua các sự-vật trong hoàn-cảnh của chúng nó trên cuộc đời; tại nó mắt nó hơi biết đường mà nghe mà trông, chân tay nó cũng hơi biết lối mà hoạt-động, không đến nỗi là đưa trẻ-con vô-giáo-dục, ngây-ngốc tàn-ác, thiếu tai thiếu mắt, thiếu chân thiếu tay, mà hoặc-giả bất-thành nhân - dạng, thì tội-nghiệp lắm! Ấy là lối học phổ thông. Cái học phổ-thông ấy, tức là cái gốc cho nhân-tính nhân-cách, mà làm cái nền cho sự-nghiệp văn-minh.

«Ngay như người Nhật có thể đem chữ Anh, người Pháp có thể đem chữ Đức, người Anh có thể đem chữ Tàu ra mà dạy trẻ-con nước mình về lối học phổ-thông được không? Hẳn không. Vì dạy bằng chữ bản-quốc là chữ «mẹ đẻ», thì nó dễ hiểu, mà nó hiểu ngay, nó đã hiểu thì nó thực-hành được ngay, mà nó đã trông ra đưa trẻ con có giáo-dục ngay. Nếu dạy bằng chữ ngoại-quốc là thứ chữ phải uốn vắn uốn mọ, dịch âm dịch nghĩa, thì nó khó hiểu; không những nó khó hiểu, mà nó cũng không hiểu; nó đã không hiểu, thì nó còn uốn lười chưa xong,

bao giờ nó đã thực-hành được những cái tinh-thần ở trong lời dạy, thì ra có dạy cũng như không, coi ra vẫn là đứa trẻ-con vô-giáo-dục. Ấy cái sự làm hại cho trẻ-con, còn sự gì lớn hơn sự ấy ; mà cái sự làm độc cho loài người, còn sự gì dữ hơn sự ấy ?

« Cho nên nước Nhật, nước Pháp, nước Anh, cùng là mọi nước có danh tiếng ở trong thế-giới, bao nhiêu là trường học, bao nhiêu là trẻ-con, có thấy các trường học nào dạy trẻ-con bằng thứ chữ ngoại-quốc để làm lối học phổ-thông cho toàn-quốc đấy không? Hẳn không. Vì các nước, nước nào cũng có một thứ tiếng riêng, biểu-hiệu cho cái tinh-thần của dân-tộc nước ấy, mật-thiết, tôn-nghiêm, xem như thần-thánh. Đó cũng là một cái lệ chung trong phép giáo-dục cho trẻ con của thế-giới vậy.

« Nước Việt-Nam ta, há không phải là một dân-tộc có lịch-sử hãn-hoi, há không có một thứ tiếng riêng, lại có thể trái được cái lệ chung của thế-giới ấy hay sao? Ngay như những bài học dạy trẻ con, cũng luân-lý, cũng cách-tri, cũng địa-dư, cũng Nam-sử, cũng toán-pháp, cũng vệ-sinh, giảng bằng tiếng Quốc-ngữ, thì chẳng khác gì nó khát mà cho nó uống, nó đói mà cho nó ăn, nó buồn mà cho nó chơi, nó nheo-nhóc ươn-sài mà cho nó thuốc. Ông giáo-sư quốc-ngữ đối với lũ trẻ con, chẳng khác gì một bà mẹ vô-hình, để thôi nặn ra tai mắt chân tay cho chúng nó. Nếu giảng bằng thứ tiếng ngoại-quốc, tiếng ngoại-quốc không phải là không hay, duy cái óc nó còn non, cái trí nó còn nông, nó nghe giảng thứ tiếng ngoại-quốc, nó như chích vào rưng, như vọt nghe sấm. Đứa nào bập-bẹ được đôi ba tiếng thì cũng chẳng qua như con sáo con iêng mới bắt-chước người mà học nói đấy thôi. Chứ thử đem cái kinh phổ-thông mà soi ra, thì chứa tất đã thành ra nhân-dạng gì cả.

« Cho nên tôi dạy con các ông, tôi hằng xin dạy lấy ba năm Quốc-ngữ trước đã, lấy chữ Quốc-ngữ làm cái cơ-quan giáo-dục cho trẻ-con ; trước là để cho chúng nó sôi lấy thứ tiếng của mẹ đẻ, sau nữa để cho chúng nó vững được cái nền tiến-bộ về mai sau. Nhưng tôi cũng biết rằng trong cái thời-kỳ học Quốc-ngữ, thế nào cũng phải hai môn học nữa thêm vào. Một là môn học chữ Nho. Hai là môn học chữ Pháp. Vì chữ Nho là nguồn gốc chữ Quốc-ngữ, không hiểu được chữ Nho đôi ba ít, thì không thông được chữ Quốc-ngữ. Lại vì chữ Pháp là thứ chữ trực-tiếp với mọi đường tiến-bộ trong cuộc đời, không hiểu được chữ Pháp ít nhiều thì lấy gì làm sự dự-bị lên trung học đại-học về mai kia. Đến năm thứ hai tôi sẽ có môn chữ Nho, năm thứ ba tôi sẽ có môn chữ Pháp, một môn thuộc về nguồn-gốc, một môn thuộc về dự-bị, để dạy con các ông. Duy hai môn học ấy ở trong tiểu-học, thì mới là cái môn thêm vào, coi cũng như môn địa-dư, môn toán - pháp, văn - văn, đấy mà thôi. Chứ cái cơ-quan giáo-dục cho trẻ con ở trong cái thời-kỳ tiểu - học, để cầu lấy một con đường chính-đáng-phổ-thông, thì phải toàn là chữ Quốc-ngữ cả.

« Đó là tôi theo về cái thiên-chức giáo sư của tôi, mà tôi đối với cái lương-tâm tôi, tôi không nỡ để cho con các ông lúc bé làm một thứ trẻ không tai không mắt, không chân không tay, không đủ hình-dạng người ; lúc lớn lên làm một thứ người bất Tây bất Nam, không sôi một thứ tiếng nào, không hiểu một cái tinh-thần nào, trơ-vơ như con nhà bỏ chợ. Sự đó có quan-hệ về nòi-giống nhà các ông, cơ-đồ nhà các ông. Chẳng những quan-hệ về cơ-đồ nòi-giống nhà các ông, mà lại có quan-hệ về cơ-đồ nòi-giống cho cả toàn-thể quốc-dân nữa. Các ông phải nghĩ cho cái nông-nỗi sâu-xa về sau này mới được. Tôi sinh ra ở đời tôi đã từng bị

cái ảnh-hưởng nhân-nghĩa của ông Không, từ-bi của ông Phật, bác-ái của ông Gia-tô ; há tôi lại nỡ đem cái sự sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi, mà tôi xử với các ông ư ? »

Các ông nhiều nghe lời ông giáo nói ít lâu, nửa phần lo sợ, nửa phần vui-vẻ, lại nửa phần còn mơ-màng. Sau mới thưa rằng : « Những sự xa-xôi, thì chúng tôi dân-dã thật-thả, cũng chưa biết đâu. Chúng tôi hằng biết rằng : *Muốn sang thì bắc cầu kiều, muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.* Chúng tôi chỉ biết thành-tâm đón thầy cho con học, học thế nào cho hay chữ thi học. Từ rầy trở đi, thầy dạy cho thế nào, chúng tôi xin bằng lòng thế. »

Ông giáo nói : « Tôi hằng bắt đầu dạy cho con các ông hay chữ Quốc-ngữ đã, các ông có bằng lòng không ? »

Các ông nhiều lấy làm bằng lòng lắm.

Sau ông nhiều Ba nhiều Tư có một ông bạn, ông bạn ấy tên là gì, cũng không hề phải kể. Hai ông nhiều đem sự học Quốc-ngữ ra hỏi ý-kiến ông. Ông nói : « Thế là sai đấy, thế là phiền đấy, thế là hỏng đấy ! Cái chữ Quốc-ngữ ấy, có làm gì mà phải học ; hay ra thì : *làn thu-thủy nét xuân-sơn, hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh* ; chẳng hay ra thì : *mẹ đỡ ấm con, cái lon xách nước, nu-na nu-nống, thẳng cống cái cạc !* thế cũng xong. Nước Việt-Nam ta bây giờ, sở khiếm-khuyết về đường gì ? sở khiếm-khuyết về đường phú-cường. Mà những đường khoa-học mới - mẻ, và những đường chính-trị văn-minh đều trực-tiếp ở trong chữ Pháp mà ra cả. Những người học chữ Pháp để chực về sự kiếm gạo ấy không kể chi. Tôi đây không phải là phái kiếm gạo, là phái yêu nước, mong cho nước được chóng phú-cường. Tôi chỉ nghĩ rằng nước Việt-Nam ta muốn nhanh chóng được như Âu-châu, thì nên xóa cả cái lề-lối cũ đi, mà đồng-hóa với Âu-châu, thế

là tiện hơn cả. Các ông bây giờ mà có tư-tưởng về quốc gia, thì phải cho con kịp mà học chữ Pháp đi cho mau, thì mới có thể theo được kịp người. Chữ bây giờ lại bắt trẻ-con học chữ Quốc-ngữ ba năm, thì ra làm chậm mất cái thì-giờ của chúng nó học chữ Pháp đi, bao giờ cho theo được kịp người. Các ông phải cho con đi học chữ Pháp ngay từ thừa bắt đầu vào sơ-học mới được »

Ông nhiều Ba, nhiều Tư nghe ông bạn nói, kỳ-thủy cũng còn ngần-ngừ, vì hai ông cũng chưa hiểu ra thế nào là học kiếm gạo, thế nào là học yêu nước. Sau mới giải-quyết ra rằng dù yêu nước dù kiếm gạo thế nào mặc dầu, học chữ Tây ngay thì nhanh, còn phải học Quốc-ngữ thì chậm, chi bằng ta bỏ đàng chậm, mà ta theo đàng nhanh. Mới cho hai con là anh cu Ba, cu Tư đi trường học khác, để học chữ Tây. Còn ông nhiều Cả nhiều Hai thì vẫn nghe lời ông giáo Biết mà cho con học chữ Quốc-ngữ.

Ông giáo Biết nghe có lời ông bạn ấy xui bảo, mới than rằng : — Ai ôi ! có biết câu chuyện đánh trống bỏi dùi dấy không ? Trước kia từng được nghe có câu chuyện rằng thừa Thượng-đế mới sinh ra loài người, có ban cho mỗi họ một cái dùi trống. Thượng-đế lại phán bảo cho các họ rằng : « Ở dưới hạ-giới kia, có một cái trống, gọi là trống văn-minh, to-lớn lắm, đẹp-đẽ lắm, và hay lắm, đủ cả điệu hùng-dũng lẫn vẻ dịu-dàng. Các con xuống hạ-giới ấy mặc sức mà thi nhau đánh, cũng là cái thiên-chức của các con. Ai khéo đánh thì chóng thành tiếng, ai vụng đánh thì lâu thành tiếng, cái khéo cái vụng là phần các con, không phải là phần trâm, trâm chỉ biết rằng trâm cao thính-ti mà thôi. Song le, các con phải giữ lấy cái dùi này làm bòn-mệnh ; khi theo đuổi tập-tành, dù nhanh chậm thế nào mặc lòng, nhưng còn dùi thì

còn có ngày tiếng trống vang-động ở thế-gian, vân vân. » Khi xuống hạ-giới, họ nào họ ấy thi nhau đánh, quả-nhiên là hay-ho vui-vẻ vô-cùng. Có một họ Mỗ, cắt-củ một người đại-biểu ra đánh, kỳ-thủy cũng đánh được đôi ba tiếng, tuy tiếng trống cũng chưa ra tiếng trống, nhưng thế-giới cũng đã công-nhận rằng có một thứ tiếng trống của một họ ấy. Ngờ đâu người đại-biểu họ ấy ham-thích về sự văn-minh quá, lú mất trí khôn, liền bỏ dùi đi; thế là họ ấy mất dùi, không tìm thấy đâu nữa, thành ra họ ấy là họ tay không. Khi nào đánh trống, họ ấy vẫn còn lăn-lộn trong cuộc văn-minh. Nhưng vì cơ không có dùi, người thì lấy tay vỗ vào trống, người thì đem đầu vật vào trống. Lại người thì vớ một cái dùi khác. Hay đâu, trống là trống công-đồng, dùi đã có cái dùi thiên-mệnh. Cái dùi thiên-mệnh ấy là do cái khí tinh-anh của trời đất mà chuốt nên, đã thành ra cái dùi riêng họ nào đã có dùi của họ ấy. Chứ cái dùi nhân-tạo lúc lâm-thời, là cái dùi giả, cái dùi mượn, ngoài không xứng với thể-thức, trong không hợp với tinh-thần; khi đập vào trống, chỉ di-đập như đập met, không thành ra tiếng gì cả. Thậm-chí lại có người cầm hòn đất, hoặc cầm hòn sành, hoặc cầm mảnh gạch, hoặc cầm mảnh đá, ném vào mặt trống, để cầu lấy tiếng trống động lên. Hay đâu, mặt trống có cái sức phản-động, đất, đá, sành, gạch, thường có khi lại văng trả vào người. Văn-minh chưa thấy đâu, mà đã thấy người thì sắt trán, người thì toạc tai, người thì bươu đầu, người thì thủng tay. Sau có một họ khác, trông thấy cái tình-trạng cũng nực cười, mà nghĩ cũng ái-ngại thay! Mới sẽ bảo cho rằng: Họ tôi may cũng khôn-khéo được trước các ông, mà đánh trống cũng được thạo trước các ông. Bấy lâu vẫn sẵn lòng giúp các ông, dạy cho các ông biết đánh trống,

để anh em cùng đề-huê nhau lên chốn vũ-dài. Chẳng may các ông đã đánh mất dùi, thì các ông không thể sao hưởng được cái quyền-lợi, cái danh-dự đánh trống nữa. Nếu mà cứ cưỡng mãi, thì trước là có phần nguy-hiêm cho các ông, sau là chỉ bày một trò cười ra ở thế-giới, chứ cũng không ích gì. Thôi thì các ông nhường hẳn cái chức đánh trống ấy đi, mà thực-nhận lấy cái chức khiêng trống, để cho các họ khác đánh. Thế là yên phận, mà thế cũng là thiên-chức. Kéo nữa đến tai Thượng-đế, Thượng-đế hoặc lại trách-phạt hạ-giới chúng ta không khéo bảo nhau! Câu chuyện ấy cũng nực cười!

« Lại còn nông-nôi đồng-hóa, Âu-châu mười mấy nước xưa nay không hề có đồng-hóa. Vì trong loài người còn có chủng-tộc, có tôn-giáo, có ngữ-ngôn để làm giới-hạn. Á-châu thì có mấy nước đồng-hóa. Một là nước Chiêm-thành đồng-hóa với nước Nam ta. Hai là nước Lưu-câu đồng-hóa với nước Nhật-bản. Ba là nước Mãn-châu đồng-hóa với nước Trung-hoa. Vì cái sức văn-hóa của nước ta với nước Nhật-bản nước Trung-hoa mạnh quá, có thể tràn ngập được cả ba nước kia, ba nước kia không thể ngoi-ngóp lên được nữa. Đó là kể về phần đồng-hóa mà diệt vong.

« Còn về phần đồng-hóa mà hãy còn, thì như nước ta đồng-hóa với nước Trung-hoa, kể từ đời Triệu-vũ trở xuống đã kể có hơn hai nghìn năm, mới đồng-hóa nổi. Vì cái tinh-hoa trong xã-hội, tất phải đời nọ đến đời kia, đời đời chung-đúc, đời đời kết-cấu, đời đời di-truyền, mới thành ra được cái tình-cách một xã-hội, không thể kể ngày, kể tháng, kể năm được. Nước ta vì cơ sao mà không mất? Thử-giả phải biết rằng nước ta tuy rằng đồng-hóa, với Trung-hoa, nhưng kỳ thực có toàn là đồng-hóa đâu. Tuy có học chữ

Trung-hoa, nhưng lại chuyển sang thô-âm, để giữ lấy cái địa-vị hoàn-toàn cho phần ngữ-ngôn của bản-quốc. Nói cho đáng ra, thì không phải là nước ta hóa về chữ Trung-hoa, mà chính là chữ Trung-hoa bị nước ta hóa đi. Cho nên cái sức mạnh của những lời ca-dao ngạn-ngữ nước ta, lại có phần đối-kháng với chữ Trung-hoa, mà đứng riêng ra được một bộ-phận phong-phú hoàn-toàn. Nước ta số-dĩ không đến nỗi như Chiêm-thành, như Lư-cầu, như Mãn-châu, là vì có cái năng-lực Quốc-ngữ đó. *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*. Người nước ta ngày nay cũng nên nhớ đến cái kẻ ở về thời-dại đồng-hóa với Trung-hoa, mà vẫn có cái năng-lực ngầm-ngấm mạnh-mẽ thiêng-liêng, giữ-gìn lấy một thứ bản-quốc-ngữ-ngôn để dành lại cho ta đó. Nếu không thế, thì nước ta Chiêm-thành, nước ta Lư-cầu, nước ta Mãn-châu đã lâu rồi. Công-đức tổ-tiên ta, biết là đường nào!

« Bây giờ nước ta muốn làm một nước phú-cường, mà đồng-hóa với Âu-châu, cũng như ngày xưa muốn làm một nước văn-hiến, mà đồng-hóa với Trung-hoa; ừ, thì đồng-hóa, đồng-hóa cũng là phải. Nhưng chỉ hiềm rằng cái thời kỳ đồng-hóa với Trung-hoa, đã hơn hai nghìn năm mới có thành-công, thì cái thời-kỳ đồng-hóa với Âu-châu, chắc là lại phải hơn hai nghìn năm nữa mới có thành-hiệu. Thế thì chậm-trễ quá, dẫu cái người có gan vàng dạ sắt đến đâu, cũng không có thể ngồi đấy mà chờ, để thực-nghiệm lấy lời ông nói được, Chi bằng sẵn cái tinh-túy của tổ-tiên đó mà bảo-tồn lấy, lại sẵn cái văn-minh của Thái-Tây đó mà thâu-thái lấy, mở ra một con đường phương-tiện điều-hòa; tiến-bộ như thế, có lẽ là nhanh-chóng hơn. Ôi! con đường phương-tiện ấy, thì phải bắt đầu khởi-trình từ đâu trước? bắt đầu từ lớp sơ-học dạy trẻ-con trước.

« Lại còn nghĩa phổ-thông với nghĩa chuyên-môn, phổ-thông là nghĩa giáo-

dục trẻ-con, giáo-dục thông-thường giáo-dục toàn-quốc. Chuyên-môn là nghĩa giáo - dục người lớn, giáo-dục đặc-biệt, giáo - dục những hạng tuấn-tú thông - minh. Phạm phép giáo-dục trong thế - giới, nước nào cũng vậy. Hay là ông còn chứa hiềm cái lẽ giáo-dục ấy, mà ông muốn đem mười mấy triệu trẻ-con khắp kẻ-chợ cho đến nhà quê trong toàn - quốc ta đi học chuyên-môn cả đấy chẳng? Nếu được như lời ông, mà mấy mươi triệu trẻ-con ấy được thành-đạt cả, thì nhân-tài nước Việt-Nam ta có lẽ cả thế-giới dùng cũng không hết. Nhưng tôi chỉ ngại rằng trong một trăm đứa, khéo lắm chỉ được năm đứa là mai sau có thể thành-đạt được. Còn chín-mươi-lăm đứa, đứa thì tư-chất không có, đứa thì tiền-của không có, đứa thì cảnh-ngộ không có, toàn là dỏ-dở dang-dang cả, ông định đặt cho chúng nó vào cái địa-vị nào? Than ôi! chẳng tội - nghiệp lắm ru! Bây giờ thực - hành ra cái phép giáo-dục ở trường sơ-học bằng chữ Quốc-ngữ, để bồi-bồi cái trí-đức cho chúng nó, để yên-ủi cái thân-phận cho chúng nó, vả lại để dưỡng-thành một cái cơ-sở đi học chữ Tây cho chúng nó; ông lại còn nghi-hoặc gì nữa đấy dư?

« Ôi! cái phép giáo-dục chia ra có phổ-thông với chuyên-môn của thế-giới ấy, thì ngày nay những cậu lên mười ở Nhật-bản, những cô lên tám lên chín ở Âu-châu, tưởng cũng đã hiểu cả rồi, há như ai mà lại còn chứa hiềm đấy ư? *Bây giờ là bao giờ, rõ-ràng mở mắt còn ngờ chiêm-bao!* Nguy thay!

« Nhưng mà thôi! Ông ấy đã nói ra sự nhanh với chậm, thì mình cũng chẳng hề phải biện-bác với ông làm gì nữa. Dù ông có muốn biện-bác với mình, thì mình cũng chẳng hề phải vội đi nói lại cho phiền lời. Mình chỉ nghiệm xem cái hiệu-quả giáo-dục về

sau này nhanh chậm thế nào, thì bấy giờ thiên-hạ sẽ có lời phán-đoán được công-bằng.»

Xem về lịch-sử anh cu Cả. Anh theo thầy học Quốc-ngữ gần được ba năm. Gặp hồi ấy là hồi nghỉ hè, thầy giáo về nhà nghỉ, anh cũng được ở nhà nghỉ; anh cu Hai cu Ba cu Tư đều được nghỉ cả, anh em lại được có thi-giờ chơi với nhau. Chợt có một ông cậu bên họ ngoại sang chơi. Ông cậu cũng là một ông giáo-sư lão-thành có danh-giá đã lâu, cũng nhân nghỉ hè sang chơi thăm anh em bên họ ngoại. Nhân hỏi đến các cháu. Bốn ông nhiều mới đem các con ra chào, ông cậu lấy làm vui vẻ lắm.

Ông cậu thấy các cháu có học-hành cả, nhân có đặt ra mười-lăm câu hỏi, và ba cái giải thưởng, để làm điều khích-khuyến cho các cháu. Ông cậu thì chữ Nho chữ Tây đều thông-thạo cả. Nhưng có nghĩ bụng rằng nói chuyện với trẻ-con, chưa có thể nói chữ Nho chữ Tây được, thôi thì gi bằng tiếng «mẹ đẻ». Mới viết ra mười-lăm câu hỏi bằng chữ quốc-ngữ, mà bắt các cháu lại viết ra chữ quốc-ngữ để trả lời. Rồi ước với các cháu rằng trong mười-lăm câu, đứa nào trả lời được đủ cả thì lấy giải nhất, đứa nào được mười câu thì lấy giải nhì, đứa nào được năm câu thì lấy giải ba, đứa nào bất-cập thì không được dự thưởng.

Hỏi rằng: 1 — Làm con nên hiếu, làm em nên đễ, hiếu đễ là nghĩa thế nào? — 2. — Thuận vợ thuận chồng, có nên hiệu-quả gì không? — 3. — Thua trời một vạn, không bằng thua bạn một ly thí-dụ như việc canh-nông, thế nào là thua trời, thế nào là thua bạn? — 4. — Nước sông với nước giếng, có khác nhau không? Nước giếng vì sao mà trong, nước sông vì sao mà đục? — 5. —

Con sông Nhị-hà, nó phát-nguyên từ đâu, nó chảy ra vịnh bể nào? Có sao lại gọi nó là Hồng-hà? — 6. — Hồ Hoàn-kiểm có sao gọi là Hoàn-kiểm, hồ Tây có sao gọi là hồ Tây? — 7. — Thành Hà-nội khi xưa, đời nhà Đường gọi là thành gì, đời nhà Lý gọi là thành gì? — 8. — Nước Nam ta ai là ông thủy-tổ, ai là gái anh-hùng? — 9. — Triều nhà Nguyễn ta phát-tích ở đâu, đóng-kinh-đô ở đâu? — 10. — Đức Gia-long ta gặp cái giặc gì, đi ra tránh giặc ở đâu? — 11. — Ông Bá-đà-lộc người ở đâu, giúp đời vua nào, có công-nghiệp gì? — 12. — Đạo Phật thờ ông Phật gì, đạo Thiên-chúa thờ ông chúa gì, tòa Văn-miếu ở cửa nam thành Hà-nội thờ ai? — 13. Trong thân-thể, cái óc làm việc gì, cái mũi với cái phổi làm việc gì, cái răng với cái dạ-dày làm việc gì; cái răng với cái dạ-dày khi làm việc, làm việc thế nào cho phải? — 14. Người ta đối-dịch với loài vật dữ, như loài hổ, thì đối-dịch bằng cái gì? Người ta vui-chơi với loài vật nhỏ, như loài chim, có nên nhốt nó vào lồng không? — 15. — Học trò có khi ra ngoài đường gặp người quen, gặp người thế nào thì nên chấp tay, gặp người thế nào thì nên bắt tay? Chấp tay là lễ gì, là biểu-hiệu ra cái ý gì? Bắt tay là lễ gì, là biểu-hiệu ra cái ý gì?

Anh cu Cả trả lời được đủ cả, cậu khen, cậu cho giải nhất. Anh cu Hai trả lời được mười câu, cậu cũng khen, cậu cho giải nhì, Cậu lại khen rằng ông giáo nào dạy chúng nó đây, thế là cũng biết dạy đấy. Còn anh cu Ba cu Tư thì chỉ thấy tay cầm bút, mà tờ giấy vẫn thấy trắng bạch. Ông cậu ngồi chờ đã khá lâu. Ông nhiều Ba nhiều Tư, thấy con thế, mới nói giải ra rằng tại mấy năm nay cháu nó vẫn học chữ Tây. Ông cậu nói học chữ Tây thì học, chứ cái tiếng mẹ đẻ ấy, đã học tự năm lên ba kia rồi, há quên cả rồi ư? Cháu

cứ xem lời cậu hỏi, mà cháu nghĩ-ngợi ở trong óc, cháu muốn trả lời thế nào thì trả, cháu cứ tiếng mẹ đẻ ấy mà cháu viết ra. — Hay dẫu bấy lâu cháu chỉ làm việc bằng lưỡi, cháu chưa quen làm việc bằng óc, rút lại cháu cũng không trả lời được câu nào. Ông cậu nói hay là cháu trả lời bằng chữ Tây; nếu cháu trả lời bằng chữ Tây được một câu chữ thôi, thì cậu cũng cho cháu giải nhất, mà hai anh kia phải sụt xuống lấy giải nhì giải ba. Hay dẫu chữ Tây thì chẳng qua mới bập-bẹ theo đòi, chứ đã hiểu gì dẫu, đã sắp đặt thế nào được thành văn mà trả lời. Ông cậu bấy giờ chỉ thở dài một cái, mà nét mặt xem ra có ý lo-lắng buồn rầu.

Rồi ông cậu mới gọi riêng anh cu Cả mà bảo rằng : « Quốc - ngữ cháu thế là tạm - tạm đã được rồi ; đến năm thứ tư, cháu nên học lên một bậc nữa. Một là học chữ Nho. Hai là học chữ Tây. Muốn làm một nhà cổ-học có danh-giá ở Đông-phương, thì học chữ nho. Muốn làm một người tân - nhân - vật có ảnh-hưởng với thời-thế, thì học chữ Tây. Nhưng cậu chỉ khuyên cháu rằng muốn học về đường gì thì học, chớ học về đường kiếm gạo mà phải tội với chữ, cậu chỉ khuyên cháu điều ấy mà thôi ! »

Sau ông giáo Biết cũng biết rằng anh cu Cả học Quốc - ngữ đã khá-khá rồi, mà cái tuổi học chữ Tây cũng còn đương vừa, mới chuyên dạy cho anh học chữ Tây.

Khi anh học chữ Tây, thì về đường tấn - tới lại càng thấy nhanh lắm ; anh học một năm, có thể bằng người khác học hai ba năm. Sự đó có ba lẽ. Một là anh đã có cái nền đức-dục, không đại-dột, không lếu-láo, không lải-luồng, không lỏng-bông, biết chăm-chỉ học-hành. Hai là anh đã có cái nền thể-dục ; khi ăn ở lúc ra vào, cho đến lúc học-hành, tự mình biết gìn-giữ, biết

đường vệ - sinh, khi nghỉ - ngơi cũng không thung-dung quá đến nỗi nhãng việc, khi chăm học cũng không chăm học quá đến nỗi ốm người, cho nên thường có sức khỏe mà học. Ba là anh đã có cái nền trí-dục, mọi lẽ của sự vật trong cuộc đời, cho đến mọi cách làm người, anh đã hơi hiểu ngầm được cả rồi. Khi học chữ Tây là học lấy tiếng nói, nhận lấy mẹo chữ mẹo văn, để cầu lấy cái phạm-vi trong học-giới cho rộng-rãi ra đấy thôi. Cho nên khi anh học chữ Tây chỉ thấy mới mẻ ra mà không thấy cùn, chỉ thấy vui mãi lên mà không thấy chán, chỉ thấy tiến mãi lên mà không thấy lùi. Sau anh đi thi anh được bằng tốt-nghiệp ngay ở trường trung - học, cứ lệ thường ra thì anh đã ngấp-nghe cái bước ông tham ông giáo đấy rồi. Nhưng anh lại nghĩ rằng người Việt-Nam ta, người nào có chí, mà muốn phóng đại-nhân-quang, thành đại-sự-nghiệp, thì phải sang tận bên Âu-châu mà học mới được. Duy cái học-phi thì to lắm, chửa biết nghĩ sao. (Sau trong họ anh cũng nhiều người có bụng tin anh là người có chí, cấp tiền cho anh, để đi sang thành Ba-lê bên nước Pháp mà học. Anh ở bên Quí-quốc học bấy lâu, cái sự-nghiệp của anh sau này thế nào, thì cũng chưa dám dự-đoán. Duy hằng mới biết rằng khi anh ở Ba-lê, anh vẫn thường thỉnh-thoảng có những bài văn qui-báu, hoặc dài hoặc vắn, viết bằng quốc-âm, gửi về nước nhà, hoặc đưa ở tạp-chí, hoặc gửi về tân-văn, đại-khai là những điều kiến-văn mới-mẻ của thế-giới, và những cái tư-tưởng rộng-rãi của anh, anh cũng nhận lấy chút phần trách-nhiệm khai-hóa cho quốc-dân, quốc-dân có ích-lợi về phần nhiều. Khiến cho quốc-dân biết rằng thành Ba-lê bên Quí-quốc cũng có người Việt-Nam. Không đến nỗi là : *cánh hồng bay bổng tuyệt vời !* Ôi ! thời-đại là cái thời-đại ngôn-luận, cuộc

là cái cuộc Pháp-Việt dè huề, sự nghiệp anh ở đây chứ ở đâu. Mà quốc-dân đối với anh, cũng có phần còn hi-vọng nữa về sau này.

Xem về lịch-sử anh cu Hai. Anh học Quốc-ngữ đã được rồi, ông nhiều Hai cũng toan cho anh học chữ Tây. Ông giáo Biết bảo cho rằng : « Anh cu Hai tư-chất trung-thường, không được thông-tuệ bằng anh Cả ; vả lại cũng không có tiền đâu mà theo đuổi việc học chữ Tây mãi được. Ông phải biết rằng học thì phải học cho đến nơi đến chốn, đừng học dở mùa, nguy-hiễm nhất là cái học dở mùa. Sách Tây cũng không thiếu gì sách hay. Nhưng cái sách hay ấy, anh ấy cũng không xem nổi. Khéo lắm anh ấy lại chỉ bập-bẹ mấy câu cái bã-cặn tự-do, hay hoặc lại đi-dôm mấy quyển tiểu-thuyết Tây, thì lại càng nguy-hiễm cho anh ấy lắm. Dù có kiếm được một tháng năm chục một trăm chẳng nữa, phần thì ăn tiệc ăn tưng, phần thì cà-phê cà-phung, phần thì ít-xì ít-xùng, phần thì sa-tanh sa-tung, phần thì cô - đào cô-dùng, khéo chẳng lại mang công mang nợ. Cái phú-quí anh ấy, chỉ phú-quí vài ngày, về khoảng ba mươi mồng một đấy thôi ; mà đối với xã-hội, cũng không nên ảnh-hưởng gì. Chi bằng trong nhà đã sẵn có cái nền-nếp canh-nông với cái nghề-nghiệp đục-chạm đấy, cứ tập ngay về đường thực-nghiệp là hơn. Mai sau phú-quí thì chữa biết đâu. Duy bằng chắc rằng anh ấy mai sau là ông chủ canh-nông, là ông giáo-sư đục-chạm, có quan-hệ với xã-hội đã. Anh ấy mà có muốn học thêm, thì trong thư-báo Quốc-ngữ cũng chán cái hay, chỉ sợ anh ấy không có sức mà xem. Do cái tư-cách ấy, mà mai sau có ảnh-hưởng với xã-hội lại chẳng nên, ư ? »

Anh nghe lời thầy giáo, anh học cày, cày khéo. Học nghề đục-chạm, nghề tinh. Xem thư xem báo, thư báo rộng. Có tiền của cứu người giúp người,

người yêu. Anh ba-mươi-hai tuổi, làng công-cử anh ra làm lý-trưởng. Cái chính-sách anh ra coi-giữ việc làng, cốt ở về cái chính-sách thân-ái từ-thiện, mà lâm-sự quả-quyết cho làng tin. Anh lại chăm về đường phong-tục. Anh thường nói không một chốc mà gây nên xã-hội, chúng ta nên giữ lấy cái tinh-t túy của tiền-nhân. Cho nên những cái phong vô-liêm vô-sĩ, bất-hiếu bất-mục, anh cực-lực bài-trừ. Anh ứng-đối việc quan, thì anh chuyên giữ lấy cái lễ cứng-cáp công-bằng ở trong pháp-luật, để đối-kháng với những bọn tham-quan ô-lại, mà bênh-vực cho những kẻ bình-dân ; làng được nhờ anh lắm. Trước một làng tin, sau cả huyện tin, thành ra anh là một người có thể-lực trong hàng huyện, bọn tham-quan ô-lại thường sợ anh như con hổ. Đến kỳ bầu-cử nghị-viên, hàng huyện lại công-cử anh ra đại-biểu làm nghị-viên. Anh cũng xứng-dáng là một kẻ nhân-hào.

Xem về lịch-xử anh cu Ba cu Tư. Hai anh học chữ Tây ngay từ thửa nhỏ, trong ba năm trời, khi anh ở trường, các thầy giáo dạy anh thế nào thì không biết. Khi anh về nhà, thì bố mẹ cũng có lòng chăm cho anh lắm. Nhưng bố mẹ không biết chữ Tây, chỉ thấy anh bập-bẹ nói đôi ba tiếng Tây, hay anh cầm quyển sách lý-lô học chữ Tây, thì lấy làm mừng mà thôi. Bố mẹ vẫn thường khoe với người rằng thằng bé nhà tôi học chữ Tây có khác, thấy nó lâu-lỉnh lắm, chúng nó thì dở đến...! Ngờ đâu đến lúc thi, thì lại hỏng cả. Bố mẹ vẫn thường ngờ rằng người trên lấy không được công-bằng. Sau có người giải cho rằng : « Chúng nó đã biết gì, ba năm ấy đã kể vào đâu, chẳng qua như con vẹt, được chữ nào hay chữ ấy mà thôi. Ông tưởng con ông đã hay chữ Tây rồi hẳn, vô-về được chữ Tây thì năm năm, biết được chữ Tây thì mười năm, hay được chữ Tây thì ba-

mười năm. Chữ Tây cũng như chữ Nho, ông chẳng thấy các ông đồ học chữ Nho ngày xưa, đã kể là hại cơm, mà đến lúc vác lều đi thi đi khảo, còn phạm trắng-qui, còn bất-túc mà về đây kia !» Bỏ mẹ lại thấy con tuy rằng láu-lỉnh, nhưng kỳ-thực là ngây-ngốc, là bông-phèng, đối với những cái sự thường ở trên đời, không hiểu gì cả, lại vẫn thường ngờ rằng ông giáo chữ Tây không biết dạy. Sau lại có người giải cho rằng: « Chúng nó học chữ Tây, thầy giáo còn phải uốn lưỡn cho chúng nó, cắt lấy mẹo dịch ra nghĩa cho chúng nó, đũa nào nói đã được hơi sõi-sõi, nghĩa đã được hơi ràng-rạng, mẹo đã được hơi hiểu-hiểu, thế là dạy chăm lắm rồi đấy; chứ đã kịp nhồi đầu được cái trí-khôn cho chúng nó. Thấy con ngây-ngốc bông-phèng, mà trách thầy giáo, thì cũng là oan thầy giáo. Học chữ Tây mà có trí-khôn ngay, thì có chẳng là người Tây. Học chữ Nhật mà có trí-khôn ngay, thì có họa là người Nhật. »

Bấy giờ hai ông nhiều mới cho hai anh ra tận Hà-nội học, thuê cho một chỗ ở, cứ tháng thì gửi tiền ra cho. Là ý nghĩ rằng Hà-nội là chỗ đô-hội đua chen; học chữ Tây phải ra Hà-nội mới là chỗ tỏ học chữ Tây, không thiếu gì thầy, không thiếu gì bạn, sự học mới có lẽ nhanh tấn-tới được. Ngờ đâu hai anh học chữ Tây, lại thấy chậm lắm, không tấn-tới được bằng ai. Sự đó cũng có vài lẽ. Vì thừa bé các anh kém về đường đức-dục, cho nên lớn lên dễ nhiễm về thói phần-hoa; thừa bé các anh kém về phần trí-dục, cho nên lớn lên ít có trí-khôn mà suy-nghĩ. Ví như cái cây đã không có rễ, mong đâu có cành dài, cái nhà đã không nền, mong đâu được nóc đẹp. Gia-dĩ ở về đất đô-hội đua chen, thầy hay nhiều, mà thầy dở cũng nhiều, bạn hữu-ích không ít, mà bạn vô-ích cũng không ít. Chỉ thấy ngày nay anh viết

giấy về nhà rằng ở Hà-thành thuê nhà đất lắm, đồ ăn đắt lắm; ngày mai anh viết giấy về nhà rằng phải sắm quần áo nhiều lắm; ngày kia anh lại viết giấy về nhà rằng phải sắm sách-vở nhiều lắm. Rút lại chỉ thấy quần tây, áo tây, mũ tây giày tây, vụn vào thì người sang lắm, chứ có thấy mấy quyển sách đâu. Song, ông nhiều bà nhiều ở nhà cũng vốn nhiệt-thành, cũng chắc rằng con ta có hi-vọng lớn về mai sau, nên cũng chiều con; chẳng những là chiều con, lại có ý chiều đời nữa; tháng tháng chờ tiền ran như chờ củi. Như thế ba bốn năm, trông nhà đã thấy bẩn-túng, lại cố-kính lấy một vài năm nữa, thì trong nhà đã thấy hết sạch - sành - sành.

Nói của đáng, sau một anh cũng làm nên một thầy thơ-ký ở sở nọ kia, một anh cũng làm nên được một chức giáo-viên ở trường ấy trường nọ. Tự khi các anh ấy làm nên được một chút thì các anh ấy cũng ít khi về đến làng; cái phú-quí của các anh ấy, họ hàng làng-mạc cũng không biết là những thế nào. Cũng có một hôm các anh ấy ăn mặc Tây-trang về chơi làng, dạo qua phong-cảnh một chốc rồi lại đi. Khi ấy những người họ-hàng làng-mạc với các anh, các anh ấy cũng ít có tiếp chuyện với ai, ai có xủ-thân mà vồn-vã chào hỏi, thì các anh ấy chỉ trả lời một cách rất lạt-lẽo mà thôi. Nhiều người bảo là các anh ấy kiêu. Nhưng mà không phải; vì rằng các anh ấy đối với tinh-thần trong xã-hội, đã cách xa rồi. Vả lại tiếng bản-quốc các anh ấy đã quên mất đi hồ quá nửa rồi, các anh ấy nói cũng không được sõi-sáng nữa, cho nên các anh ấy không muốn tiếp chuyện với người bản-quốc: Đó là cái tình thực, chứ không phải là cái tình kiêu.

Anh cu Ba làm thơ-ký ở trong sở được ít lâu. Mọi khi thì ông chủ hỏi những việc dễ-dàng, nói những lời

vấn-tất, thì anh vẫn trả lời được. Đến hôm ấy ông chủ hỏi anh về việc cũng hơi khó một chút, nói những lời có ý-kiến hơi dài. Lại gì anh học chữ Tây cũng chữa được bao nhiêu, anh nghe, anh không hiểu ra thế nào cả, anh cứ lúng-túng mãi, không trả lời được. Thành ra việc anh làm phải, mà hóa ra việc anh làm lầm. Ông chủ gắt mù, anh bị đuổi. Đó cũng là vì anh khi ít chữ mà anh bị đuổi oan.

Anh cu Tư làm giáo-viên dạy học ở trong trường cũng được ít lâu. Vì lớp bấy giờ nhà-nước còn chưa đủ thầy dạy, hăng bỏ cho anh dạy tạm đấy mà thôi. Chữ chữ Tây thì anh còn kém-cỏi lắm, mà bộ-đang tinh-nết anh còn lông-bông lác-các, chưa đủ cái tư-cách làm thầy. Sau đến lớp thầy giáo mới bỏ ra, rất là những người học chữ Tây đứng-dẫn sắc-xảo cả, mà người ta lại

có hiểu qua chữ Nho nữa, cái tư-cách người ta thích-hợp với việc giáo-dục lắm, anh còn kém người ta xa, anh phải bị về cái số đào-thải.

Than ôi! Cái lịch-sử các anh là cái lịch-sử buồn-tênh! Các anh đối với xã-hội đã là người cách xa, đối với thời-thế lại là số gạt-bỏ; các anh thật là một hạng người không sỡ một thứ tiếng nào, không thích-hợp một cái địa-vị nào, thật là dang-dở dở-dang. *Công-trình kẻ biết mấy mươi, vì ai khăng-khít cho người dở-dang!* Song cái đó, không phải là tại về lối học, mà cũng không phải là tại về các anh. Tại sao? Ấu cũng chỉ là tại về sự giáo-dục cho các anh thua đồng-ấu, làm trái mất lẽ tiến-hóa, không biết tuân-tự mà đi lên.

TÙNG-VÂN

## TUYẾT HẬN MỘNG

雪 恨 夢

TRUYỆN NÀNG MỊ-CHÂU

(Luận-lý truyền - kỳ kịch-bản)

Mị-Châu trùng hội oan gia tế  
媚珠重會冤家塔  
Một phiến nhàn vân bỏ hận thiên.  
一片閒雲補恨天

HỒI THỨ I

第 回

Không hoa nhập mộng

空 花 入 夢

MỊ-CHÂU cùng MAI-HƯƠNG ra ngâm  
răng :

(Điệu Lâm-giang-tiên)

Trăm năm duyên kiếp hoài son phấn,  
Mong-manh là phận hồng-nhan,

Tấm lòng ai tỏ với giang-san?  
Vợ chồng ân-ái rẻ,  
Một giấc mộng chưa tàn.

— Thiếp Mị-Châu tiều-thư, con vua

Thục An-Dương ; giang-son này cha chiếm một phương, duyên con vẫn nhà vàng treo giá ; nhân buổi phòng hương nhàn-bạ, tiêu-sầu mượn nét thêu hoa . Mai-Hương, hỏi Mai-Hương ! đem chỉ kim với tấm hồng-la, thêu một bức cảnh hoa tình-dế .

MAI-HƯƠNG sắp kim chỉ và bức hồng-la ra .

— Bâng-khuâng tâm-sự, cơ chi mỗi một tình-thần, Mai-Hương đâu, đứng quạt bên màn, cho cô dặng an giấc điệp.

MAI-HƯƠNG hát :

(Điệu Ngũ-mĩ-nhân)

Ngày xuân thức ngủ hồn say lĩnh,  
Lấm-tấm mưa vừa tạnh,  
Giai-nhân đương giờ giấc không-hoa,  
Chợt lắng oanh ca,  
Veo-veo khúc tình đa.

MỊ-CHÂU đương ngủ sự thức dậy :

— Chà-chà ! kỳ-quái là kỳ-quái a !

MAI-HƯƠNG hỏi :

— Thưa cô, làm sao vậy ?

MỊ-CHÂU nói :

— Mai-Hương con hỏi, cô vừa nằm thấy chiêm-bao.

MAI-HƯƠNG vội-vàng hỏi :

— Thưa cô, chiêm bao thế nào ? hay là cô muốn lấy chồng, cô ơi, con cũng một lòng như cô !

MỊ-CRÂU nói :

— Con ơi ! cô thấy tiên cho một cảnh đào, hoa thì bằng giấy, mà quả thì bằng quả bồ-hòn ; cô làm cô ngậm phải, thấy cay đắng lạ-lùng, nuốt khỏi cở đau lòng xót ruột. Thôi thôi ! cô đoán ra rồi, hoa đào đem lại là sự nhân-hôn, nhưng mà hoa không thơm quả lại không ngon, nhân-hôn ấy chắc là nhân-hôn giả ; quái lạ là quái lạ !

Giấc chiêm-bao nào đã tin gì,  
Xui lòng người luống những hồ-nghĩ  
Thêm một mối tình si vấn-vit,  
Một mối tình si vấn-vit,  
Tình ram mới biết rằng mình chiêm-bao !

(Tiếp luôn điệu Trạng-tương tư)

Người làm sao,  
Mộng làm sao,  
Cái số đào-hoa đến thế nào ?  
Hỏi trăng trắng đứng cao.  
Nhìn hoa đào,  
Ném quả đào,  
Bạc-mệnh đời hoa có bấy nhiêu !  
Yêu hoa hoa cũng yêu.

(Cùng vào)

## HỒI THỨ II

### 第二回

#### Binh qua tương kiến

#### 兵戈相見

THỤC-VƯƠNG cầm cái nỏ ra :

(Điệu Xuân-tiêu-khúc)

Áu-lạc khai vương-nghiệp,  
Loa-thành kiến đế-đô.  
Non nước một cơ-đồ,  
Bên giong tranh giặc ngáy,  
Nhỏ ra to.

— Mồ Thục An-Dương-vương thị dĩ, võ yên Bách-Việt, thay nghiệp Văn-lang, năm mươi năm hùng-cử giang-san, một thần nỏ dẹp an tứ-cảnh ; nghe

Tần-trương là Long-xuyên-lệnh, muốn tự binh mưu định giao-tranh. Vậy truyền cho văn-võ triều-dinh, đại-hội đề nghị bài công-thủ.

Văn-võ bách-quan ra :

— Tung-hô bái chúc đại-vương vạn tuế ! quốc-gia vạn vạn tuế !

THỤC-VƯƠNG nói :

— Bách-quan, nay có Long-xuyên-lệnh, muốn gây cuộc binh-đạo. Bách-

quan nên dự tính cơ-mưu, bài công-thủ sẽ tâu qua nghe thử.

Bách-quan nói :

— Muốn tâu đại-vương, nay Tần-tướng lòng tham cương-thổ, nhờ đại-vương chi thần-nỗ oai-linh, thần-dăng xin giúp nước trung-thành, chắc quân nó là sở vị kiêu-binh tất-bại.

THỰC-VƯƠNG nói :

— Phải, phải ! Truyền lệnh chư-tướng mặt-mã lệ-binh, hễ quân giặc làm thành, thủy-lai là thổ-yểm.

Bách-quan :

— Dạ dạ !

TRIỆU-VƯƠNG kéo quân ra :

— Triệu Mỗ Long-xuyên-lệnh, đồn thủ đất Lĩnh-nam ; nay Doanh - Tần chính-lệnh suy-đổi, phải kiểm chốn

tim nơi tự-lập. Nay đã định sách, Âu-lạc là nơi tiếp-giáp, cõi Nam riêng một cơ-dò, âu là ta đem quân đóng huyện Tiên-do, rồi sẽ liệu tìm mưu tập-kích.

THỰC-VƯƠNG đem quân kéo ra.

THỰC-VƯƠNG và TRIỆU-VƯƠNG đánh nhau.

THỰC-VƯƠNG đem thần-nỗ bản-luôn ;

TRIỆU-VƯƠNG thua rồi chạy.

THỰC-VƯƠNG nói :

— Há há !

(Điệu Phú-trận-tử)

Hằng-linh chọn von ngọn núi,

Đức giang leo lẻo con sông.

Cơ-nghệp nghìn năm nền xã-tắc,

Tang-bồng một gánh chỉ anh hùng.

Nỗ này ghi chiến-công !

(vào)

### HỒI THỨ III

#### 第三回

#### Khúc tự đại mưu

#### 曲就大謀

TRIỆU-VƯƠNG cùng tướng-sĩ ra :

(Điệu Cấp-cấp-lệnh)

Hai quân chửa kịp dấu gươm đao,

Áo ! Áo ! Áo !

Chạy xông-xao.

Tên bay bốn mặt tựa mưa dào,

Mau ! mau ! mau !

Rút quân vào.

— Trót một trận thất-cơ, phải tính đường báo phục. Chà chà ! cứ như sức quân Triệu so cùng quân Thục, đã lấy gì định cục thâu-doanh ; âu là tạm lui quân về đóng Vũ-ninh, chư-tướng đâu ? ai có mưu chi sẽ kiểm kế để binh tái-chiến.

Mưu-sĩ nói :

— Bái bầm tướng-quân, nay vua Thục dụng binh, cốt nhờ có Linh-quang thần-nỗ. Dám bầm tướng-quân, nghe nói khi trước có thần kim-qui cho

Thục-vương một cái móng rùa để làm máy nổ, đem dùng khi chiến trận, thì bách phát bách trúng, sở-hướng vô-tiền, vậy bây giờ muốn đánh được Thục trước hết phải phá thần-nỗ, muốn phá thần-nỗ ắt phải dụng kế giảng-hòa, nhân khi giảng-hòa sẽ lập kế cầu-hôn, cho công-tử sang gửi rể bên vua Thục, để thừa-cơ mà ám-phá, hễ phá được máy nổ rồi sẽ đem quân sang đánh, là vua Thục ắt phải thua. Dám bầm tướng-quân, thiên-kiến làm vậy : số là mượn hôn-nhân mưu việc để-dò, kế ấy gọi là kế « nhân cừu kết ái ».

TRIỆU - VƯƠNG vỗ tay cười âm lên rằng :

— Hảo hảo ! diệu-kế a diệu-kế ! Kíp y kế thi-hành. Quân bay ! truyền công-tử Trọng-Thủy dâu, mau hậu-yết công-sanh, dặng dự thương mặt-nghị.

TRỌNG - THỦY cùng thư đồng ra nói rằng :

—Hải-nhi Trọng-Thủy chúc thọ vạn-niên, vãng nghiêm-mệnh tuyên-truyền, tới cửa viên thánh hậu.

TRIỆU-VƯƠNG nói :

— Cha định lập mưu đánh Thục, con nên mật-lĩnh cơ-mưu. Cha nghe nói Thục-vương có người con gái tên gọi Mị-Châu, tuổi hai tám yêu-đào đọi giá, vậy nay cha hãy tạm lập hòa-ước, rồi sai sứ cầu thông nhân-á, cho con sang nhập-chuế đông-sàng, hễ thừa-cơ phá được nỗ Linh-quang, việc đánh Thục ấy công đầu đệ-nhất.

TRỌNG-THỦY nói :

— Dạ, bẩm cha, lệnh cha truyền dạy, con xin giải tằm ngu hèn, lời sô-nghiêu dâng trước trướng-tiền, xin mạo-muội bóng đèn trời soi xét. Kia xem như Tề Hoàn-công với Lỗ Tào-Mạt vì yêu-minh mà phải trả xâm-địa, nghĩa là hai nước giao-công, cốt dùng tin-ngưỡng, bằng nay nếu hòa-giảng đã nên minh-thệ, con thiết-nghĩ Cha Chỉnh xưa giao-ố thế nào, thì chắc phụ-thân lại mang tiếng sự giao-lân vô-tín. Hả hay việc đại-sự không cần giữ tế-cần, nhưng mà quốc-nhân bất tấu, quân-tâm bất phục, thì còn trị nước làm sao được nữa. Phần con thì đạo phu-phụ một duyên hai nợ, nếu

đã lấy nhau thì một ngày nên nghĩa, có lẽ lại toan điều ăn ở dạ đông tề, như thế thì việc quốc-trị việc gia-tề, e rằng chưa có bề nào ổn-thỏa.

TRIỆU-VƯƠNG nói :

— Ừ, con nói thì phải vậy, nhưng mà biết điều nhỏ mà không hiểu nghĩa lớn, nói thì phải nhưng làm thì không xong; chữ tông-quyền cũng có lúc phải dùng, sách có nói : « binh bất yếm trá », chứ còn những hạng ngôn tất tín, hành tất quả, thì thật kinh-kinh-nhiệm-tiểu-nhân tai ! Vậy cha nói cho nghe : vì tranh nước mà thất-tín, Hán-vương cam phụ ước Hồng-câu ; vì cứu bố mà bỏ chồng, Sai-nữ sao phụ tình Ứng-Cử. Như thế mà Xuân-thu cũng không biết, Sử Thiên cũng không chê, huống-chi con bây giờ, tuân mệnh cha mà kết giả phu-thê, cho có phải là chồng phụ vợ cũng bởi vì việc nước, may ra đến bấy giờ mà vua Thục cam-tâm hàng-phục, thì vợ chồng con lại đoàn - viên, ân-ái chan-chan, công-tư vẹn cả hai bên, cha sẽ liệu xử-trị cho quyết không để vua Thục hóa làm quyền vong-quốc.

TRỌNG-THỦY nói :

(Điệu Ngụ-Mĩ-nhân)

*Định-ninh việc nước lời nghiêm-mệnh*

*Mật-kế đã vãng linh,*

*Lòng son đối-phó với non sông,*

*Nền hiếu nền trung,*

*Tình-ái xếp bên lòng.*

(Cùng vào)

## HỒI THỨ IV

### 第四回

#### Hoa trúc ân tình

#### 花 燭 恩 情

THỤC - VƯƠNG dẫn Bách-quan cùng MỊ-CHÂU, MAI-HƯƠNG ra.

THỤC-VƯƠNG xưng :

(Điệu Bồ-tát-man)

*Bên sông một trận tan quán bắc,  
Ngọn cờ tiếng trống im tiêu-tức.*

*Hòa chiến có hai dàng,  
Binh-tình nghe chữa tường.  
Thư hùng chưa định cục,  
Luống để dân đồ-độc.  
Hay Triệu có gian-mưu,  
Bách-quan nay tính sao?*

Bách-quan nói :

— Muốn tâu đại-vương, xin cho thám-tử sang do, tự-khắc biết tường sự-thề,

Tiểu-tốt ra nói :

— Tâu đại-vương, có sứ Triệu xin vào hiến cửa thành chực hậu.

THỰC-VƯƠNG nói :

— Cho truyền sứ Triệu lập-khắc vào hầu, đăng trình thư-trát.

Sứ-thần vào tâu rằng :

— Điện-hạ thiên-thu vạn-tuế, nay chủ-tướng tôi Triệu Mỗ, dâng thư xin khất giảng-hòa, con sông Dâu một dải chia ra, bắc về Triệu nam là về Thục.

THỰC-VƯƠNG nói :

— Bách-quan, sự đó nghĩ sao?

Bách-quan nói :

— Tâu đại-vương, hòa thì có lẽ dễ yên, đánh thì nhiều sự khó nhọc xin tùy lượng đại-vương định-đoạt.

Sứ-thần nói :

— Tâu đại-vương, nay Triệu Mỗ phải cho con cả gửi sang đây ở rể Thục-định, trước là cho tổ giao-tinh, sau nữa cũng hình như vi-chí.

THỰC-VƯƠNG nói :

— Nay cô thật thương dân đồ-thần, lòng riêng đây cũng chán việc binh-quả, vậy cô cũng bằng lòng cho kết-hôn để cố-kết sự giao-hòa. Việc gửi rể kịp ra về mà sắm-sửa.

Sứ-thần tạ rồi vào.

Bách-quan nói :

— Tâu đại-vương, điện-hạ thánh-triều, Triệu ra nay khất bãi-binh, cho con vi-chí Thục-định, hôn-nhân âu cũng việc chân-tinh, cho giải việc giao-

traph Hưởng chi công-chúa nay, đảo non dương chạc xuân xanh, trắng giã giắt mối tơ mảnh. Tấn Tần hai họ xứng duyên lành, nên vẹn lứa ba sinh.

THỰC-VƯƠNG sai bày đồ ăn cưới.

Sứ-thần đưa TRIỆU-LÃO-PHU-NHÂN và TRỌNG - THỦY, tâu-đồng cùng hai người Triệu-trường, hai người bạn gái, rồi đề hôn-lễ cùng ra.

THỰC-VƯƠNG tiếp TRIỆU-PHU-NHÂN, bách-quan tiếp TRỌNG - THỦY và Chư-tướng, MỊ-CHÂU tiếp bạn gái, rồi cùng ngồi.

TRIỆU-PHU-NHÂN đứng dậy chấp tay tạ THỰC-VƯƠNG rằng :

— Vạn-tạ đại-vương, quá lòng tương ái, hôn-nhân sự đại, iê bạc lòng thành, đem hài-nhi nhất-bái định tinh, dám xin đại-vương cũng thương con ngon của.

THỰC-VƯƠNG nói :

— Đa tạ ! Xin cho dâu về vào làm lễ.

TRỌNG-THỦY, MỊ-CHÂU làm lễ tâu đồng, rồi cùng tạ mừng thực-vương và Triệu-phu nhân.

TRỌNG THỦY, MỊ-CHÂU làm lễ hợp-cầu, xong rồi cùng an-tiết, an-tiết xong chúng cùng hát :

(Biệu Nhất-tiên-mai)

Cái mối tơ duyên giắt lạ-lùng,  
Cố cô cũng đồng, không cô cũng đồng.  
Bắc nam xum họp một nhà chung,  
Khôn cùng vợ chồng, đại cùng vợ chồng.  
Duyên nợ nhau đây có phải không ?  
Nước chảy một dòng, nước chảy đôi dòng.  
Thuyền-quyên đã dễ biết anh-hùng,  
Khăn gói sang sông, con sáo sang sông

HỒI THỨ V

第五回

Thiên thu biệt lệ

千秋別淚

(Biệu Phá-tê-trận)

Ân-ái vợ chồng như bể,  
Non sông quân phụ tày trời.

TRỌNG-THỦY cùng thư-đồng ra than rằng :

Vân-dịch chưa say,

Tiên-đào đã chán.

Mặt trần dễ đến Thiên-thai!

Lưu-lang bạc phận tu mười kiếp,

Ngư-phủ vô duyên uống một đời.

Thối tình ai phụ ai!

— Tiên-sinh phụng mệnh nghiêm-thần, mua duyên chuốc nợ những ngày tháng, giường đồng lữ-lữ, bấy lâu nay ngang trở cũng vì tình; việc quân thân càn cạnh một lòng mình, sực nhớ chữ hoài an là bất khả, nhớ chữ hoài-an bất-khả, nhưng mà ôm đàn ai đã dứt dây cho đành!

(Tiếp sang điệu Mãn-đỉnh-phương)

Bề giận mông-mênh,

Trời tình mù-mịt

Trèo lên cây khế nửa cành,

Chua lòng xót ruột.

Ai xẻ gánh chung-tình?

Nào phải quên ân phụ nghĩa,

Tiệc cho người đắp nắm trồng chanh!

Trăng già tệ!

Thôi còn duyên nợ,

Xin hẹn đến ba sinh!

Thư đồng hỏi:

— Thưa cậu, sao lâu nay trông cậu có ý buồn-rầu lắm? Cậu vẫn hay đi săn, hôm nay sao không đi bắn chim chơi, hử cậu?

Rồi xưng:

Con chim kia hề, mảy bay cao,

Vợ chồng mảy rủ nhau hề, mảy đi đâu?

Mày có biết cậu tao hề, đang ngày lo

[đem sào?

Mày chấp cánh bay thì với nhau sung-

[sướng hề, thì chắc mảy sống lâu?

Nay tao chỉ bắn chơi cho một phát hề,

thì chắc hẳn có con gãy cánh, sứt tai,

vỡ đầu!

MỊ-CHÂU ra hỏi:

— Cậu cháu nhà mày làm gì mà vui thế?

Thư đồng nói:

— Cậu tôi muốn đi bắn chim, có a, có cho cậu mượn cái nỏ nhé?

MỊ-CHÂU hỏi TRỌNG-THỦY:

— Cậu muốn đi bắn chim à?

TRỌNG-THỦY nói:

— Tôi vốn con nhà ky-sạ, lâu nay quên cả nghề xưa, nghe nhạc-vương có nỏ thần - cơ, xin mượn bắn vài giờ lại trả.

MỊ-CHÂU cầm nỏ ra ngâm răng:

Lòng thành tỏ với cương thường,  
Nửa lo bố giận, nửa thương chồng sào!

(Vào)

(Thay cảnh)

TRỌNG THỦY cầm nỏ cùng thư-đồng đi săn, mỗi bắn một phát ngâm một câu:

Ta bắn con chim sẻ ta chơi,  
Bắn được chim sẻ duyên trời cho ta!

Đoành!

Bắn con hồ đá xa xa,  
Bắn được hồ đá thì ta anh-hùng!

Đoành!

Đừng bắn chim bay,

Đừng bắn khuyển hồng.

Núi Thiên-son ba phát cũng thành-công

Có công linh được áo hồng ơn vua!

Đoành!

TRỌNG-THỦY bắn xong đến tối cùng thư-đồng về.

(Thay cảnh)

MỊ-CHÂU ra hỏi:

— Cậu hôm nay đi bắn có được gì không?

Tiếp luôn:

(Điệu Nhất-tiến-mai)

Cái chi cung dâu khắp bốn phương,  
Xin bắn hồ-lang, chớ bắn phượng-hoàng

Mũi tên xa biết mấy đường trường !  
Ngọc cũng nên thương, đá cũng nên  
[thương.

TRỌNG-THỦY ngồi thờ mặt ra không  
nói.

MI-CHÂU hỏi :

— Tướng cậu đi bắn thời khuấy lòng,  
sao hãy còn thương-tâm làm vậy ?

TRỌNG-THỦY nói :

— Tôi có thương-tâm gì đâu.

Ngâm luôn rằng :

Thương kiếp anh-hùng, phận má hồng,  
Thương đường trung-hiếu, phận tình-  
[chung.

Thương cha mẹ nhện chăng tơ lưới,  
Thương vợ chồng Ngâu cách bề sóng.  
Thương khách sớm khuya lòng định-lĩnh,  
Thương người lưu-lạc chi đầu cung.  
Kể nam người bắc thương vì thế,  
Có những thương đau phận má hồng.

MI-CHÂU róm nước mắt hỏi :

— Bây giờ cậu muốn sao ?

TRỌNG-THỦY thở dài đáp rằng :

— Vợ chồng kết-hợp, kể tôi sang  
đây từng ấy ngày trời, mỗi lúc nghĩ  
đến sự thân-hôn, xót lòng xót ruột  
quá, chỉ mong sao được sớm một khắc  
về hầu cha mẹ ít lâu rồi lại sang thì  
không gì bằng.

MI-CHÂU nói :

— Thiếp nay vẫn đoán biết lòng cậu  
như thế. Chẳng đau lòng thì thiếp cũng  
đau lòng. vậy cậu muốn về thì thiếp  
cũng không dám ngăn, để thiếp sẽ tâu  
ngay với vương-phụ.

TRỌNG-THỦY xướng :

— Tân-nhân ơi !

(Điệu Giá-cổ-thiên)

Vì mối tơ hồng buộc lẫn nhau,  
Thân-hôn xa cách bấy nhiều lâu.  
Hồng diên lại trời thăm-thẳm,  
Nam bắc chia đôi một mối sầu.

Chữ ái-ân, chữ cù-lao,  
Yêu nhau xin thề khúc tình sâu.

Bóng trăng tàn khuyết mây tan hợp,  
Còn cuộc đoàn-viên đến bạc đầu.

MI-CHÂU xướng :

(Điệu Trạng-lương-tư)

Nam một trời,

Bắc một trời,

Bên hiểu bên tình nặng cả hai.

Hai người như một người,

Chàng có vui thiếp mới vui,

Đề thiếp tâu qua đỡ mấy lời.

Ngược nay mai lại xuôi.

THỤC - VƯƠNG ra nói :

— Cha đã nghe tỏ vợ chồng con than-  
thở mấy lời, thôi thì sáng sớm mai cho  
phép về chơi, truyền nội-quân đầu, sắp-  
sửa hành-trang, cho kiều-khách lên  
đường được sớm.

MI-CHÂU, TRỌNG-THỦY bái-ta rồi  
THỤC - VƯƠNG vào .

MI-CHÂU, TRỌNG THỦY thiết tiệc  
đêm để tiễn-hành.

TRỌNG-THỦY than :

— Tân-nhân ôi !

Một ngày nên nghĩa vợ chồng,

Lòng nào nở ở lá trong mắt ngoài.

Bây giờ góc bể bên trời,

Tiếc người châu ngọc, xót lời một hai.

MI-CHÂU than :

— Lương-nhân ôi !

Trăm năm đá nát vàng phai,

Hợp-li ngao-ngán cho đời vô-duyên.

Ngày thơ hồ phận thuyên-quyên,

Còn lời sinh-tử, còn duyên tao-phùng.

TRỌNG-THỦY than :

Tân-nhân ôi !

Bây giờ lao yển tây đông,

Tơ tằm dù đứt tơ lòng còn vương .

Lỡ khi gậy việc chiến-trường,

Vì hương xin dặn lối đường tìm hoa.

MI-CHÂU than :

— Lương-nhân ơi !

Rủi may duyên phận đôi ta,

Liều thân vào đám can-qua cũng đành

*Nga-mao thiếp giữ bên mình,  
Qua đường đánh dấu ghi tình tìm nhau*  
TRONG-THỦY xướng:

(Biệu Nguyễn-lang-qui)

*Ngậm-ngùi một chén rượu đưa chân,  
Hồng-nhan lắm nợ nần.*

*Hoa cười trong động nước về trần,*

*Đời người có mấy thân!*

*Hai người tiền diệi rồi cùng vào.*

(Thay cảnh)

MỊ-CHÂU trông trăng rồi tương-tư:

— Không biết lương nhân tôi sao  
mà không trở lại đây nữa? hay lằng lảng  
trở vì đâu? *Phiên tâm tố dữ thiên biên  
nguyệt.* Vì tình song cũng vì duyên, bóng

Hằng-nga với một bóng thuyền-quyên,  
ngao-ngán nhẽ xui nên lòng li-hợp.

Lương nhân ơi!

*Tình phải tương-tư ồng đoạn tràng!*

Thiếp mong mỗi chàng mãi, lương  
nhân ơi!

*Không-huyền minh-nguyệt dải Tiều lang!*

Biết bao giờ hoa lại thơm, gương lại  
tỏ, trăng lại tròn? lương-nhân ơi!

*Phù-sinh kỷ kiến đương đầu nguyệt!*

Bắc nam đôi ngả, trăng này có soi  
thấy mặt chàng hay không? Lương-  
nhân ơi!

*Hình-ảnh sâm-thương biệt lệ tràng!*

(Vào)

## HỒI THỨ VI

第 六 回

### Thuyền-quyên ngộ quốc

嬋 娟 誤 國

THỰC-VƯƠNG ra.

(Biệu Tây-giang-nguyệt)

*Ấu-lạc nghìn năm mở nghiệp,*

*Sông Dâu đôi dải giao-hòa.*

*Nước non này vẫn nước non nhà,*

*Một nỗ đẹp yên thiên-hạ.*

— Có trị vì vương-nghiệp, giàu  
nước lại yên dân. Triệu-vương nay đã  
kết hòa-thân, được trông thấy thái-  
bình cảnh-tượng.

(Tạm vào)

TRIỆU-VƯƠNG kéo quân ra.

(Biệu Sinh-cha-tử)

*Trọng-Thủy thoát về rồi,*

*Đã phá xong thân-nỗ.*

*Đại-chí quyết phen này,*

*Nước Thục ai chế của?*

TRIỆU-VƯƠNG đánh thán h.

THỰC-VƯƠNG và MỊ-CHÂU, LÃO-  
TUỐNG ra mắng rằng:

— Lòng chim dạ cá, xanh vỏ đỏ lòng,  
thế cũng đòi là đứng anh-hùng, chữ  
trung-tín có học không, hử bác?

TRIỆU-VƯƠNG cười và nói:

— Hả hả! Páo việc này cho hay việc  
khác, khôn ăn người mà đại người ăn,  
đế-vương xưa thường dùng kế hòa-  
thân, tông-quyên đó cũng vì dân vì  
nước; nếu qui-phục đem nhường thờ  
quốc, cùng nhau cho vẹn trước toàn  
sau, thời cô đây cũng xin đem chữ  
hôn-nhân xóa chữ ciru-thù, phong một  
quận công-hầu cho thế-tập.

TRIỆU-VƯƠNG, THỰC-VƯƠNG  
đánh nhau.

THỰC-VƯƠNG đem nỗ bắn thì máy nỏ  
gãy rồi.

THỰC-VƯƠNG và MỊ-CHÂU, LÃO-  
TUỐNG tể ngựa chạy.

MỊ-CHÂU vừa đi vừa rắc lông ngỗng.

THỰC-VƯƠNG và MỊ-CHÂU  
vào trước.

LÃO-TUỐNG lại đánh nhau với  
TRIỆU-VƯƠNG một hồi nữa rồi vào.

(Thay cảnh)

THỰC-VƯƠNG và MỊ-CHÂU lại ra

(Điệu Trùng-tượng-lư)

Quán hết rồi !

Đường hết rồi !

Cửa bẽ mông-mênh sóng lụt trôi !

Kim-qui thần cứu tôi,

Thần nỏ ơi ! kim-qui ơi !

Cái cuộc hưng-vong chỉ tại người,

Bây giờ tôi trách ai !

Đến cửa bẽ đứng dừng ngựa lại.

THẦN KIM - QUI đội lốt rùa ra, quát rằng :

— Đem vuốt cho vua làm nỏ, là tôi sẵn bụng làm ơn, bây giờ vua gặp bước truân-chiến, vì nghĩa cũ cho nên tôi mách.

THỰC-VƯƠNG nói :

— Cám ơn thần vạn-bội, tôi trót dại lần này, nước non kia trời quả-báo sao đây, cuộc thành-bại cũng vì tay con gái.

THẦN KIM-QUI nói :

— Vua đã biết vậy, kìa ai ngựa chạy theo sau, cứ bảo rằng oan-trái vì đâu, xin chém nó là đầu phản-tặc.

MỊ-CHÂU nói :

— Thần Kim-qui ơi ! Bảo phản-tặc thì tôi không dám cãi, nhưng sao thần không run-rủi Trọng-Thủy ra đây, để cho tôi tái-hội một khi ; quân-vương kỳ bất nghi, nhi-nữ cánh hà tri, sàng-tế tình thân nhiệt, an-tri nỏ - cơ chiết ; chông tẻ bạc xin thần cũng biết, tình cha con dù cha giết cũng không oan. Thương thay cái kiếp hồng-nhan, xin nhất-tử tạ ơn vương-phụ, nhất-tử tạ ơn vương-phụ, trời cao bẽ rộng tỏ lòng cho !

Lênh-dênh qua cửa Thần-phù,

Khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm.

MỊ - CHÂU đắm đầu xuống bẽ, rồi

THẦN KIM-QUI cũng biến mất.

THỰC-VƯƠNG khóc .

(Điệu Ưc-tần-nga)

Trời hỡi đất !

Non sông cơ-nghiệp thôi đành mất !

Thôi đành mất !

Diết-diu cha con,

Xuống đây tắm mát.

Rồi cũng đắm đầu xuống bẽ.

## HỒI THỨ VII

## 第七回

## Thiên-môn tái-thế

## 禪門再世

MỊ-CHÂU mặc áo ướt ra.

(Điệu Lâm giang tiên)

Chân trời thăm-thẳm mây liền nước.

Bề trần chìm nổi thuyền-quyên,

Hoa trôi man-mác một con thuyền .

Chết đi còn sống lại,

Vương mãi nợ trần-duyên.

— Bâng-khuâng như giấc mộng, biết vua cha còn sống hay không, chết đuối mà vợ được cá rồng. đã sống phải tìm chồng cho gặp mặt ; bốn bề bát-ngát, giang-san này chẳng biết là đâu, khúc ngư-ca như oán như sầu, tai văng-vẳng đã đau khúc ruột.

Thuyền mành ra chở một anh hàng muối, nh hàng trứng, chông chở mũi thì đánh díp.

vợ bẽ lái thì hát giọng đồ-đưa, hát rằng :

Tir khi em phải lòng anh,

Để cho bác mẹ tan-tành mấy phen.

Chàng chàng ơi !

Làm quen chẳng được nên quen,

Làm bạn mất bạn ai đền công em ?

Chàng chàng ơi !

Tìm nhau như thể tìm chim,

Chim ăn bẽ bắc đi tìm bẽ đóng .

Chàng chàng ơi !

Con gái đường trong.

MỊ-CHÂU nói :

— Ối cha cha ! Thương-nữ bất tri vong-quốc hận, cách giang do xướng Hậu-đình-hoa ; bề trời này ta lại gặp ta.

ai khéo đặt lời ca chua xót ! Ta thử  
nghe nốt xem làm sao.

LÁI MÀNH lại hát :

Em là con gái đường trong,  
Em đi thuyền dưới mắt lòng thuyền trên.  
Chàng chàng ơi !  
Ăn ở thuyền trên.

MỊ - CHÂU kêu :

— Trời ơi ! Chẳng khác chi tâm-sự  
của mình, tin chồng quá nên thành  
mang tội !

LÁI MÀNH lại hát :

Mấy năm nay em chở thuyền trên,  
Bởi anh hàng muối cho nên mặn-mà.  
Chàng chàng ơi !  
Chân dậm dấp ba.

MỊ - CHÂU kêu :

— Trời ơi ! Vì vua cha thật dạ tin  
người, dầm-thấm lấm mà xui nên phụ-  
bạc.

LÁI MÀNH lại hát :

Em bước chân xuống thuyền em dậm  
[dấp ba,  
Bởi anh hàng trụng cho ra đôi lòng.  
Chàng chàng ơi !  
Nước chảy đôi dòng.

MỊ - CHÂU khóc :

— Thương-hại a !  
Trăm năm tin một chữ đồng,  
Tại ai há dám phụ lòng mẹ cha !

LÁI MÀNH lại hát :

Con sông Đâu nước chảy đôi dòng,  
Đền khêu đôi ngọn em trông ngọn nào ?  
Chàng chàng ơi !  
Lên ngọn sóng Đào.

MỊ - CHÂU khóc :

— Thương-hại a !  
Bổ chồng bổ để nghĩ làm sao ?  
Cái thân con chạch chui vào rổ cua !

LÁI MÀNH lại hát :

Muốn lấm mát lên ngọn con sông Đào !  
(rồi lái mình vào)

MỊ - CHÂU nói :

— Ngán nổi a ! ấy câu đó thì không  
hiều nghĩa ra làm sao, thà rằng cứ

nằm dưới bể tắm mát cho xong, tạo-  
hóa sao độc-ác lạ-lùng, ai muốn sống  
trong vòng nhân-thế !

CÔ TIÊU-NI ra.

(Điệu Lâm-giang-tiên)

Muôn ăn đậu phụ tương tàu mãi,  
Mài dao đánh kéo gọt đầu.  
Ăn chay năm mộng niệm Nam-mô.  
Trần duyên chưa rũ sạch,  
Đừng đội nón thầy tu.

MỊ - CHÂU chào :

— A-di-dà-phật !

TIÊU - NI hỏi :

— Đồng không mông quạnh, phải  
là người hay lại là ma ? hay là người  
khê-các đầu ta, gặp bước sênh nhà-  
thất-nghiệp làm vậy ?

MỊ - CHÂU nói :

(Điệu Mãn-đình-phương)

Gác tia lâu son,  
Cành vàng lá ngọc,  
Tôi là công-chúa Mị-Châu,  
Gặp khi bại trận,  
Cửa bể đã dậm đầu.  
Nhân quả kiếp trần còn gỡ,  
Gặp cá rồng tha bỏ bãi đầu !  
Hồn chợt lĩnh,  
La-lùng non nước,  
Bờ-ngờ biết là đầu.

TIÊU-NI nói :

— Đây là tỉnh Nghệ-an, thôi trời  
đã chiều hôm rồi, sự cụ tôi sẵn lòng  
từ-bi, có hãy theo tôi về chùa tạm nghỉ.

MỊ - CHÂU nói :

— Bạch sư bác, chùa gần hay xa ?

TIÊU-NI trả :

— Kia kia, chỉ qua cái sông Đào thì  
đến nơi, vậy nên chùa tôi vẫn gọi là  
Chùa Sông Đào.

MỊ - CHÂU kêu to :

— Trời hỡi trời ! Sông Đào ơi hỏi  
sông Đào ! Cám ơn tế-độ lòng người từ-  
bi. Thôi thì nhắm mắt cửa bờ đề cho  
qua ! Trọng Thủy ơi ! no lòng mát ruột  
thế này a ? một duyên hai nợ xót-xa vạ

chồng; chùa sông Đào xa cách bụi hồng,  
xin giọt nước cành dương tắm mát.

MỊ-CHÂU theo TIÊU-NI về đến chùa,  
thấy SỰ GIÀ đang đọc kệ rằng:

— Quan tự-tại bồ-tát, thành-tâm  
bát-nhã ba-la-mật-đa tâm-kinh, nhất-  
thiết chúng-sinh qui-y phật-pháp, na-mô  
bồ-tát, nhân-quả xui nên sám-hối trần-  
duyên, tham thiền mộ đạo.

TIÊU-NI nói:

— Bạch sư cụ, nay gặp kẻ sa cơ lỡ  
bước, cửa thiền xin nương bóng an  
thần, xin mở lòng tam-bảo từ-nhân,  
tế-độ kẻ trầm-luân bề khổ.

MỊ CHÂU nói:

— A-di-đà-phật, bạch cụ đại-từ đại-  
bi, cứu-khổ cứu-nạn.

SỰ GIÀ nói:

(Điệu Pháp-lê-trận)

*Trần-thế là nơi địa ngục,  
Đem thân nương bóng bồ đề.*

*Cánh gió từ-phàm,*

*Con thuyền bát-nhã,*

*Cứu người bề khổ bến mê.*

*Canh tàn gõ mõ trống chưa lặn,*

*Sương tỉnh hồi chuông hạc đã về.*

*Cửa thiền không hẹp chi.*

— Mời cô vào lễ Phật.

MỊ-CHÂU qui rồi SỰ GIÀ tụng kinh rằng:

— Cung thỉnh Như-lai, bụng người  
phản-trắc, một tấm lòng thành, đại khôn  
cũng mặc, sắc tức-thị không, không  
tức-thị sắc, sắc bất dị không, không bất  
dị sắc, ở hiền gặp lành, biết ai hậu bạc,  
bất-diệt bất-sinh, quản chi sống thác.

TIÊU-NI hoảng-hốt vào nói:

— Bạch cụ, có giặc! có giặc vào chùa!

SỰ GIÀ và MỊ-CHÂU chạy vào cả.

LÃO-TƯỚNG kéo quân tới:  
*Thập niên nhung-mã đan-lâm tử,  
Nhất dạ hưng-vong bạch-phát sinh.*

— Mỗ Thục-vương cự-tướng, Âu-  
lạc trung-thần, kéo quân đi gặp buổi tà-  
huân, vào đóng cho tam quân tạo-phạn.

MỊ-CHÂU hé màn trông thấy lão-tướng  
vội chạy ra kêu lên rằng:

— Tướng-quân ơi! Ở đâu mà đến đây?

LÃO-TƯỚNG khóc:

— Công-chúa ơi! Làm sao lại còn  
sống ở đây?

MỊ-CHÂU nói:

— Khi cửa bể tôi lẫn mình xuống trước,  
không hay rằng vua cha sống thác làm  
sao, mơ-màng như giấc chiêm-bao, thấy  
cả bề tha hình vào bãi cát, may sao gặp  
sư tiểu đưa đến ngọn sông Đào tắm  
mát, run-rủi cho gặp mặt nhau đây,  
thiếp nghĩ đến Trọng-Thủy lúc nào thì  
lòng thiếp nay trăm đắng nghìn cay.  
Tướng-quân ơi! xin giúp thiếp phen  
này báo-oán.

LÃO-TƯỚNG nói:

— Khốn-nạn a! tôi bị giặc vây bốn  
mặt, nên không theo kịp tiền-quân, sau  
phá được vây ra chạy theo đến cửa bể,  
thì nghe nói Đại-vương đã bắt-hạnh  
qui-thần, công-chúa cũng gửi thân  
sống nước.

*Thương ôi, một trận người tan-tác,*

*Cái thù cố-quốc lấp cho đầy bể đồng.*

*Bây giờ tái-thế lưỡng-phùng,*

*Lòng son đầu bạc quyết đền cùng nước*  
[non.

MỊ-CHÂU than:

*Còn trời còn nước còn non,*

*Còn trăng thiên-cổ thì còn gặp nhau!*

## HỒI THỨ VIII

### 第八回

### Ác duyên mộng tỉnh

### 惡緣夢醒

(Điệu Nhất-tiến-mai)

*Bốn bề năm hồ một lưới câu,*

*Năng cũng không sâu,*

NGU-PHỦ cõ đeo bầu rượu, tay xách  
ổ, cầm cần câu ra:

Mưa cũng không sâu.  
 Cá tươi đầy rổ rượu đầy bầu,  
 Trời còn sống lâu,  
 Đất còn sống lâu.  
 Khôn dại trăm năm cũng bạc đầu,  
 Gió đã hết đầu,  
 Trăng đã hết đầu.

Phong-trần làm bạn với chim âu,  
 Bề bắc còn sáu,  
 Bề đông còn sáu.

CHI HÀNG CÁ gánb thúng sơn mọt sơn ra:  
 Non kia ai đắp nền cao,  
 Sông kia thăm-thẳm ai đào nền sâu.  
 Đố ai lặn xuống vực sâu,  
 Mà do miệng cá uốn câu cho vira.

NGŨ-PHŨ hát:  
 Lưỡi câu anh uốn đã vira,  
 Sợ lòng bác mẹ kén lừa nơi nao.  
 Anh bắc thang lên hỏi thiên-tào,  
 Rằng anh câu cá se vào duyên ai?  
 Anh đi câu cá già đời,  
 Em đi bán cá là người Hà-đông.  
 Hỏi em có muốn lấy chồng?  
 Chồng câu vợ bán có bằng lòng hay  
 [chăng?]

Bề anh lên bảo ông trăng,  
 Cho có bán cá lấy thẳng đi câu!  
 CHI HÀNG CÁ hát:  
 Biết đâu ngọc đá vàng thau,  
 Khen r hau là vợ lừa nhau là chồng.  
 Thích-ca có vợ hay không?  
 Kia bà Vương-mẫu có chồng hay chưa?  
 Xin anh đừng nói giọng lẳng-lơ,  
 Đã buồn vì vợ mà dơ vì chồng.  
 Có chồng như thể đeo gông,  
 Có vợ như thể bưng bồng mà chơi.  
 Anh đừng nói mà ông trăng cười,  
 Cười rằng thẳng bé nó dở người hay sao?

TRỌNG-THỦY ra:  
 (Điệu Bốc-toán tử)  
 Sông ước với thuyền-quyên,  
 Hũu thác đường khôn tránh.  
 Cửa bề móng-mệnh chẳng thấy ai.  
 Ngư-phủ hồn say tỉnh?  
 — Các bác hàng cá có thấy toán  
 quân nào đến đây không?

NGŨ-PHŨ nói:

— Có một ông vua bại-trận đến đây  
 đâm đầu xuống bể chết rồi.

CHI HÀNG CÁ nói:

— Cả một cô con gái cũng đâm đầu  
 xuống bể chết cả rồi.

TRỌNG-THỦY nói:

— Trời ơi! Thế lúc chết thì làm sao?  
 có nói gì hay không?

NGŨ-PHŨ và CHI HÀNG CÁ không  
 trả lời, rồi dắt tay nhau mà hát rằng:

Sông Thương-lương nước trong hề  
 [thì dặt mũ chơi,

Sông Thương-lương nước đục hề thì  
 [khỏa chân chơi,

Chồng bạc thì chồng mang tội hề, vợ dại  
 [thì vợ kêu trời,

Có nhân thì nhân ở hề, vô nhân thì nhân  
 [giữ cho mà coi,

Anh còn phải đi câu cá hề, kéo nước  
 [lạnh thì cá chê môi,

Em còn phải đi bán cá hề, kéo cá tron  
 [thì bán cho ai,

Hát xong rồi chạy vào mất.

TRỌNG-THỦY khóc:

— Tân-nhân ơi!

(Điệu Mộc-lan-hoa)

Làm sao với mấy?

Người còn kẻ khuất tìm đâu thấy?

Đường hãy còn dài,

Duyên phận ngờ đâu có thể thôi!

Những mong hồi họa,

Kẻ tranh người nhượng cho toàn cả,

Hồ Việt một nhà,

Vợ chồng ta lại vợ chồng ta.

Tân-nhân ơi!

(Điệu Cán-khê-sa)

Một cánh hoa rơi mặt bề đông,

Đã cam bạc với khách quần hồng!

Tội tình mấy kiếp gỡ cho xong!

Con tạo dày nhau thân sằm cuội.

Xót-xa duyên nợ thâm lòng chồng,

Nào hồn tình-vệ biết cho không?

MỊ-CHÂU mặc quần áo con trai, cưỡi  
 ngựa vác gươm cùng LAO-TƯỚNG đến  
 quân ra.

(Điệu Hồng-từ-hải)

Ba quân chỉ ngọn cờ đào, cờ đào,  
Kíp tìm phản-lặc cho mau, cho mau.

Qua cửa bể,  
Chỗ đâm đầu.  
Ai đương khóc.  
Ai đương kêu!

— Kia rõ-ràng Trọng-Thủy, may sao,  
may sao!

LÃO-TƯỚNG trở TRỌNG-THỦY nói:

— Oan-gia, gặp oan-gia. bớ quân, vây  
bắt sống. (Quân lời Trọng-Thủy ra.)

MỊ-CHÂU trở gươm nói:

(Điệu Bắc-giang-mai-hạnh)

Vì ai để trời long đất lở, non sông động?  
Vì ai để nhà tan nước phá, xương thành  
[đổng?  
Vì ai để vua Thục oan-hồn đấm bể đông?  
Vì ai để nhân-duyên một giấc thành ra  
[mộng?

Trời biết cho không?

Đất biết cho không?

Đã thần nỏ mắc lừa quân bất-nghĩa,  
Lại nga-mao dẫn lối kẻ phụ lòng.

Bây giờ quyết nhất-định oan kia thù nợ,  
[tội không dong,  
Bây giờ quyết dành rằng phụ bố giết  
[chồng không quản sống,

Tử-tế ôi chồng!

Sung-sương ôi chồng!

Thôi bảo thật,

Gươm này mặt ấy,

Cám cảnh non sông!

Nói xong quẳng gươm vào trước mặt  
Trọng-Thủy.

TRỌNG-THỦY nói:

— Tôi xin nói một câu rồi sẽ chết,  
lệnh bố mà phá thần nỏ, vì tiếc nhau  
mà hỏi đến nga-mao, nếu bây giờ  
lượng cho được phần nào, dẫu trăm  
miệng gỡ làm sao hết tội.

Rồi Trọng-Thủy cầm gươm toan tự-tử.

LÃO-TƯỚNG vội giắt lấy gươm nói rằng

— Khoan đã.

Thôi cô ơi!

(Điệu Lâm-giang-tiến)

Người chết bao giờ cho sống lại,  
Oan oan báo đến bao giờ?  
Vợ chồng là cái nợ nghìn xưa,  
Còn duyên duyên phải trả,  
Còn nợ nợ xong chưa?

MỊ-CHÂU nói:

— Duyên nợ bao giờ cho sạch, phù-  
sinh là giấc chiêm-bao, cũng liều  
như một hạt mưa rào, hồn tinh-vệ  
hơi đầu mà khó nhọc; thiếp nay hóa  
làm châu-ngọc, chàng nên hóa làm  
nước trong, dắt nhau lên chốn non  
bồng, trăm năm duyên nợ là không  
chuyện gì.

Quần-tiên ra đón Mị-Châu múa một hồi  
rồi cùng tan.

(Hết)

MAI-LIÊN nữ-sử soạn.

## V Ậ N - U Ỗ N

Trời thu ngấu - cảm

Nước biếc non xanh suốt một màu,  
Khen ai khéo vẽ cảnh mùa thu!  
Bên trời nhạn trắng lơ-thơ liệng,  
Mặt giếng ngô vàng lác-đác mau.

Non nước khóc thắm cơn gió bụi,  
Cỏ hoa cười nụ hạt mưa ngâu!  
Cõi Nam hỏi đã bao thu nữa?  
Từng mấy mươi thu mấy bề dâu!

### Cùng bạn chơi trăng

Làn mây bâng-lãng bóng trắng cao,  
 Dưới bóng xum vầy với cụ-giao.  
 Chuyện bác Thăng-bình câu lý-thú,  
 Thơ anh Bình-hải giọng thanh-tao.  
 Vo-ve tiếng sáo xen đàn nguyệt,  
 Hiu-hắt hơi sương lẫn rượu đào  
 Trò chuyện mắng vui quên đứt sáng,  
 Gà dâu kia đã gáy xôn-xao !

### Nhắn bạn lang thơ

Bấy lâu quen tiếng chửi quen người,  
 Dẫu gặp ai hồ dễ biết ai !  
 Mảnh giấy đã ghê ngòi bút sắt,  
 Hồn thơ còn gọi khách văn chơi.  
 Biết rằng vui đấy hay sầu đấy ?  
 Ôi có tài thói cũng lụy thói !  
 Hỡi khách làng thơ ai đó tá ?  
 Tiện đây nhắn gửi một đôi lời.

### Vịnh người câu cá

Chẳng tham phú-quí của phù-vân,  
 Ngày tháng tiêu-dao một chiếc cần.  
 Ngoảnh mặt mần thình đường thế lộ,  
 Lánh mình nương-náu chốn giang-tân.  
 Hưng Châu Lã-Vọng gương còn đó.  
 Giúp Hán Hàn-công chuyện cũng gần.  
 Hồ-hải như anh âu lại thú,  
 Ngoài vòng cương-tỏa bạn chi thân.

### Mưa gió mãi

Mưa gió bao giờ mới tạnh đây,  
 Nghĩ mà lo nổi nước non này !  
 Khói mây mù-mịt cơn mưa trút,  
 Hoa cỏ tươi-bời trận gió lay.  
 Lo nước long đong đàn kiến chạy,  
 Thương thân mỏng-mảnh cánh chuồn

[bay.]

Tiếng cưu xao-xác kêu trời mãi,  
 Kêu mãi trời kia biết có hay ?

### Vịnh ông Lê Lai

I

Quân giặc Minh vây kín bốn bề,  
 Cờ Lê ngo-ngác giữa trùng-vi !  
 Giấn mình cứu chủ liều tên đạn,

Vị nước quên nhà buổi loạn-li !  
 Còn mắt khôn đen lòng nghĩa-biệt,  
 Tang-bồng trang trắng nợ nam-nhi  
 Sống thừa thẹn chết phượng nô-lệ,  
 Thanh-sử ghi truyền đá tạc bia.

II

Nước nhà gặp phải buổi gian-nguy,  
 Theo dấu Lam-sơn khởi nghĩa-kỳ.  
 Danh tốt chẳng nhường riêng Kỷ-Thi  
 Dịch-bào muôn thừa tiếng còn ghi.

NGUYỄN TRUNG-KHUYẾN

### Sáng sớm đi chơi bãi biển cảm-vịnh

Biếc-biếc xanh-xanh nhuộm vẻ hồng,  
 Bức tranh tạo-hóa tuyệt vời trong.  
 Cánh buồm thấp-thoảng quen đi gió,  
 Cánh mới tung-bùng đón chủa đông.  
 Ngọn sóng phé-hung nghe đã mệt,  
 Hòn non kim-cổ vẫn không rung (1).  
 Hỡi thăm trời biển phần cao rộng,  
 Biển rộng trời cao một tấm lòng !

### Trò đời

Tuổi chửa bao lâu đã chán phè,  
 Tuổi đời càng thấy lại càng ghê.  
 Trước màn phơ-phất vại con dĩa,  
 Trên chiếu lẳng-nhặng mấy câu hề.  
 Làm bộ làm trò làm phách-lối (2),  
 Cũng cười cũng nói cũng khen-chê.  
 Khen cho cái lũ ngu-ngu-ngốc,  
 Trong cuộc mê mà chẳng biết mê !

### Đề ảnh mình

Ngó khắp hoàn-doanh ngó lại mình,  
 Ngoài hai-mươi tuổi mặt thư-sinh.  
 Tấm gan trung-phần trời soi thấu,  
 Tấc dạ bằng-thanh nguyệt chứng minh.  
 Quắc mắt nhìn coi tranh thế-cục,  
 Chau mày ngán nổi cái nhân-tình.  
 Biết người ai biết lòng chẳng tá ?  
 Ai biết ai không mặc phẩm-bình.

### Lưu giản cùng các bạn Nam-kỳ

Hợp-hợp tan-tan ấy lẽ thường,  
 Chiếc thân hồ-hải đám đa-mang !

(1) Giữa biển có núi.

(2) Tiếng phách lối ở Nam kỳ ví như tiếng « bộ tịch ».

Kẻ đi gánh mặt cười cười gượng,  
 Người ở xui lòng ngồn-ngồn ngang.  
 Giận nổi nước-non chưa tỏ mặt,  
 Buồn cho thời-thế luống cảm gan.  
 Yêu nhau xin nhớ lời nhau nhé !  
 Nam bắc dịp cầu sẽ bắc sang !

### Hoài ý trung nhân

Người trong khuê-các kẻ quan-san,  
 Mạch nước sông Tương lệ chảy tràn.  
 Một gánh tương-tư đành xẻ nửa,  
 Đòi bầu tâm-sự đã hòa chan.  
 Chiêm-bao mấy độ nam về bắc,  
 Hội-ngộ chờ ngày phượng sánh loan.  
 Nghìn tứ muôn chung câu ước cũ,  
 Bỏ khi vẫn thở lại dài than.

### Nhấn bạn

Ngồi rồi sức nhớ đến tri-âm,  
 Mặt khuất lòng gần mượn giấy thăm.  
 Câu sách câu văn câu vấn-đáp,  
 Nồi nhà nồi nước nồi xa gần.  
 Thói đời ngó thấy thêm cười nhạt,  
 Dầu bề nhìn xem lại khóc thặm.  
 Quán-Trọng Thúc-Nha gương trước đó,  
 Cùng nhau kết chặt dải đồng-tâm.

### Dạ hoài

Thức lâu ngán nổi cái đêm dài,  
 Ấy-này lòng riêng nhớ-nhớ ai !  
 Nhớ đức Châu-công trong giấc ngủ,  
 Nhớ người chí-sĩ tận bên trời.  
 Nhớ văn phật Ngụy ông Gia-Cát,  
 Nhớ cáo bình Ngô cụ Ưc-trai (1).  
 Nhớ mãi nhìn quanh nhìn chẳng thấy,  
 Nhìn đi nhìn lại thấy mình thôi !

TRẦN HUY-LIỆU

### VỊNH SỬ

#### Đồng Thiên-vương

Kẻ chi mới ba tuổi,  
 Đánh giặc cưới ngựa sắt !

Kẻ chi đánh giặc xong,  
 Cưỡi ngựa lên trời phất !  
 Kẻ chi những thế hồi ai ơi !  
 Một tiếng anh-hung cũng đủ thôi !  
 Núi Vệ-linh-sơn còn miếu đó,  
 Đá xanh muôn kiếp tấm bia phôi !

### Sơn-tinh Thủy-tinh

Vua sinh có một gái,  
 Rẻ giạm những hai người.  
 Sơn-tinh trên núi cao,  
 Thủy-tinh dưới bể khơi.  
 Nhà vua mới định-ước,  
 Ngày mai ai đến trước,  
 Sắm-sửa đủ lễ-vật,  
 Ấy là người ấy được.  
 Gà gáy sáng.  
 Trống tan canh,  
 Cửa ngoài chực sẵn thấy sơn-tinh,  
 Nhà vua y ước cho thân-nghinh.  
 Núi Tản-viên,  
 Ngất trời cao !  
 Tinh-ký đón về đó,  
 Hoa-chúc vui xiết bao !  
 Thủy-tinh chậm bước tí,  
 Thấy sự bất-như-ý,  
 Thủy-tộc sức tận-suất,  
 Dâng nước để rửa sỉ !  
 Minh khôn người chẳng đại,  
 Sông sâu núi cũng cao .  
 Dơ đời mua cái tên !  
 Rửa sỉ rửa làm sao ?...  
 Câu chuyện đầu đuôi như thế vậy.  
 Một người được vợ một người xảy.  
 Được ta hi-hưởng xảy ta cấm,  
 Cấm giở cái ngón trỏ thù bậy !  
 Các ông các bà ơi,  
 Câu chuyện nghĩ nực cười.  
 Các ông các bà có con gái.  
 Đến thì gả - gắp liệu xong thôi !

#### Trử-dồng-tử và Tiên-Dung

Nhà cửa làm hồi bỉ,  
 Cha con sót mảnh quần.

Cha chết con đem liệm,  
 Cha yên con cỡi trần!  
 Cỡi trần nường-náu chốn giang-tân,  
 Chất-phối thuyên ai chạy lại gần,  
 Cờ mở trống giông nghi-vệ lẫm,  
 Vạch lau chũi cát kip che thân.  
 Che thân ai biết ấy duyên trời,  
 Con gái nhà vua dạo mát chơi.  
 Tới đó căng màn lưu lại tắm,  
 Hay dầu rội nước thấy ngay người!

Hỏi sao sự lạ-lùng?

Sự tình bèn ngổ cùng...

Lượng trên thương đoái đến,

Kết làm đạo vợ chồng.

Gió đưa đàn bệ biết tin mừng,  
 Nồng nôi lồi đình nôi bông dung!  
 Sai sứ gọi về không được vậy,  
 Vợ chồng lo sợ xiết bao chừng!

Ông tiên đầu,

Trao phép lạ,

Hai vợ chồng,

Biết biến hóa.

Mưa to gió lớn một đêm trời,  
 Để khuyết đưa nhau đến tận nơi.  
 Hương khói nghìn năm chằm Dạ-trạch,  
 Tự-nhiên châu đó lệ còn rơi!

### Mị-nường (1)

Tủi thân bạc-mệnh trách ông thương,  
 Mà lại càng cảm nôi Thục-vương!  
 Vương-bá thiếu chi là nghĩa cả,  
 Hôn-nhân phải mượn đến tình thương...  
 Một đời phút bị mang đôi oán (2),  
 Muôn thừa sau còn để tấm thương.  
 Đáy giếng dầu non thăm-thăm cách,  
 Rửa oan khôn rảy nước cảnh đương!

### Thục An-dương-vương

Thông-gia tình không trọn,

Oan gia thù mới gây.

Cuộc cờ được nước thắng,

Thành Ốc vững-vàng xây.

Móng rùa ai tuốt đó,  
 Lông ngỗng ai rắc đây?  
 Trước thế bây giờ thế,  
 Đạo trời khéo vắn xoay.

### Trọng-Thủy, và Mị-Châu

Cha con tình vẫn trọng,  
 Chàng thiếp nghĩa nên thương.  
 Móng rùa ai vắn máy?

Lông ngỗng ai rắc đường?

Cửa Đại-an,

Gương đoạn-trường!

Nỉ-non câu phát-nguyện,

Phó mặc trời chủ-trương!

Hỡi Trọng-Thủy!

Bố vợ như bố đẻ,

Lợi-quyền chẳng ai từ,

Luân-lý cũng phải nể!

Òi Mị-Châu!

Hiếu có kém tình đâu,

Chồng đã vậy, còn bố!

Cạn lòng không nghĩ sâu!

### Lý Ông-Trọng

Vũ giỏi văn hay vị lỗi thì,  
 Lỗi thì nên phải bước ra đi.  
 Non sông đất nước quan-tình lẫm,  
 Đình đám người ta hứng thú chi!  
 Vì chẳng Đốc-buru làm sĩ-nhục,  
 Sao cho Hiệu-úy nổi thanh-uy!  
 Tượng đồng Tần đúc đầu ngày nọ,  
 Không biết còn không để có khi!

### Triệu Vũ-đế

Bình-giang dĩ-bắc một sơn-hà,  
 Nam-Việt từ đây phát-hiện ra.  
 Khéo-léo đã dành con chi-tử,  
 Hờ-hênh cũng bởi cụ thông-gia.  
 Phiến-ngung riêng mở nơi tòa ngự,  
 Âu-lạc còn chi cái nước nhà!  
 Trời đất Nam rầy vua chúa Bắc,  
 Thi thư chắc có dạy dân ta.

ĐUA TINH-CANH

(1) Mị-nường là con gái nhà vua cũng như Công-chúa bây giờ. Nàng Mị-nường này con gái vua Hùng vương thứ 18 mà là vợ Sơn-tinh. Trước vua Thục giặc, vương không gả, vua Thục hàm-hận, dẫn con cháu tất đánh lấy nước Văn-lang. Sau Vương bị cháu vua Thục là Thục-Phán đem quân đánh. Vương nhảy xuống giếng tự tử...

(2) Chỉ sự Thủy-tinh đánh Sơn-tinh và sự ông Thục Phán đánh vua Hùng-vương.

Mười bài đoạn-trường

(Tứ-diệu)

ĐỀ-TỬ

(Điệu Lâm-giang-tiên)

Hờng-nhan là kiếp hoa đào rụng,  
Cát lăm bùn lội qua đời.  
Có thơm có đẹp cũng hư-hoài,  
Đông-tây theo ngọn gió,  
Lưu-lạc biết về ai?

知東雖縱悲薄  
是蓉香美來命  
誰西何不泥似  
家落足堪與桃  
。 。 。 。 。 。  
。 。 。 。 。 。  
。 。 。 。 。 。  
。 。 。 。 。 。

I

Tính đa tài

Thương-hại cho tài!

Thương-hại cho tài!

Mảnh tiên còn nỡ gửi cho ai?  
Hợp-hoan biết mấy phen mừng bạn,  
Cái kiếp tương-tư buộc hết đời!

Buộc hết đời!

Thương hại cho tài!

II

Liên bạc mệnh

Phận bạc như vôi!

Phận bạc như vôi!

Năm canh chiếc gối bạn cùng ai?  
Nhà vàng lũng những thềm cho phận,  
Mong nếm mùi hay cũng chẳng trời!

Cũng chẳng trời!

Phận bạc như vôi!

III

Bi kỹ-lộ

Thôi đi lạc rồi!

Thôi đi lạc rồi!

Ruột dê quanh quéo biết đường trời,  
Bụng người nghĩ lạc đường đi lạc!  
Sai một li thành một dặm sai,

Một dặm sai!

Thôi đi lạc rồi!

IV

Úc cố nhân

Bạn cũ kia ai?

Bạn cũ kia ai?

Lơ-phơ đã thấy bạc đầu rồi.

Đường mây nào đã hay hơn bạn,

Lại gặp ngay người nóa áo tôi,

Nón áo tôi!

Bạn cũ kia ai?

V

Niệm nô kiều

Chị hồng-nhan ơi!

Chị hồng-nhan ơi!

Soi gương lưỡng đã thấy mình rồi.

Mình trông còn động lòng thương tiếc

Ghét phần ghen hồng chẳng trách ai,

Chẳng trách ai!

Chị hồng-nhan ơi!

VI

Ai thanh xuân

Xuân cũng một đời!

Xuân cũng một đời!

Thiếu-quang ngắn bóng giống duyên ai

Phong-cảnh thượng-lâm đương tốt đẹp

Mượn chiều mưa gió tắm hoa chơi,

Tắm hoa chơi!

Xuân cũng một đời!

VII

Ta kiên-ngộ

Nào đã gặp ai?

Nào đã gặp ai?

Đang mừng giấc mộng tỉnh ngay rồi.

Thà thềm phú quý thềm cho bô,

Cửa thăm lầu son chứa bén mùi!

Chứa bén mùi!

Nào đã gặp ai?

VIII

Khở linh-lạc

Vất vả nhiều rồi!

Vất vả nhiều rồi!

Bơ-vơ còn biết bám vào ai !  
Cành hoa đã rụng bay xuôi ngược,  
Đàn nhạn chia tan phải lạc vời !

Phải lạc vời !  
Vất-vả nhiều rồi !

## IX

**Mộng cổ-viên**  
Giấc mộng lạ đời !  
Giấc mộng lạ đời !

Về nhà bỡ ngỡ biết nhìn ai ?  
Vườn xưa cảnh cũ không quen thuộc,  
Mây bạc hoa thơm chẳng nói cười,  
Chẳng nói cười !  
Giấc mộng lạ đời !

## X

**Khóc tương-tư**  
Ai thương nhớ ai ?  
Ai thương nhớ ai ?

Khóc thầm nước-nở chảy ra hơi,  
Ngậm tình nghĩ đến nguồn cơn trước,  
Bấm bụng khôn cầm hạt lệ rơi !  
Hạt lệ rơi !

Ai thương nhớ ai ?

ĐÔNG-TÒ

(Mai-khê thi-xà)

**Mừng đám cưới**

## I

Tài-hạnh thông-minh bậc thế-gia,  
Đề-hồng mừng cậu tiều-dãng-khoa.  
Hùng-bi giấc mộng xen điều tốt,  
Một mạch thư-hương nổi nghiệp nhà.

## II

Sân băng tơ-tuyết chiếu dôi gương.  
Trông xuống dâu con xứng phượng-  
hoàng.  
Lan-quế một nhà gồm phúc-lộc,  
Phong-lưu chuông trống chốn cầm-  
đường.

## III

Di hạm phong-lưu chúc tuổi tiên,  
Bảy-mươi mừng thấy cháu dâu hiền.

Câu thơ lân-chỉ trời riêng phúc,  
Cháu-chất trên thềm hiển thọ-nguyên.

## IV

Á-Âu đương gặp hội văn-minh,  
Vùng-vẫy tài-hoa lúc tuổi xanh.  
Tri kỷ khuyên nhau cùng gắng chí,  
Đường mây mau mắn bước công-danh.  
MAI-KHÊ

**Lời Chung-công**

Và gió tai bay sự bất-cờ,  
Thương tình già cũng liệu giùm cho.  
Hãy về gắng chạy ba trăm lạng,  
Rồi sẽ toan dùng một chước lo.  
Lót dấy luồn dây nhờ miệng lão,  
Đền ơn báo-hiếu thỏa lòng cô.  
Trẻ thơ chưa rõ nghề quan-lại,  
Phàm sự thờ đầu chẳng phải đồ !

BÙI TẾ MI

**Buôn trông cảnh bề**

Tiếng gió ào-ào tiếng sóng reo.  
Nào người chi mấy cảnh đìu-hiu !  
Tan tan hợp-hợp làn mây nổi,  
Xuống xuống lên lên ngọn nước triều.  
Tuyệt một màu xanh trời tựa thấp,  
Ầm muôn lớp bạc bề như kêu.  
Đường kia nổi nọ đương vơ-vẩn,  
Thấp-thoảng thuyền ai một mái chèo !

**Đêm hè không ngủ**

Tức chẳng nằm yên muốn chạy cuồng.  
Đêm khuya người đã vắng teo đường.  
Sáo diều kêu rộn trên tầng biếc,  
Đàn muôi khua ran dưới gậm giường.  
Khi nóng mong theo luồng gió mát,  
Lòng son đem giải bóng trăng suông.  
Nào ai tri-kỷ mà trò-chuyện,  
Ánh-ôi bờ ao tiếng ếch trong !

NGUYỄN VĂN AN

**Ông lang thuộc tự-thuật**

Ta nghĩ như ta cũng sướng đời,  
Ngồi buồn tính quản tính quanh chơi.

Làm quan hiềm nổi thi không dô,  
 Dạy học e văn dốt có chuỗi.  
 Mần thợ vì lười nên chẳng thiết,  
 Đi buôn ít vốn lại dành thôi.  
 Nay đời tiêm-nhiêm mê-man bệnh,  
 Bốc thuốc may ra vớ lằm lời!

ĐỒ KHẮC-CHỨC

### Vịnh ông phỗng đá

Sự đời nghĩ đến có buồn không?  
 Phệ bụng ngồi chi mãi thế ông?  
 Mạnh dạn Thủ-dương còn muốn nói,  
 Nữa mình tai mắt với non sông!

### Vịnh cái máng

Ngửa bụng trông lên dải tỏ lòng,  
 Vì nhà vì nước biết ta không?  
 Mưa mình chịu ướt cho người ráo,  
 Hai mái sao cho chảy một dòng.

### Vịnh thăng cuội

Cung trăng mình tỏ với cây đa,  
 Trông xuống đời hay chuộng thói ngoa.  
 Nói thật mất lòng nào kẻ biết,  
 Nghìn thu để tiếng lại cho ta!

CHU THỌ-VỰC

## Ca-khúc

### Ngắm hoa sen

(Lối Sở-từ)

Đứng xa xa hễ, ta mỗi mắt trông,  
 Nước long-lanh hễ, hồ rộng mênh mông.  
 Giữa đám lá xanh hễ, nở một bông,  
 Rực-rỡ thay hễ, vẻ tía hồng!  
 Ngào-ngạt hễ, hương xông,  
 Mím miệng hễ, cười với thanh-phong.  
 Yêu hoa hễ, ta những mẩn-mê lòng;  
 Hiềm không tiện lối hễ, bực với Hóa  
 [công.  
 Đóa sen kia hễ, biết đến ta không?

Thơ rằng :

*Người cũng xinh, mà hoa cũng xinh !  
 Đồi bên cũng một giống đa-tình.  
 Thuyền dâu chẳng lại đưa nhau tới,  
 Luống để cho ai những bực mình !*

### Khúc tương tư

Sông Tương như chẳng có bờ !  
 Đều thuyền ai luống bơ-vơ giữa dòng,  
 Đồi phen sóng gió hải-hùng,  
 Thương ai buồn lái ra công đêm ngày.  
 Bốn phương che-chở một tay,  
 Ai ơi ! có thấu lòng này cho ai ?  
 Những là thở vắn than dài,  
 U-tình biết tỏ cùng ai bây giờ ?  
 Trách ai ! sao nữ thờ-ơ ?  
 Đều ai tháng đợi năm chờ bến Tương.  
 Tơ sầu ai vấn ai vương ?  
 Ai tri-âm đó có thương ai cùng ?

Thơ rằng :

*Ngọn nước sông Tương chảy lụt trời,  
 Thương ai ngại-ngóng chiếc thuyền bơi.  
 Khen thay ! đã vừng tay buồn lái,  
 Có lẽ rồi ra cũng tới nơi !*

NGUYỄN THẾ-NỨC

### Câu đối

#### Báo Nam Phong viếng cụ

Thân Trọng Huề

— Đường-dương đấng anh-hào,  
 mấy ngàn dâu xanh, lối cũ đi về vì việc  
 nước ;

— Bời-bời lòng cố-quốc, một cung  
 gió thảm, cỏ thơm lần giờ khóc người  
 xưa.

#### Hội Khai Trí viếng cụ

Thân Trọng Huề

— Đòi được mấy anh-hùng, nó nức  
 gần xa người một hội ;

— Cuộc trải qua dâu bể, than ôi tan-  
 hợp cõi trăm năm.

# THỜI-ĐÀM

## Việc Thế-giới

**Tình-hình nội-chính ngoại-giao ở nước Pháp.** — Các vấn-đề lớn về nội-chính ngoại-giao ở nước Pháp, tuy chưa giải-quyết được ổn-thỏa hết cả, nhưng cái tình-hình chung về cuối tháng 6 xét ra đã khá hơn trước nhiều. Đối với nước Anh thì sự giao-thiệp càng ngày càng thân-thiện. Ngoại-tướng Pháp BRIAND và ngoại-tướng Anh CHAMBERLAIN đã gặp nhau ở hội-đồng hội Vạn-quốc ở Genève, bàn về hiệp-ước bảo-an (*pacte de sécurité*) và chính-sách đối Đức, hai bên đồng-ý nhau, không có lăm điều ngộ-nhận, lăm nỗi phản-trái như trước nữa. Về việc trong nước thì chính-phủ đương khởi-hành một cái chương-trình chỉnh-đốn tài-chính rất to-tát, tuy chưa kết-quả, nhưng xem ra sắp-đặt phải cách, tất có thành-hiệu sau này.

Nói về vấn-đề bảo-an thời nhờ có ngoại-tướng BRIAND khéo thương-thuyết, nước Anh đã chịu ký ước với nước Pháp, nước Bỉ và nước Đức, công-nhận đảm-bảo cho địa-giới ba nước ấy theo như trong hòa-ước Versailles đã định. Như thế thì nước Pháp không phải lo nước Đức có ngày xâm-phạm đến hai châu Á-tân Lô-liên nữa, nếu Đức tỏ ý xâm-phạm thì Anh sẽ về bè với Pháp mà chống lại; nhưng còn về mặt Đông, nghĩa là mặt nước Đức giáp-giới với Ba-lan (*Pologne*), thì Anh không chịu đảm-nhận gì cả, thành ra mặt ấy cũng có ý lo. Lo là thế này: nước Ba-lan thành-lập là phần nhiều nhờ khôi-phục lại đất cũ của Đức; Đức nay bị thua thì phải chịu, nhưng vẫn không cam-tâm, chỉ chực có ngày đánh Ba-lan mà lấy lại. Ba-lan cũng sợ thế, nên

mới kết-ước đồng-minh với Pháp, để cây Pháp lâm-thời giúp cho. Vậy thời nếu Đức xâm-phạm địa-giới Ba-lan, tất Pháp phải đem quân sang cứu, Pháp đem quân sang cứu thì Pháp phải lấn sang bờ cõi Đức ở mặt Tây. Pháp muốn cho Anh công-nhận cho cái quyền đó, nhưng Anh không chịu. Thành ra về mặt Ba-lan, Pháp cũng lấy làm khó xử: muốn làm hết bổn-phận đồng-minh thì lâm-thời phải sang cứu Ba-lan, muốn sang cứu Ba-lan thì phải đem quân tràn qua nước Đức, đem quân tràn qua nước Đức tức là xâm-phạm đến địa-giới Đức, thế là trái với hiệp-ước đã ký với nước Anh. Ấy việc có liên-đái-quan-hệ như thế. Nay vì Ba-lan bị xâm-phạm, Pháp không thể bỏ nghĩa đồng-minh mà không cứu, nhưng cứ tình-thế như thế thì có thể cứu về đường quân-sự một cách có công-hiệu được không? Ba-lan cũng lo như thế, nên gần đây ở nước ấy mới nhóm lên cái dư-luận muốn kết-liên với Nga để phòng-bị mặt Đức. Như thế thì việc tất thành ra to, và chắc không phải là nước Anh sở-nguyện như thế. Anh sợ nhất là Nga đem cái chủ-nghĩa cộng-sản mà truyền sang các thuộc-địa mình. Nếu nay thiên-hạ không những không đề-chế Nga mà lại có nước kết-liên với Nga thì chẳng sợ cái thế-lực Nga mỗi ngày một bành-trướng ra ư? — Song đó còn là chuyện tương-lai. Hiện nay, nói riêng về phương-diện Pháp Anh thì hai nước từ khi chiến-tranh vẫn không được đặc-tình nhau lắm, bây giờ đã có ý thân-thiện, cũng là một điều hay cho cuộc hòa-bình Âu-châu.

Nói về nội-chính thì tình-hình nội-các PAINLEVÉ vẫn thấy vững-vàng lắm. Tuy nay ở nghị-viện không được đảng xã-hội phụ-trợ nữa, nhưng lại được các đảng phản-đối trước có ý tán-thành, thành ra vẫn được đại-đa-số ở nghị-viện tin-dụng. Được như thế là nhờ ở cái chính-sách ngoại-giao khôn khéo của ông BRIAND, cái chính-sách quả-quyết đối với việc Maroc của ông thủ-tướng PAINLEVÉ, cái chính-sách chỉnh-dốn tài-chính cần-thận và chắc-chắn của ông Tài-chính tổng-trưởng CAILLAUX, ba người ấy là trọng-yếu-nhân-vật trong Nội-các.

**Tình-trạng Nhật-bản về đường xã-hội tinh-thần (1).** — Sau cái nạn động đất năm 1923, nghiệm ra ở Đông-kinh là nơi thủ-đo về chính-trị và nơi trung-tâm về tinh-thần của Đế-quốc Nhật-bản, về đường trí-thức, đường xã-hội có ý suy-kém. Trông thấy những cái thảm-trạng ở quanh mình mà thần-kinh khích-dộng, người Nhật không nghĩ đến sự tu-tướng, sự làm ăn nữa, mà để cho tinh-thần chìm-đắm vào trong cái tình-cảm mơ-màng, vào trong sự mê-hoặc phảng-phất. Nhân cái tình-trạng đó mà sinh ra một lối văn-chương đa-cảm, bày ra những trò bi-thảm giả-dối nực cười, kể cái giá-trị cũng làm-thường. Lối văn này muốn lợi-dụng sự kinh-hoàng khủng-hoảng trong lòng người, chẳng bao lâu làm cho người ta phải yếm-ú. Bấy giờ có nhiều sách xuất-bản khuyến khích người ta phải nỗ-lực. Dần dần bọn trí-thức lại thấy ham-mến sự sinh-hoạt. Cái tu-tướng muốn giúp công gây dựng ra một xã-hội mới, hình như một cái thuốc bổ mạnh cho người ta. Nhất là kẻ thanh-niên Nhật-bản lại có cái bụng hăm-hở, muốn cải-cách, muốn canh-tân, muốn như dõ

cái nền cũ đi mà xây cái nhà mới. Cái tu-tướng « cải-tạo » đó đã xướng ra từ mấy năm trước, nhưng trước còn là một lý-thuyết, nay đối với cái cảnh tro tàn đổ nát trong kinh-dô thời hiện-nhiên thành một cái hiện-tượng cần-cấp.

Đại-khái có hai phái cải-tạo, có phái thuộc về chủ-nghĩa « xã-hội » (*socialisme*) và chủ-nghĩa « nghiệp-đoàn » (*syndicalisme*), mấy tay lĩnh-tụ là người Thiên-chúa-giáo; có phái thuộc về chủ-nghĩa « Đại-Á-tế-á » (*panasiatisme*), là gồm những bọn muốn bảo-tồn nước Nhật-bản cũ, phản-đối cái văn-hóa Tây, cho văn-hóa này là ở cả dưới quyền giống Anh-Mĩ chi-phối, có ý thân-thiện với bọn lao-động ở Trung-hoa và Ấn-độ, cùng đảng Cách-mệnh ở nước Nga. Bọn cộng-sản và bọn tự-do đều có kết-liên với phái này.

Các nhà làm sách chủ-trì cái chủ-nghĩa cải-tạo, có khi cũng khó biện được là thuộc về phái nào. Sách vở xuất-bản nhiều lắm, và sách nào cũng là tự-phụ nghiên-cứu được hết cái vấn-đề; nhà làm sách hay có lối viết « dài giòng văn-tự ».

Mới đây có một tập tạp-chí mới xuất-bản, tên là *Naikwan* (Nội-quan tạp-chí), có đăng một bài của người chủ-nhiệm, ông KAYAHARA KAZAN, đề là « Nhất-tri luận », bài này truyền ra có ảnh hưởng lắm. Đại-khái nói rằng: « Nước Nhật ngày nay không có sự sinh-hoạt nhất-tri, vì rằng những tinh-tình phong-tục cũ của Nhật-bản vẫn còn đồng-sinh cộng-tồn với những hình-thức tu-tướng mới của Thái-Tây. Khác nào cũng ví như cây tùng trông thấy cây hạnh đẹp, muốn lấy những cành, những lá, những quả cây hạnh mà tiếp vào mình. Ấy người Nhật bản bây giờ là thế. Người Nhật muốn đi sang Âu sang Mỹ học trường Đại-học

(1) Lược-dịch một bài của ALBERT MAYBON trong tạp-chí *Mercure de France*.

ngoại-quốc mặc lòng, người Nhật vẫn là người Nhật... Tuy vậy mà cái văn-minh cổ-hữu của nước Nhật nay đã rời-rạc tan-tác cả rồi... Cái nguy - cơ ngày nay vừa thuộc về tinh-thần, vừa thuộc về kinh-tế. Muốn cho thoát khỏi, phải cải-tạo lại xã hội... Bây giờ cần phải có một cái triết-học mới. Tinh-thần người ta như sai-lạc cả, đạo Khổng, đạo Phật, đạo Võ-sĩ, đều đã mất thế-lực hết. Dân-tộc Nhật-bản cùng cả các dân-tộc Đông-phương ngày nay, như người nhắm mắt đi mò trong đêm tối, chưa trông thấy cái ánh sáng ở chỗ nào... Có người tưởng rằng Á-châu không có cái tinh-thần nhất-trí, nói rằng văn-minh Ấn-độ thuộc thần-bí, văn-minh Trung-hoa thuộc văn-chương, văn-minh Nhật-bản thuộc tinh-cảm, không có gì là giống nhau cả. Văn-hóa các nước ấy có lẽ là khác nhau thật, nhưng mà cái tinh-thần của Đông-phương là một, tinh-thần ấy là do ở sự nông-nghiệp-sinh-hoạt mà thành ra. Tinh-thần ấy thiên về mặt bảo-thủ, thuộc về phần tiêu-cực, không phải là tinh-thần vụ-thực, tinh-thần tích-cực. Ở Tây-phương thời người ta chỉ nghĩ đến sự kiếm lời, khiến cho tăng-tiến cách sinh-hoạt, ở Đông-phương thời lại lấy khổ-hạnh làm cao - thượng... Nếu nước Nhật-bản bây giờ muốn cải-cách theo phương-pháp Âu-tây, thời phải thâm-thái lấy cái văn-hóa về kinh-tế để truyền-bá ra mà làm cho nước được nhất-trí; cả đoàn-thể xã-hội phải quay về đường vật-chất-lao-động. Nhưng mà cái công-phu này lớn-lao lắm, vì cái chế-độ chuyên-chế ở Nhật-bản từ xưa đến nay đã làm cho kẻ bình-dân công-chúng không có ý - thức gì về trách-nhiệm mình cả... Ngày nay phải chủ-trương thứ nhất là cái chí sinh-hoạt (*la volonté de vivre*).»

Ấy đó, một nhà làm sách vốn biết cái giá-trị của cổ-diễn như thế mà cả quyết

khuyến đồng-bào nên sinh-hoạt theo cái phong-trào lớn trong vạn-quốc ngày nay. Mà ông KAWAHARA KAZAN lại chính là thuộc về phái Đại-Á-tế-á, vì ông tin ở cái tinh-thần nhất-trí của Á-châu.

Thuộc về vấn-đề Đại-Á-tế-á đó, có ba cái tạp-chí lớn, nghiên-cứu ra ba phương-diện khác : « Ngoại-giao tạp-chí », khuynh-hướng về đảng quan-liêu ; « Trung-ương tạp-chí », khuynh-hướng về phái văn-học mỹ-thuật ; « Cải-tạo tạp-chí », khuynh-hướng về chủ-nghĩa xã-hội.

Đảng xã-hội thuộc về Thiên-chúa-giáo thời hết sức bài-bác cái chủ-nghĩa Đại-Á-tế-á ; chỉ chủ-ý muốn biên-chế những pháp-luật lao-động theo như lời chỉ bảo của Viện Quốc-tế Lao-động ở Genève. Có một đảng lao-động hiện đương tổ-chức, ông B. SUZUKI là hội-trưởng của « Lao-động tổng-liên-hội » chủ-trương ; lại nhân cái luật phổ-thông đầu-phiếu mới rồi mới quyết-nghị, ông T. KAGAWA là một nhà làm tiểu-thuyết lại là một tay truyền-giáo cho đạo Thiên-chúa, làm chủ « Nông-dân liên-hội », sẽ là một tay hoạt-động trong cuộc vận-động chính-trị sau này.

Ông T. KAGAWA hiện đương đi sang Âu-châu. Có mấy hội tôn-giáo ở Mỹ mời ông sang chơi, ông đã dời Nhật-bản mấy tháng nay để đi dự hội-nghị các giáo-hội Mỹ ở Boston. Ý ông muốn dừng lại ở Hawaii diễn-thuyết về vấn-đề cải-lương sự giao-thiệp nước Nhật với nước Mỹ, diễn ở đây rồi ông lại diễn lại ở mấy tỉnh nước Mỹ nữa. Ông hội-trưởng « Nông-dân liên-hội » lại định ở Anh, ở Pháp, ở Đức và ở Thụy-sĩ ít lâu, để nghiên-cứu về sự sinh-hoạt các nông-dân. Khi trở về ông định sẽ qua Ấn-độ hẹn gặp với ông GANDHI, vì ông vốn vẫn theo cái chủ-nghĩa bất-cộng-tác của nhà chi-sĩ Ấn-độ, thường truyền-bá trong

nước ông và lấy làm tôn-chỉ một bộ đại-tiêu-thuyết của ông.

Ở hội-sở « Nông-dân liên-hội », ông KAGAWA đã diễn-thuyết nói rõ cái chủ-ý ông định đi du-lịch ngoại-quốc chuyến này là thế nào. Ông nói nước Nhật ngày nay phải có di-dân mới sống được. Nhưng mà kẻ di-dân ra ngoại-quốc phải biết bỏ phong-tục nước mình mà thích-hợp theo phong-tục nước mình đến ngụ-cư để dần-dần đồng-hóa với người ta mới được. Bao giờ người Mĩ thấy người Nhật có thể đồng-hóa với mình được thì tất không phản-kháng nữa. Nhờ cách đó, có thể di-dân sang nhiều nước khác nữa, là những nước hiện nay không hoan-nghênh người Nhật... Nhưng chẳng hay người Nhật có được cái tinh để uốn như thế không? ...

**Vấn-đề giáo-dục ở Ấn-độ (1) —**  
 Năm 1919, Chính-phủ nước Anh muốn cho người Ấn-độ càng ngày càng được tham-dự vào các bộ-phận hành-chính trong bản-xứ và muốn dần-dần mở-mang các chế-độ dân-chủ để mong gây lấy một cái Chính-phủ có trách-nhiệm ở cõi Ấn-độ thuộc Anh, bèn đệ-trình cho Nghị-viện quyết-nghị một đạo luật gọi là « luật năm 1919 », do ông MONTAGU khởi-xướng ra. Theo cái chủ-ý vừa nói trên, luật đó định cho người Ấn-độ dần-dần được tham-dự vào việc chính-trị trong xứ mình. Ý người Anh là hăng bắt đầu như thế, rồi dần sẽ chuẩn lời yêu-cầu của người Ấn mà đặt ra một cái hiến-pháp dân-chủ. Đó chẳng qua là một sự thí-nghiệm vậy. LORD BIRKENHEAD, tổng-

trưởng Bộ Ấn-độ trong Nội-các Anh, ngày 7 tháng 7 vừa rồi diễn-thuyết ở Thượng nghị-viện, nói rằng sự thí-nghiệm ấy không thể cho là không thành được, vì đã từng đem ra thực-hành đầu. Ngay mới đầu đã bị các đảng quốc-gia Ấn-độ phản-đối. Sự phản-đối ấy đã khiến cho Chính-phủ Anh khó xử, vì một bên thì phải giải-quyết những vấn-đề khó-khăn, một bên thì phải thí-nghiệm mới biết cách giải-quyết thế nào cho thỏa-đáng, mà thí-nghiệm thời lại bị phản-đối. Trong các vấn-đề ấy thì có vấn-đề giáo-dục là bị đảng quốc-gia phản-đối kịch-liệt nhất. Tạp-chí nước Mĩ *The Current History Magazine* tháng 7 mới rồi có đăng hai bài về vấn-đề ấy, chủ-tri hai cái thuyết khác nhau, một bài của ông METTA là người thuộc đảng quốc-gia Ấn-độ, một bài của một viên võ-quan Anh cũ thuộc về đại-đội kỵ-binh Ấn-độ thứ 17, tên là Major FRANCIS YEATS BROWN. — Bài ông METTA nói rằng: « Cái cách dạy học của người Anh đặt ra ở Ấn-độ hơn 70 năm nay, thật là trái ngược với lẽ thiên-nhiên. Cách ấy rất không thích-hợp với sự yếu-cần của người Ấn-độ. Cách ấy không khiến cho các năng-lực của học sinh được tự-do phát-siển, mà lại ngăn-cầm hạn-chế nó lại. Mục-đích không phải là đào-tạo ra người Ấn-độ hoàn-toàn chân-chính, mà là gây ra một hạng người Anh giả. » Cái trách-nhiệm ấy là suy-nguyên lên tự LORD MACAULAY, là nhà đại-sử-học nước Anh, hồi làm quan cố-vấn về bộ Giáo-dục cho quan Toàn-quyền Ấn-độ đã từng tuyên-bố một cách bộc-trực rõ-ràng rằng phạm những văn-học triết-học của Ấn-độ cùng các dân-tộc Đông-phương khác, không có gì là

(1) Dịch trong báo *Courrier d'Haiphong* ngày 16 tháng 9 năm 1925.

đáng nghiên-cứu cả (ông nói thế nhưng tự ông cũng chưa từng nghiên-cứu bao giờ mà biết). Những người kế sau LORD MACAULAY cũng cứ nổi gót theo một cái lý-thuyết sai-lầm như thế mãi, thành ra các kẻ thanh-niên Ấn-độ ở các trường công không hề được học một tí gì về văn-tự lịch-sử của tổ-quốc mình cả. Cách học cũng hệt y như kẻ thanh-niên nước Anh vậy. Nhưng không được sang học tận Âu-châu, nên những lối tư-tưởng, cảm-giác, hành-động của người Âu-châu, không thể biết rõ được. Ông METTA cho cái tình-cảnh những kẻ thanh-niên đó là bi-thảm vô-cùng. Một cách giáo-dục mà kết-quả đến gây cho bọn thanh-niên một nước một cái tư-cách không thích-hợp với hoàn-cảnh nước ấy, thì là một cách giáo-dục hư-hỏng, cần phải cải-cách lại. Vấn-đề này chính là cái vấn-đề đồng-hóa đây, sự đồng-hóa có cái kết quả không hay như thế. — Cách giáo-dục vừa trái lẽ thiên-nhiên, vừa trái lẽ quốc-gia như thế, tất khởi ra phong-trào phản-đối lại. Dân-tộc nào cũng tự tin rằng mình có cái ưu-điểm hơn dân khác. Như Ấn-độ thì tin rằng mình hơn các nước khác về đường tinh-thần. Ông GANDHI cũng khởi-diềm tự cái lý-thuyết đó mà xướng ra cái chủ-nghĩa quốc-gia của ông. Ông nói rằng: « Câu trong thánh-kinh ấn-độ dạy rằng: — Duy có đất Ấn-độ mới là nơi tạo-nghiệp (*karma*), còn các xứ khác trong thiên-hạ là chốn hành-lạc (*bhoga*) hết cả; — câu ấy thường in sâu trong trí tôi, không bao giờ quên được. » Ông cho cách dạy học bọn thanh-niên Ấn-độ ở các trường Anh là hư-hại cho thân-trí bọn đó, nên tự ông cũng dồ-dệ ông đã lập ra hàng trăm cái trường quốc-gia-học-hiệu để luyện-tập cho học-trò biết giá-trị cái văn-hóa của tổ quốc mình. Trường Đại-học *Gujerat* lập năm 1920, hiện nay

có gót 1000 học-sinh, và cái phong-trào quốc-gia bây giờ bành-trướng khắp các ngành văn-học cùng mỹ-thuật. Về hội-họa, về kiến-trúc, các tay thanh-niên mỹ-thuật đương gia-công khôi-phục các lối cổ-diễn trong nước. Cái phong-trào đó, người Anh không thể không chú-ý. — Nay xét đến cái thuyết của người Anh. Trước hết ông BROWN công-nhận rằng về đường giáo-dục Ấn-độ không được tấn-tối bằng về các phương-diện vật-chất khác. Ông nói: « Đất Ấn-độ thuộc Anh có 247 triệu người, mà chỉ có 19 triệu là biết đọc và biết viết. Hiện nay chỉ có 4 phần 100 trong dân-số là có cái sơ-đẳng-giáo-dục. Đó là một cái vấn-đề, vì chính-phủ Anh muốn cho quyền cai-trị của mình ở Ấn-độ có lẽ chánh-đáng, thời cần phải giải-quyết cho xong vậy. » Có kẻ trách phép giáo-dục ngày nay là không thích-hợp với tình-tình người bản-xứ, chỉ chuyên-chủ về đường khoa-học, và không đủ cách thi-hành cho được rộng. Nhưng lỗi đó có phải tại người Anh không? Ai cũng nói rằng cần phải có một bậc sơ-đẳng-giáo-dục cưỡng-bách, nhưng không ai đồng-ý nhau về cái phương-pháp nên thi-hành thế nào. Một đảng thì đảng ông GANDHI công-kích cái văn-minh ma-quái (*civilisation satanique*) của Âu-Tây, cổ-động nên hồi-phục cái cách sinh-hoạt chất-phác của nông-dân, cho là chỉ có cách đó mới làm cho dân được sung-sướng. Kẻ thời lại chủ-trương về đường công-nghệ, yêu-cầu cho contré tập các nghề-nghiệp. Hai phái đó là hai phái cực-đoan, còn một phái đứng giữa, là bọn chính-khách về đảng quốc-gia, tự mình lập trường lấy không được, đòi chính-phủ phải thiết-lập ngay lấy một bậc tiểu-học phổ-thông, cưỡng-bách, dạy bằng tiếng bản-xứ. — Bậc tiểu-học đó thì cần thật, nhưng mà thực-hành được cũng khó-khăn lắm.

Một cái trở-lực thứ nhất là ở cái tình-trạng xã-hội bản-xứ, thật không có một tí gì là cái tinh-cách nhất-tri cả. Ngoài những nơi đô thị đã văn-minh, còn có những khoảng rộng mênh-mông dân-cư hầy còn man-mọi, yên phận ở nơi rừng rú, không thiết gì đến những cái ơn-huệ của văn-hóa Thái-Tây. Hướng lai đã bao nhiêu lần gia-công cưỡng-bách con trẻ các miền ấy cho đi học, không có thành-hiệu gì cả. Lại còn nhiều những man-tộc có tới mấy triệu con người chỉ làm nghề du-thủ du-thực, ăn trộm ăn cướp, đã thành như cái thiên tính, có khi coi như một cái lệ-tục về tôn-giáo nữa. Chỉ trong một cõi *Hindoustan* nghe đâu có đến 5 triệu dân thuộc về cái giống du-đăng đó. Gia-đĩ, xã-hội lại chia ra giai-cấp, con trẻ thuộc về giai-cấp khác nhau, không thể họp lại một nơi mà dạy học được. Xem như thế thì đâu có muốn đặt luật cưỡng-bách giáo-duc, cũng khó lòng mà thi-hành cho khắp được, — Nay xét đến cái phương-pháp dạy, thời trước hết phải giải-quyết vấn-đề chữ sau này : trong các tiếng thổ-âm, dùng tiếng nào làm cơ-quan dạy học ? Tiếng *bengali*, tiếng *hindoustani*, tiếng *urdu*, đều có hàng mấy triệu con trẻ nói. Không thể dùng tiếng nọ mà bỏ tiếng kia được ; tất phải dùng cả ba thứ tiếng đó cùng với vô-số các thứ tiếng khác về Bắc-phương cùng Nam-phương nữa, như thế thời phiền-phức và tốn-phi mất bao nhiêu ! Vì ngoài các nỗi khó-khăn như trên kia, còn một nỗi khó-khăn như sau này nữa : là khoản lý-tài. Ấn-độ là một xứ nghèo. Đất này sản ra những triết-lý cao siêu quá, khiến cho coi mọi sự sinh-tồn hoạt-động của Tây-phương là đê-tiện cả. Bất-luân những triết lý ấy chính-đáng hay không chính-đáng, nước nào ham triết-lý quá thời nước ấy không phú-cường được. Người Anh đến Ấn-độ phải kinh-

lý mọi việc, dựng lên những công-trình to-tát, kinh phí rất nhiều để đặt đường giao thông và đào sông tưới ruộng. Lại phải nuôi một quân-đội 20 vạn người để giữ cuộc trị-an trong nước, nhất là về các nơi biên-thùy phía Bắc có nhiều rợ hiếu-chiến và hay cướp-lược, nếu không có binh-lực mạnh thời ắt tràn sang quấy nhiễu ngay. — Xem như thế thời cái vấn-đề không phải là dung-dị. Theo ý ông *Brown* thời vấn-đề giáo-duc này phải có người đàn-bà Ấn-độ can-thiệp vào mới giải-quyết xong. Ông nói rằng : « Bao giờ người đàn bà Ấn-độ không phải giam cầm trong nhà nữa mà cũng được đi học ở nhà trường, thời bấy giờ về đường phổ-thông giáo-duc dân Ấn-độ sẽ được như lòng sở-nguyện. » — Trong bài diễn-thuyết ở Nghị-viện Anh nói trên kia, *LORD BIRKENHEAD* có tuyên-bổ về tình-hình tài-chính ở Ấn-độ xét ra sau này có cơ tấn-tối lắm. Thế là đã bớt được một cái trở-lực cho sự cải-cách về sau. Lại *LORD READING* là Toàn-quyền Ấn-độ, khi trở về Ấn-độ sẽ tuyên-bổ mấy cái dự-án mới tỏ ra cái tình-ý tốt của Chính-phủ Anh đối với Ấn-độ. Nên mong rằng đảng quốc-gia Ấn-độ cũng nên liệu châm-chước, chứ đừng khăng-khăng yêu-cầu những sự cải-cách cấp-tốc quá, làm lẫn-loạn trật tự trong nước.

**Việc nước Tàu sẽ kết-cục ra làm sao ?** — Đối với thời-cục phân-ván ở nước Tàu bây giờ, chắc ai cũng khởi ra câu hỏi đó. Từ việc người Tàu và người Anh bắn nhau ở tô-giới Sa-diện (*Shameen*) tại Quảng đông, sự xung-đột không những không bớt đi mà lại kịch liệt thêm lên, không biết sau này có khởi đến lưu-huyết nữa không. Người Tàu yêu-cầu mấy điều, muốn

đòi cho được hoàn-toàn cả, xem ý không chịu chằm-chước một chút nào. Những điều yêu-cầu đó, chẳng hay chánh-dáng hay không, nhưng xem ra khăng-khăng không chịu giảm một điều nào, tóm lại đại-khái như sau : bỏ quyền lãnh-sự tài-phần (hay là trị-ngoại pháp quyền = *exterritorialité*) ; trả lại các tô-giới cho nước Tàu để sáp-nhập vào nội-địa Tàu, không thành như những quốc-gia trong quốc-gia nữa ; đòi quan-thuế tự-trị (*autonomie douanière*), nghĩa là công nhận cho nước Tàu được quyền tự-chủ muốn định thuế thương-chính thế nào thì định, không phải ngoại-quốc bó-buộc như bây giờ. Nói tóm lại là người Tàu muốn được hoàn-toàn tự-chủ, không phải nước ngoài hạn-chế. Nhân có một việc bãi-công ở nhà máy sợi Nhật-bản ở Thượng-hải mà khởi lên một cái phong-trào bài-ngoại ; trước là đối chung với cả các người ngoại-quốc, sau đối riêng với người Anh và người Nhật, sau nữa chỉ đối riêng với người Anh mà thôi. Trong nhiều các địa-điểm ở nước Tàu đồng-thời xuất-hiện ra những sự vận-dộng bãi-công và để chế-đồ hàng Anh, lại thỉnh-thoảng sinh ra những chuyện người Anh người Tàu xung-đột nhau, bắn chết nhau. Chủ-trương những sự vận-dộng đó phần nhiều là bọn học-sinh và các đảng tân-tiến ở Tàu, nghe đâu lại có người Nga ngầm giúp nữa ; nước Anh thường đem tàu chiến điểu các cửa bể để thị-uy, nhưng xem chừng cũng không công-hiệu gì. Nhân có người Nga ám-trợ người Tàu như thế, hoặc có nhiều người bài-bác sự vận-dộng của người Tàu là thiên về đường quá-khích. — Nay cái chủ-ý vận-dộng của người Tàu là mưu được hoàn-toàn tự-chủ như trên kia đã nói, thời sự vận-dộng ấy thì hành ra thế nào và có thành-hiệu được gì không ? V. đường kinh-tế thời chắc là sự buôn-bán của người Anh đã bị hại nhiều,

nhất là các nhà buôn ở Hương-cảng, mới rồi có đánh điện về chính-phủ Anh, xin chính-phủ bách đảng quốc-gia Tàu phải thôi vận-dộng để chế đồ hàng Anh và đoạn-tuyệt quan hệ với đảng quá-khích Nga, nếu không thì nước Anh phải đề-binh sang mà trị. Chính-phủ Anh từ trước đến giờ vẫn giữ một cái thái-độ thân-trọng, thấy lòng công-phần của người Tàu đương kịch-liệt, không muốn bạo-động quyết-liệt, chẳng biết có giữ được như thế mãi không, hay là nghe bọn Anh-thương mà đến dùng binh-lực can-thiệp vào. Những điều yêu-cầu của người Tàu, cứ lý mà xét thời cũng chánh-dáng lắm, tưởng không việc gì phải đến lưu-huyết. Nhưng cứ dư-luận trong các báo Tây, thì nước Âu-châu nào xem ra cũng cố ý muốn bảo-toàn lấy những đặc-quyền của mình ở Tàu, không chịu nhượng-bộ chằm-chước. Lại các báo tây bàn luận về việc Tàu đều cho là một cái phong-trào bài-ngoại dã-man, chứ không hề xét đến tận căn-đề mà thương-lương xem những điều yêu-cần của người Tàu chánh-dáng là thế nào. — Hiện nay hai bên đều ác-cảm nhau dữ như thế thì việc có thể liên-kết được ôn-thỏa không ? Thời cục nước Tàu rồi sẽ giải-quyết ra làm sao ? Câu hỏi ấy thật là một câu hỏi gian nan, rất khó giải trong thế-giới bây giờ ; những kẻ sành việc trong thiên-hạ đã-từng nhiều người đề-khởi ra, mà chưa ai trả lời cho được.

**Chính sách nước Pháp đối với Tàu.** — Nay cái chính-sách của nước Pháp đối với việc Tàu thế nào ? Trong báo *Le Journal ở Paris*, ông nghị-viên LÉON ARCHIMBAUD mới rồi có một bài bàn về vấn-đề đó, xin lược-dịch như sau này :

Việc nước Tàu hơi tiêm yên một chút. Không thấy xảy ra nhiều sự bạo-động như trước, nhưng mà không phải

cứ thế mà tự-nhiên yên hẳn đi được đâu. Xét những việc xảy ra ở Thượng-hải mới rồi thì biết rằng trong dân-chúng nước Tàu có một sự bất-bình ngấm-ngấm đã lâu năm mà càng ngày càng mạnh lên. Những việc ấy tức là một bài cảnh-cáo cho các ngoại-quốc cần phải đổi cách xử-tri với nước Tàu. Sự biến ở nước Tàu ngày nay, nguyên-nhân thế nào? — Nguyên-nhân thứ nhất là lòng ác-cảm của người Tàu đối với người ngoại-quốc, lòng ác-cảm này vẫn có đã lâu. Nước Tàu là một nước đương mê ngủ trong giấc mộng nghìn năm, các nước Âu-Tây bỗng dung đến lấy thần-công đại-bác mà đánh thức dậy, cưỡng đẩy vào con đường tiến-bộ. Từ hai-mươi năm nay, nhân có những bọn thanh-niên đi học Âu-Mĩ về, chỉ lăm-lăm muốn khu-trục người ngoại-quốc ra ngoài nước Tàu để dễ lợi-dụng cái học-thức mới mà sửu-linh người đồng-bang mình, thành ra lòng ác-cảm ấy lại càng ngày càng kịch-liệt. — Bọn thanh-niên ấy đã đem những tư-tướng dân-chủ ở ngoài về, lại nhờ có đảng quá-khích nước Nga ám trợ nữa, nên vận-dộng trong nước cũng có ý dễ. Nga khôn khéo, thuận để lại tiền bồi-khoản về việc Quyền-phỉ cho các trường Đại-học Tàu, được lòng bọn học-sinh Tàu nhiều lắm, bọn này muốn trả ơn lại thời rủ nhau hoan-ngheh chủ-nghĩa cộng-sản. — Nước Đức thì không có thế-lực to ở Tàu, nhưng mà Đức cùng với Nga đều thuận bài bỏ quyền lãnh-sự-tài-phán, cũng mua chuộc được nhân-tâm Tàu; khiến cho Tàu so-sánh lại càng thêm ác cảm với các liệt-cường khác. — Trước khi chiến-tranh thời Liệt-eương Âu-Mĩ đều hiểu rằng muốn cho người Tàu nể sợ thì đều phải đồng lòng nhau mà đối-dãi với Tàu. Nhưng từ khi chiến-tranh đến giờ thời cuộc đồng-tâm ấy bị giải-tán, hai nước lớn trong liệt-cường Âu-châu đã thuận nhường trả lại nước Tàu những quyền-lợi quan-trọng. Các

nước khác cũng lấy làm bực mình về sự đó, nhưng không thể sao được, muốn cầu hiệp-lực nhau để đối-phó với Tàu, nhưng cũng lại không xong, vì : Ồi nước Mĩ muốn khuếch-trương thế-lực kinh-tế ở Tàu, cố làm cách cho được lòng Tàu mà gia sức yểm-chế người Nhật, đặt ra hội-nghị Hoa-thịnh-đốn đem nước Nhật ra tố-cáo như một kẻ tội-nhân vậy. Nước Mĩ lại muốn can-thiệp đến việc nội-chính nước Tàu nữa, để cho các giáo-sĩ Hội « Cơ-đốc Thanh-niên » (Y. M. C. A.) hầu như làm cố - vấn cho đốc-quân các tỉnh, thế là trái cái lệ trung-lập của người ngoại-quốc đến ngụ-cư ở một nước nào. Nay xem ra người Mĩ cũng đã hiểu sự lầm của mình, và tuy việc biến xảy ra vừa rồi là đối riêng với Anh Nhật, nhưng Mĩ cũng hiểu rằng chính mình cũng bị nguy vào đấy. — Nay muốn đối phó với Tàu cho đắc-lực thời liệt-cường phải hợp thành đoàn-thể, — trừ nước Nga và nước Đức, — nhưng đoàn-thể ấy không thể giao cho nước Nhật chủ-trương, vì Nhật không đắc-cảm-tinh với Tàu, không thể giao cho Anh, vì Anh có lợi-quyền kinh-tế ở Tàu nhiều, không thể giao cho Mĩ, vì Mĩ hay can-thiệp vào nội-chính Tàu, như thế thì không đủ tư-cách công-bằng mà đứng cái địa-vị minh-chủ được. — Duy có nước Pháp là có thể đương được địa-vị đó : nước Pháp có ít lợi-quyền buôn-bán ở Tàu ; nước Pháp hưởng-lai không can-thiệp gì đến việc nội-chính Tàu ; thiên-ha thường nói Trương Tác-Lâm là người của Nhật, Ngô Bội-Phu là người của Mĩ, nhưng không nghe nói có ai là người của Pháp bao giờ ; người Tàu cũng phải phục cái thái-độ nghiêm-nghị thận-trọng của nước Pháp. Lại các cố đạo Pháp ở Tàu nhiều và ở đã lâu, xưa nay nước Pháp vẫn được coi như là nước đứng đầu bảo-hộ cho người ngoại-quốc ở Tàu, ở các tỉnh nội

địa Tàu, gặp khi có sự biến, người ngoại-quốc vẫn treo cờ tam-tài của Pháp lên nhà ở, thế là khỏi giặc xâm phạm. Lại từ khi chiến-thắng đến giờ, có cái danh-giá khiến cho nước Tàu phải cảm-phục. — Nhưng mà vì thuộc-địa Đông-Pháp và các thuộc-địa ở Thái-bình-dương không có địa-vị to - tát trong cuộc chính-trị nước Pháp, nên các nước Anh Mỹ không chịu công-nhận cho Pháp có quyền-lợi to ở cõi Á-Đông. — Cũng vì muốn phòng-bị việc xảy ra, nên luận-giả đã mấy năm nay

bàn nèn đặt một chức "Thái-bình-dương Cao-đẳng đặc-sứ (*Haut-Commissariat du Pacifique*), vừa thuộc về bộ Ngoại-vụ, vừa thuộc về bộ Thuộc-địa, có quyền giám-dốc cả các công-sứ Pháp ở Á-Đông và toàn-quyền Đông-Pháp trong việc giao-thiệp với các lân-bang. Có đặt ra một cơ-quan như thế thời nước Pháp mới có một chính-sách quả-quyết và duy-nhất ở cõi Á-dông được. Nay cần phải đặt ngay, nếu không thời không khỏi thiệt đến mạng người Pháp kiều-cư ở nước Tàu.

## Việc rong nước

**Tài-chính Đông - Pháp (1)** — Hiện nay có một vấn-đề tài-chính ở Đông-Pháp không? Kể thức-giả biết rằng Đông-Pháp tự hai mươi năm nay, và nhất là trong khoảng mấy năm gần đây, càng ngày càng thấy có vẻ thịnh vượng. Cứ xem số xuất-cảng nhập-cảng đồng-niên thì đủ biết. Theo số-mục trình ở Hội-nghị Thương-chính vừa rồi, thì trong khoảng năm 1909 - 1913, số buôn bán trung-bình mỗi năm là 443 triệu, trong khoảng năm 1914 - 1918 lên 526 triệu, khoảng năm 1919 - 1922 lên 1.900 triệu, đến hai năm cuối đây thời năm 1923 tới 2.250 triệu và năm 1924, 3.200 triệu. (2) — Giao-dịch mỗi ngày một nhiều, tiền của mỗi ngày một tăng như thế, tất có ảnh-hưởng đến tài-chính bản-xứ, khiến cho mỗi ngày một khếch-trương phát-đạt. Như các số dự-toán năm 1900 công không đầy 44 triệu bạc, năm 1914 tăng lên 67 triệu, năm 1919 lên 86 triệu, và số dự-toán thu năm 1925 ước tới 126 triệu bạc, cứ theo thời-giá ra phát-lãng thời thành ra ngót một nghìn rưỡi triệu quan tiền tây. — Tài-chính ấy lại thêm

vững vàng nữa, là đối với số thu-nhập mỗi năm một tăng lên nhiều như thế, số chi về các khoản công-trái vẫn không tăng lên chút nào, và cứ sánh với tổng-số chi-thu thời các khoản nợ thật không có mấy tí. Hiện nay tổng-số nợ mỗi năm à 400 triệu quan, mà khoản dự-toán để chi về việc nợ, thời mỗi năm hơn 700 triệu. Tiền trả lãi mỗi năm ước 24 triệu, nghĩa là bằng 28% số thu-nhập thường. Không có một cường-quốc nào đời nay, không có một nơi đô-thị lớn nào ở Âu-châu, không có một thuộc-địa của nước nào, mà ngay trong thuộc-địa Pháp cũng không có thuộc-địa nào khác được cái số nợ so-sánh với tài-sản trong xứ ít như thế. — Tuy vậy mà nếu xét những lời thảo-luận ở các hội-nghị Đông-Pháp thời thấy rằng số dự-toán chung Đông-Pháp hiện nay đương qua một buổi khó-khăn. Đông-Pháp đương thịnh - vượng, không phải khó-khăn là số thu không phủ với số chi đâu. Nhưng chính là vì thịnh-vượng lắm, nên tự mình đặt ra hay là bị mẫu-quốc bắt chịu

(1) Dịch một bài trong báo *Le temps ở Paris*.

(2) Số trên đây là tính ra quan tiền tây. Nhưng phải biết rằng từ năm 1909 đến giờ giá quan tiền tây hạ kém đi bao nhiêu! (N. P.)

nhiều những khoản chi - tiêu thông-  
 thường cùng đặc-biệt. Theo chỉ-dụ năm  
 1911 là cái tài-chính-hiến-pháp của  
 Đông-Pháp thời sỏ dự-toán chung phải  
 dùng các khoản thâu-nhập để chi các  
 khoản kinh-phí thường về việc hành-  
 chính và các khoản công-trái; đặc-cách  
 thời có thể trợ-cấp cho các xứ khác  
 trong cõi vì tài-sản ít mà không đủ chi-  
 tiêu. Còn thừa bao nhiêu thì để vào  
 kho dự-bị. — Nay những khoản trợ-cấp  
 cho sỏ dự-toán riêng các xứ đó, lý-ưng  
 phải là thuộc về đặc-cách, nhưng cứ-  
 thực thành ra thông lệ, và lại mỗi ngày  
 một tăng thêm mãi lên. Hiện nay phủ  
 Toàn-quyền mỗi năm phải trích trong  
 sỏ dự-toán chung tới 10 triệu bạc (hơn  
 100 triệu quan) để trợ-cấp cho sỏ dự-  
 toán riêng các xứ. Vì rằng ở xứ nào cũng  
 vậy, lương quan-lại, tiền kinh-phí về việc  
 cứu-tế, việc giáo-dục mỗi ngày một nhiều  
 hơn lên, mà tài-sản trong bản-xứ thời  
 không tăng được mấy. Vì rằng tài-sản  
 của sỏ dự-toán các xứ chỉ có các thuế  
 trực tiếp mà thôi, mà ở Đông-Pháp này  
 cũng như ở các nơi khác, thuế trực-tiếp  
 bao giờ cũng không theo được kịp cái  
 trình-độ kinh-tế bằng thuế gián-tiếp. Vậy  
 thời các xứ phải xin trợ-cấp của sỏ dự-  
 toán chung mới đủ bỏ được sự chênh-  
 lệch bên thu với bên chi của mình. —  
 Về một phương-diện khác, thời sỏ dự-  
 toán chung Đông-Pháp lại bị Chính-phủ  
 Mâu-Quốc bắt chịu nhiều khoản quân-  
 phí của Mâu-Quốc ở thuộc địa. Số quân-  
 phí ấy có trong khoảng mấy năm mà  
 tăng từ 12 triệu đến 30 triệu quan. Đông-  
 Pháp lại phải một cái gánh nặng nữa, là  
 tiền lương của quân quan binh lính  
 Pháp đóng ở thuộc địa nguyên tính bằng  
 quan tiền tây, vì giá phát-lãng hạ quá,  
 phải chịu khoản phụ-cấp bằng bạc.  
 Thành ra các khoản cung cấp về  
 quân-phí mà Đông-Pháp phải chịu  
 mỗi năm có tới 10 triệu bạc (ước hơn  
 100 triệu quan), so sánh với số cung-cấp

rất cao của các thuộc-địa khác còn gấp  
 đến hai ba lần. Xem như thế này thì  
 biết rằng Mâu-Quốc về đường tài-chính  
 đả Đông-Pháp không được công bằng,  
 là trong một số dự-toán 1.200 triệu  
 quan. Đông-Pháp phải 30 triệu nhiều  
 hơn cả phần của các thuộc-địa khác,  
 tính cả thuộc-địa Bắc Phi-châu nữa.  
 — Tuy gánh vác nặng-nề như thế mà  
 trong khoảng bảy năm sau đây, mỗi  
 năm Đông-Pháp còn để ra được ước  
 65 triệu bạc để chi các khoản kinh-phí  
 phi-thường, như làm đường, làm cầu,  
 kinh-lý các hải-cảng, dẫn-thủy nhập-  
 điền, v. v., những khoản ấy cứ lẽ ra  
 thì phải mở công thải mà lấy tiền chi  
 mới phải. Mà cái số 65 triệu bạc ấy —  
 tức hơn 700 triệu quan, — là chỉ kể  
 những việc công chính thuộc về sỏ dự-  
 toán chung phải chịu mà thôi. Nếu  
 tính cả các khoản dự-bị về công chính  
 ở các sỏ dự-toán riêng, thì cộng tới 100  
 triệu bạc, tức hơn ngàn triệu quan.  
 Còn có gì chứng rõ về sự tài-chính  
 thịnh-vượng bằng cái số đó nữa? —  
 Song đó là một sự khéo sắp đặt mà  
 ngẫu-nhiên được như thế mà thôi, chứ  
 không thể mãi mãi thế được. Nhất-thời  
 được thế là nhờ được những khoản  
 tiền dự-bị trong khi chiến-tranh, nhờ  
 được khi chiến-tranh phải đình-chỉ các  
 việc công-chính lớn và có lệnh giấy bạc  
 cưỡng-hành. Những tiền dự-bị ấy nay  
 dùng đã hết, bây giờ mỗi năm chỉ có  
 thể để ra làm các việc công-chính cần-  
 dùng cho sự mở-mang kinh-tế trong  
 bản-xứ chừng 3, 4 triệu bạc mà thôi,  
 mà muốn cho đủ thì phải đến 15 triệu  
 mỗi năm mới được. Tiền ấy, sau này  
 lấy ở đâu? Đông-Pháp mỗi năm trực-  
 tiếp gián-tiếp cung-cấp cho Mâu-Quốc  
 về các khoản quân-phí kể cũng nặng-  
 nề lắm thật, nhưng đương lúc Đại-Pháp  
 qua buổi khó-khẩn như bây giờ, Đông-  
 Pháp là nơi thuộc-địa lớn, không lẽ  
 không tận-tâm giúp. Chỉ xin một điều

là số tiền cung-cấp đó định trước cho một khoảng mấy năm là bao nhiêu đó, cho biết trước mà dự-toán, khỏi phải mỗi năm tăng lên bất-kỳ, làm cho thu xếp khó. Lại những tiền của số dự-toán chung trợ-cấp cho các dự-toán riêng cũng không thể nhất-dân bỏ đi được. Muốn bỏ đi thì phải sửa đổi lại cái tài-chính-hiến-pháp của bản-xứ, lại phải qua một buổi giao-thời cũng lâu năm. Muốn tăng cái số thu nhập hằng năm thời định từ nay tiết-kiệm sự chi-tiêu, cũng đành được mỗi năm 1 triệu hay 2 triệu bạc; lại tuân-tự tăng-gia các tài-sản bình-thường cũng được mỗi năm thêm một triệu nữa. Lại những khoản kinh-phí về các công-trình mới chuyên đem ở số dự-toán thường sang số dự-toán đặc-biệt về công-thải, mỗi năm chừng 3 hay 5 triệu bạc, như thế thì các khoản thu nhập thường mỗi năm sẽ dôi ra được chừng 8 triệu, tiền ấy để làm tiền đảm-bảo cho các cuộc công-thải sau này. — Ấy cái vấn-dề tài-chính ở Đông-Pháp đại-khai như thế. Tài-chính Đông-Pháp vẫn là vững-vàng, không có nghi-ngại gì. Các khoản thường-phí có thể trang-trải được hết; các khoản trợ-cấp cho các xứ cũng vẫn chịu được, các khoản quân-phí cùng ngoại-giao-phí của Mâu-quốc ở Á-Đông cũng vẫn có thể gánh vác được một phần to. Không những thế mà thôi, lại có tiền dư-dật để đảm-bảo những cuộc công-thải sau này cần để mở-mang cho nền kinh-tế bản-xứ. Bây giờ chỉ có một điều, là xin chính-phủ mâu-quốc cho phép mở công-thải, hoặc mở làm một lần, hoặc mở làm nhiều lần, để lấy tiền hoặc làm nốt những việc công chính đã khởi-hành, hoặc khởi-hành những việc công-chính mới, mà cuộc công-thải xin để cho thuộc-địa tự đảm-bảo lấy, Mâu-quốc không cần phải can-thiệp. Cái tiền-dò kinh-tế của Đông-Pháp là quan-hệ ở đó. Đông-Pháp là thuộc-địa lớn

của Đại-Pháp, Đại-Pháp cũng nên có lòng tin biệt-đãi mà cho phép được tự-do hành-động như thế.

**Quan Toàn-quyền Varenne.** — Kỳ trước đã nói Chính-phủ Đại-Pháp mới cử ông ALFXANDRE VARENNE làm Toàn-quyền Đông-Pháp thay ông MARTIAL MERLIN về hưu-trí. Ông VARENNE là nghị-viên quận Puy de Dôme, hiện sung chức phó nghị-trưởng Hạ-Nghị-viện.

Ông sinh ngày mồng 3 tháng 10 năm 1870 ở Clermont Ferrand, năm nay vừa 55 tuổi. Ông đỗ luật-khoa tiến-sĩ, có chân trạng-sư tòa Phúc-thầm Paris. Nhưng ông vốn thuộc đảng xã-hội, là một tay đảng-viên thành-thực và hoạt bát, sớm đã xoay về nghề làm báo, viết bài trong các báo có tiếng là những cơ-quan tân-tiến, như La Volonté, La Lanterne, L'Humanité, La Politique (báo sau này chính ông đứng chủ-trương trong hội chiến-tranh vừa rồi). Ông lại sáng-lập riêng một cái báo trong quận ông, gọi là báo La Montagne.

Ông vào Nghị-viện từ năm 1896, vẫn được tái-bầu luôn cho đến giờ, trừ có một khóa từ 1910 đến 1914. Ở Nghị-viện đã từng mấy lần làm ủy-viên xét số dự-toán thuộc-địa Algérie, số dự-toán về hỏa-xa và bưu-chính; lại có chân hội-ủy-viên về phổ-thông-đầu-phiếu, từ năm 1916 đến 1919, cùng với hai ông JAURÈS và CHARLES BENOIST hết sức cổ-động sự « quân-binh đại-biểu » (représentation proportionnelle). Năm 1921, ông đã suýt nhập Các, lĩnh bộ Học. Khi ông PAINLEVÉ nhận thay ông HERRIOT làm Thủ-tướng, đã có người bàn muốn bầu ông VARENNE làm nghị-trưởng, nhưng ông nhường ông HERRIOT, tự nhận làm đệ-nhất phó-nghị-trưởng.

Ấy đại-khái cái lý-lich của quan Toàn-quyền mới như thế. Một người ba-mươi năm châu-tuần trong vòng chính-trị, lại thuộc về một đảng tư-tướng rất rộng-rãi, chắc là linh chức Toàn-quyền sẽ chú-ý làm việc ích-lợi cho dân.

Đảng xã-hội là đảng chủ sự lợi-ích chung cho cả xã-hội, không phải một giai-cấp nào, nên xưa nay vẫn phân-đối bọn có của có quyền, mà ân-cần đến kẻ lao-động làm ăn. Lại phân-đối sự đi lấy thuộc-địa nữa, cho là một sự không công-bằng, chỉ lợi cho một bọn tư bản, bọn quan-lại mà thôi. Bởi thế nên từ xưa đến nay đảng này không từng tham-dự cầm quyền bao giờ, mấy lần mời cử người vào Nội-các đều từ chối cả, định rằng bao giờ được đa-số ở Nghị-viện có toàn-quyền trong tay, bấy giờ mới ra hành-sự để thi-hành chủ-nghĩa. Duy trong đảng có một số ít người, như bọn ông VARENNE, PAUL BONCOUR, ARTHUR ROZIER, LEVASSEUR, thời không đồng-ý với phần đa-số, muốn rằng hề có dịp ra cầm quyền thời cũng nên ra mà chịu trách-nhiệm, không nên giữ cái thái-độ phân-đối hoài. Phần đa-số với phần thiểu-số vẫn trái ý nhau về một điều đó. Nên khi được tin ông VARENNE nhận chức Toàn-quyền Đổng-Pháp thời các đảng-viên đảng xã-hội trong quận Puy de Dôme liền họp hội-đồng xét về việc đó; số nhiều trong hội-đồng định rằng ông VARENNE phải chọn hai đường: một là làm nghị-viên, hai là làm toàn-quyền, làm đảng nọ phải từ đảng kia. Nhưng đó mới là hội-đồng trong quận định như thế; còn đại-hội-đồng cả đảng xã-hội trong nước Pháp cũng họp ngày 15 tháng 8 để xét về việc ông, thời quyết-nghị rằng ông đã không chịu bỏ chức Toàn-quyền thời hội-đồng trực-xuất ông ra ngoài đảng. Thế là từ nay ông không phải là người trong đảng xã-hội nữa. Có nhà báo nọ đến hỏi ý-

kiến ông về việc trực-xuất đó, thời ông nói rằng đã lâu nay ông không đồng-ý với phần nhiều các đảng-hữu, vì trong đảng chỉ cãi-cọ nhau về chuyện lý-thuyết cả, không chăm sự thực-hành, nay có dịp ra giúp nước, ông cũng đành chịu mất lòng anh em ra tay làm việc, không muốn cứ ngồi không mà giữ chủ-nghĩa suông, tuy vậy ông vẫn một lòng trung-thành với chủ-nghĩa bình-sinh.

Quốc-dân ta cũng mong-mỏi như thế, vì biết rằng cái chủ-nghĩa của đảng xã-hội là một chủ-nghĩa rất tự do rộng-rãi, không có bó-buộc kìm-chế ềai. Nay dầu ông VARENNE đã ra ngoài đảng xã-hội rồi, nhưng chắc làm Toàn-quyền cũng không đến nỗi sai chủ-nghĩa cũ. Chỉ sợ sang đến đây gặp những tay giúp việc còn có cái tư-tướng hẹp hòi như trước, bị ngăn-trở không thi-hành được cái chí mình chớng, cũng tức như ông Toàn-quyền LONG năm xưa đã phải phàn-nàn rằng lệnh quan thủ hiến thường bị các to-táo làm sai-lạc đi. Nhưng nghe nói ông VARENNE là người quả-quyết lắm, có lẽ không phải ngại gì về điều đó.

Đến hạ tuần tháng 10 Táy này thì quan Toàn-quyền mới đáp tàu sang đây.

### Tên «Cochinchine» ở đâu mà ra?

— Người Tây gọi xứ Nam-kỳ là Cochinchine. Tên ấy ở đâu mà ra và bắt đầu dùng từ bao giờ? Từ xưa đến nay, chưa ai từng tra-cứu ra đến nơi. Mới đây ông Giáo LÉONARD AUROUSSEAU ở trường Viễn đông Bác-cổ có làm một bài kê-cứu rất tường, in trong sách Biên-lập của trường ấy, xét rõ được nguyên ủy tiếng Cochinchine. Ông nói rằng: « Tên Cochinchine mới thấy biên trong sách lần thứ nhất vào năm 1502, ở một bản địa-đồ Bồ-đào-nha của người thành Gênes tên là ALBERT CONTINO, nhưng biên là Chinacochin... Chinacochin đọc ngược lại thành ra Cochinchine.

china, tức là Cochinchine, vào năm 1502 là chỉ một cái địa-điểm về trung-châu Bắc-kỳ (ở cửa một con sông có lẽ là sông Hồng-hà). Ông AUROUSSEAU xét ra các nhà hàng-hải người Bồ-đào, thường chưa từng biết những xứ đi thám-hiêm, cứ bằng ở các tay thủy-thủ người Ả-rập hay người Hồi-giáo. Năm 1515, trong sách Bồ-đào lại thấy có tên Quachymchyna, xem ra thì là chỉ về đất Trung-kỳ. Một năm sau nữa, lại có sách Bồ-đào gọi tên vịnh Bắc-kỳ là « vịnh Concam-china ». Năm 1523-1524, người Bồ chỉ cả nước Nam đời bấy giờ, và thứ nhất miền trung-châu Bắc-kỳ là Canchymehina. Cho đến năm 1613, thường nước An-Nam là gọi bằng tên đó, duy viết có hơi khác nhau một đôi tí. Đến năm 1618 thời tên ấy mới thấy dùng chỉ riêng về nam-bộ bán-đảo Ấn-độ Chi-na, mà thấy trong sách một ông cổ về Giòng Tên (jésuite), cổ BORRI. Trong sách ấy phân ra phía Bắc gọi là Tunchim (Tonkin), phía nam gọi là Cochinchine. Như thế thời tên Cochinchine dùng theo nghĩa như bây giờ là bắt đầu tự các cổ đạo, mà kể tự sau năm 1615 trở đi. — Hồi bấy giờ, người Bồ-đào đi trong vùng bể Ấn-độ Chi-na thường gặp đi lại vùng ấy nhiều là người Hồi-giáo, người Ả-rập (trước kia là người Ba-tư cho đến thế-kỷ thứ 9, rồi kể đến người Ả-rập cho đến đầu thế-kỷ thứ 16). Đối với bọn đó thời cả miền Á-dông là nước Tàu (Chi-na) hết. Ở Tây-phương sang thời sau Ấn-độ chỉ có Chi-na là lớn nhất. Tên Chi-na đó là gồm hết cả các nước phụ-cận với Tàu. Từ thế-kỷ thứ 13 đến thế-kỷ thứ 16, các tay hàng-hải người Hồi-giáo cho Cin là

gần đất Ấn-độ Chi-na ngày nay cùng miền phần Mã-lai quần-đảo, và Macin (tức là đại Cin) là đất nước Tàu bây giờ. Như vậy thời các xứ Ấn-độ Chi-na ngày nay là thuộc Cin = Chi-na hết cả; mỗi xứ có một tên riêng, nhưng tên nào sau cũng có tiếng Cin để chỉ cái vị-trí chung. Tên nước Nam đời ấy là Giao-chi, tiếng Tàu gọi là Kiao-tche, người Ả-rập đọc tranh đi là Kawai, thêm tiếng Cin vào sau, thành ra Kawei Cin (tức là xứ Kiao tche = Giao chỉ thuộc về Cin = Chi-na). Tên Kawei Cin đó lại qua người Bồ-đào đọc tranh đi nữa thành ra Cochinchine. Ông AUROUSSEAU kết-luận nói rằng: « Tên Cochinchine là nguyên-do tự người Ả-rập chỉ cả nước Nam về cuối thế-kỷ thứ 15 và đầu thế-kỷ thứ 16, qua người Bồ-đào đọc tranh đi là Quachymchyna, mà thành ra. »

#### Giới-thiệu sách mới

1 — Sách mẹo An-Nam. Tiểu-học. Của ông TRẦN KIM ở Long-xuyên soạn. In ở Imprimerie de Qui-nhon (Trung-kỳ). Ba quyển. Mới xuất-bản quyển thứ 1, hơn một trăm trang, có 18 thiên như sau này: Sách mẹo An-Nam. — A-bê An-Nam. — Dấu chữ. — Dấu giọng. — Giọng. — Các phần trong một chữ. — Các loại chữ. — Chữ tên. — Giống. — Số. — Chữ trợ. — Chữ phụ. — Chữ thế. — Chữ cốt. — Chữ bồi. — Chữ chấp. — Chữ lót. — Chữ hô.

2 — Luyện học trò thi Sơ-đẳng yếu-lược. 200 bài tỉnh đồ chia làm 25 loài, có lời giải sẵn. Của Vũ ĐÌNH-LONG và PHẠM TÁ, giáo-học, soạn. Bán tại Tân dân thư-quán, 0 \$ 30 một quyển. Đã xuất-bản lần thứ nhì.

